

Thư Quán Bản Thảo - Tạp chí văn học nghệ thuật
TẬP 67, THÁNG 12 NĂM 2015

Chủ đề: Trong lớp khói màu

MỤC LỤC

Thư Tòa Soạn / 3

Phản Chủ đề:

Nguyễn Lệ Uyên : *Thế hệ nhà văn trẻ: Chiến trường, tiếng chim và hoa (5)*

Vương Thanh: *Giờ hưu chiến (18)*

Thao Trường: *Bên trong lô cốt (39)*

Phan Tấn Uẩn: *Đêm mù mịt địa (51)*

Kinh Dương Vương: *Kẻ đào ngũ (63)*

Phan Lạc Tiếp: *Cánh tay của đất (73)*

Lê van Thiện: *Trong lớp khói màu (83)*

Hoàng Ngọc Hiến: *Cơn say (91)*

Thế vũ: *Bữa tiệc dưới hầm (99)*

Lê Bá Lăng: *Buổi dừng quân (105)*

Ngô đình Khoa: *Người lên mặt trận (112)*

Trần Hoài Thư : *Khung cửa nhỏ (122)*

Cao Xuân Huy : *Tháng Ba Gãy Súng (trích) (126)*

Phản giới thiệu tạp chí Văn Nghệ

TQBT: *Giới thiệu sơ lược (131)*

Trần hoài Thư: *Hành trình của tạp chí văn nghệ*

- *Văn nghệ và những đóng góp (133)*

- *Văn Nghệ và Saigon (135)*

- *Văn Nghệ và thực tại xã hội (138)*

- *Văn Nghệ và khuyết điểm (141)*

- *Thơ Văn Nghệ (144)*

Văn trích:

Dương Nghiễm Mậu: *Đám tang Nhất Linh* (151)

Dương Nghiễm Mậu: *Nhật Ký* (159)

Cung Trầm Tưởng: *ernest hemmingway trong đấu trường và chín hồ trên xa lộ saigon-biên hòa* (168)

Nguyễn Trung: *Khi hồi tưởng* (177)

Lê Huy Oanh: *Nhận định về thơ hậu chiến* (180)

Lý Hoàng Phong: *Đứng trước thực tại* (195)

Tô Thùy Yên: *Người bạn đồng hành* (204)

Yên Chi: *Áo tượng* (213)

Đỗ Quý Toàn: *Mưa tạnh* (232)

Truyện dài:

Lan Chi: *Thôi thua (tiếp theo kỳ trước)* (242)

Trình bày bìa: THT

In tại cơ sở Thư Ấn Quán

Liên lạc

Trần Hoài Thư

719 Coolidge st

Plainfield, NJ 07062 USA

Email: tranhoaithu16@gmail.com

Cell: (908)9308743

THƯ TÒA SOẠN

Số báo 67 phát hành sớm hơn thường lệ một tháng. Lý do TQBT là tạp chí bất định kỳ. Khi có điều kiện là chúng tôi xúc tiến.

Chủ đề số báo kỳ này là “ Trong lớp khói màu ” gồm những bài viết lấy bối cảnh là chiến trường, nơi bom đạn làm át cả tiếng nói của người lính thấp hèn khiến ít ai nghe. Nơi mà khói dùng để đánh dấu chỗ đóng quân, bãi đáp trực thăng hay được dùng để che mắt địch khi cần cứu đồng đội của mình. Nó cũng được dùng để cứu sống kẻ thù hay những người dân ẩn trốn dưới hầm thay vì dùng lựu đạn nổ tiêu diệt họ. Dù là khói, nhưng nó thể hiện tấm lòng nhân bản của người lính miền Nam.

Phần giới thiệu tạp chí dành cho tạp chí Văn Nghệ. Dù hiện diện trên văn đàn được ba năm, với 26 số báo, tuy nhiên nó ít được biết đến hay được nhắc nhở. Và chúng tôi, xin làm kẻ mở lại cánh cửa của lịch sử văn học đóng bụi để giúp bạn đọc thấy được vóc dáng của một tạp chí hiện diện trong một giai đoạn đầy những biến động lớn của lịch sử.

Vì số trang dành cho hai chủ đề chiếm quá nhiều, nên số báo này chúng tôi phải tạm ngưng các mục thường xuyên.

Một lần nữa, chúng tôi xin gửi đến quý bạn lời chúc chân thành của chúng tôi. Chúc quý bạn và gia đình một Mùa Giáng Sinh bình an và một năm mới hạnh phúc và như ý.

Trần Hoài Thư

chủ đề

TRONG LỚP KHỎI MÀU

(để tưởng niệm Phùng Nguyễn 1950-2015)



Phùng Nguyễn qua nét vẽ của Nguyễn Trọng Khôi

(...) Tôi đã nói về đề tài “lính nguy ăn thịt người” một vài lần, nhưng chưa hề thấy đủ. Bởi vì chưa hề đủ! Đã có không ít người, vì những lý do mà họ nghĩ rằng cao cả, chỉ muốn quay lưng lại, tảng lờ, chối bỏ sự hiện diện của những nọc độc văn hóa đang luân lưu trong huyết quản dân tộc với luận điệu quen thuộc “Hãy chôn chặt chương sách sử xấu xa này và cùng hướng về tương lai.” Ừ thì chôn. Nhưng chôn ở đâu? Trong những cuốn sách của những cây bút thế giá đang tiếp tục bày bán đầy dẫy ở các hàng sách hoặc nằm nghiêm trang trong các thư viện trên cả nước, hoặc trong chồng sách giáo khoa được mang ra giảng dạy ở các cấp trung và tiểu học hàng ngày? Hoặc trên hệ thống Internet, nơi những nọc độc văn hóa được nguy trang như là dữ kiện lịch sử sẽ xuất hiện trên màn hình máy vi tính của người đọc chỉ sau vài cú nhấn trên bàn phím?

(Phùng Nguyễn: *Từ ‘Giác Ngủ Mười Năm’ đến Ác mộng Trăm năm*, nguồn Internet tháng 10-2015)

THẾ HỆ NHÀ VĂN TRẺ: CHIẾN TRƯỜNG, TIẾNG CHIM HÓT VÀ HOA

Nguyễn Lệ Uyên

Trên thế giới này, bất kỳ thời đại nào, chiến tranh luôn là tai họa đối với loài người. Kẻ gây chiến luôn gieo rắc tội ác đổ xuống nhân gian, là bọn khốn nạn, vô luân nhất trần gian... cùng vô vàn tính từ ghê tởm gắn cho chúng.

Hai mươi năm nội chiến Nam-Bắc là cuộc chiến vô đạo, phi nhân đến từ một học thuyết xuẩn động và man rợ nhất, gieo rắc bao nỗi kinh hoàng, những cái chết phi lý, không đáng có.

Hàng triệu tấn bom đạn vãi ra, bằng con số ấy nhà cửa ruộng vườn nát tan, và với con số ấy những lương dân đã gục chết thê thảm, cũng chỉ bởi một dúm người không tim, chẳng có óc (!) đến nỗi một người dân bình thường phải thảng thốt kêu lên “*Chiến tranh con mẹ gì mà lâu thế*” (Y Uyên, Mùa xuân qua đèo) hay một người lính tham dự vào cuộc chiến cũng đã phẫn nộ “*Chiến tranh hả? Chiến tranh là cái c... chó gì!*” (Thảo Trường, Cánh đồng đã mất).

Nhưng đâu phải chỉ riêng Thảo Trường và nhân vật của ông mới lớn tiếng thóa mạ chiến tranh bằng cụm từ “tục tũ”, mà gần như tất cả mọi chiến binh trên các chảo lửa chiến trường đều xem chiến tranh như thứ “tai trời ách nước”. Chưa nói đến sứ mệnh cao cả là chiến đấu để bảo vệ nền dân chủ, tự do cho 17 triệu đồng bào miền Nam (thập niên 60), thì hầu như thế hệ thanh niên lúc này không có một sự chọn lựa nào khác. Hoặc nhảy vô bưng với những suy nghĩ lãng mạn hoang tưởng, hoặc tham dự vào đời sống quân ngũ bảo vệ nền cộng hòa, tự do, dân chủ. Đó là lựa chọn duy nhất, mà đa phần đều từ ý thức, số ít là buông xuôi. Để có được tự do, không phải là điều dễ dàng gì, mà cũng không là của cho không. Và, nhân vật của Thảo Trường đã nói thay tiếng nói tận đáy lòng của thế hệ thanh niên thời đó: “*Tao nhìn*

nhận tự do là một cực hình. Tao tự do nhưng tao không biết quyết định ra sao cả. Tao muốn gia nhập vào bất cứ đám đông nào để được xác định là tao có mặt. Nhưng đám đông nào cũng bỏ rơi tao, cũng hất tao ra bên ngoài. Vì thế tao vẫn là kẻ không có chỗ đứng. Nhiều lúc tao phát khóc lên vì cái bất lực của mình. Bơ vơ sống để nhìn đất nước mình lụn bại. Bơ vơ sống để nhìn ngày tháng trôi xuôi. Tao thêm gia nhập như tao thêm sống. Tao thêm có mặt ở khắp nơi... Để được nói một câu rằng "tôi có mặt". Chúng mày có biết không. Thế nên tao nhập ngũ" (Thảo Trường, Bên trong lỗ cốt, Văn Nghệ số 24 tháng 6 & 7 - 63).

Nhắc lại: cái *đám đông* mà Thảo Trường đưa ra và nhắc đến là một ý thức lên đường. Nó không hề là *đám đông* được dựng lên, được hô hào, dựng vẽ những hình nhân để tung hô vào cõi chết vì một ý thức hệ phi đạo đức, phi nhân tính, một thứ triết lý mộng mị lỗi thời, phá vỡ mọi giá trị truyền thống của xã hội chói sáng tính nhân văn từ hàng nghìn năm, mà tổ tiên đã dày công gây dựng!

Tuy nhiên, bản năng con người, đâu được trui rèn qua binh lửa thì vẫn có những giây phút nỗi sợ hãi pháp phù tấy lên, nỗi cô đơn la đà trời đất: *"Tôi thấy tôi cô đơn quá. Biết tôi sẽ ra sao sau khi lát nữa đây tôi buông mình xuống cái vùng tối đen lạnh buốt. Tôi cũng nhớ khi đến không phận vùng hoạt động, kiểm soát lần cuối cùng chiếc dù của tôi xong, tôi đứng nhìn những người sẽ cùng nhảy với tôi, tôi mỉm cười với họ"* (truyện dẫn trên), khác hẳn với những trái tim và cái đầu lạnh của những kẻ điều khiển bên kia.

Nhưng, ngay đến cả nhà văn thiên tả Thế Vũ, trong tình thế không thể lẩn tránh, đôi khi ông vẫn phải tự hỏi rằng tuổi trẻ đang trôi về đâu, về hướng nào một cách bình thản, không chút hần học. Nhân vật tôi thản nhiên chấp nhận "cuộc chơi", và trong cuộc chơi đâm dĩa máu me kia, có "kẻ thù" từng là chỗ quen biết: *"Tôi chợt nhận ra giữa những thứ đó, mình bắt đầu bị giam cầm một cách thật nhẹ nhàng, mình bắt đầu những ngày bị bủa vây, bị đẩy đi quá xa, một nơi mình chưa hề chọn lựa. Hình như, tôi cũng cảm thấy rơi vào một cơn lốc hay một giòng nước xoáy nào đó mà tôi chưa nhìn ra được. Trong những ngày sẽ đến sau đây, cơn lốc nào, giòng nước cuốn nào cuốn cuộn trôi về cuốn phẳng đi*

những người chung quanh, cả tôi, cuốn phăng ra biển khơi tất cả... Có gì lạ đâu, có lần toán kích của mình bắt được một tên đang hò reo mình ra hàng, khi đem về đồn, sau một đêm nhốt ngoài lô cốt, sáng hôm sau chúng tôi nhận ra đó là một khuôn mặt quen thuộc mà nhiều lần mình đã cho lên đồn ngủ nhờ...

Con biết con bắt đầu vào trận rồi đó. Con biết con không dừng lại được nữa. Chiếc xe cọc cách đời con vừa bắt được dốc, con không ngừng dừng lại nổi nữa, con bắt đầu lao đi trong cuộc phiêu lưu này, con bắt đầu làm quen hết tất cả, tất cả... (Thế Vũ, Bữa tiệc dưới hầm, Văn Đề số 24 tháng 7-1969).

Đọc đoạn trích này, hẳn bạn đọc sẽ thấy sự khác biệt trong cách suy nghĩ, giữa một nhà văn miền Nam có khuynh hướng cộng sản với một nhà văn miền Bắc được tôi rèn bên trong bức màn sắt!

Hầu hết các tác phẩm của các nhà văn miền Nam, lẫn lộn nơi chiến trường đều phản ánh trung thực những gì đã và đang xảy ra trước mắt họ và trong ý nghĩ của họ, không né tránh, không che lấp, lên gân đánh bóng. Ở đâu lại có những suy nghĩ, những phát ngôn nửa vơi biểu thị nỗi hoang mang lẫn lộn giữa trách nhiệm và tiêu cực như nhân vật Tiến của Thảo Trường, trong tình cảnh bị địch vây khốn, đang lúc bị thương: “*Thật ý nghĩa và cũng thật vô nghĩa hai tiếng chiến đấu*”. Liệu những chiến binh như Tiến có được xã hội toàn trị chấp nhận trong lúc địch quân vây chặt bốn bề? Vậy thì tại sao các nhà văn miền Nam lại đưa những suy nghĩ của nhân vật vào truyện như một công khai bày tỏ thái độ, bày tỏ sự tự do trong sáng tạo? Nhớ lại hai người lính trẻ của E.M. Remarque trong truyện dài “*Mặt trận miền Tây vẫn yên tĩnh*”, đêm ra bờ sông “*đi đồng*”, họ hỏi nhau: “*Không biết Quốc trưởng có đi ỉa như tụi mình không nhỉ?*”. Thời Quốc xã kinh hoàng là vậy, kỷ luật thép là vậy nhưng có ai ngăn cấm kiểu đặt ra những câu hỏi như trên. Hay như Lê Văn Thiện trong truyện viết về trận đánh ở Snoul đã để cho hai người lính than thở về nỗi cơ cực khi phải chiến đấu ngoài biên giới, và nói đại ý “*muốn tranh giành quyền lực thì lãnh tụ của hai phe tham chiến chọn một gò đất cao và*

hai người đánh nhau phân định thắng thua, chớ sao lại bắt dân lành phải gánh chịu?”

Có tòa án binh, có Sở Phối hợp nghệ thuật, họ sẵn sàng cắt đực, trọng cấm, truy tố... nhưng rõ ràng, những rào cản trên không thể và không hề làm cho nhà văn ngừng bày tỏ những suy nghĩ trong tác phẩm của mình. Đó là sự tự do tuyệt đối. Đó là chất nhân văn trong văn chương miền Nam.

Các nhà phê bình văn học sẽ nghĩ sao, phê phán thế nào khi những người lính đi hành quân lại mang phong thái của những kẻ nhàn du, như một cuộc đi dạo trên những thảm cỏ xanh mượt, vàng ruộm sắc hoa và chim hót trên cao, như thể trên đất nước này chưa hề có tiếng bom đạn gầm rú?:

*Nắng sớm mai long lanh
Xanh lá rừng che chắn
Gió đồng ca loanh quanh
Không chút gì lo lắng*

*Bước giày chột băng khuâng
Tìm thơ hay tìm giặc
Tảng đá chạm mũi chân
Giật mình tim co thắt*

*... loại giấy phép quý này
Được ký bằng đầu đạn
Từ chủ nghĩa bầy nhầy
Nếu may không bỏ mạng
(Luân Hoán)*

Hay như Lâm Hảo Dũng:
*Anh ở miền Nam lạc đến đây
Còn quân phương Bắc ngủ xuôi tay
Chiến tranh như thế trò tiêu khiển
Của lũ con buôn xác chết này
Và cả nhà thơ bác sĩ chiến trường Trang Châu:
Trong cuộc chiến hôm nay
Cho tôi xin chiến đấu không hận thù
Xin những vết thương bình đẳng
Cho tôi đổi một trăm chiến thắng
Lấy một giọt nước mắt kẻ thù
“Lạ. Không thể tin nổi...” Đó là những lời nói chân thật của*

một vài trí thức chân chính đã đọc những câu thơ loại như thế này trong buổi trà dư tửu hậu mạn đàm chuyện văn chương thời chiến, mà kẻ viết bài này ngồi tiếp chuyện cách đây khá lâu ở Pleiku, một thành phố cao nguyên Trung phần. Phải. Trong một xã hội mà nền giáo dục đã bị chính trị hóa toàn diện, được tuyên truyền từ chân lên đầu, họ kinh ngạc khi lần đầu tiếp xúc với văn chương miền Nam thì không có gì khó hiểu, nhất là khi họ nghe toàn văn bản bài *Uống rượu với người lính Bắc phương* của Phan Xuân Sinh:

*Hãy rót cho ta thêm cốc nữa đi
Ngồi với bạn hôm nay làm ta hứng chí
Chuyện ngày mai có chi đáng kể
Đẹp nó đi cho khỏi bận tâm
Thằng lính nào mà không rét lúc ra quân
Khi xung trận mà không té đái
Ta cũng có người yêu nhỏ dại
Mỏi mắt trông chờ song cửa quê nhà ...
Chuyện sống chết căn bệnh trầm kha
Đâu dễ gì thoát vòng sinh mệnh
Những thằng lính thời nay không mang thù hận
Bạn hay thù chẳng một lần ranh
Thôi hãy uống. Mọi chuyện bỏ lại sau
Nếu có thể ta gầy thêm cuộc nhậu
Bày làm chi trò chơi xương máu
Để đôi bên nuôi mầm móng hận thù
Ta chán lắm rồi ba chuyện ruồi bu
Chỉ có bạn, có ta là thua cuộc
Người yêu của bạn ở ngoài phương Bắc
Giờ này đang hối hả tránh bom
Hay thần thờ dỗi mắt vào Nam
Để chờ người yêu mình trở thành liệt sĩ
Rồi cũng sẽ quên, như bao điều suy nghĩ
Tình yêu như một thứ điểm trang?
Che đi chút dối lòng
Uống với bạn đêm nay ta phải uống thật say
Để không phải còn nhìn nhau hận thù ngun ngút
(những ngày đầu xuân 1972)*

Trong truyện ngắn *Kẻ đào ngũ* của Kinh Dương Vương

đăng trên tạp chí Văn số 153 ngày 1-5-1970, mô tả một đơn vị TQLC hành quân giải tỏa Huế hồi tết Mậu Thân, nhân vật Công: "... nghe rõ hơn, như ở gần bên tai anh, nhưng đầu đã chú tâm lắng nghe, anh cũng không thể nhận được tiếng kêu phát ra từ hướng nào. Nó vắng đến lúc to lúc nhỏ. Khi liên tiếp từng hồi, rồi lại ngắt ra từng quãng một. Hình như những âm thanh thăm nã anh nghe được chỉ là những vọng âm đã bị những cơn gió xoay chiều làm tan vỡ. Anh nghe ở khắp mọi nơi. Từ trên trời xuống, từ dưới đất lên, từ bốn phương tám hướng. Nó bay cao trên thượng tầng, nó là là trên mặt đất, thoát ra từ các hố bom sâu, chìm vào trong hơi mưa giá buốt, dật dờ không định hướng, như tiếng than ai oán của các oan hồn trên chiến địa. Giọng thê lương đó như gọi lời réo gọi, van nài khẩn thiết đến cái thế giới vô cảm tàn ác ở chung quanh. Nó cất lên thật cao bằng tất cả nỗi nghẹn ngào rồi đột ngột chùng hẳn xuống trong niềm tuyệt vọng, dần trải ra lây lất, mỏng manh và mệt mỏi đuổi hơi". Và khi Công nhận ra tiếng gào đó chính là một sinh linh bé nhỏ, thay vì cùng đồng đội tấn công, xóa sổ ổ đại liên của địch trên thượng đài theo lệnh, thì Công đã lao về hướng phát ra tiếng gào đó, dưới làn mưa đạn của địch quân: "Đúng vào lúc ấy, tiếng khóc bỗng cất lên, giọng the thé làm Công giật mình. Nó phát ra ngay dưới chân anh. Trong một hẻm núp đào vội vã dưới bộ ván ngựa của một ngôi nhà gạch đã đổ nát, Công tìm ra đứa bé chưa quá tuổi thôi nôi, trong lúc nó đang vục đầu lên ngực, nhai núm vú của một người đàn bà đã chết. Toàn thể mình mẩy nó nhuộm máu đỏ lòm trông khủng khiếp. Máu khô quánh đặc se mở tóc dày của nó thành từng lọn. Dưới ánh đèn soi thấy Công nó không ngạc nhiên. Miệng nó vẫn ngậm vú để phát ra những tiếng ư ư hờn dỗi như một con heo con nhai phải chiếc vú không có sữa. Nó ngược đôi mắt sáng ngời của một con thú nhỏ nhìn Công, tự nhiên và thân thiện. Nhưng khi Công vừa đưa tay ra, nó vội nhả vú mẹ, hốt hoảng bò quanh hẻm, miệng phát ra những tiếng khóc đặc biệt mà Công đã nghe. Nó bò ngang qua tử thi của một người đàn ông và dừng lại bên thi hài của một bà lão. Như tìm được người che chở, nó tự tin quay lại nhìn Công. "Thế là cả một gia đình...", anh nói thắm...".

Và Công đã cứu được đứa bé bằng chính sinh mạng của mình. Cái chết đến với Công nhẹ như một lọn mây trắng xốp và đẹp tựa một cánh chim chao nghiêng trên bầu trời rực nắng, bên dưới là cánh đồng cỏ xanh mượt và hoa vàng và tiếng suối reo: *“Tiếp theo có những tiếng nổ giòn giã. Công thấy mình như một cánh chim đang say sưa nhẹ lướt trong khoảng trời cao rộng bỗng nhiên đôi cánh mỗi liệt. Khoảng không gian dao động và cánh chim lao đảo. Mắt anh hoa lên, chan hòa một màu xanh của nghìn trùng lá non, màu xanh mênh mông của một đại dương lặng sóng lấp lánh nắng mai. Anh chìm xuống, chìm vào trong một màu xanh an lành bát ngát, xôn xao những mắt sáng trẻ thơ reo cười”*.

Người lính VNCH đâu chỉ có đánh giặc, đâu chỉ biết cầm súng chiến đấu? Họ cũng chỉ là những con người bình thường như hàng trăm ngàn chiến binh khác, nhưng ở họ có trái tim, có lòng nhân từ; khác chẳng là khác với những giòng chữ ngập ngụa “máu lạnh” dưới ngòi bút một nhà văn, nhằm kích thích sự hận thù, chém giết một cách bệnh hoạn: *Quân ta ào lên, bắt giết, đâm, giẫm đạp. Một mụ nguy cái, ngực để trần, miệng há ra ú ớ. Niềm căm thù kẻ hạnh phúc hơn mình bốc lên ngàn ngạt trong ngực mình. Mình găm vào ngực mụ cả loạt khiến ngực mụ vỡ toác mà mặt mụ vẫn chưa tắt hy vọng. Giết người lúc ấy sao thấy sướng thế”*. Một đoạn khác: *“chúng quay thẳng Thiết như quay một con lợn rồi róc thịt uống rượu trả thù cho đồng đội”* (Tạ Duy Anh, *Đi tìm nhân vật*).

Nguyên mẫu bệnh lý cuồng sát từ các trang văn của các nhà văn miền Bắc đã được “giáo dục” từ triết lý dựng lên nỗi “căm hờn” *đốt cháy cả dãy Trường Sơn* ở truyện ngắn Giác ngộ mười năm của Trần Lực như một chuẩn mực khi cầm bút: *“Người ta nói dân ở gần mặt trận ai cũng hăng. Có gì lạ đâu. Tây nó ác quá. Chúng bắt được đàn bà con gái, thì 7 tuổi đến 70 nó chẳng từ ai. Năm bảy thằng tranh nhau hiếp. Hiếp không chết, thì nó chặt đầu, móc mắt, mổ bụng, rạch trôn. Có khi chúng bắt con trai hiếp mẹ, cha hiếp con gái, cho chúng nó coi và cười. Không nghe thì chúng giết cả nhà”*. Một đoạn khác: *“Trẻ con thì chúng nó bắt bỏ trong chum, nấu nước sôi giội vào. Hoặc trói 2, 3 em lại một bó,*

quần rơm và giẻ chung quanh, rồi chúng nó tưới dầu xăng đốt.... Tây ác như vậy, cho nên dân ta ai cũng hăng máu lên. Họ nói thà đánh Tây mà chết còn hơn để nó hành hạ mà chết”

(http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=0&cn_id=223316)

Kẻ viết bài này vốn mê sách báo, đã từng ngón không biết bao tiền bạc vào sách, đọc gần như trọn vẹn các tác phẩm văn chương miền Nam, từ Bình Nguyên Lộc, Võ Phiến, đến những nhà văn trẻ thuộc thế hệ chúng tôi và cả những nhà văn “phản kháng, lẫn thân cộng” có mặt trên Hành Trình, Đất Nước, Tự Quyết, Đối Diện... cũng chưa hề có ai đặt bút viết những giòng miêu tả thói tha như những lưỡi dao xoáy ngập vào thân người như dẫn trên (!); ngược lại, cách hành xử ngoài đời thường và trong trang văn vẫn thấm đẫm chất nhân văn, bởi họ là con người, những con người chân chính, phân biệt được cái đẹp cái xấu, không đánh lẫn giữa thiện và ác. Tại sao như vậy, bởi văn học đảng ngoài là loại văn học nguyên khối, một chiều nhằm ca tụng và bảo vệ chế độ, còn đảng trong là muôn hình vạn trạng tự do sáng tạo, không ràng buộc, câu thúc, không uốn cong, khom lưng, nảo trạng đóng băng...

Với Phan Xuân Sinh: *Bày làm chi trò chơi xương máu/ Để đôi bên nuôi mầm mống hận thù*, là những lời thủ thủ tâm tình giữa người lính phương Nam và phương Bắc trong giờ hưu chiến. Nhưng với Trần Hoài Thư, đang trên chiến trường, lúc hành quân, bỗng nghe tiếng hát cất lên bên bờ suối, thay vì nổ súng, tấn công, “diệt gọn” thì ông ngăn người lính, để yên cho cặp đôi bộ đội cất tiếng hát vang và lắng nghe. Thời khắc đó, giữa ta và địch không còn lẫn ranh. Tất cả hòa vào không gian lung linh sắc giọng, đến nỗi *khiến rừng như thế im phăng phắc, lá như thế thôi lay động trên cành*. Đó mới chính là cái đẹp, là tính người. Đó mới chính là tính nhân bản trong văn chương miền Nam, của những người lính miền Nam cầm súng và cầm bút.

“Trung đội thám kích đang sẵn tin về một đơn vị Bắc quân mới xâm nhập vùng Trường sơn, đã không ngờ gặp một cặp bộ đội đang hát bên bờ suối. Quân thù đó nhưng người lính đã không bắn. “Tôi không thể chơi cái trò dã man như vậy.

Tôi muốn người thanh niên kia, ít ra, có một giờ phút vĩnh cửu (...) Tiếng hát như nói lên những điều tâm nín từ những con tim của tuổi trẻ Việt Nam.... Tiếng hát như dậy khỏi mồ, bạt cả gió, khiến rừng như thể im phăng phắc, lá như thể thôi lay động trên cành. Và ít ra, tôi vẫn còn hiểu rằng, mỗi người đều có trái tim. Và trái tim thì lúc nào cũng sống vĩnh cửu" (Trần Hoài Thư, trích từ Ban Mê Thuộc ngày đầu ngày cuối, Thư Ấn Quán xb 1997).

Họ, các nhà văn miền Nam vẫn thường có tiếng chửi thề trong một vài đoạn văn, và nhiều hơn thế trong một tác phẩm văn học, nhưng không phải với giọng điệu thảo khấu, giang hồ mà chỉ để giải tỏa những cơn bức tức, bức bối thông thường: “Ông thầy cho em miếng nước. - Đụ mẹ, tao là lính chứ đâu phải sĩ quan mà kêu tao ông thầy... - Thì đàn anh cho đệ tử một hớp. - Hớp cái con cặc, bộ mày không có bình toong à!” (Cao Xuân Huy, Tháng Ba gãy súng).

Người lính miền Nam đôi khi cũng có những cái trần tráo, ba trợn và cũng có những lúc phải táo tợn (như ta thường nghe trong các chuyện kể dân gian), như thể họ đang ở một thôn làng bình yên nào đó, không hề là nơi chiến trường mịt mờ khói lửa, không hề là những tù binh lúc khốn cùng: “Cứ như vậy cho đến khi nước uống được hai ả du kích cái mang ra. Nhiều người bu lại uống nước, lúc đầu còn uống tử tế, đến thùng thứ ba được mang ra, cũng vẫn nhiều người bu lại, nhưng chỉ một số người uống nước, số khác giả vờ chen lấn giành nước để bóp vú hai ả du kích...”

Khi thùng nước kế tiếp được mang ra, màn bóp vú lại tái diễn, và khi hai nữ đồng chí được đề nghị mang thêm nước lần nữa thì trốn luôn. Không còn nước, không còn đàn bà, mọi người ngồi trở lại trong hàng. Một người lính vừa ngồi xuống bên cạnh quay sang nhìn tôi cười. - Đụ mẹ, bị bắt mà còn được bóp vú Việt cộng, đã quá! (CXH, dẫn trên).

Những hoạt cảnh đời thường ấy được các nhà văn đưa vào truyện, không có ý bôi xấu, cũng chẳng phải vấn đề tình dục hay ấn ức tình dục mà chỉ là một chút bồn chột trong hoàn cảnh không thể dừng, từ một hiện thực sống động trong bối cảnh chiến trường hoặc đã tan vỡ, hoặc đang đối mặt với những điều khủng khiếp sắp xảy ra cho họ và cho các chiến

hữu trong những vòng đai phòng thủ, hay ngoài mặt trận súng đạn gào thét.

Họ chiến đấu, nhưng không thể dừng dừng “đang làm con người, được làm người” như bao con người bình thường khác trên thế gian này chưa mất bản năng gốc.

Trong truyện dài Chạy trốn, Thảo Trường đã lồng vào một đoạn ngắn vô cùng sinh động, như trong một xã hội thu nhỏ ngoài đời, mà ở đây là một doanh trại: “*Một lát sau người vợ hốt hoảng kêu khe khẽ: "Đừng. Anh. Để đến đêm". Người chồng không nói gì. Tôi vẫn ôm vợ tôi nằm yên nhắm mắt. Bên kia tiếng chõng tre kêu răng rắc dồn dập. Tiếng thở dần ông lại càng dồn dập hơn. Tiếng thằng nhỏ ở ngoài gọi vào. "Ba ơi". Người đàn ông quát: "Ở ngoài đó."*

Tôi vẫn nằm yên, vợ tôi mở mắt nằm yên. Tôi nhắm mắt lại, lúc mở ra thì vợ tôi cũng đã nhắm mắt lại. Vợ tôi nằm nguyên một dáng điệu duỗi xoải, đầu gối trên cánh tay. Nó nói nhỏ với tôi nhưng vẫn nhắm mắt: "Đến tối anh nhé!" Tôi không nói gì. Vẫn nhắm mắt. Bên kia tiếng thở dần ông vẫn dồn dập, tiếng chõng tre cũng vẫn răng rắc. Chợt người gác ở trên chóp tháp canh gọi đôi gác. Một người khác ở tầng dưới nói vọng: "Tao lên bây giờ." Người chồng nói vội: "Thong thả đã nhé" nhưng người vợ đã đẩy chồng xuống chõng đánh rầm. Hấn càu nhàu một lát rồi bước tới cầu thang nói lớn: "Rời đó". (Thảo Trường, Chạy trốn).

Người lính không phải gỗ đá, tính cách đời thường vẫn luôn luôn gắn chặt với người lính ngoài chiến trường, mỗi khi có dịp. Rượu và nhà thổ đã vượt ra ngoại phạm vi luân lý, đạo đức phong kiến phương Đông.

Họ hành xử như một con người đúng nghĩa, bởi sống và chết chỉ cách nhau một sợi tóc nhỏ, kéo theo vô khối những hệ lụy với người dân mà dấu hiệu đầu tiên là vẻ mặt “ngơ ngác” mà Hoàng Ngọc Hiến đã kịp nhận ra. Những ấn nhận chịu đựng của người dân luôn là dấu hỏi cho các nhà văn trẻ nơi chiến trường. Lương tâm, trách nhiệm và bổn phận trộn vào thực tế đắng cay luôn làm trái tim họ co thắt, đau đến tận cùng nỗi đau trước các chiến hữu, đồng bào họ, kẻ thù của họ: “*Nước dột đã tràn lên gần hết diện tích sàn hầm, màu nước đỏ ngầu, lều bều rác rưởi, đồ mửa,... ngó phát lợm giọng. Đây là một trường hợp chiến tranh trên quê*

hương nghèo khổ, lắm tàn tích, lắm chủ nghĩa, lắm người ngoại quốc. Hơn lúc nào hết, bây giờ chúng tôi phải chiến đấu anh dũng trong những điều kiện eo hẹp. Đôi khi làm chúng tôi chán nản, vùi đầu vào những cơn say vô vị... Khi chúng tôi tiến vào Sóc Xoài, trời đã xế trưa, và chúng tôi không gặp một lực lượng chống cự nào cả. Dân ở đó gồm một nhóm người Thượng ngơ ngác nhìn chúng tôi, có lẽ họ cũng ngơ ngác như vậy khi nhìn Việt cộng vào sóc đêm qua? Lực soát kỹ, chúng tôi chỉ thấy những dấu vết chứng tỏ địch đã có mặt ở đó, và chúng mới di chuyển đi không lâu” (Hoàng Ngọc Hiến, Cơn say, Khởi Hành số 73, ngày 1.10.1970).

Thực tế cay nghiệt luôn theo đuổi người lính ngoài mặt trận. Mới sáng còn ngồi trách móc nhau, hút thuốc, uống rượu thì đến tối đã biến mất, tan loãng vào cát bụi. Có mặt ở chiến trường, mới cảm hết nỗi đau thất lòng với Lê Bá Lăng trong đoạn văn này: *“Tôi gạt thẳng Nuôi qua một bên, châm cho người đàn ông điếu thuốc, nâng cằm hắn lên, nhìn và bảo: Trong “tăng-xê” thẳng Nam vẫn đốt đèn ngồi cùng bọn thẳng Hải, thẳng Đắc. Trên một tấm ván thông vừa mới dựng, thẳng Nam đã đặt cái cốc bằng nhựa đựng đầy gạo Mỹ, cắm mấy chân hương. Chỗ ngồi của mày đó Nuôi. Chỗ ngồi không bao giờ mày còn thấy, còn nhìn tao, còn say rượu nói tao mới ra trường chưa kinh nghiệm, chưa biết lấy tiền Việt-cộng đem xài”* (Lê Bá Lăng, Buổi dừng quân, Văn số 121, năm 1970)

Cung cách của các chiến hữu đối với nhân vật Nuôi khiến người đọc cảm thấy như những người còn sống bị chặt đứt một cánh tay, bàn chân... vượt lên trên tình ruột thịt máu mủ.

Trong khi đó, ở truyện ngắn Giờ hưu chiến của Vương Thanh viết vào tháng 11 năm 1967, đăng trên Văn Học (bìa rách không tìm ra số ngày tháng phát hành) có đoạn viết về cái chết của hai nữ chiến binh VC trong hầm, qua một bức thư gửi về người yêu của một sĩ quan VNCH: *“Vũ khí vô tội nhưng chúng ta có tội. Đáng ra quê hương này, đồi núi này phải là những đất đai êm ái cho cuộc sống của chúng ta. Từng làng xóm thân yêu, từng ruộng nương nuôi sống chúng ta đã chối bỏ. Trong một cuộc hành quân khác, anh*

khai một hầm trú ẩn và đã gặp ba người thanh niên, hai thiếu nữ với những vũ khí. Tất cả đều còn trẻ, thật trẻ, trên dưới hai mươi tuổi trời. Năm người ấy chung nhau một căn hầm chừng hai thước vuông. Họ đã vĩnh viễn ở lại trong đó, với đất của chính quê hương mình? Một trái phá được đặt giữa những người ngồi, đứng vây quanh. Tất cả họ đã tự sát. Hai thiếu nữ nửa phần dưới thân thể đã bị lột trần truồng, nửa phần trên được che bằng một mảnh yếm vải xanh. Tự nhiên, anh hiểu ngay họ là người đồng bào miền Bắc, có thể cùng làng xã chúng ta, họ hàng chúng ta, biết đâu, hai thể xác ấy không mang một tấm thông hành quê ở Hà Đông hay Phủ Lý. Đọc đến đây chắc em nghĩ ngay đến một cảnh tượng dâm ô nào đó trên phim ảnh, một cuộc hãm hiếp chẳng hạn. Không phải chuyện giản dị như vậy. Hai thiếu nữ, có thể với bản năng sinh tồn nào đó, họ đã muốn sống, đã muốn thoát lên khỏi miệng hầm theo lời dọa nạt và kêu gọi của bọn anh vẫn làm khi tìm ra một căn hầm bí mật. Nhưng ba người thanh niên chắc không muốn thế. Chắc họ muốn tội anh làm tướng gian hầm đã được bỏ hoang và dưới đó chỉ có một chiến công nào đó với tội anh. Họ đã cưỡng bức hai thiếu nữ ở lại với họ để giấu kín sự bí mật. Tính e thẹn của phụ nữ đã được dùng đến, hai mảnh quần đã được lột ra bằng vũ lực để hai thiếu nữ không còn tính chuyện đến trước một đám đông bọn anh mà họ đã từng được tuyên truyền là tàn bạo và dâm ô. Họ đã ở lại với các chiến hữu của họ cho sự bí mật được an toàn”.

Cái chết quá thâm thảm này, lỗi không do bọn họ, cũng không do trời đất, số mệnh... mà từ một chủ thuyết hoang cuồng: cũng chết nhưng bên này thì đặt cái cốc bằng nhựa đựng đầy gạo, cắm mấy chân hương. Còn bên kia là sự khủng khiếp, man rợ không khác gì đám ô-m bom tự sát ngày nay, mà còn hơn thế, bởi ba chiến binh nam đã lột truồng hai cô gái để họ phải xấu hổ ở lại với chúng trong căn hầm, khỏi lộ tung tích (!): Một trái phá được đặt giữa những người ngồi, đứng vây quanh. Tất cả họ đã tự sát. Hai thiếu nữ nửa phần dưới thân thể đã bị lột trần truồng, nửa phần trên được che bằng một mảnh yếm vải xanh.

Có những cái chết ngọt ngào, những cái chết tức tưởi, những cái chết anh hùng và những cái chết cuồng điên...

trong văn chương chỉ đến xã hội. Trách ai?
Để kết thúc bài viết này, xin dẫn một đoạn trong tham luận
Tính “văn học” trong văn học miền Nam của nhà văn Trần
Doãn Nho đọc tại hội thảo Hai mươi năm văn học miền
Nam, tổ chức tại nhật báo Người Việt, Hoa Kỳ ngày
6/12/2014 : “*Văn học miền Nam nói chung, trong quá trình
phát triển của nó, đề cập đến con người như một hiện sinh,
một thân phận chứ không chỉ như một hữu thể chính trị và
cũng không chỉ như một hữu thể đạo đức, hiểu theo nghĩa
cổ điển. Do đó, ngoài những tác phẩm đề cao tình người, đề
cao tình gia đình, một số tác phẩm cũng đề cập đến những
ám ảnh tình dục, những ray rứt về phận người hay những
vấn nạn triết lý về đời người và người đời...*

*Trong những tác phẩm viết về chiến tranh, tác giả không đề
cập đến người lính như những kẻ chỉ biết “nhắm thẳng
quân thù mà bắn”. Ngược lại, hầu hết đều viết về những
gian khổ của người lính và những ray rứt của họ khi phải
cầm súng bắn vào những người cùng máu mủ. Dù chống
Cộng, không có một tác phẩm văn chương nào kêu gào giết
cho đến người Cộng Sản cuối cùng.*

*Có thể nói, không giai đoạn nào mà văn học mang đầy đủ
tính cách “người” như hai mươi năm văn học Miền Nam.
Có khóc, có cười, có đau thương, có thống khổ, có vui
mừng, phấn khởi, có lo âu, dằn vặt, thậm chí có dâm, có
loạn. Một nền văn học thể hiện con người trong tất cả cái
phức tạp của kiếp nhân sinh. Thay vì chỉ đề cập đến cái
thiện, cái đẹp, người ta đề cập đến cả cái ác, cái xấu. Thay
vì dùng văn chương chỉ để “tải đạo”, người ta dùng văn
chương để lột trần những bề trái, những khía cạnh giấu ẩn,
tăm tối, xấu xa của con người.*

(<http://damau.org/archives/34977>)

Nguyễn Lệ Uyên
(tháng 12/2015)

VƯƠNG THANH

Giờ Hưu Chiến

(trích Văn Học- vì mất bìa, nên không thể xác định số mấy)

LTS: Trong truyện ngắn viết vào năm 1967 này có đề cập đến cái chết của hai “bộ đội gái” qua một lá thư gởi cho người yêu của một chàng sĩ quan trẻ của quân đội VNCH. Anh kể lại trong một cuộc hành quân lục soát, đơn vị anh phát hiện ra một cái hầm bí mật với 5 người lính Bắc. Ba nam và hai nữ:

“Hai thiếu nữ, có thể với bản năng sinh tồn nào đó, họ đã muốn sống, đã muốn thoát lên khỏi miệng hầm theo lời dọa nạt và kêu gọi của bọn anh vẫn làm khi tìm ra một căn hầm bí mật. Nhưng ba người thanh niên chắc không muốn thế. Chắc họ muốn tụi anh lầm tưởng gian hầm đã được bỏ hoang và dưới đó chỉ có một chiến công nào đó với tụi anh. Họ đã cưỡng bức hai thiếu nữ ở lại với họ để giấu kín sự bí mật. Tính e thẹn của phụ nữ đã được dùng đến, hai mảnh quần đã được lột ra bằng vũ lực để hai thiếu nữ không còn tính chuyện đến trước một đám đông bọn anh mà họ đã từng được tuyên truyền là tàn bạo và dâm ô. Họ đã ở lại với các chiến hữu của họ.

Trang Thanh yêu dấu,

Một trái khố cay được liệng xuống, rồi hai ba trái khố liên tiếp mù mịt cả miệng hầm.

Thú thật, sau khi đọc đoạn văn này, tôi phải cúi đầu khâm phục cái sáng kiến ưu việt có một không hai của ba chàng bộ đội: lột quần để ngăn không cho hai nữ “đồng chí” bạn mình đầu hàng ! Thiếu gì cách ngăn tại sao lại xử dụng cách lột quần nhỉ ? Rồi sau khi lột quần hai nàng ra, thì cái gì xảy ra tiếp ? Hử ?

Đọc mới thấy lòng nhân bản của người lính miền Nam. Họ có thể ném trái lựu đạn nổ để cả bọn dưới hầm tan xác mà không sợ bị đưa ra tòa án quân sự mặt trận. Nhưng không ! Họ dọa nạt, thị uy, kêu gọi thuyết phục, hay ném lựu đạn khói. Xin lưu ý là lựu đạn khói chứ không phải lựu đạn nổ. Khói chỉ làm mắt cay nhưng không hề nguy hiểm đến tính mạng.

(Bạn có thể tìm thấy kinh nghiệm này trong truyện Khung Cửa

Hữu lái xe một vòng quanh thành phố. Người, xe cộ lố nhố trong một bể bụi. Từng cụm bụi đất đỏ tung lên sau những chiếc xe. Đường xá lở loét như những bàn chân ghe. Những mặt phố trắng nhựa cho các loại xe tải thường đã không chịu nổi các đoàn quân xa hạng nặng của quân đội Hoa Kỳ. Đồ hộp, thuốc lá là màu sắc nổi bật nhất của một thành phố quân đội đồng minh, một thành phố gần với sự chết chóc nhất. Thường quân đội đồng minh tỏ sự giàu sang của mình bằng các vỏ đồ hộp và ruồi bọ. Những ngã đường dẫn vào thành phố được chất đầy những rác, vỏ hộp như những ngọn núi và ruồi bọ sanh sống ở đáy lúc nhúc. Mọi người nháo nhác trên nét mặt, co ro trong chiếc áo của cơn lạnh mùa đông đến chậm. Hữu thấy chán nản. Phố xá như đang có một cơn dịch. Thì ra đâu cũng vậy thôi, chả sung sướng gì. Mình cứ ức là không có dịp về xa xui.

Trang Thanh yêu, tối nay chắc em ngủ yên trong cánh tay của mẹ. Lớn quá rồi mà vẫn còn muốn rúc vào vai mẹ. Tiếng súng, tiếng bom sẽ không còn làm cho em lo sợ cho cái chết bất chợt nào đó, mà bất cứ một người nào có liên hệ đến kẻ đang chiến đấu ngoài mặt trận, thường nghĩ đến. “Anh yêu, cả đêm em không ngủ. Súng nổ nhiều quá, gần quá như ngay trước nhà mình. Em cầu khẩn cho anh cả đêm. Anh biết không, Trang Thanh đánh thức mẹ dậy và lại trước bàn thờ Phật lễ cho anh. Hai mẹ con ngồi nhìn nhau. Có lúc em đã khóc vì nhìn mái tóc của mẹ. Mẹ yếu quá mà anh thì ở xa quá, em con gái làm được gì?” Em yêu, phải cố đỡ cho những giấc ngủ bình thường. Đã mấy chục năm, các phụ nữ của chúng ta đã làm như vậy để cố quên đi một đe dọa bất ngờ nhưng thật tàn khốc.

Hữu ngược xe về phía phi trường. Con đường dẫn ra ngoại ô bốc lên một luồng đất đỏ dài trên không. Còn mười phút nữa người yêu mới về. Mình đậu xe chờ vậy. À, phải giấu cái xe đi và làm cho cô ả thật ngạc nhiên. Thư nào cũng nói nhớ anh mong anh về. Nghĩ vậy, chàng lui xe vào sân một

xưởng thợ mộc. Chàng cười xã giao với người thợ sau khi nói ý định gửi xe.

Chàng đến chỗ người lính gác xin lửa châm điều thuốc. Người lính như một công bộc với quần áo trắng nếp, giày dép bóng lộn, một mẫu lính thành phố, lính các nhà quan không phải thứ lính ngoài chiến tuyến một bộ quần áo mặc cả tuần lễ không thay với bùn lầy và nước mưa đã nhào nặn không biết bao nhiêu lần nhưng không có thời giờ để giặt. Rút mấy hơi thuốc liên tiếp, chàng thấy ấm trong buồng phổi. Thử hai tay trong túi quần, điều thuốc cắn trên môi, chàng thần nhiên ngắm sinh hoạt của thành phố. Trang Thanh ra kia rồi. Vóc dáng ấy yếu điệu quá. Em yêu, em khóc từng đêm là phải. Một sự yếu điệu ẩn hiện sau tà áo như có vẻ rộng ra. Cô ả biết thế nào được “mình sẽ đi phía sau tán cô ả thử.”

Có tiếng guốc nhẹ ở sau lưng, một lát nghe êm. Cổ chàng lạnh buốt vì một bàn tay chạm vào. Hữu sụt cổ và quay lại. Trang Thanh thì thầm:

- Anh mới về hả?

Hữu mỉm cười. Mắt người con gái rạng rỡ, thật đẹp. Phải, anh mới về. Mong mỗi quá phải không em?

- Trang Thanh xinh nhỉ?

Giọng nàng hờn trách:

- Anh ác. Nhìn kiểu đứng của anh em biết ngay. Sao không vào cho em biết. Định hành tội cho em khóc đó phải không? Khóc hết nước mắt rồi chứ bộ.

Hữu vỗ về:

- Anh muốn em ngạc nhiên vậy thôi. Ai lại ác với em. Từ bao nguy nan, anh về được đây chắc em đã hiểu.

- Không cãi với anh nữa, anh ngại biện lăm. Có anh về là được rồi. Em sẽ nhõng nhẽo cho anh biết tay. Lắm lúc mẹ phải gắt em cả ngày chỉ “con lo cho anh ấy quá”. Nghĩ tức mẹ ghê vậy đó. Có bữa mẹ không hưởng ứng khi nghe nói mãi về anh, em hờn mẹ không ăn cơm, làm mẹ lại phải dỗ. Thật tội, mẹ chiều em đủ điều. Anh biết không mẹ bảo em hay hờn mát là tại ăn phải dưa của anh đó. Anh có hay hờn không anh. Mẹ đe hôm nào anh về, mẹ đánh đòn cả hai đứa. Nghe mẹ nói em thấy thích thích anh ạ. Giá giờ cả hai đều

nằm xuống cho mẹ đánh nhĩ. Anh có chịu không?

- Về nhà rồi hãy tâm sự cô. Làm gì mà chơi chơi như con bê đòi bú mẹ thế kia. Ngó kìa, mấy cô bạn em họ đang cười đó. Trang Thanh quay nhìn mấy người bạn. Nàng cười thật tươi, vẫy tay tỏ sự thông cảm.

- Kệ họ. Em phải nói để bù lại những ngày ngâm cóc chứ.

- Được rồi, anh sẽ cố gắng nghe hết. Lần này những bầy ngày lặn, chỉ sợ mấy nói hết chuyện thôi.

Trang Thanh reo như một đứa trẻ, khuôn mặt nàng bừng sáng. Gió làm những lọn tóc nàng bay phất phơ che nửa vầng trán. Minh sẽ không bao giờ làm cho niềm vui ấy được trọn vẹn. Em yêu, có những điều không bao giờ chúng ta muốn nhưng chúng ta vẫn phải chấp nhận.

- Bầy ngày cơ à? Vui nhĩ. Rồi anh sẽ được chim của anh hót cả ngày cho mà nghe, không bao giờ hết chuyện đâu.

- Được rồi. Giờ mời cô về. Cứ làm như còn bé lắm ấy.

Trang Thanh vênh mặt, nhí nhảnh:

- Bộ em lớn lắm hả?

Hữu cười:

- Phải. Cô lớn lắm rồi chứ còn như ngày nào ở trường lê la nghịch đất nữa đâu. Đã đi làm được này, lại sắp sửa lấy chồng nữa. Nếu bé thì làm sao nội trợ nội, nhất là săn sóc cho lính hơi khó đấy.

- Anh chỉ được châm chọc là tài. Em không thèm nói nữa cho anh biết tay. Cứ bắt nạt người ta hoài.

Hai người ra xe. Người con gái phụng phịu một cách đáng yêu, trẻ thơ nhưng cũng thật tình tứ. Xe chạy một quãng, Hữu quay sang bạn hỏi:

- Bé giờ chứng đó hả?

Trang Thanh làm nghiêm. Hai mắt đăm đăm, nhìn thẳng như đang chú ý một việc gì, không nghe tiếng hỏi của chàng. Hữu thấy vui vui đã làm cho người tình giận. Con gái đẹp nhất khi hờn dỗi. Em yêu, cứ giả vờ đi. Giữa chúng ta phải có một kẻ lép vế chứ. Một lúc chàng bảo, thật nghiêm:

- Sáng mai anh đi vậy.

Mất người con gái chớp chớp, quay lại chàng. Nước mắt chạy quanh, long lanh:

- Anh làm khổ em.

Hữu giảng hòa:

- Ai bảo hỏi không nói.

Trang Thanh ngúng nguẩy:

- Anh cứ chèn ép em mãi, chịu sao nổi. Anh chả thương em thì thôi. Em phải mách mẹ để mẹ trị anh mới được. Thấy người ta bé cứ ăn hiếp.

- Thôi! Xin lỗi. Được chưa! Cô đa sự.

- Được.

Chiếc xe chồm qua một vũng nước, lắc lư. Chàng vẫn có cái thú cho xe chạy tốc độ dù đường xấu. Gió tung từng cụm tóc, lòa xòa mặt người con gái.

- Chạy chậm anh. Em lạnh. Run đây này.

Qua ngã tư quốc lộ, kẹt đoàn quân xa. Từng xe đầy nhóc lính và súng ống, lem luốc như nhúng từ những vũng bùn lên. Chiếc xe như một con trâu lặn nhẩy chồm trên những chỗ đường lở lói như điên cuồng, làm những rác giấy và bụi cát tung mù mịt. Thành phố như một bãi rác. Những tiếng la hét, chộc ghẹo của những người lính ném từ trên xe xuống. Từng bọn vừa hát, vừa hưởng ứng. Trang Thanh nhìn họ, thấy vừa vui vừa buồn. Nàng làm lạnh:

- Ngày trước nhìn xe lính chạy qua phố em ghét thậm tệ. Có nhiều cha khả ố lắm anh ơi. Họ nói nhiều câu thô tục không thể chịu nổi. Ngôn ngữ của lính các anh thật ghê.

- Bây giờ hết ghét rồi hả?

- Hết ghét mà lại thương nữa chứ.

- Sao vậy?

- Ai mà biết. Anh thử hỏi anh xem. Thứ con trai gì đâu thấy gái là lặn vào như lân nghe pháo.

Hữu giải thích:

- Có thể em khát khe với họ. Không phải trong số đó có anh mà anh bệnh vực đâu. Cô đa sự lại cho là anh ngại biện. Em biết không, cả tháng hành quân, mệt mỏi, đói khát, chết chóc, không hề có một bóng đàn bà dù cho là như mai em đi nữa, khi trở về nhìn lại thành phố thấy xa lạ với mình quá, thấy mình bị hy sinh nhiều quá trong khi mọi người vẫn nhớn nhoe với những cái đau khổ thường trực của họ và họ biểu lộ. Dù biểu tỏ lòng cách nào đi nữa thì cũng chân thật cả. Ngay cả chính anh, sau những lần phá phách mà không ân hận. Các anh đã đánh mất những ăn năn cần thiết.

Trang Thanh bĩu môi:

- Phải anh không nguy hiểm. Cứ làm như chỉ các anh chiến đấu đều gian khổ thôi. Nào cả tháng thèm đàn bà, đói khát... để bệnh vực cho mình.

Hữu thấy cần phải im lặng. Chàng biết người yêu không có ý trách. Một hình thức của biểu lộ tình cảm là nói lên những cái xấu của người yêu mình. Thái độ tố cáo nhưng che đậy. Thật ra chàng không muốn bi thảm cuộc chiến đấu này. Nhưng sự thật đã diễn ra. Từng phút, từng ngày lớp lớp thanh niên ngã xuống, không lý do, không hận thù. Cái đau xót của chúng ta đã chết đi không cho một hận thù nào cả. Có thể một người anh giết một đứa em, một người cha giết một người con, một người chồng giết một người vợ. Cái chết không hình thái, không đắn đo, không từ chối, không phân biệt. Một viên đạn bắn đi, một khối chất nổ ném ra giữa những ràng buộc vây quanh, sự chết nằm xuống. Cái của chúng ta khởi lên từ đó. Trang Thanh yêu, anh không phê phán nhưng anh muốn bày tỏ những ý nghĩ thật của lòng mình. Những khuôn mặt sạm đen vì nắng gió, bão táp, cát bụi mà từng đoàn xe đã mang về những nỗi vui mừng của người mẹ của người vợ và cũng mang đi những nỗi lo âu, cắn xé...

Đoàn xe mang một nỗi kinh ngạc cho thành phố trong giây lát rồi sinh hoạt lại đâu vào đấy. Những tiếng nổ âm nào đó, vây quanh họ từng ngày từng đêm như một âm thanh cần thiết và họ đã quen tai. Chiến tranh không còn là hình ảnh của chết chóc và súng đạn nữa. Nó thần nhiên, chợt đến, chợt đi. Ngó thấy thì nghĩ đến, khuất mắt thì quên đi những tiếng nổ từng đêm nếu bật tiếng người ta mới hiểu là nó đang nằm yên tĩnh.

Những vật dụng từ trên xe cam-nhông ném xuống chọc phá những kẻ đi đường, kèm theo những tiếng hò hét thô tục, mới ngó chàng nghĩ là mất dạy nhưng Hữu thấy như thoải mái, một nỗi ám ức trong lòng chàng như cũng được bày tỏ. Đám người ngơ ngác giờ tay vẫy chào nửa rụt rè nửa sợ sệt.

- Anh, sao lại chạy lên?

Hữu bốt ga, vào số rồi bảo:

- Qua bên cầu. Anh có hẹn. Mấy anh bạn chờ cả bên đó rồi. Anh mới gặp họ, mừng quá. Mai, anh Nguyễn vào Thủ Đức. Một bữa nhậu diễn hành. Đừng cho là khôi hài.

Trang Thanh giãy nảy:

- Chờ com mẹ chửi chết. Hay anh tạt ngang về nhà cho mẹ biết đã.

- Yên chí, anh đã xin mẹ rồi.

- Anh kỳ ghê. Mẹ sẽ buồn đấy. Vừa về là có bạn bè liên.

- Anh biết. Em đừng khắt khe quá họ sẽ cười tui mình. Anh hiểu bạn bè không lo cho anh bằng em bằng mẹ, nhưng anh không thể thiếu họ.

Người con gái hờn mát:

- Mấy ông bạn anh cũng tinh nhỉ? Bắt mạch giỏi nhỉ?

Hữu cười:

- Đừng có nói khích anh.

- Ai dám. Để anh dối anh bỏ đi à.

Hữu đùa:

- Ấy không phải dối đâu. Thật đấy chứ.

- Không nói anh nữa. Đi thì chờ về thấy mặt là trêu cho người ta giận.

Hữu thấy vui. Em yêu cứ làm nũng đi để bù lại những đêm nhung nhớ, “lấy chồng lính thật khổ. Lo sợ từng đêm.” Anh biết điều đó. Trên quê hương chúng ta, không một mình Trang Thanh khổ vì có chồng lính. Em biết không, có người chỉ ăn ở với nhau từ ngày cưới vòn vẹn có 10 ngày phép rồi người chồng ra đi biệt tại một tiền đồn hẻo lánh nào, một năm hai năm chưa được phép về một lần, có người đã vội vàng mang một vành khăn trắng vì người chồng sau những giờ phút chiến đấu tuy can trường nhưng bất lực. Anh còn biết người cha ba năm chưa được nhìn mặt con kể từ khi nó ra chào đời, và cũng có người cha kém may mắn hơn chả bao giờ còn được nhìn giọt máu thân yêu của mình nữa. Anh còn thấy, một buổi sáng sau hôm đơn vị hành quân về, từng nét mặt thảm não của người mẹ già, nét mặt ngây thơ “sâu của người vợ trẻ, cùng nét mặt ngây thơ của các con dại, bao quanh những cỗ quan tài, kẻ vật vã khóc lóc, người kêu gào chửi bới”.

Nhìn các chiến hữu của mình gục ngã đã là điều đau xót, nhưng phải nhìn các người thân yêu của họ ở trong cảnh ấy, anh dù có vũng lòng mấy cũng không khỏi xúc động. Thà mình chết đi, nhiều lúc anh nghĩ thế để cho đứa con duy nhất của người mẹ già, người chồng thân yêu của cô vợ trẻ được sống còn hơn phải nhìn họ khóc lóc kêu gào như thế. Trang Thanh biết không, anh vẫn tự nghĩ, cuộc chiến này đã cướp đi bao nhiêu nguồn hy vọng, thì thân xác anh còn lại đây, là điều may mắn rồi; cũng là một đãi ngộ còn lại của Trời Phật. Hãy cầu nguyện cho anh và hãy vững tâm nếu một ngày nào đó...

Sơn Kim ngày ...tháng ...

Trang Thanh yêu dấu!

Mấy ngày nay lạnh ghê em nhi. Cái lạnh của miền núi anh không thể nào tả nổi, nó như rút từng mảnh thịt ra. Ban đêm, anh tính cho em nghe nhé: một áo lót, một áo lính, một áo len của em đan, hai cái mền, một cái đắp, một cái trải, anh vẫn không tài nào ngủ nổi. Cũng trong lúc đó, các chiến hữu của anh, súng ống trong tay, thu mình trong chiếc Poncho đang rình chờ kẻ thù từ những hồ cá nhân, từ những hàng thép gai, trong cái giao thông hào. Một bóng đen vô hình nào đó sẽ xuất hiện cướp giựt sự sống của họ. Đồi lính thú thật là tẻ nhạt. Sáng mở mắt đã bị bung bít bởi lớp sương mù dày đặc, mãi gần trưa mới le lói chút ánh sáng mặt trời và khoảng bốn năm giờ chiều đồi núi đã âm u.

Nằm đây, anh mới thấy thấm thía những tách café với bạn bè. Thanh là gái nên không bao giờ hiểu hết bọn anh. Có lúc tụi anh chả có gì phải nói với nhau, nhưng nhất định phải tìm gặp nhau cho đã, quanh những ly café và chả có chuyện gì ngoài những lời đầu lảo. Chính những lúc đó anh lại thấy vui, thấy mình thật vô tư. Như những tên đồ vật, sau khi đã thi thố hết sức lực, chỉ còn giữ miếng trong sự dưỡng sức, phải không em. Giờ này nếu ở dưới đó, chắc Trang Thanh lại bức vì mấy ông bạn tới lôi anh đi. Nếu cô bé sợ lạnh không dám đi thì anh sẽ đi một mình vậy. Chả sao. Nhưng anh biết cô không dám để anh đi một mình đâu. Tụi bạn em vẫn gọi đùa “cái rờ-mọt của anh” mà.

Em yêu dấu,

Hai tháng xa nhau rồi phải không. Ở đây nếu anh ngồi đếm từng ngày chắc anh phải tự tử mất hoặc làm một cái gì khác. Tuần trước một người bạn của anh bỏ mình. Một cái huy chương đã được tưởng thưởng, nhưng thân nhân kẻ xấu số nhận được gì trong những vinh dự ấy? Anh có nên kể cho Thanh Trang nghe không nhỉ. Một sự thật rất phũ phàng và cũng rất là tủi nhục. Trong cuộc chiến của chúng ta anh tin còn không biết bao nhiêu trường hợp như thế. Một người nằm chờ chết với vết thương của mình, không một chiến hữu sẵn sàng, không một miếng băng cầm máu. Trong sự chống chọi với tử thần, người bạn anh đã cố gắng với tất cả sức tàn của mình với một hy vọng thật mong manh đã không bao giờ đến, giữ cho máu đừng chảy.

Chuyện khởi đầu như thế này, L đại đội trưởng của tiểu đoàn anh. Trang Thanh yêu, ngay khi viết những hàng chữ này, anh nghe cổ họng mình như có một sự uất nghẹn, như một cục đá mắc trong thực quản. Một bàn tay, phải, bàn tay ấy với một mảnh sọ, ôm lấy cái đầu, bất động. Chín giờ tôi lệnh tiểu đoàn cho đại đội L đột kích và chiếm giữ một ngọn đồi cách đơn vị khoảng một cây số ngàn. Bằng mọi cách và bằng mọi giá phải trấn được ngọn đồi vì hôm sau một phái đoàn ủy lạo chiến sĩ đến. Nếu địch quân còn kiểm soát ngọn đồi đơn vị anh sẽ nhận những quả đạn pháo kích bất cứ lúc nào. Ở đây pháo kích của ta và của địch như cơm bữa. Từng thước đất ở đây và từng thước đất trên đó, đạn và bom đã cày nát từng đêm. Suốt đêm, tụi anh ăn ngủ trong những đường hầm mù tối. Ngay cả khi nấu cơm cũng phải nguy trang cho khỏi khỏi bốc lên. Địch sẽ rót đạn vào những nơi trú ẩn quá lộ liễu rất chính xác. Thành ra cả ngọn đồi, toàn là những ụ đất và hố trú ẩn. Chỗ nào địch cũng có thể ghi là lều trại nhưng thật ra địch không hề biết chính xác. Nếu kiểm soát được ngọn đồi mới có sự an ninh cho phái đoàn. Hai đại đội được tung ra trong số có L.

Em yêu, cùng với lúc xuất quân, một phi vụ oanh tạc đã làm

cỏ ngọn đồi. Từng đợt mưa bom trút xuống, đứng ở xa ngó như một biển lửa. Mục tiêu đã được san bằng. Nhưng Trang Thanh a, ngọn đồi nham hiểm kia không hề chịu khuất phục dưới những trận bom bão táp. Các địa đạo, các hầm hố đã làm cho L thất bại, kẻ thù, từ những nơi an toàn đó đã đón tiếp L hết sức quyết liệt, hết sức tàn khốc. Như một mụn ngứa, bom đạn không chế ngự được ngọn đồi, chỉ làm xây xát mảnh da. Sự chết từ những ung nhọt ấy thoát ra chặn đứng sự xâm nhập của cánh quân L. Mười một giờ, máy truyền tin báo cáo địch đã tung toàn lực vào hai đại đội đột kích. Từ trong các hầm hố, địch đã nhắm bắn hữu L như những tấm bia rất chính xác, rất tài tình. L báo cáo xin yểm trợ hoặc cho lệnh rút. Phi pháo bắt lực, bạn và địch đã cận chiến.

Từng người, từng người ngã xuống, từng viên đạn bắn ra, đạn trong không gian những vệt lửa chi chít, L đã thua cuộc. Hai đại đội tán loạn không còn ai điều khiển nổi. Như một cơn hồng thủy, như một trận động đất, bạn hữu của L đã chìm xuống đó.

Trang Thanh yêu dấu,

Chiều hôm sau quân nhảy dù mới kiểm soát được ngọn đồi. Vẫn bi thảm, đêm trước tái diễn. Từng lớp người lại ngã xuống, từng lớp khác lại xông lên. Một giá thật đắt đã được trả, khi xác L được chở về đơn vị để chờ máy bay đem tử thi về, anh mới hiểu L. Chàng chết vì kiệt sức. L bị một viên đạn làm bể một miếng sọ nhỏ bằng mặt chiếc đồng hồ đeo tay. Một cánh tay trái chàng đã bị tiện sát bả vai, văng đầu mất. Trang Thanh a, phải nhìn vào đó em mới hiểu thế nào sự chết và sự sống. Giữa chết và sống L đã làm một cuộc vật lộn. Hai mắt chàng mở lớn, trừng trừng như ức một điều gì không thể nào nhắm mắt được. Không thể nào không uất nghẹn, L chết vì hết máu, vì không được đồng bạn tiếp cứu kịp thời. Sự chết khỏi ở kẻ thù, nhưng sự sống mất đi kết thúc do các chiến hữu của chàng. Mảnh sọ văng ra L đã tìm được. Trông nắm ngón tay, chàng đắp cái tan vỡ ấy vào chỗ mất đi trên đầu chàng. Một hy vọng dù mong manh, cầm cho máu khỏi chảy để chờ quân tiếp viện. Lúc gỡ bàn tay L ra, anh không tài nào gỡ nổi. Tất cả gân lực chàng đã dồn

vào năm đầu ngón tay, như một cái kìm cho đến tận lực với một mảnh sọ. Bàn tay khum lại, giữ miếng sọ, úp vào gáy chàng. L đã nằm và ôm như thế cho đến lúc không còn giọt máu nào trong cơ thể.

Trang Thanh yêu dấu,

Không bao giờ anh quên được bàn tay và đôi mắt ấy. Nó như một ám ảnh thường trực, như một một tảng đá, lù lù trước mặt anh khi anh bước đi, nếu nhắm mắt mà tiến lên, chắc chắn phải đập cái trán mình vào đó mà nếu mở mắt (một hình thức của chấp nhận) nhìn thì không thể nào vượt qua nổi. Cuộc chiến của chúng ta là vậy. Trước một vực thẳm và tự sát. Đường nào thì anh cũng không muốn, lối giải quyết nào cũng không tốt đẹp, cũng đổ vỡ. Từng giờ, anh biết từng nguồn hy vọng của chúng ta biến đi. Trang Thanh hiểu anh không? Từ những trái bom, từ những mảnh đạn, cái chết tiềm ẩn trong đó, rình chờ, rất bất ngờ và cũng rất êm ái. Dù một ảo tưởng để đạt đến một chiến thắng vinh quang, chúng ta cùng gặp nhau ở một điểm, sự chết. Đúng không các người anh em ruột thịt của cả hai mảnh đất quê hương. Anh hiểu những kẻ ra đi, dù ở những nơi xa xôi nào tìm đến đều biết như vậy. Bàn tay của L từng móng vuốt ôm lấy thịt da chúng ta, ngắc ngoải

Em yêu. Vũ khí vô tội nhưng chúng ta có tội. Đáng ra quê hương này, đồi núi này phải là những đất đai êm ái cho cuộc sống của chúng ta. Từng làng xóm thân yêu, từng ruộng nương nuôi sống chúng ta đã chối bỏ. Trong một cuộc hành quân khác, anh khai một hầm trú ẩn và đã gặp ba người thanh niên, hai thiếu nữ với những vũ khí. Tất cả đều còn trẻ, thật trẻ, trên dưới hai mươi tuổi trời. Năm người ấy chung nhau một căn hầm chừng hai thước vuông. Họ đã vĩnh viễn ở lại trong đó, với đất của chính quê hương mình? Một trái phá được đặt giữa những người ngồi, đứng vây quanh. Tất cả họ đã tự sát. Hai thiếu nữ nửa phần dưới thân thể đã bị lột trần truồng, nửa phần trên được che bằng một mảnh yếm vải xanh. Tự nhiên, anh hiểu ngay họ là người đồng bào miền Bắc, có thể cùng làng xã chúng ta, họ hàng chúng ta, biết đâu, hai thể xác ấy không mang một tâm

thông hành quê ở Hà Đông hay Phủ Lý. Đọc đến đây chắc em nghĩ ngay đến một cảnh tượng dâm ô nào đó trên phim ảnh, một cuộc hãm hiếp chẳng hạn. Không phải chuyện giản dị như vậy. Hai thiếu nữ, có thể với bản năng sinh tồn nào đó, họ đã muốn sống, đã muốn thoát lên khỏi miệng hầm theo lời dọa nạt và kêu gọi của bọn anh vẫn làm khi tìm ra một căn hầm bí mật. Nhưng ba người thanh niên chắc không muốn thế. Chắc họ muốn tụi anh làm tường gian hầm đã được bỏ hoang và dưới đó chỉ có một chiến công nào đó với tụi anh. Họ đã cưỡng bức hai thiếu nữ ở lại với họ để giấu kín sự bí mật. Tính e thẹn của phụ nữ đã được dùng đến, hai mảnh quần đã được lột ra bằng vũ lực để hai thiếu nữ không còn tính chuyện đến trước một đám đông bọn anh mà họ đã từng được tuyên truyền là tàn bạo và dâm ô. Họ đã ở lại với các chiến hữu của họ cho sự bí mật được an toàn.

Trang Thanh yêu dấu,

Một trái khố cay được liệng xuống, rồi hai ba trái khố liên tiếp mù mịt cả miệng hầm. Thật lâu, anh chưa nhận được một hiệu quả nhỏ nào của những hơi cay, có người chui ra chẳng hạn. Rồi một tiếng nổ từ dưới hầm vọng lên, tiếng nổ thật ngọt tan loãng trong những tiếng súng của quân bạn. Trang Thanh hiểu chứ. Cuộc chiến của chúng ta rất nhiều hình thái, rất nhiều bất ngờ. Sao cái chết lại không xảy ra trong một lũy tre làng nào đó, một cái chết bệnh tật, một cái chết già yếu, có cha mẹ anh em, có bà con làng xóm, một cái chết được khóc than, đưa tiễn, cái chết để lại cho người còn sống một hình tượng như nắm đất an ủi biết bao nhiêu. Nhưng cái chết đã diễn ra ở một làng xóm xa xôi, ở một núi đồi heo hút, trong rừng thẳm âm u, trong một căn phòng chật hẹp, như một định ước, cùng bước tới, cùng gặp mặt và cùng mãn nguyện.

Trang Thanh yêu dấu,

Cái chết mang cho người mẹ buồn rầu, người vợ khổ đau, đứa con thiếu thốn. Từng đêm Trang Thanh khóc à. Khóc có được gì đâu? Súng đó, đạn đó vẫn nhắm bắn từng phút từng viên. Đã hàng ngàn hàng vạn người khóc, nhưng cái gì đã mang lại, cái gì đã mất đi? Trước chúng ta đã có những

người nằm xuống cho một lý tưởng nào, chúng ta đang đợi chờ cho một danh nghĩa nào và sau chúng ta lớp lớp sẽ nằm xuống cho một hận thù nào? Em yêu, giữa quê hương và tình đồng bào không có hận thù. Chúng ta chết đi không lý do.

Em yêu. Có những điều em không bao giờ hiểu nổi chính anh, người mang danh là đang tham dự cuộc chiến này, cũng không hiểu nổi. Chiến tranh thật là kỳ cục và cũng thật là ngu muội. Như một con vật điên khùng nó lẩn xả vào bất cứ vật gì, không đắn đo suy xét. Nó làm những điều người ta muốn tránh nghĩa là nó đi ngược lại tất cả. Trong một cuộc càn quét, nhà cửa được phá hỏng bằng lửa đỏ. Lửa bao quanh xóm làng mù mịt. Đến trước một căn nhà có bàn thờ Phật, người lính lưỡng lự. Phải kiếm một ngôi chùa nào đó để pho tượng vào rồi mới được đốt, anh bảo thế. Để bảo toàn tính mệnh, một sợi dây được cột vào cổ pho tượng. Lạy Phật, điều xúc phạm chúng con không bao giờ muốn, nhưng phải có phương cách an toàn. Tìm một chỗ nấp, người lính kéo sợi dây, pho tượng được nâng bổng lên, đu đưa như một món hàng mà thường ngày chúng ta vẫn thấy nó treo lủng lẳng trên sợi dây của cần trục ở bên tàu. Không có tiếng nổ. Anh thở phào nhẹ nhõm. Lạy đảng Từ Phụ, xin tha tội cho chúng sinh. Em biết không, ngay sau khi pho tượng được mang đi, căn nhà bùng lên như một ngọn đuốc. Nếu mẹ đọc những dòng này mẹ sẽ ghét anh lắm phải không em? Anh cũng chả biết nói sao. Có điều, khi pho tượng được mang xuống, anh nhớ mẹ vô cùng. Có thể nói giờ đó, bên quyển kinh, cái mõ, trước bàn thờ khói nhang nghi ngút, thật tôn nghiêm, mẹ đang cầu Trời Phật cho đứa con đang xông pha ngoài mặt trận. Lá thư trước gửi cho anh, em bảo: “Từ ngày anh lên tiền đồn, em bỗng trở thành người ngoan đạo một cách thành khẩn. Tối nào em cũng cùng mẹ làm lễ cầu an cho anh. Mẹ bảo, con trai của mẹ vất vả và nguy hiểm quá, phải lễ bái luôn cho nó thì mới tai qua nạn khỏi (Mẹ vẫn gọi anh là con trai đó. Sướng chưa!) Có lúc, hình như nhớ đến Ba, mẹ khóc và em cũng khóc. Đàn bà dễ khóc nhất phải không anh? Làm đàn bà con gái khổ quá anh ơi. Mẹ đã khóc cho Ba không biết bao nhiêu lần. Lạy Phật, em yêu đuổi

quá.”

Trang Thanh yêu dấu,

Chúng ta đã khóc một lần khi từ bỏ quê hương ra đi. Anh biết nỗi xót xa ấy chưa vơi trong lòng mẹ, nó như một nhắc nhở, khắc khoải trong tâm can tuổi già. Thật tội cho mẹ. Đáng ra với tuổi mẹ một lũy tre làng, một phiên chợ, sẽ âm cúng biết mấy. Cái tuổi gần đất xa trời luôn luôn nghĩ về cội rễ. Anh hiểu tại sao mẹ lại thương anh.

Em yêu, tất cả niềm tin của chúng ta đã mất, chẳng còn gì ngay cả phần đất còn lại trên quê hương này. Nếu một lần nào đó theo đoàn tiếp tế em lên đây, em sẽ nại lý do là em chịu vất vả được miễn là ở bên anh. Không phải giản dị như thế. Đúng ra có những điều mà đàn bà con gái không bao giờ nên nhìn và nghe thấy. Cứ giả dụ có em lên đây, anh sẽ cho em biết đâu là đất đai, làng xóm của đồng bào mình. Có những cánh đồng chỉ một màu xanh của cỏ, nham nhở những hố bom và đạn, không một dây khoai, không một hạt đậu, không một cây lúa. Có những cánh đồng em sẽ đi cả buổi không gặp một cọng ngũ cốc. Anh không nói thêm. Ruộng đồng hoang vu, không có người cấy cấy. Làng xóm không có người, không một lửa khói từ những mái nhà còn lại. Từng bờ tre, từng túp lều xơ xác sau những cơn mưa bom đạn. Có những thôn làng khi hành quân qua anh chỉ thấy toàn những ông bà già cả và trẻ thơ. Không có bóng dáng của phụ nữ, thanh niên. Em hiểu họ đã đi đâu chứ. Đoàn quân như không đối thủ trước những đối tượng đầu tóc bạc phơ và trẻ con vô tội, nhưng chính sự chết đã nằm sẵn trong đó khi đoàn quân vượt qua. Cái nguy hiểm của cuộc chiến chúng ta là không tìm ra đối thủ. Có thể địch ở trước mặt, ở sau lưng, từ dưới lòng đất mà chúng ta không thấy, nhưng sự chết thì rình chờ.

Từ những làng xóm hẻo lánh nào đó trên quê hương này, từ những đất đai xa xôi trên những phần khác, chúng đã đến cả đây, mảnh đất còn lại này, để đòi lấy một điều gì. Ai hiểu không? Một mảnh đất đã chia hai, núi sông đã đau xót, nhỏ lệ, còn lại gì mà ghét nhau nữa, phải không em. Đừng ai

nghĩ anh có tinh thần chủ bại. Mọi hình thức gán ghép chỉ là mồm mép và ngụy tín. Không đem lại gì cho phần đất của tổ tiên này.

Trang Thanh yêu dấu.

Tết này gửi gì lên cho anh đây. Một ký mứt, một gói hạt dưa, một hũ hành, những thứ đó hồi còn nhỏ chúng mình rất nô nức thêm muốn trong những ngày cuối cùng của năm. Giờ đã xa cả rồi. Anh phải ngưng đây, em yêu. Lệnh hành quân của tiểu đoàn vừa đưa xuống. Viết một lá thư cũng dở dang, em sẽ nghĩ thế. Đừng trách anh Trang Thanh ạ, lệnh là vậy. Có những lúc vừa ăn, vừa đi vừa ngủ vừa lê suốt trèo đèo, thì ngồi viết được một lá thư, dù dở dang cũng là điều đáng quý. Em sẽ nghĩ ngay đến hình ảnh của ba-lô, súng đạn, cơm nắm và thuốc muối. Kìa rồi, đoàn trực thăng chuyển quân đã tìm bãi đáp do những trái khói màu. Lần này hành quân xa. Mục tiêu, đồi A.T, một ngọn đồi máu, lửa mà trước đây một tháng anh đã tham dự ở một cánh quân tiếp viện. Anh em chúng ta, ruột thịt chúng ta, đã nằm xuống, ở đó, từng lớp, từng lớp. Anh ngừng nghe. Cho anh gửi lời thăm mẹ.

*

Tổng Y Viện Cộng Hòa ngày...

Em yêu dấu,

Em ngạc nhiên lắm phải không khi nhận ra kbc của ngoài phong thư: Phải, đúng là kbc 4600, nơi đã hơn một lần em đến đó với những giỏ cam, những lời an ủi, dù lần đó tiếng là nằm bệnh viện nhưng anh chỉ bị thương xoàng ở tay. Một mảnh đạn của một trái phá găm vào trong buổi thực tập. Một số bạn anh đã chết cho một chuyện rủi ro. Anh đã nghe sái lòng ngay từ ngày ấy. Trang Thanh lại an ủi anh: “Ở quân trường mình bị xui rồi, ra đơn vị chỉ gặp may thôi”. Anh mang lời an ủi ấy trên khắp các mặt trận từ rừng núi cao nguyên xuống đồng bằng ven biển, ở đâu anh cũng gặp may thật. Rất nhiều lần tử thần chỉ chờ anh trong gang tấc nhưng anh đã qua khỏi và anh vững tin cho đến bây giờ thì

...

Em có hiểu gì không? Có nhận được lá thư thật dài anh viết chưa có đoạn cuối không? Lá thư đang viết dở dang thì có lệnh hành quân trực thăng vận ấy? Đây, chính lá thư ấy nên hôm nay Trang Thanh lại thêm những dòng này từ cái kbc mà anh nhớ em đã đùa bảo, không muốn nhận thư từ nơi ấy nữa, nó xui lắm. Chẳng biết có thật là nó xui hay không? Em cứ bình tĩnh mà đọc nhé: không có gì bi đát lắm đâu. Anh vẫn còn có thể cầm bút viết được những dòng chữ này, thì còn là điều may mắn. Em phải nghĩ như thế. Từng ngày trên mảnh đất thân yêu này biết bao nhiêu người vĩnh viễn không thấy mặt nhau, anh dù có phải nằm đây, với một thương tích nào đó trên mình, trên tay chân chẳng hạn, cũng còn có phước lắm, phước đức ông bà để lại để bây giờ mình chỉ bán vút đi một ít máu, một ít xương thịt, cũng chưa hại gì. Này đừng có hoảng lên nhé, anh biết cô đọc đến đây chắc đã khóc rồi. Chắc lại vừa nhớ ra hình ảnh một cặp nặng, một bên cánh tay chỉ có tay áo buông rũ. Đừng vội gán ghép cho những thứ đó. Cứ nhẫn nại đọc đến đâu sẽ hiểu đến đấy. Anh biết còn biết bao nhiêu người vợ, người mẹ mong được nhẫn nại như thế, nhưng đã không đến với họ. Từ lúc vào đây anh cũng đã có sự an ủi, và ngay cả những chiến hữu đã nằm ở đây cũng đều có sự an ủi như thế - không biết đó có phải là sự lừa dối mình không - anh còn có phúc hơn biết bao nhiêu người khác. Vào năm đây, còn có thể viết những dòng chữ này kể như là khỏe rồi. Ít ngày nữa, hoặc ít tháng nữa anh sẽ ra hội đồng y khoa phân loại để làm việc nhẹ, chỉ làm việc nhẹ thôi, nghĩa là lại trở về với bàn giấy, với sai bảo, với phiền toái, giã từ vũ khí. Năm được cái giấy phân loại này kể như mình không lo sinh nghề tử nghiệp mà chỉ có thể vì tai nạn thông thường nào đó mới có thể làm cho anh chết đi, nhưng anh hiểu trong số các tai nạn rủi ro ấy còn hiếm xa những cảnh chết chóc trên chiến trường. Đọc tới đây, em thấy nhẹ nhõm rồi phải không? Nhưng mà...

Trang Thanh yêu dấu,
Bây giờ anh bắt đầu kể lại để cô bé hiểu nghe. Như em đã

biết, lá thư anh viết đến đó thì được lệnh lên đường. Anh chả hiểu cái gì khẩn cấp đến thế mà bọn anh chỉ trong nửa ngày nữa có thể thông thả ăn chơi trong hai mươi bốn giờ. Giờ hưu chiến đó. Chỉ còn vồn vện có 5 tiếng đồng hồ nữa thôi, anh sẽ được hưởng một chút thanh bình cho dù là thanh bình giả tạo ngắn ngủi. Nhưng cái điều nho nhỏ ấy cũng không đến nữa. Súng trên tay, ba-lô, gạo trên vai, rồi bản đồ địa bàn, anh đã từ thân tàu nhảy xuống trên một chiều cao gần ba thước, phía dưới là gì em cũng biết rồi. Chúng ta đã có bao nhiêu cuộc thanh bình giả tạo như thế?

Đồi A.T, ngọn đồi mà anh đã nói qua trong lá thư trước nhưng anh quên một điều, không, không phải anh quên mà anh thấy có nói cô cũng chả hiểu, vì nó không phải là điều quan trọng đối với con gái, nhưng đó lại là vấn đề sinh tử đối với bọn anh. A.T là ngọn đồi chiến thuật. Anh có nói hết ra đây cô cũng chả cần hiểu nó chiến thuật ở chỗ nào, chỉ có anh mới là điều hệ trọng phải không? Đừng mỉm cười bảo anh là tự cao nhé. Anh biết rõ điều ấy mà. A.T, ngọn núi cuối cùng của dãy Trường Sơn, đứng cô độc, dân quanh vùng còn gọi nó với một cái tên dịu dàng lắm Núi Mồ Côi. Phải, nó mồ côi thật em ạ, nằm giữa 3 ngã đường, một dốc đèo khởi đầu lên cao nguyên, một thung lũng dài có con đường dẫn xuống cánh đồng bát ngát, và một nẻo đăm thẳng với con đường xương sống của đất nước. A. T quan trọng là nó nhìn bao quát cả một vùng rộng lớn, phía dưới và từ đó nó có thể nhìn mặt cũng như ngăn chặn các toán quân từ ngã biên giới muốn xâm nhập vào vùng đồng bằng. Cả ta và địch đều thấy cần phải chiếm A. T, vì thế một đơn vị đã được trấn giữ ở đó, và Trang Thanh đã hiểu, hơn một lần anh đã lên đó giải vây. Địch thường dùng chiến thuật biên người ồ ạt làm cỏ A.T để sau đó với hy vọng chúng sẽ kéo quân xuống các tỉnh lỵ phía dưới, nhưng chỉ sau vài giờ thất thủ, A.T đã anh dũng được giải vây bằng máu của các chiến sĩ. A.T không thể nào mất được. Mất A. T cả phần đồng ruộng phì nhiêu phía dưới sẽ lọt vào tay bọn chúng. Chúng chỉ chờ A.T ngã gục là tiến lên, nhưng A.T anh hùng quá và anh đã nói A.T có đôi lần thất thủ. A.T đã vùi dưới chân nó cả hàng ngàn tên giặc và cũng hòa trong lòng nó rất nhiều

chiến hữu của chúng ta.

Trang Thanh yêu dấu,

Từ 3 giờ sáng địch đã ồ ạt tấn công A.T sau khi đã pháo kích những đạn nặng nề và trúng đích nhất từ trước đến nay mà chúng đã dành cho A.T. Một đại đội, đội bảo vệ A.T, không thể chịu đựng với sức mạnh gấp 8 lần nó. Cộng quân đã dùng 2 tiểu đoàn chủ lực với sự yểm trợ của một đại đội Sơn pháo, nhất loạt hướng về A.T. Sau 3 giờ giao tranh bằng tất cả sức lực và kiên trì, các chiến sĩ của chúng ta đã phải bỏ A.T cho địch tạm chiếm để chờ quân cứu viện. A.T quả như một con dĩ đắt giá, địch không thể không chiếm A.T, ta cũng không thể bỏ A.T và ngay 6 giờ sáng hôm sau, một đơn vị thiện chiến của chúng ta đủ uy dũng nhảy từ trên đầu A. T xuống. Chắc em hiểu sự gì đã xảy ra rồi. Đơn vị bách chiến bách thắng ấy cũng không làm cho A. T vinh dự. Sau 7 giờ ác chiến A.T vẫn nằm trong lòng địch. Em phải hiểu là đơn vị của chúng ta chưa bao giờ chiến đấu hào hùng đến như thế. Anh chắc là vậy và cho đến khi đơn vị anh từ trên trục thẳng nhảy xuống đầu A.T...

Trang Thanh yêu dấu,

Đừng có hồi hộp quá, bác sĩ đã bảo tim của em không được bình thường, cảm xúc dễ bị ngất xỉu đấy. Hãy cố gắng giữ bình tĩnh để đọc hết lá thư, đọc rồi kể lại để mẹ mừng. Chỉ còn có năm giờ đồng hồ nữa anh có thể tạm yên, ngủ ngon một giấc để không nghe tiếng pháo kích, để không nghe tiếng đạn đại bác của mình bắn đi quấy rối. Anh quên nói ở đây tại anh thường ăn ngủ trong các đường hầm vì địch có thể pháo kích cả ban ngày, còn ban đêm thì chúng đánh trống cầm canh mà. Khi từ trên đầu A.T nhưng họ không tiến lên được. Đành phải rút xuống lưng chừng đồi. Và phi pháo lại được rót vào A. T những trái bom lớn nhất. Những trái Napalm đỏ ngút trời, ở xa nhìn A.T chỉ thấy lửa và khói, không ai có thể ngờ trong nó lại còn biết bao nhiêu con người vừa để cổ thủ chờ chết, vừa vinh quang tiến lên tái chiếm cho kỳ được. A.T bị cây nát, nhưng A.T vẫn là cái lò sát sinh nguy hiểm, vì địch không có đường rút chúng được lệnh phải cố thủ A.T và chúng đã điên cuồng làm việc ấy

để chỉ một hy vọng được chết sớm hay chết muộn.

Trang Thanh yêu dấu,

Anh hiểu rõ các chiến hữu của anh. Họ đã dành tất cả quyền sống cũng như sự khôn ngoan của họ cho A.T. Bọn giặc đã điên rồ cho mục đích của chúng để đưa quân xuống đồng bằng, lên vào các thôn xóm đào đường, giết cầu. Các anh có nhiệm vụ phải phá vỡ cái dã tâm ấy. Và bây giờ thì em hiểu chứ, A.T ở trước mặt anh, một biển lửa mênh mông, khói cao ngút trời, anh làm sao có thể không vương vấn cái lò sát sinh ấy, chỗ này một cái đầu bể nát lia khỏi thân mình, chỗ kia một cùm tay cùm chân treo lủng lẳng vắt vẻo trên các hàng rào thép gai, trên các bụi bờ. A.T đúng là cái lò sát sinh thật. Với lực lượng gấp tám lần đơn vị cố thủ, chúng ta thanh toán đơn vị này trong cực nhọc và bần chí, nhưng chúng không thể cố thủ với bom xăng, với đạn nổ trút trên đầu chúng từng phút từng hàng trăm quả. Dù cho một mưu đồ gì, tự ở lại để cố thủ A.T, chúng đã tỏ ra mất trí và hy sinh nhân mạng một cách oan uổng. Khi anh đặt chân lên A.T, chả hiểu lúc đó có phải là giờ phút vinh quang của một chiến sĩ không, anh hiểu A.T đã có một cái giá quá đắt. Hầu như địch đã bị tiêu diệt gần phân nửa khi chạm trán với đơn vị thiện chiến từ sáng sớm của chúng ta và phi pháo đã làm cái nhiệm vụ thanh toán nốt chỗ còn lại. Khi anh để bàn chân thân yêu lên A.T thì các tên giặc chỉ còn kháng cự trong tuyệt vọng. Từ trong các giao thông hào, xác chúng nằm ngổn ngang. Từ trong các hố cá nhân, chúng bắn lẻ tẻ vào bọn anh. Anh làm sao có thể nói cho Trang Thanh hiểu chiến trận nó khốc liệt như thế nào nhỉ? Trang Thanh chỉ biết vấn tất thế này: xác bạn anh và xác giặc đã chồng chất lên nhau, quanh A.T. Anh và các bạn thanh toán từng vị trí, chiếm từng mô đất, từng giao thông hào cho đến khi ...

Trang Thanh yêu dấu,

Bây giờ anh nằm đây, Tổng Y Viện Cộng Hoà, Trang Thanh đã biết việc gì đến với anh rồi chứ, đến từ những mô đất, từ những giao thông hào ấy, đến từ viên đạn nào trên cây súng của kẻ thù, một viên đạn đã phá ngang bàn chân trái của anh. Lúc anh nghe nhức nhối thì vừa kịp ngã xuống

và anh mơ màng còn nghe một tiếng nổ gần, ngay sát bên tai và anh thiếp đi. Trang Thanh hiểu gì không, chính lúc ấy là lúc phúc đức nhất đã đến với anh, anh nghĩ như thế. Vừa ngã xuống một giao thông hào, một trái lựu đạn đã tung vào đúng chỗ anh đứng, nhưng anh đã ngã xuống nên trái lựu đạn nổ ngang trên đầu và anh thiếp đi. Nếu một giây trước đó nó đã không đến, bằng cả một trái phá như vậy, thân thể này sẽ tan vỡ từng mảnh và hình ảnh của chiếc Poncho lại thông dụng với chiến sĩ các anh lúc đó. Với chiếc Poncho, khi sống chiến sĩ làm áo mưa, lều che sương gió, làm phao để qua sông, nhưng khi một trái phá làm banh xác họ, thì nó là tấm vải liệm tiện lợi nhất. Ôi cái lối tiện nghi thật là tàn nhẫn.

Trang Thanh yêu dấu,

Em có nhận ra đó là giây phút an ủi nhất của cuộc đời không? Anh chỉ đi trên sợi giây mong manh của tử thần. Nếu không có viên đạn bắn vào chân làm anh ngã xuống, Trang Thanh chắc phải khổ rồi, mẹ chắc không sống nổi, phải vậy không? Thiệt ra trong chiến tranh, cái làm chết con người thật dễ nhưng anh tin còn một phút may mắn nào đó mà mình có thể vượt qua dù vô tình, như anh chẳng hạn. Giờ em yên tâm rồi chứ? Anh đã bảo từ đầu cứ bình tĩnh mà đọc, không có gì bi thảm lắm đâu dù chung quanh chúng ta hằng giờ hằng phút bi đát vây quanh như một mảng lưới khó mà thoát ra được. Có một điều anh vẫn còn áy náy, phải chi cái giây phút đó nó không đến, như bao lần khác anh đều tai qua nạn khỏi. Em có cho là số mạng không? Chỉ năm giờ đồng hồ nữa anh có thể tạm ngủ yên, gác súng, nhưng năm giờ ấy đã không đến. Đó có phải là điều ân hận lắm không? Bằng viên đạn ấy anh đã tránh được một trái phá và khỏi cần đến cái Poncho, chắc cô bé vui rồi phải không? Cho đến bây giờ, viết những dòng này cho em, anh vẫn cảm thấy vui mà không phải một điều oán trách dù chỉ quá năm giờ sau đó, chắc là anh đã không nằm đây. Nhưng Trang Thanh hiểu không, anh bảo mình còn phúc là có lý. Cũng chỉ trong những gang tấc, một số bạn hữu của anh đã bỏ mạng. Một người cầm lệnh kêu về trình diện quân đoàn để phục vụ tại phòng tâm lý chiến, trước giờ lên đường,

cũng chỉ có nửa ngày, đơn vị hành quân. Người bạn đó đã trở về với một cái chân còn lại. Một trái mìn trên đường đi đã cắt đứt một chân bên phải của anh. Cũng một người bạn khác, sáng hôm sau trở về nguyên quán vì được lệnh giải ngũ, đêm hôm đó đã lãnh nguyên một trái pháo kích. Vậy! Cái chết có phải chỉ chờ chúng ta trong những giờ phút như vậy không? Tại sao trên khắp các chiến trường anh chưa hề gì mà chỉ còn vài giờ nữa kể như tạm yên, viên đạn ấy nó đã đến bàn chân anh tuy không phải vút đi một cái chân nhưng ít ra thịt xương và máu anh đã mất? Nghĩ như vậy và anh không còn thấy ân hận gì cả Trang Thanh ạ.

Em yêu dấu,

Anh đã bảo trên đất nước chúng ta có hàng trăm ngàn nỗi bi thảm nó đến rất tình cờ như vậy, mình không thể nào thoát ra được. Bây giờ còn một nguồn vui duy nhất, Trang Thanh vẫn là của anh và chắc trong ít tháng nữa anh sẽ xuất viện với một mảnh giấy làm việc nhẹ. Bồn mạng anh đã nằm trong đó. Hãy chấp nhận như vậy đi. Âu cũng là ân sủng mình đã theo đạt được. Cám ơn Trời Phật đã dành cho anh chút phần thưởng đó. Phải không Trang Thanh?

Anh ở đây cũng thấy buồn, thấy nhớ các bạn hữu của anh. Có thể ngay giờ phút này, trên một ngọn đồi, một khu rừng, một xóm nào đó, một cánh quân đang tiến lên, trong lửa đạn giòn giã và biêt đâu, chả còn những người kém may mắn hơn anh cần một chiếc Poncho chẳng hạn. Trang Thanh cứ vui đi nhé. Cũng nên nói rõ để mẹ mừng. Từng đêm, tóc mẹ vốn đã bạc, đang rụng nốt những sợi còn lại. Thật khổ tâm cho mẹ. Chúng ta sinh ra, sống cho những điều đau khổ ấy. Anh ngừng ở đây. Nhớ gửi quà Tết vào cho anh.

XI-67

(trích Văn Học- vì mất bìa, nên không biết số và ngày phát hành)

BÊN TRONG LÔ - CỐT THAO TRƯỜNG

(Văn Nghệ số 24 tháng 6 & 7 - 63)

LTS: Có lẽ truyện này là một truyện rất hiếm của nhà văn Thảo Trường mà chúng tôi tìm được. Chúng tôi thử tìm trên NET, và trong các tác phẩm được xuất bản của ông hầu như không thấy. Đọc truyện, bạn sẽ nhận ra nỗi nguy hiểm của người lính thám báo hay biệt kích. Nhiệm vụ của họ chỉ là săn tin. Họ lẹ loi giữa vùng địch, thần trí căng thẳng tột độ. Họ phải tự cứu lấy họ khi gặp biến.

Vậy mà họ được gán cho những tội ác khủng khiếp trong các tác phẩm của Dương Thu Hương Bảo Ninh, và sau này được thêm dặt khai triển thêm trong tác phẩm của Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái - hai tác giả lớn lên sau này chưa bao giờ mang áo bộ đội.

Nhà văn Phùng Nguyễn viết về hai tác giả này như sau:

“Trong số những người tin vào huyền thoại “lính ngự ăn thịt người” có thể kể đến Tạ Duy Anh và Hồ Anh Thái, những nhà văn tiếng tăm của Việt Nam, “những người mà dựa vào chức năng của họ, trí tuệ và khả năng tư duy phải vượt trội hơn những tầng lớp khác trong xã hội” như tôi đã từng phát biểu. Vậy mà, ở vào những năm đầu thế kỷ 21, hơn một phần tư thế kỷ sau khi cuộc nội chiến kết thúc, họ tiếp tục sử dụng huyền thoại “ăn thịt người” khi cần phải mô tả tội ác của “lính ngự” trong tác phẩm của mình. “

*(Phùng Nguyễn: **Từ ‘Giấc Ngủ Mười Năm’ đến Ác mộng Trăm năm**, nguồn Internet tháng 10-2015)*

T oán chúng tôi có tám người được thả dù xuống vùng biên-giới đêm qua, có nhiệm vụ thám-sát địa-thể và khám-phá những hoạt-động xâm-nhập của địch. Đến sáng chúng

tôi mới tập hợp được đủ toán và bắt đầu di chuyển. Lúc đó chúng tôi mới tin chắc rằng chúng tôi đã được gặp nhau lại. Khi máy bay cất cánh tại phi-trường tôi nhìn đồng-hồ chỉ 3 giờ sáng. Chúng tôi đề-nghị với viên phi-công bay một vòng trên Sài gòn. Chiếc máy bay lùi-lũi trong bóng tối và chúng tôi cùng nhìn xuống vùng ánh sáng chói chang bên dưới. Sài gòn lúc 3 giờ đêm. Chắc mọi người đều ngủ cả. Tôi nghĩ đến nhiều người một lúc và sau cùng tôi chỉ còn nghĩ tới một người. Chắc cũng đã đi ngủ. Tôi thấy tôi cô-đơn quá. Biết tôi sẽ ra sao sau khi lát nữa đây tôi buông mình xuống cái vùng tối đen lạnh-buốt. Tôi cũng nhớ khi đến không phận vùng hoạt động, kiểm soát lần cuối cùng chiếc dù của tôi xong, tôi đứng nhìn những người sẽ cùng nhảy với tôi, tôi mỉm cười với họ. Người trưởng đoàn phi-hành bắt tay tôi và cười chúc may mắn. Tôi nhếch mép với hân. Ở lại. Sau một cái nhún toàn thân tôi đã vụt ra ngoài, một tiếng phụt mạnh dội người, tôi lơ lửng trên không, không khí lạnh buốt. Tôi đưa mắt nhìn xung quanh, xa xa, những bạn của tôi cũng đang lơ-lửng mơ-ảo. Nhìn xuống chỉ thấy bóng tối. Thế là tôi đã tỏ thái-độ với chính sự sống tôi, tôi đã quyết-định trong khi tôi run-sợ, nhưng tôi đã tự ý quyết định trong cái run-sợ đó. Điều đáng cho tôi tự-hào với tôi chính là ở chỗ đó. Tôi thường hay run sợ trước những nguy hiểm nhưng lần này tôi đã có được một thái-độ.

Bây giờ thì chúng tôi đã được gặp nhau. Một người bạn cho tôi biết dù của anh bị mắc trên cành cây cao, anh bị xây sát khắp và treo lơ-lửng như người treo cổ tự-tử. Anh phải cắt dây dù, nối lại dài tới hơn ba mươi thước mới xuống được đất. Chúng tôi kiểm-điểm lại hành-trang và vật dụng, đầy đủ, nhưng chiếc máy vô-tuyến hỏng vì lúc thả xuống bị đập vào cành cây. Tất cả những vật dụng dùng trong lúc nhảy dù, bây giờ không cần thiết, đều được chúng tôi chôn dấu. Chúng tôi len-lỏi trong rừng cây rậm rạp, vừa đi vừa phải rình mò, ẩn núp. Đêm chúng tôi tụ tập thành từng toán nhỏ ngủ cách xa nhau. Có lần thức giấc nhìn lên tôi không hề thấy một ánh sao.

Một buổi sáng chiếc máy vô tuyến của chúng tôi bắt lại được đài ở bộ-chỉ huy. Tiếng nói quen thuộc của hiệu-thính-

viên làm cho chúng tôi cảm thấy mình không còn cô-độc. Chúng tôi báo-cáo tin tức và tình-hình những ngày vừa qua về bộ chỉ huy rồi tiếp tục cuộc hành trình.

Rồi một hôm chúng tôi tìm thấy dấu vết chứng tỏ đã có cuộc vận chuyển lớn của địch quân từ bên kia biên giới sang.

Trưa ngày đó chúng tôi gặp một toán địch quân rất đông di chuyển và vì một rủi ro chúng tôi bị lộ trong lúc mở máy báo cáo về hậu-cứ. Chúng tôi phải rút lui gấp rút. Sau chúng tôi còn gặp nhiều toán địch nữa. Chúng tôi đã bị địch theo dõi và bám sát. Theo nhận xét của chúng tôi thì địch đã từ bên kia biên-giới tràn sang rất đông và hình như chúng có ý-định tấn-công lớn hàng sư đoàn. Cái ám ảnh bị bám sát đã là sự thực vì địch quân đã tĩa mắt của chúng tôi ba đứa. Rồi chúng tôi, lâm vào tình trạng bị đuổi sát lưng. Chúng tôi vừa chạy vừa ẩn nấp. Chúng nó vẫn ở đâu đây. Tôi ra lệnh chạy mãi miết. Tiến lại bị thương nơi đùi bởi một viên đạn súng trường từ sau bắn tới. Tiếng kêu đau và tình cảnh chúng tôi thật khôn khổ. Tất cả đều đã mệt mỏi và đói khát. Tôi muốn khóc lớn vì khó khăn. Không thể được. Năm nay tôi hai mươi sáu tuổi. Đời tôi là một chuỗi hai mươi sáu năm liên-tục chạy trốn. Bây giờ tôi cũng đang chạy trốn, Trời ơi. Khổ lắm. Tôi không muốn chạy trốn nữa. Tôi không thể chạy trốn nữa. Tôi phải đứng lại một lần. Tôi phải đương đầu một lần. Để làm gì à ? Để ... Tôi ra lệnh cho những người còn lại chúng tôi đến chiếm lô cốt này. Phải đứng lại dù có chết. Tám đứa chết ba còn năm. Ba đứa đã chết bỏ xác trong rừng tôi không nhắc đến chúng nữa. Chết rồi không còn vấn đề gì với chính chúng nó. Con người chỉ có một vấn đề là đời sống của nó. Ba đứa chết hết, chúng đã được coi như hết trách-nhiệm về cái ý-nghĩa ấy. Ví dụ chúng chưa làm được gì để trả lời câu hỏi về y-nghĩa sự sống của chúng, nhưng đến bây giờ chúng đã chết, dù là cái chết của những kẻ chạy trốn đi nữa, tôi cũng xác định là chúng đã hết trách nhiệm, - Chỉ còn chúng tôi, năm đứa, trong một lô cốt bỏ hoang trên một ngọn đồi nhỏ giữa rừng với vòng-vây của địch đe-doa. Tôi có mặt tại đây. Tôi quyết định phải đứng lại ở trên đồi này. Tôi không thể chạy-trốn được nữa. Tôi chạy trốn lắm

rồi. Tôi không muốn tôi suốt-đời là kẻ bị người ta dượt-đuổi. Tôi không muốn suốt đời là kẻ chạy trốn. Tôi muốn tôi phải có một lần đứng lại để đương đầu với những gian nguy.

Ngọn đồi này đây, chiếc lô-cốt cũ của giai đoạn chiến tranh trước để lại đây là nơi tôi quyết định phải đứng lại. Tôi với bốn người bạn đồng ngũ họp lại thành chúng tôi. Chúng tôi là một khối nhưng đồng-thời cũng là năm cái đời sống riêng tư.

Tôi chưa bao giờ dám nhìn thẳng vào thực tại. Lệ ơi, Oanh ơi, tôi chưa bao giờ dám nhìn thẳng vào đời sống tôi. Tôi cũng chưa bao giờ nhìn thẳng vào tình yêu của chúng ta. Tôi yêu em nhưng tôi chưa bao giờ dám đứng lại bên em mà nói rằng "*anh yêu em vô cùng*". Lệ ơi, Oanh ơi, tôi luôn luôn là kẻ chạy trốn kẻ cả trước tình yêu của em. Tôi chưa bao giờ can-đảm nói một câu để nhận trách nhiệm cả đời em. Vì thế, với nhau chúng ta vẫn là kẻ xa-lạ. Vì thế rồi tôi sẽ mất em, Lệ ơi, Oanh ơi ! Tôi không muốn tôi chạy trốn mãi thế. . Tôi không thể sợ hãi đời sống mãi thế. Tôi phải đứng lại. Nhất-định tôi phải đứng lại.

Và tôi đã đứng lại đây cùng với bốn chiến-hữu của tôi.

Chúng tôi bắt đầu tổ chức phòng-thủ. Phía rừng xung-quanh đã thấy lộ-nhố bóng dáng địch-quân. Chúng tôi nhìn thấy cả từ xa những họng súng máy nhìn về phía chúng tôi, những ổ súng nặng nghèn-cổ chờ đợi.

Vết thương của Tiến sưng lên và Tiến kêu rên-rĩ. Tôi rửa và băng bó chỗ đau cho Tiến, tôi vỗ về Tiến rồi tôi quát to :

- Mày có cảm mồm đi không, hả ?

Tiến nằm im một lát rồi ngồi nhồm dậy :

- Tại sao lại dùng quân ở đây ? Tại sao ? Tại sao chúng mày không tiếp-tục rút-lui. Mặc xác tao. Tại sao chúng mày không tìm đường sống cho riêng chúng mày ? Tao chịu trách-nhiệm về tao, Không có đứa nào chịu trách-nhiệm được tao cả. Nếu tao chết như ba đứa kia cũng được. Có hề

gì đâu. Hả ? Tao muốn chúng mày chạy thoát, tao không muốn chúng mày vì tao mà phải dừng lại đây. Để chết cả lũ, Vô-ích. Trời-oi. Đau nhức quá. Tôi còn chân hay đã cụt rồi. Buông tao ra để tao nói.

Tôi bịt miệng hắn, kéo hắn nằm xuống góc lô-cốt, nhưng hắn giằng tay tôi ra rên-rĩ :

- Từ nhỏ đến lớn tao chưa tìm đâu ra nơi để tham gia mình vào. Tao nhìn-nhận tự-do là một cực hình. Tao tự-do nhưng tao không biết quyết-định ra sao cả. Tao muốn gia-nhập vào bất cứ đám-đông nào để được xác-định la tao có mặt.

Nhưng đám-đông nào cũng bỏ rơi tao, cũng hất tao ra bên ngoài. Vì thế tao vẫn là kẻ không có chỗ đứng. Nhiều lúc tao phát khóc lên vì cái bất-lực của mình. Bơ-vơ sống để nhìn đất-nước mình lụn-bại. Bơ-vơ sống để nhìn ngày tháng trôi xuôi. Tao thêm gia nhập như tao thêm sống. Tao thêm có mặt ở khắp nơi... Để được nói một câu rằng "tôi có mặt". Chúng mày có biết không. Thế nên tao nhập ngũ. Ba mươi tuổi đầu tao mới nhào đại được vào một chỗ trong cái tập-thể này. Vì thế tao trách nhiệm về hành-động của tao. Chúng mày thì đã có cuộc đời riêng của chúng mày. Tao không khiến đứa nào thương tao cả. Cút hết cả đi. Tao có mặt ở đây và tao trách nhiệm tao cả trong cái hoàn cảnh khốn-khò này nữa. Biết chưa ?

Nói một hơi dài Tiến mệt nên ngắt lịm đi. Tôi phủ mặt cho hắn tấm khăn ướt mồ-hôi của tôi. Rồi tôi ra đứng nhìn qua lỗ châu-mai. Dịch đã tiến hơi gần chúng tôi khắp bốn phía. Có tiếng loa từ ngoài vọng vào :

- Đây là quân-đội giải-phóng. Các anh em trốn trong lô-cốt hãy ra hàng để giữ gìn tính-mạng. Quân-đội giải-phóng hiện đang tiến sâu vào nội-địa. Các anh đã bại-trận rồi.

Tôi đưa mắt nhìn một lượt các bạn. Họ cũng đã đang nhìn tôi, chợt cả bốn người cùng cúi xuống. Tôi cũng cúi xuống. Một tiếng nổ tưởng như xụp cả lô-cốt, cát bụi và khói bay mù-mịt. Tôi định thần đưa mắt tìm kiếm các bạn. Họ còn đầy-đủ và đang lóp-ngóp bò dậy. Tiến cũng đã tỉnh. Dịch đã bắn một quả súng-cối rơi sát tường lô cốt định để dè bẹp tinh-thần chúng tôi.

Tiếng loa bên ngoài lại dội vào :

- Chúng tôi không muốn các anh chết. Chúng tôi muốn các anh buông vũ khí ra đầu hàng. Hãy trả lời đi chứ ?

Vũ nói với chúng tôi :

- Tôi không biết các anh sẽ trả lời chúng như thế nào, nhưng nhất định trước khi trả lời tôi phải phóng một trái lựu-đạn ra ngoài ấy. Kê ra thì một trái lựu-đạn trong số ba trái còn lại đem ra xử dụng để đáp lễ trong trường hợp này cũng hơi phí... Lựu đạn của tôi thì phải đạt đến cái độ tàn phá lý tưởng. Phải nổ trên cao năm thước và ở giữa đám đông. Có bao nhiêu mảnh tung ra thì phải có bấy nhiêu địch quân ngã gục. Thế nhưng bây giờ tôi phải phóng một quả để giữ thể diện.

Thế là một trái lựu đạn nổ gần phía trên đầu địch quân...

Chúng kịp thời ẩn núp. Tiến đang nằm theo dõi tình hình chợt hấn làm loa tay nói lớn :

- Xin để cho chúng tôi suy-nghĩ.

Vũ chuyển lớn lời nói ấy ra ngoài.

Tôi quát:

- Tôi mới là người chỉ huy ở đây. Câm-miệng cả đi.

Tất cả bọn đều nhìn tôi. Tôi nhìn mồm Tiến há tròn. Tôi nói :

- Không cần trả lời. Nguyên thái-độ đứng lại đây của chúng ta đã là một câu trả lời rồi.

Tiến găm gù nhìn tôi, hấn nói :

- Tôi hỏi câu này : bây giờ còn nổ súng làm gì trong khi các cậu chỉ còn bốn đứa ?

Tôi đến gần hấn :

- Tôi xác định với cậu chúng tôi còn năm đứa. Cậu thêm gia nhập vào một đám-đông để xác-định là mình có mặt. Đến bây giờ cậu có mặt nơi đây thì cậu lại tự ý loại bỏ cậu ra khỏi hàng ngũ. Thế là tại sao ?

- Trước kia tôi thêm gia-nhập mặc dù họ đã bỏ rơi tôi. Bây giờ tôi đã được gia-nhập với các cậu. Các cậu đã không xua đuổi tôi như họ. Tôi đã có mặt bên các cậu nhưng đây là lần thứ nhất tôi dụng-độ. Tôi chưa kịp làm gì thì tôi đã bị thương, đã bị loại bỏ. Tôi bây giờ không còn cầm nổi khẩu súng, không tự đứng dậy được. Tôi không còn giá-trị. Tôi

cũng không muốn là trở ngại cho các cậu. Nhất là tôi không muốn các cậu chết vì tôi.

- Nếu mấy phút nữa tôi chết, đó không phải là vì tôi chết vì cậu. Tôi không bao giờ chấp nhận cái chết thay hay chết vì một người, Tôi đứng lại đây vì tôi không muốn chạy trốn nữa. Thế thôi. Cậu cũng vậy. Nguyên sự có mặt của cậu trong chúng ta đây cũng như cậu chiến đấu rồi. Chiến-đấu không cứ gì phải là bắn giết, có thái-độ cũng là chiến-đấu.

Tiến cúi xuống nghĩ-ngợi rồi nói :

- Thật ý-nghĩa và cũng thật vô-nghĩa hai tiếng chiến-đấu.

Chúng tôi cùng im-lặng, Hồi quay lại nói với tôi :

- Radio lại hỏng mẹ nó rồi. Không còn liên lạc được với đầu nữa. Chiến-đấu là cái gì ? Tại sao mình lại có trách nhiệm với những cái không phải là sự sống mình chứ ? Mỗi tháng 1200 đồng có phải là giá để cho mình chết đâu ?

- Tại sao lại hạ-giá công việc của anh bằng một con-số. Tại sao anh lại nói là anh vô-trách-nhiệm trong lúc này. Tôi tưởng trước khi gia-nhập vào cái tập-thể này, anh cũng đã suy-nghĩ, anh cũng đã biết trước những điều đó cũng như đã biết trước sẽ gặp những hoàn cảnh này. Và khi anh quyết-định tức là anh đã nhận lấy trách nhiệm. Tất cả chúng ta đều phải chịu trách nhiệm về những quyết-định và những hành động của mình.

Một tiếng nổ chất-chứa và một viên đạn bay qua lỗ châu-mai đục vào vách trong bên này bức tường. Vừa cát bay xuống đầu chúng tôi rào rào. Tiếng súng ấy nhắc nhở tôi cái hoàn-cảnh hiện tại, nhắc nhở tôi cái câu nói của ngoài kia và đục câu trả lời của tôi. Tôi ra lệnh cho Lực với cây trung-liên ở trong lô-cốt. Tiến nằm nghỉ. Ba đứa còn lại: tôi, Vũ và Hồi ra đào ba hố phòng thủ bên ngoài lô-cốt phòng khi cần dùng tới.

Sau khi quan-sát tình-hình-địch bên ngoài tôi thấy chúng cũng đã cắm trại và sửa soạn bữa ăn. Chúng không có vẻ gì muốn đánh chúng tôi. Tôi bảo Lực đứng gác rồi trở vào thăm Tiến. Tôi bảo Hồi cố gắng bắt lại tần-số với đơn vị. May ra chúng tôi có thể xin được hỏa lực yểm trợ. Vũ trút gạo trong túi ra nấu cơm. Tôi coi vết thương cho Tiến rồi

trải tấm bản đồ ra sàn lô cốt nghiên-cứu. Tôi xác định vị-trí của chúng tôi trên bản-đồ. Tôi thấy hài lòng về mình. Trong người tôi dù mệt mỏi nhưng tôi thấy có chút thanh-thờ. Tôi rút thuốc châm hút. Tôi đốt cho Tiến một điếu và truyền bao thuốc cho các bạn. Bên ngoài trời đã trở chiều, nắng vàng nhạt trên cây cỏ.

Nhìn xuống tấm bản-đồ xanh-rì mênh-mông, tôi rút cây viết mờ đỏ ghi dấu trên chỗ vị trí mình một hình chữ nhật. Đo về vùng có quân bạn tôi thấy hơi xa, ngoài tầm yểm trợ của đại bác. Máy vô-tuyến của Hồi bắt phải làn sóng đài-phát-thanh. Hồi nghe tiếp tiếng hát. Một giọng ca ấm và buồn quen thuộc. Bài hát nói đến đời sống của người lính với người yêu hắt, giọng ca kéo-dài, âm thanh uốn cong. Tôi nghĩ đến Lệ và đêm già-từ, Tôi nghĩ đến ngón tay trắng và dài, đến thỏi son của Lệ trông giống như một viên-đạn.

Hồi để nguyên tần-số nghe hết bài ca rồi vặn chuyển tiếp tìm đài bạn.

Những tiếng gió liên-tiếp hú làm gãy vụn hệ thống. Hồi nói :
- Hết hy-vọng. Chúng mày đừng hồng hồng chờ ở một cái gì nữa nhé. Chỉ còn có hiện-tại đây thôi.

Nói rồi Hồi chuyển tần số về chỗ đài-phát-thanh, lại một giọng hát não-nuột rên xiết.

Vũ rút mẫu thuốc qua lỗ-châu-mai ra ngoài rồi dựa cây phóng lựu vào tường nổi :

- Tôi nhất định không ở lại đây. Tôi không thể tự giam hãm tôi được nữa. Tôi không thể tự đầy-đọa tôi được nữa. Tôi phải ra khỏi nơi này. Chúng ta phải thoát khỏi lô-cốt này. Chúng ta phải ở ngoài rừng rậm kia. Ngoài ấy mênh-mông chúng ta sẽ dễ chiến-đấu. Chúng nó sẽ không biết chúng ta ở chỗ nào. Nếu cứ ở trong này chúng nó sẽ thụt một quả là tan-nát hết. Tôi đã từng nằm trong lô-cốt mấy năm trường. Tôi đã biết cái cảnh nằm sáu đũa ở trong một lô-cốt rồi. Tôi đã thoát ra khỏi cảnh ấy và bây giờ tôi không muốn các anh và tôi phải sống lại cái cảnh ấy. Ở một chỗ, dù là trong một lô-cốt chắc chắn, kiên-cố, chúng ta cũng vẫn là thụ-động. Tôi không muốn thụ-động. Thụ-động đã là thua rồi, Tôi không muốn thua cũng như anh không muốn chạy-trốn.

Chúng ta phải thoát ra ngoài kia, ở ngoài ấy rất có thể chúng ta bị giết nhưng cũng rất có thể chúng ta giết chúng nó. Lực-lượng chúng nó đông hơn ta gấp bội nhưng nếu ở ngoài đó chúng ta cũng có thể chủ-động như nó. Cái khó bao giờ cũng vẫn là thái-độ có dám về làng, vào rừng, lên núi như chúng nó. Tôi nhất định không chịu ở trong này. Còn lý do nào khác nữa không à ? Các anh muốn biết ? Có thể được. Trời chưa tối. Chúng ta còn thì giờ. Nhưng phải hứa là tối trời chúng ta phải thoát ra ngoài rừng đây nhé. Tắt cái radio đi. Giọng hát buồn à ? Trong hoàn-cảnh này giọng-hát không ích-lợi gì cả. Chỉ thức ăn là quý, đời sống là quý. Tiếng hát bây giờ không có giá-trị như tiếng súng nổ. Ừ. Như thế. Cái lô-cốt ngày ấy cũng chỉ rộng bằng cái lô cốt này, nhưng nó bằng đất và bần-thiêu hơn, nhất là về mùa mưa nhớt nhúa lắm... Gọi là tháp canh cho đúng. Tháp canh ở đầu một chiếc cầu nhỏ. Nhiệm vụ là chỉ để canh giữ cầu và khúc đường. Trong tháp canh có năm người với năm khẩu súng. Hai người có vợ ở tầng trên tháp-canh, ba đứa kia ở tầng dưới. Trên nữa là cái chóp tháp dùng để ngồi canh giữ cầu và quan sát xungquanh. Trước kia con đường đó còn có xe-cộ đi lại thường-xuyên. Dần dần địch đào đường và cô-lập tháp-canh. Bọn tôi phải ở trong tháp không dám ra khỏi hàng rào. Những khi cần mua bán đồ ăn của những người gánh hàng qua đường thường thì vợ tôi ra mua còn tôi ngồi trên tháp canh cầm súng hờm sẵn. Tuy vậy chúng tôi cũng chưa bị tấn-công lần nào. Chỉ thỉnh-thoảng chúng bắn một vài phát súng vào vách đất lở xuống rào rào rồi bắc loa tuyên-truyền. Hàng tháng ở dưới quận có lên tiếp-tế lương thực và đạn cho chúng tôi. Ngày ngày chúng tôi chia phiên nhau gác Những lúc rỗi-rảnh chúng tôi nằm kênh ra chống tre ngủ hay tán chuyện. Khi nào nằm một mình thì tôi cảm thấy rõ hơn cái chuyển-động mồn-mỗi của thời gian. Hai vợ chồng tôi ở trên một chống tre kê một bên phía bên kia ba vợ chồng con cái một người bạn. Những lúc không phải canh gác tôi thường nằm gối đầu lên đùi vợ tôi ca vọng cổ. Cũng phiên là vợ chồng người bạn kia lại có một đứa con ba tuổi. Nó đã biết nhìn nhưng nó chưa đến tuổi nhìn tất cả mọi sự-việc. Có một buổi trưa vợ chồng tôi đang thiêu-thiêu sắp ngủ, vợ chồng người bạn nằm rì rầm nói

chuyện bên kia, đưa con của họ trèo chơi trên cái thang lên chòi gác. Chợt người cha bảo đưa con ra ngoài hàng rào chơi. Thằng bé như có vẻ không muốn đi, còn dè-dàng liền bị cha nó đập một cái ngã chúi ra cửa. Thằng nhỏ lồm-lồm cồm bò dậy linh ra ngoài và im luôn. Một lát sau người vợ hốt-hoảng kêu khe khẽ " Đứng. Anh. Để đến đêm ".

Người chồng không nói gì.

Tôi vẫn ôm vợ tôi nằm yên nhắm mắt. Bên kia tiếng chõng tre kêu răng-rắc dồn dập. Tiếng thở đàn ông lại càng dồn dập hơn. Tiếng thằng nhỏ ở ngoài gọi vào. " Ba ơi ". Người đàn ông quát " ở ngoài đó ".

Tôi vẫn nằm yên, vợ tôi mở mắt nằm yên. Tôi nhắm mắt lại, lúc mở ra thì vợ tôi cũng đã nhắm mắt lại. Vợ tôi nằm nguyên một dáng điệu duỗi xòai, đầu gối trên cánh tay. Nó nói nhỏ với tôi nhưng vẫn nhắm mắt " Đến tối anh nhé," Tôi không nói gì. Vẫn nhắm mắt. Bên kia tiếng thở đàn ông vẫn dồn dập, tiếng chõng tre cũng vẫn răng rắc. Chợt người gác ở trên chớp thắp canh gọi đôi gác. Một người khác ở tầng dưới nói vọng : " Tao lên bây giờ ". Người chồng nói vội " thông thả đã nhé " nhưng người vợ đã đẩy chồng xuống chõng đánh rầm. Hấn cầu nhàu một lát rồi bước tới cầu thang nói lớn "rồi đó". Tôi trở mình quay ra mở mắt. Hấn đứng vờn vai gọi tên đứa con. Vợ hắn thì nằm quay vào vách yên-lặng.

Trường hợp như trên xảy ra luôn và lần nào vợ tôi cũng nói trong hơi thở "để đến tối anh nhé"». Đời sống trong tháp canh buồn chán ngày nọ nối tiếp ngày kia. Địch bao vây kinh-tế chúng tôi. Tháp canh bị cô-lập thật sự. Hàng tháng chúng tôi được tiếp tế gạo và đồ ăn khô một lần. Trước thì chúng tôi còn mua được những thức ăn tươi của dân quanh vùng. Về sau không ai dám mang đến bán cho chúng tôi vì sợ địch khủng bố. Vợ tôi vẫn ao-ước mua một con vịt nấu cháo cho tôi ăn mà chưa mua được. Nó biết rằng tôi thèm cháo vịt lắm, mấy lần nó dặn người dân đi qua đường đem đến bán nhưng không ai dám. Vợ tôi buồn chuyện đó vô cùng.

Mỗi khi có người gánh gồng qua đường, chúng tôi vẫn bắt họ đứng lại mở các thùng, sọt cho chúng tôi kiểm soát.

Những lúc đó vợ tôi thường lân-la gần những người dân quê ga mua hộ thực phẩm. Đời sống cứ thế trôi qua. Chúng tôi ăn cơm với cá khô, sáng, trưa, chiều. Những chai tàu vị yếu cùng với những thùng cá khô được tiếp-tế hàng tháng là thức ăn của chúng tôi. Nhưng rồi một hôm vợ tôi cũng nhờ một người đàn bà mang đến bán cho một con vịt. Vợ tôi xách con vịt trắng tay dơ cao nhìn lên tháp canh ra hiệu cho tôi. Mắt nó thật rục rờ. Nó cười với tôi cả bằng môi lẫn bằng mắt. Tôi dơ súng lên ngắm, qua lỗ chiếu môn con vịt trắng đang đưa dưới tay vợ tôi trông thật ngon. Vợ tôi bước vào đưa vịt cho tôi xem.

Trưa hôm đó chúng tôi ăn cháo vịt thật ngon.

Đến lúc đi ngủ trưa, anh bạn chõng bên kia vừa cất tiếng đuổi thẳng con ra ngoài thì ba người bạn ở tầng dưới kêu mất hết đạn. Họ ngửa cổ lên hỏi chúng tôi xem có quên ở trên này không. Tôi đang gác ở trên chóp tháp nghe thế bảo với xuống mấy người đứng dậy đi tìm. Nhưng chẳng thấy đâu. Chỉ còn lại túi đạn của tôi và của anh bạn chõng bên kia. Những thoáng lo âu trên nét mặt mọi người. Vợ tôi ngồi ủ rũ trên chõng. Tôi nhẩm tính số đạn còn lại nếu đem chia cho năm khẩu súng thì mỗi khẩu chỉ bắn được hai mươi phát là hết. Một trăm viên đạn để cố thủ một tháp canh trong một thời gian chưa biết là bao nhiêu ngày mới có tiếp viện. Tôi lo lắng nhìn xuống chỗ vợ tôi ngồi, nó ngẩng lên nhìn tôi. Đôi mắt nó u-tối khác lạ. Tôi hơi nghi. Vợ tôi cúi xuống chùi nước mắt rồi nó ngẩng lên nhìn tôi gật đầu mắt nó đầy nước. Tôi chợt hiểu. Từ tô cháo vịt mà tôi hằng khao-khát tở ý thêm thường hàng ngày đến những tô-cháo vịt mà vợ tôi nó làm cho tôi ăn hồi trưa. Những tô cháo đó là những yếu điểm trong trận tuyến của chúng tôi. Chiều tối hôm đó địch quân kéo đến bao vây chúng tôi. Lúc đầu chúng nó tuyên-truyền kêu gọi chúng tôi ra hàng. Chúng nó còn nói rõ là với một trăm viên đạn còn lại thì chúng tôi chống cự sao nổi. Mấy người bạn kia ngồi im lặng nghe. Tôi hiểu cái im lặng nguy hiểm đó của họ. Tôi rút những kẹp đạn ném phân chia cho họ. Tôi bảo họ cố bắn tiết kiệm để cầm cự chờ tiếp-viện. Họ xách súng đứng ra lỗ châu-mai. Trời nhá nhem tối,

một vài bóng người thấp thoáng bên ngoài hàng rào. Mấy người bạn của tôi đã bắt đầu bắn. Sau đó súng bên ngoài bắn vào dữ dội. Những bóng đen xô tới sát hàng rào lỗ nhỏ và chúng tôi bắn ra và chúng nó ngã gục. Bắn được mấy phát không ai bảo ai chúng tôi cùng ngưng bắn. Tôi đưa tay sờ những viên đạn còn lại trong túi. Ít quá. Nhưng không thể dừng được, địch quân đã vào tới hàng rào. Mấy người bạn kia bắn liên nhiều phát rồi họ cùng xô nhau nhảy ra ngoài phía sau. Từng loạt đạn quét họ ngã sấp xuống. Tôi biết là phút lâm nguy đã tới, tôi cầm khẩu súng và giắt vợ tôi bỏ ra bờ kinh. Hai chúng tôi cùng nhảy xuống nước bơi chạy trốn. Trong nước lạnh buốt vợ tôi bứt khỏi tay tôi. Trong giây phút đó tôi không hề nghĩ gì đến những lỗi lầm của vợ tôi cả, tôi quờ tay tìm nó nhưng không thấy. Từng loạt đạn lùm-bùm trên mặt kinh, tôi lặn ngụp xuống bơi theo dòng nước. Thình thoảng tôi ngóc đầu lên thở để kịp nghe tiếng đạn nổ xé nước. Vũ ngừng kể, Tiến, Lực, Hồi và tôi vẫn ngồi im. Lát sau tôi hỏi Vũ :

- Như vậy là chết cả đồn, kể luôn cả chị ấy.

Vũ gật đầu hỏi tiếp :

- Các anh hiểu tại sao tôi không muốn ở trong lô cốt chứ ? Các anh phải hiểu những người đóng đồn là những người cực khổ nhất. Đời thì như một nhà tù, thể trận thì như là một tấm bia cho quân địch nhắm bắn, những người đóng đồn. Nhất là điều mà họ bị đặt vào một thể trận "không trở mình được". Thực ra thì họ cũng chẳng biết là họ đã hy sinh và hy sinh nó có một ý-nghĩa cao xa gì. Ở trong hiện-hữu thì khó mà biết được hiện hữu là vất vả.

Tôi sợ đóng đồn, tôi sợ ở một chỗ, tôi sợ làm tấm bia...

Tôi yêu-cầu các anh hãy bỏ nơi này, ra ngoài kia sẽ có điều kiện cho chúng ta chủ-động. Đóng đồn là cố thủ, là bị-động, là một thứ chạy trốn ngay từ trong ý thức. Chạy trốn kẻ như đã là thua. Tôi không muốn những thứ ấy.

THAO TRƯỜNG (Trích trong truyện dài CHẠY TRỐN)

(Văn Nghệ số 24 tháng 6 & 7 - 63)

PHAN TẤN UÂN

Đêm mù mờ địa

(Ý Thức số 11 ngày 15-3-71)

Bãi chiến mưa bay, úng lạnh. Hơi lạnh phủ xám cánh đồng mía rậm rì mặt trước. Mặt sau và lần trước một khoảng ngắn : mả. Những chiếc mả non nhấp nhô đầu vú màu đất ướt vàng sữa, cỏ chưa mọc hay chỉ xanh mướt một vài sợi, rễ khều nhẹ trên chớp. Nghĩa trang tân lập đất bồi. Chôn ai ? Ngôi làng nào bẹp dí xuống đây ? Dấu tích nào trợn mắt hờn oán... Những sợi cỏ thê lương trên những mả non vô chủ. Lạnh. Như một vết thương chọt đến cửa nhức cằm cập trong tim. Cánh đồng mía gió rì rào trên từng lớp sóng, bóng địch mờ mắt nằm tri đầu đó, sâu cứng dưới đất những rễ nhánh rễ phụ khuất chìm âm hơi tiếng động, nghe ngóng giữa lòng mưa bay ào ào từ một góc trời, một hư-ớng đất những động tĩnh chực chờ chuẩn bị. Mỗi chốc thời gian bầu sít nhau, nín khe giữ mô hình không gian, cảm giác. Đơn vị tăng phái. Hai thằng hai tiểu đoàn. Một tiểu đoàn chờ im thao láo mờ mắt chờ địch. Con sông nhỏ bọc dài phía sau ruộng mía. Bên kia sông, Lĩnh dẫn toán thám sát dò tìm hơi hám. Hẩn bước tới, nhưng mắt hẩn gặp rõ đoàn quân sau lưng. Tọa độ X đánh dấu trên ngôi chùa Y. Bộ phận chỉ huy, ông sếp trận vai dài mặt sắt. Cây súng, viên đạn phù trợ nghiêm lệnh vang trời. Nằm xuống. Đứa nào ngóc đầu lên, tao nẽ. Nẽ là chết. Chết . Chết. Chết.

Không ai muốn chết cả. Vực thăm đó. Đẩy tới, chúi xuống, một tích tắc, một hít vào, một thở ra, chút xịu nữa, lũ khốn sẽ nằm rũ mục xương, nhưng đứa nào cũng khiếp lệnh run sợ hồn đạn chỉ huy, tiếng hét xua quân vọt từ miệng họng có gang có thép. Đoàn quân thứ hai sẽ đổ về phía bên kia bờ sông ba bên bốn mặt. Trục thẳng mở bụng nhả ra những ngọn lá rơi xuống, vùng vẫy. Lính bộ nhập vào. Toán thám sát của Lĩnh bơ vơ trợ trụ bọc soát không gian. Không

gian ngó thì mệnh mông trông trái, nhưng hấn không dòm thấy gì, hấn tưởng cái vàng không khí nặng trĩu như một khối thép chặn mù ngang mắt. Trí óc Vi mãi khôn khổ nghĩ tới thằng Lĩnh lúi thủi bên xa phía sau ruộng mía. Hai số phận bạn bè thân thích, nỗi khổ chỉ biết chửi nhau nghe. Hai đứa chỉ còn hai cái xác tạm bợ, chờ vợ.

Sau một trận đánh, ôm nhau nước mắt chảy dài, thần hồn thần phách quần sát đầu dưới lòng đất vùi cốt vô danh. Chiếc máy truyền tin bất động trông chờ hơi ấm. Tàn số đó, lầy mẩu, bất sống. Sống tắt nghẽn im bật. Lĩnh . Lĩnh

Mày đâu ? Hay hấn... Gió rừ rừ da diết. Thằng Vi cong rút thịt xương trong áo, nằm chờ. Tiếng hấn len lên thật khẽ :

- Ai có thuốc ?

- Thuốc quân tiếp vụ, chuẩn úy.

- Tôi nói thuốc. Tôi không nói quân tiếp vụ, quân tiếp vụ gì hết. Anh châm dùm tôi một điếu.

Tay người trung sĩ lun run kéo bao thuốc bọc nhàu mềm nát :

- Uớt hết, sợ châm không đo.

- Anh cứ đốt lên . Đốt lên cho ấm. Địch đang trốn.

Tôi đoán bọn chúng chuẩn bị tử thủ trong ruộng lúa, cố sức ăn mình.

Chăm lửa lóe lên, điếu thuốc cháy ngùn, ị ạch hơi khói. Địch sẽ thấy ra ngoài mệnh mông. Vi ở vị trí đó, nơi một làn khói bốc ngùn yếu ớt đánh dấu trước tầm mắt cú đêm len ra khỏi những khe sáng giữa thân mía cao che phủ đầu địch. Thuốc uớt, điếu thuốc quăng vút vô dụng.

Không có hơi lửa sưởi ấm ngõ ngách tâm hồn.

- Ớn Trắng. Ớn Trắng . . .

Tiếng Vi réo vọng trong máy, dò tìm. Ớn Trắng là Lĩnh, đưa bạn hấn sục sạo mò mẫm góc trời. Ớn Trắng không bay tới. . . E hấn. . . Im bật tiếng trả lời trong máy. Vi đưa mắt hỏi người trung sĩ. Tại sao Lĩnh không nói. Ở đây nổi bất lực ghê gớm. Những khó đoán vô cùng thăm thẳm. Ở đây lời anh nói trí anh nghĩ như cơn viễn mơ dài xáo lộn nổi chết xanh xám da người . Vi biết có thể địch nhắm tia bắn nát đầu hấn, hay ít ra bằng đủ cách, phải vô hiệu hóa

chiếc máy truyền tin, thần kinh hệ chiến trường. Vì nó, những cánh oanh tạc cơ sẽ nhào tới, vỗ đập nhai nát từng sợi tóc ngón tay những tên địch cứng cổ. Chỉ do một lần sóng. Sợi anten cần chúc chúc xuống, kín sau tầm mắt hướng đúng vào phía nhận được mức độ tiếng nói mạnh nhất. Một chốc nữa, tiếng gọi the thé vang kêu thất thểu, Vi sẽ xoay lại hướng, chỉnh lại máy. Người trung sĩ kìm giữ cây súng, cái nhìn nung đỏ chĩa thẳng phía trước, hai chuôi con mắt còn muốn quét kỹ qua các hốc đất bụi cỏ nằm rộng hai bên hông bụng. Những hàng cây thưa thớt mọc rải trên mặt đất mới. Những ụ đất nấp mả vun cao, ép mình khuất sau đó từng tên lính trợ trụ. Vi kê lưng lên ụ đất, hai cẳng chân khi duỗi thẳng muốn dính cứng xuống. Từ sáng, hắn theo một lộ trình ẩn kín an toàn xuất phát từ điểm tập trung chạy băng qua cánh đồng cỏ hiu hắt. Giống trăm bận trước, hắn và Lĩnh được ném tới một địa danh lạ hoắc, ngỡ ngác. Một tấm bản đồ, một khoảng thời gian nhận lệnh, mỗi đứa công nặng trên vai một phần hành lùi thui ra đi, có lúc chợt thêm khát tâm trạng Kinh Kha trên bờ sông Dịch. Vì khe khẽ cời nút quần, đái nhẹ ra xa chỗ ngồi. Hắn bao quát tầm mắt trông khắp cánh đồng. Cánh đồng chừng năm bảy mẫu đất gọi được B-52 Mỹ tới, chỉ cần cày vài mẻ là yên trí từ tên lính quèn lên ông tướng sư đoàn. Người trung sĩ khi nhìn chăm vào những lùm cỏ thưa thớt, nói qua Vi :

- Mấy lùm cây đáng nghi thật, chuẩn úy. Hồi trước đánh Tây, một lần lính Việt Minh ngụy trang thành cây cối diệt gọn cả một tiểu đoàn bạt-ti-dẫn...

Người trung sĩ định nói hết câu chuyện, Vi đưa một ngón trỏ chặn dọc miệng, lăm lét dòm rõ phía trước. Một chập không thấy gì hắn đáp lững :

- Chuyện anh nói, tôi có nghe . . .

Câu chuyện mất hút. Có nhiều chiến thuật ma quái lạ lùng thời kháng chiến vẫn còn tồn tại áp dụng trên một chiến trường miền Nam bây giờ, chỉ thêm một vài chi tiết nhỏ để phù hợp với địa hình, tâm lý. Khi sáng chế mưu thuật, địch nghiên cứu kỹ thực địa, sự thành công nhiều khi quá sức tưởng của chúng ta. Bây giờ nghe chiến thuật ong vò-vẽ địch áp dụng đặc biệt nhắm vào lính Mỹ. Lính Mỹ từ vùng lạnh, hành quân qua vùng nóng, ở trần trụi trụ. To

con , mỗi chiếc thân phúng phính đầy đà mở thịt như miếng ngon đặt trước đàn ong. Một mũi chích, trăm ngàn mũi chích, cánh tay mặt mũi sưng vù nhừ nhối tán loạn hàng ngũ, còn trí óc nào định tĩnh trong cơn chạm loạn súng đạn đầy trời các cùm bối rối. Trên đường hành quân vào các làng mạc xa xôi, rừng rú cỏ rậm, mỗi ngõ vào lù lù vắt kín trên hốc cây cành lá che phủ những tổ ong nọc độc, lay động ngọn cành, lũ ong ào ra, bổ xuống. . . Chuyện anh nói, tôi có nghe. Ngày trước một đơn vị Partisan dừng quân hạ trại ngơi nghỉ khi trời sập tối trên một bãi đất cỏ lúp xúp nhiều lùm cây trải rộng xa xa bao quanh khu vực đóng quân. Lính gác gác đã canh kỹ hơi hám du kích , động tĩnh tình hình. Lính VM nằm sẵn sâu dưới mỗi hầm cá nhân, nín thở co rút chờ chực đầu trước đó. Có thể lúc đó trưa đứng nắng hay vào một thời khắc im rợn hiu hắt nào đó trên bãi đất trống. Che giấu kỹ tông tích, bãi đất chỉ còn cây cỏ quen thuộc thiên nhiên. Lũ đánh thuê không đánh hơi tìm kiếm gì được. Ra tay . . . Trời đen mù phủ tối, những lùm cây im lìm chuyển dịch xâm thực mặt cỏ, dưới mỗi lùm cây một lính VM cầm cứng những cành cây nhẹ đưa lần tới trước. Ép vào. Ép sát vào... Tiếng hô lệnh xung phong, quảng xuống hết những chướng ngại nguy trang. Xung phong . . .

Khu đóng quân hỗn loạn. Những nhát mã tấu. Những chiếc đầu rơi. . . Câu chuyện chiến trường cũ Vi còn nhớ mỗi bận hành quân chong chanh mạng số. Những lùm cây : người trung sĩ ngẫu nhiên ngại ngập. Nổi lay lắc rập rình chiến trận tự dung cùng sống mạnh trong cõi lòng Vi, trong người trung sĩ. Vi đưa mắt rà khắp khoảng vắng. Một ngôi làng. Một thôn bản hay một nhóm di dân tới tả sau cơn đại nạn đứt lìa mạng sống ? Mảng tro xám đen nhòa lẫn trên tuột nền đất, vài cột tre mục rã chờ vợ đợi chờ. Một dãy nhà quy xuống tan nát, mất tăm bóng người. Những người nằm trong lòng lũ mộ non, bịt bùng tức tử oan khiên. Cắm cho nắm nhang, thấp cho ngọn khói. Hà xuống hơi thở phủ xuống những tháng ngày lạnh lẽo. Ai nghe chi không ? Nghe chi không tiếng nước nở gọi đờ. Một đời sau chập chờn hú thét, trả oán tới ai, cháu chắc kéo đàn xập xĩa kinh mờ rụng rời tìm dấu cha ông. Chết trụi cả cành cây cho hồn oan vất vưởng, hai tay bung đầu gọi mẹ kêu cha, mắng người

chửi vật. Hết. Hết rồi... Sao còn ghệt thờ ? Khối tháp nào đề cứng xuống đây. Hãy ngó quay vòng khác những hận thù man rợ thú rừng. Ngó lơ đi, nói rộng ra vòng thất oan trái, ôi những vòng thắc ôm nhau ứa lệ ngàn hàng. Đi rồi một đũa. Trăm ngàn đũa đi rồi. Vuốt mặt tiễn nhau vĩnh biệt sau cùng. Cho xin giấc ngủ bình an trong gió buồn mộ địa heo hút đêm sương. Vì quận thất trong cơn gió tru réo ma tinh. Rồi hấn cũng chết nhản rằng nhập bễ méo họng trợn mắt lờn vờn quỹ sứ. Kéo nhau tới nữa đi, dãn ra, giết nhau tới nữa đi. Lòng đất chưa thấm máu đỏ giồng rập ràng tuôn biển. Chưa chi hết...

Máy bay cỏ nâu lính thú gằm thét bổ về. Một con chuồn chuồn lợn vòng chao cánh lò dò trên đầu ruộng mía. Đàn cá sấu xẹt ngang một chớp khói vùng trời tử thủ rồi quay lui rẽ rạch nhiều đường bay đan dày thành tấm lưới chụp xuống đầu địch. Bom... Bom là những khúc sắt từ bụng cá sấu rơi dần dần. Rớt xuống. Nổ. Tiếng nổ bung đất bung đai. Khói đen đặc quánh cuốn núi. Những khúc sắt rải đều gieo xuống chết chóc – chết ai trong đó ? Máy đũa nghịch tặc cứng cổ. Một đơn vị rầm rộ tràn tới. Xe bọc sắt hai chiếc đâm chĩa về hai góc ruộng mía. Đại liên năm mươi chúi xuống. Quét. Quét toi bờ lá liễu. Đạn mấy thùng. Hai khẩu đại bác nằm ngóng phía sau. Rớt. Rớt tới yểm trợ tung bùng. Hai người lính loăn quăn gánh đạn : lạ vô cùng hình ảnh những dân công yểm trợ chiến trường thời Tây, bây giờ xuất hiện trước mắt Vi. Một khúc cây đòn gánh gác ngang hai vai. Sợi dây bó ba thuồng trái đạn, rị xuống. Buồng thông. Bước chân thúc tới vô vập. Bỏ đồng đó, trở lui tiếp đạn - những khúc đạn độc hiểm. Mau lên. Một tràn phóng ra, ba bốn quả nhào tới , tiêu ma óc thịt xương vôi đất nhão. Có thằng nào toét bụng sứt môi rên la thảm thiết. Gió chém mạnh như lưỡi dao cứa ngọt, cứa sâu động tim rúng óc. Đùng khóc. Tiếng khóc là thù địch chiến tranh, con sói hỗn mang nuốt trứng tình nghĩa hình hài lớp lớp. Máy giờ rồi ? Bầy . Bầy giờ tôi mập mờ ề ạch giết chóc.

- Ớn Trắng . Ớn Trắng . . .

- Sơn Ca. Sơn Ca. Tao đây Vi.

- Lĩnh . Lĩnh . ĐM mày. Tao đang rầu rĩ, cứ tưởng...

ĐM chạy đâu hồi trưa tới giờ ? chờ mày một lần tao đá

trong quân ...

- Vi. Im đi. Tao vừa sống lại. Mày nghe chưa ?

Tao vừa hụt chết ...

Im rộn cánh đồng. Bộ binh thả lưới tràn tới nữa. Từng đợt chạy tháo một hồi, tìm hốc tìm mả nằm xuống thao láo đỏ kẻ con mắt, nhắm súng giữ cò. Lốp súng đỏ nhốm dậy, ủa tới hàng ngang. Một chặng tiếp tới, nằm xuống hồi hộp. Một còn một tiêu ma, biết tiêu là hết nhưng muốn bắn. Khói thuốc súng sẽ xông lên mê vùi diên say. Quên hết.

Nằm đợi những giây khắc căng phòng trí óc, dăng đặc rụng rời như hơi thở ngoi ngóp. Khối đen của đêm rơi bịch xuống, đồng lõa tối ám. Những trái sáng phụt lên không, vạch rõ mặt mày. Một trái tắt ngùn, trái khác nổ bông rực rỡ. Mờ sau ngọn sáng lơ lửng, bầu trời xám đặc đông cứng, những tảng mây chồng khít lên nhau như da đá chì bọc ngọn núi trọc. Mưa rớt nhỏ hạt, cuốn lửa trong gió âm u buồn thảm. Như trong đó có tiếng kèn đưa ma áo não dựng dậy hay hình thù con đồ đưa xác lửa về trong trí, da thịt sượng sùng nổi cao gai ốc. Vì đã hốt hoảng lần đầu khi nghe tiếng kèn xung phong dữ dằn phía địch rộng lên, tiếng rống ộc ộc ghê hồn như một con bò bị chọc tiết. Tiếng kèn tác dụng ngược trái hai chiều vào tinh thần lính chiến hai phía.

Một phía đã làm chủ chiến trường, chuẩn bị tinh thần, tiếng động nào cũng có thể thôi thúc chiến đấu. Những cuộn phim dựng lại cảnh tấn công của đế quốc La Mã thời cổ đại, ta nghe nhịp trống dội động giục giả nhào tới, nhịp trống lừa tập lòi ta nhõm dít đứng lên, giật tay thúc cùi. Thêm vào, tiếng lính trận reo hò lúc nào nghe cũng lạnh gáy xôn xao cảm động ngậm ngùi bởi trong đó hàm chứa nỗi chết, hét lên cho hả giận, sau đó, không còn nữa, những tiếng kêu bi thảm sau cùng của đời sống không trần trối dằn dò ...

Tám rưỡi tối. Ớn Trắng, Sơn Ca ơi ới gọi nhau, hôn nhau trên làn sóng. Sóng diên chuyển mang tiếng nói, thương yêu bạn bè. Lời Vi, lời Lĩnh nghẹn ngào trao nhau cõi lòng xoáy hút tâm tư.

- Ớn Trắng. Tao cầu nguyện cho mày đêm nay.

- Sơn Ca . Mày đợi tao. Bọn hần đang vượt sông mở đường máu...

Tiếng Lĩnh ngưng bật. Nước mắt dồn nén trào ra, cổ họng ảm ức. E hần... Gió rít vì vu. Mới chừng năm phút Vi réo tên Lĩnh trong máy thất thanh . Hần muốn gọi dòng nước mắt thương tiếc trên lưng làn sóng. Lĩnh . Trả lời tao... Làn sóng yếu ớt không mang nổi nước mắt tiếng khóc Vi.

Đạn năm mươi trên hai con cua khật đều từng loạt vào mấy lùm mía. Lúc này lũ cá sấu cũng đã chà nát cánh đồng. Cánh đồng mía như một mái tóc con gái ngọt lịm chấm vai, giờ đã xài xạc tan hoang. Những thân mía sập ngã chông chênh, những lỗ đất lẩn lóc ngáp thở. Không biết gì tình hình bên kia sông. Vi nghĩ tiểu đoàn đi sau anh đã tới dần quân bọc chặn đường địch tháo lui. Mặt trước, bộ phận Vi tăng phái ép địch lùi sâu xuống sông, mặt sau hờm sẵn một lớp vây chờ chực nhai tươi nuốt sống, trên đầu máy bay mưa bom xối xả từng hồi, địch không nổi chịu thấu. Tuy nhiên , trong chiến thuật, phải cho địch một lối thoát.

Phía bên hông ruộng mía nổi qua một vùng cây cối lưa thưa chạy dài tới ngút tầm mắt, thênh thang nhi nhúc ngó thấy có thể là khe hở để địch tháo chạy khi cùng đường. Máy bay sẽ chặn đánh phủ đầu nát vụn xương da. Ý nghĩ về trận đánh chen lẫn những lo tìm đứa bạn quanh co trong đầu . Chiếc bẫy . Mỗi phía giăng sẵn những chiếc bẫy chờ đối phương, ngay cả khi thế cùng lực tận. Bọn hần đang vượt sông mở đường máu, tiếng Lĩnh báo tin chiều hướng chiến trường đang đi ngược chiều Vi nghĩ. Mười giờ khuya. Gió lạnh cứng trên môi khô cổ đắng, chân tay co run lẩy bẩy. Những trái "phụ" soi sáng liên hồi như những ngọn đèn treo chi chít lưng chừng trời. Từ khoảng trưa đặt chân tới bãi, phía Vi hoàn toàn chưa chạm trán, bóng địch mãi lẩn sâu né tránh. Vi và đồng đội nằm cứng một bề, tư thế sẵn sàng đợi lệnh, đồ ăn khô lòi ra ăn ngấu nghiến. Xác thân hình nộm mệt lử, như nhuyễn như một xác mằm đã lã buông xuôi . Góc trời phía trước ngã bên bờ sông, những tia đạn lửa bẻ cong vọt từ dưới đất tạt qua hướng Vi. Đạn nổ nghe thật gần , những viên đạn hạ xuống quanh quất đây đó. Cứ khép mắt quên vùng chiến trận , âm thanh rần rần của

những loạt pháo cũng náo nức như đêm giao thừa bập bùng tia lửa. Người trung sĩ về mệt mỏi :

- Chắc cả hai đang thọc huyết nhau bên kia...

- Tôi cũng nghĩ thế , Vi nói.

Xấp lá cà ôm nhau vật. Những thế võ . Chém treo ngành ... Máu rùng rùng tung vọt, đầu rơi mắt còn trợn ngược, tiếng chửi cuối cùng vừa khép. Vuốt mắt đi thôi, một ngàn mãi năm sau nhắm tít ngủ vùi đất đen. Những đường dao múa xiên múa xẹo, tiếng reo la gầm thét dọa nạt.

Nằm sập xuống những cây khô đốn ngã. Ai say máu người ? Chưa ôm nhau thịt , thịt nhau là hết đời thằng Vi , thằng Lĩnh, người trung sĩ theo chân sưởi nóng tâm hồn.

Hai người còn đây ngóng mắt thương theo. Thằng Lĩnh chao ôi, một đời bấy giờ hấn mới ôm xoát hình nhân đối địch loanh quanh vầy vùng. Hấn nghĩ gì mùi hôi ẩm mốc trên đó. Hấn nghe không tiếng động ì âm giục xé trong hai nắm tim tử thù ! Hấn biết chi kẻ địch đầu óc tư tưởng trái xoáy cuồng điên. Hấn thấy không bàn chân những ngón co quắp giao chỉ xa vời tổ tiên. Còn gì nữa . Biết rồi . Kẻ thù chỉ sáng lửa ở đây, trên xương trên thịt. Mồ hôi mốc ẩm da vàng quen quen ruột thịt, giồng máu chảy từ đầu cổ xuống tới cà-mâu trong cơn nạn nhỏ chéch lệch hướng nguồn. Vừa mới đây tiếng mẹ tiếng cha, lời lời bắc-trung-nam thủ thi êm đêm, tay chân ấm áp. Vừa mới đây, anh nói tôi nghe, tôi la rầy anh nhịn nhục, niềm thương như biển sông đầy, nhục nô lệ ôm nhau cùng khóc. Cùng bốc lửa cầm hồn, chun rừng lợi suối khổ ải vô song, tôi đốt lửa anh ngồi một bên, hơ tay hơ chân xuýt xoa nhìn nhau cảm khái mắt lệ rung rung đất trời lên tiếng khen thầm, hồn sông núi tổ tông linh thiêng phù trợ, anh vung tay thề, tôi quỳ gội lạy, những lời nguyện có thánh trên tay, có Chúa trên vai, có Phật trên đầu, thời gian thoảng chốc như bóng nắng nghiêng qua, thoảng chốc như mịt mù vô tận, sương núi lênh đênh biết ngày nào dòm ngang thế giới không hở thẹn mặt mày. Tôi với anh như đò như sông chờ đầy thương yêu nhớ tiếc tình người , bài hịch sát đất lạnh lạnh còn đây.

Bây giờ. cùng nói một lời, anh hiểu một đường tôi nghe một ngã. Khi anh chửi rửa qua ngông cuồng có thể là lòng anh đau cắt nhớ vợ thương con nơi vùng tôi lui tới cửa

nhà, có thể là anh chẳng ghét nỡ chi tôi tội lỗi nửa đời theo bấy xiêm nịnh vong bản vô lương. Khi tôi cầm súng bắn nát đầu anh, vinh hạnh gì đâu mà tung hoa chân chính, có thể tôi nhắm mắt bắn cần bắn khôn, lìm chìm say khói súng mê man. Có thể anh nghĩ gì tôi cũng biết. anh nói gì tôi cũng hiểu, nhưng lòng trời cột miệng bẻ răng, bỏ tù bỏ bớt, tôi mù lòa mang hèn đón trong tâm. Còn biết trăm năm những điều phải nói.

Gần mờ hai giờ khuya. Con lạnh băng cứng chai lì. Súng lớp lớp xé thêm mỗi góc trời về hướng đám cây nổi hồng ruộm mía. Chùng như một số nhỏ lính địch ló đầu qua đó. Phía bộ phận Vi sôi động dậy mình. Một lệnh mới âm thầm len nhỏ. Từng cái bóng đen mờ mẫm bò tới. Kín cản dề chùng, những con bò sát lê chân lét tay kéo súng kéo dây chuyển dịch lần hồi. Bò. Bò cho máu nóng rần rần chảy cuồn tim óc. Những còi sống lênh bênh gió vập tai ương. Vài cánh tay thủ lệnh, khêu mờ trong đêm. Nhào phất dậy ! Rút cổ chạy ! Người chỉ huy xông lên đâm bổ dẫn đầu, qua một khoảng, rạp mình xuống sau một mô mả. Những đứa con quần quít nằm vội xuống, hàng ngang. Bò, chạy, nằm, xóc lên, xóc xuống, đến một giờ sáng, bố trí bên bờ ruộng mía. Súng lớn súng nhỏ vẫn báo động đều đều bên xa bờ sông. Bắt từ lúc tối trời, địch đã tung nhiều đợt tấn công có tính cách nghi binh hơn là quyết định. Lực lượng phía Lĩnh với pháo binh thiết giáp yểm trợ chưa giải quyết nhanh được chiến trường. Theo cường độ tập nã quy mô như vậy, địch luôn tìm cách chứng minh sự có mặt không hề nao núng của họ. Lĩnh vẫn bất tin từ tám rưỡi tối.

Năm tiếng đồng hồ dằng dặc thồn thức, lì lợm trôi qua trong Vi. Dễ chùng cách khoảng năm phút, tiếng gọi the thé Ớn Trắng, Ớn Trắng nổi lên vô vọng buồn thảm. Vi nóng ruột nóng gan tin nằm thẳng Lĩnh đi rồi. Con đau xoáy tròn nhưc nhôi. Một đời Lĩnh là Vi. Một cặp đứa ăn chung ngủ chung, bơ vơ một nỗi chết không còn ai hiểu. Hai đứa như thân cù lao nhỏ ngoi đầu lên thờ giữa trùng dương sóng dữ. Ra khỏi từng hang cộp, mỗi đứa che giấu những ra-đi-không-trở-về, bởi mẹ biết sẽ bùng mặt khóc tủi, còn cha thì đứt ruột cào gan không ngờ tình anh huyết thống mình lại

phiêu hoang lạ chợ ác đức như thế. Ngày ngày mỗi đứa lớn lên chỉ rờng có súng đạn vô tri mới có quyền trên thân trên xác, mẹ cha chỉ còn chơi với trông theo.

Những lúc Vi ngó thật sâu vào tâm tư Lĩnh , hẳn nom rõ những hình thù lông lá dị kỳ của nỗi ám ảnh bất trắc nhảy múa. Sự thật chung bày rõ mòn mỏi, che lấp bích chương biểu ngữ, nhận chìm ảo ảnh khói sương. Mặt trời mỗi xoi sâu ám tối, những gian manh càng lươn lẹo chường ra. Còn chi đâu ? Những đứa con lạc đạn trôi sông, phách hồn tán lạc . . .

- Ớn Trắng. Ớn Trắng...

Vi gọi nữa. Lần thứ mấy trăm hẳn dai dẳng kêu ca.

Mấy trăm lần kêu than. Lĩnh vẫn im lìm. Mày bỏ tao đi, tao sống với ai ? Sao mày không nói, dù một lời thoi thóp cũng cho tao được tiền mấy lần cuối đi đời nhà ma . . .

Không . Mày phải sống, còn con mắt nhìn tao, còn miệng hòng hả to hả nhỏ trần trời bụi ngùi. . .

Vi nắm combiné đập xuống giận dữ. . . Đ M . . không trả lời. Người trung sĩ khẽ nhẹ ôm theo chiếc máy soi dưới bóng chiếu của những trái sáng, đổi qua tần số khác bắt sóng từ một máy phát nào đó. Thử tốt. Khi tin Vi biết điều này, hẳn vẫn hung dữ :

- Thăng Lĩnh chết rồi . Con c.

Người trung sĩ lí nhí một câu gì đó an ủi Vi trong lúc Vi đã nằm duỗi xuống ngất xỉu . Trí óc hẳn căng thẳng quá độ qua hơn năm tiếng đồng hồ. Một tháng trước đi bệnh viện, bác sĩ cho nghỉ một tuần, cảnh cáo hẳn đừng để bị xúc động mạnh, hẳn đang yếu tim. Đơn vị trưởng thương tình cho hẳn nghỉ dưỡng luôn hai tuần. Chuyến này trở lại nghiệp dĩ, như thăng Lĩnh nhập chung toán hẳn chắc hẳn vẫn bình thường khệnh khạng súng bom. Hình như có mấy đứa con lạc đạn chết bên phía hẳn.. nhưng hẳn không để ý. Hình bóng Lĩnh cao lớn dềnh dàng chiếm đầy trí óc hẳn. Những loạt súng nổi lên từng hồi, chóc chóc lại nín thính.

Người trung sĩ xòe lớn bàn tay vuốt dài ngực Vi. Hai đồng đội hẳn men lần trong tối đỡ nhẹ Vi lùi sau ranh tuyến. Làn mưa bay lệch theo chiều cơn gió khuya trải lớp trên đầu mệnh mang những đứa con khốn khổ ngập mô, sục

sùi. Không đánh đấm, mà nằm trơ xuống đó tới suốt sáng lũ con chắc sẽ chết cứng đành đoạn, Tình hình bên kia, hai bên hầm hè tiến thối nhai nghiền cầm chừng. Địch bám sát lợi dụng hệ thống địa đạo chằng chịt trong khu ruộng mía.

Những bận tung quân nghi binh, địch xuất phát theo chiều hướng khác nhau. Suốt dài theo vòng vây, địch găm gù như có ý chọc thủng một lượt hết luôn cả phòng tuyến. Dưới ngọn sáng mù mờ, từng toán địch năm bảy tên lần mò vượt sông khuấy phá, đồng bọn đua nhau khạc đạn yểm trợ, trời đất rung chuyển tưởng chừng cả đại bộ phận nằm chờ dọc mé sông. Từng tên địch thối, gặp đại liên đồn ngã, chết quay.

Phòng tuyến kéo dài dần ra, quân rải thêm ,chẽ mỏng. Vùng cây thưa nổi hông cánh đồng mía, địch thường xuyên khuấy động, nhữ hướng. Hai giờ sáng, phía bộ phận Vi được tung vào ruộng lục soát, quây nát hầm hố. Khi Vi tỉnh hơi, hấn trở lại hàng ngũ nghe ngóng tin tức Lĩnh .Không thấy gì hết. Bảy tiếng đồng hồ dai dẳng u phiền, trôi đi mệt nhọc. Lục soát...Khu ruộng mía nát hoảnh , những hố đất vất vả theo từng gốc mía đổ nát tan hoang. Vài tên địch banh thầy, xác nằm im vô tình. Tìm sâu nữa. Vài loạt súng địch bắn lẻ tẻ quá gần. Lệnh ngừng, bố trí ,chờ. Một lúc sau, chiến trường đột nhiên im lặng khó hiểu. Bóng tối chờn vờn quái dị rợn người.

Bốn giờ sáng : trận đánh kết thúc hầm hè dứt bắt. Đạn nổ liên lu bất tận. Không hiểu bằng cách nào địch đã vượt sông âm thầm tập trung toàn lực rồi tung ra một mũi dùi nặng ,chia thẳng vào bộ chỉ huy. Trận đánh cận chiến nổ bùng, trái với xẩm tối Vi từng đoán phỏng ở bên này sông. Rồn rảng giết nhau chừng một giờ, trận chiến tan. Tan luôn không còn một bóng dáng địch thấp thoáng trong cánh đồng, bên kia sông. Vi rầu rĩ liên tưởng đến vuông mặt cô hồn tội nghiệp của đứa bạn, chắc một đời hấn thương nhớ khôn nguôi. Vài cái bóng đen khắp khênh từ hướng con sông len về ruộng, những cái xác vô hồn lạc chợ trong nhóm tàn quân tìm về anh em. Những vòng tay mở rộng ôm xoát nghẹn ngào. Những giòng nước mắt kinh khiếp trào ra. Những hơi thở hào hển, từng tiếng nói đứt cụt diễn tả trận

chiến thảm khốc sau cùng. Một cái bóng lẻ loi mờ nhạt gập ghềnh từng bước đi yếu đuối như thằng uống rượu say khướt quên đời. Cái bóng run run bám víu trời đất, lùi thối mò đi. Trong ám ức nhớ tiếc của Vi, một trăm phần trăm thằng Lĩnh đã thật sự tiêu ma. Hấn dớn dác tìm anh em trong nhóm quay về, không thấy Lĩnh. Hấn đưa mắt hướng theo bóng đen lẻ loi lơ mờ trong ruộng thưa, len tới phía đó. Chùng dòm mặt bóng đen, Vi. khăn cổ la thất thanh :

- Lĩnh... Lĩnh...

Thằng Lĩnh thất thểu bước, mặt thất thần với dòng nước tang thương ứa ra. Lĩnh nhào đầu vào ngực Vi, buông thả thân xác phó mặc bạn hấn. Một vết thương chề ngốt bấp vể. Lĩnh lết xuống mé sông giấu mình sau lùm cỏ rậm .

Máu chảy nhiều, khuôn mặt nhợt tái thất sắc. Hấn quơ đại một nắm cỏ đắp vết thương, máu ngừng chảy, rõ ra mới hay hấn nhỏ đúng thứ cỏ mực mọc nhiều trong vùng này.

Nằm xuống đó với tan trận, hấn chơi với bơi qua sông, lết về ...

Cơn mưa luôn theo gió réo vi vu còn quạt mạnh trên đầu cánh đồng, những mả non nhấp nhô. Hình ảnh đám tàn quân Phi châu sau đại nạn Điện Biên thất thểu xơ xác trở về hóa điên hóa dại vụt qua trí nhớ Vi. Tiếng than ám ức, sụt sùi, nhều bọt...

(Ý Thức số 11 ngày 15-3-71)

KINH DƯƠNG VƯƠNG

Kẻ đào ngũ

(Văn số 153 ngày 1-5-1970)

Chiến trường Tây Bắc thành phố Huế vừa lắng dịu, tiểu đoàn của Công liên được lệnh tăng phái lên mặt trận phía Đông Nam. Vùng trách nhiệm giao lại cho một đơn vị bạn trấn giữ. Cả tiểu đoàn đã được thông báo tin đó. Họ chuẩn bị lên đường Sảng sớm hôm sau.

Đứng trên một cao địa khuất sau khung tò vò cửa thành An Hòa, Công dùng ống dòm quan sát mặt trận anh sắp đến. Mặt đất đang mờ chìm trong hoàng hôn. Ánh sáng phản chiếu từ các đám mây xám phủ giăng đầy cả bầu trời, cảnh vật như đang mủn ra trong màu da bị đánh bầm. Từ kỳ đài Phú Văn Lâu làm đích, Công đưa mắt quan sát suốt dọc bờ thành phía Đông. Hôm đó là ngày thứ mười hai kể từ khi xảy ra biến cố. Mặt trận phía Đông Nam khu Thành Nội đang còn sôi động. Suốt những ngày qua, cả một vùng đất nhỏ bé dậy lên lửa khói ngút trời. Từ xa người ta có thể nhìn thấy những phi vụ phản lực liên tục thả bom. Hàng loạt từng ba trái một lìa khỏi thân phi cơ cắm đầu rơi xuống. Những cột khói đen bốc cao lên. Những tiếng nổ vang đến làm dội lòng ngực. Lẩn trong màn khói tỏa người ta nhận ra mảnh vụn của nhà cửa bay lá tả: một thân cột, những tấm thiếc, những mái tranh... Bom rơi xuống hồ sen làm tung lên từng cột bùn sinh đen, bị gió lạnh thổi dạt đi như một mái tóc mượt. Dầu vậy, những trận phản công của các đơn vị BB vẫn liên tiếp bị địch đẩy lui. Tin tức của ban 2 tiểu đoàn nhận được, địch trấn giữ cửa Đông Ba bằng những toán tử thủ với một đại liên 50 và hai đại liên 30 yểm trợ bắn thẳng đường Mai Thúc Loan, dọc đường Thượng Thành, từ cửa Thượng Tứ đến cổng Lương Y. Xe thiết giáp của ta không tiến lên được vì hỏa lực của các tổ B40. Địch đào hố cá nhân vào bờ thành dày, pháo binh và phi cơ ta xạ kích vô

hiệu quả. Sự tranh thủ ngày càng trở nên khốc liệt với những trận cận chiến đẫm máu để dành lại từng chực thước đất một. Phần đất ban ngày ta chiếm được, đêm đến bị địch phản công lấy lại.

Tiểu đoàn Công là một đơn vị TQLC lòng danh bách thắng. Tuy nhiên anh vẫn cảm thấy tinh thần bị giao động lúc hay tin được tăng phái lên mặt trận phía Đông. Nhất là từ khi quan sát, anh thấy hiện ra trong ống kính một góc thành phố đã biến thành trận liệt, bày ra cảnh tượng tiêu sơ hoang tàn. Một vùng đất chết.

Công đảo ống viễn kính theo suốt bờ thành cố tìm một khóm cây, một mái nhà còn lại nhưng tuyệt nhiên anh không thấy. Cái cảm giác một vùng đất dân cư đông đúc, cây cối xanh tươi đã bị bom đạn làm thành ra một mặt phẳng và những hố sâu khiến Công rợn người. Tất cả đã nằm sát mặt đất, hay đã bị chôn vùi : nhà cửa, cây cối, con người. Nhà cửa đổ nát, cây cối gãy gục, chuyện đó đã đành, nhưng còn con người ? Cái đám đông loại của anh cư ngụ trên mảnh đất đó chạy đi đâu và ra sao trong cơn bão điện cuồng của lửa, của sắt, của thép, của hơi cay ?

Đúng theo kế hoạch, tiểu đoàn Công được trực thăng di chuyển dời mặt trận An Hòa về sân bay QYV Nguyễn Tri Phương, tạm trú trong khuôn viên Bộ Tham mưu Sư đoàn I, thành Mang Cá Lớn. Lệnh hành quân nhận ngay chiều hôm đó. Tiểu đoàn anh được lệnh phải tấn công chiếm lại cửa Đông Ba, thừa thắng tiến lên chiếm luôn cửa Thượng Tứ rồi phối hợp với một đơn vị bạn thanh toán mục tiêu cuối cùng : Kỳ đài Phú Văn Lâu, hạ lá cờ của quân Giải phóng.

Mười hai giờ đêm tiểu đoàn Công bắt đầu di chuyển ra khỏi thành, phát xuất đúng theo tiêu lệnh. Riêng trung đội Công có nhiệm vụ tiến sát mục tiêu thứ nhất và anh cùng hai người nữa nhận lệnh bằng bất cứ giá nào, làm cam hòng tổ đại liên địch đặt trên cửa Đông Ba lúc bắt đầu giờ N ấn định lúc 4 giờ 30. Sau hơn nửa giờ di chuyển, toán ba người của Công đã đến vị trí chỉ định. Như vậy anh còn phải nằm chờ gần suốt hơn ba giờ nữa.

Đêm thượng tuần tháng Giêng không trăng. Trời lạnh làm

hai lỗ tai Công nhúc nhối. Từ ngày đi lính anh chỉ quen chiến đấu ở những chiến trường miền Nam, lần đầu tiên anh về Trung và phải chịu đựng một khí hậu đầu Xuân gay gắt như vậy. Chiếc áo ấm bên trong, choàng ra ngoài một áo rakét, anh thấy vẫn chưa đủ ấm. Cái lạnh dường như phát ra ngay từ trong xương trong thịt. Anh cố ghì lại nhưng thân thể anh vượt ngoài sự kiểm soát của anh cứ tự nhiên rung lên từng hồi. Tựa lưng vào thành hố, Công để khẩu súng xuống, cử động các ngón tay đã cứng. Hai bàn chân trong đôi giày sô cũng lạnh ngắt, nặng trĩu như hai khối nước đá ngập trong bùn lầy hố cá nhân. Gió luồng tạt từng màn mưa hạt nhỏ châm chích làn da mặt. Công nghe lẫn trong âm thanh gió hút, mơ hồ vẳng đến tiếng mèo kêu thê thảm. Một con mèo cái, có lẽ vậy. Công nghĩ lơ mơ. Một con mèo cái đói khát trong vùng đất tử diệt. Nhưng có lý nào, Công tiếp tục nghĩ. Làm sao nó bị đói được. Theo kinh nghiệm, trong những vùng đất như thế chỉ có con người mới bị đói, còn mèo chó thì tha hồ ăn, ngập mũi thức ăn của chúng cũng còn thừa. Hay là nó lẻ bạn ? Hay là không còn một chỗ cho nó ẩn núp và nó đang bị lạnh ? . Trong thoáng chốc những cơn gió ngừng thổi, tiếng con mèo lại cất lên. Công nghe rõ hơn, như ở gần bên tai anh, nhưng đầu đã chú tâm lắng nghe, anh cũng không thể nhận được tiếng kêu phát ra từ hướng nào. Nó vẳng đến lúc to lúc nhỏ. Khi liên tiếp từng hồi, rồi lại ngắt ra từng quãng một. Hình như những âm thanh thảm não anh nghe được chỉ là những vọng âm đã bị những cơn gió xoay chiều làm tan vỡ. Anh nghe ở khắp mọi nơi. Từ trên trời xuống, tự dưới đất lên, từ bốn phương tám hướng. Nó bay cao trên thượng tầng, nó là là trên mặt đất, thoát ra từ các hố bom sâu, chìm vào trong hơi mưa giá buốt, dật dờ không định hướng, như tiếng than ai oán của các oan hồn trên chiến địa. Giọng thê lương đó như gọi lời réo gọi, van nài khẩn thiết đến cái thế giới vô cảm tàn ác ở chung quanh. Nó cất lên thật cao bằng tất cả nỗi ghen ngào rồi đột ngột chùng hẳn xuống trong niềm tuyệt vọng, dần trải ra lầy lắt , mỏng manh và mệt mỏi đuối hơi. Những âm điệu có lúc trở

gay gắt nhưng dứt quãng, như mỗi lần phát ra liền bị ghen, mà vì lòng hờn oán khổ đau không kiềm giữ lại được, phải

cổ lấy hơi tàn gào lên cho hả dạ. Nỗi đau thương ẩn chứa trong giọng gào run rẩy khàn đục như phải xé cả cổ họng đã bị rách và mỗi lần gào lên như thế những miếng thịt rách run lên bần bật như những chiếc lưỡi gà của những chiếc kèn đưa đám, Công nghe mà cồn cào cả gan ruột. Nhưng điều chính thật đã làm cho anh bị cuốn theo vọng âm quái gở và lòng anh mỗi lúc chìm vào trong nỗi hờn oán đó, là cái vẻ ngây thơ vô tội ẩn tàng trong giọng kêu thương. Kêu thương mà không biết mình kêu thương. Van nài khẩn thiết mà không cầu mong người giúp đỡ. Nó phát ra một cách hồn nhiên ngây dại như tự chính nó là cội nguồn của khổ. Và cũng chính điều đó, gọi ở người nghe một mặc cảm tội lỗi sâu xa, tâm hồn bị vò xé trong một nỗi hối hận tràn trề.

Sự chú tâm lắng nghe đã lôi Công xa khỏi hẳn thực trạng của anh. Hai người bạn nằm cạnh đã mấy lần thúc chỗ tay vào người mà anh không hay biết. Hiện thân anh lúc ấy chỉ còn là thính giác. Một thứ thính giác vi tế thâm u. Tất cả hình ảnh trước mắt đập vào võng mô như in lên một màn vải vô tri. Và thứ thính giác vi tế của anh có khả năng loại bỏ tất cả các tiếng động để chỉ hướng đến một âm thanh duy nhất là cái giọng khàn khàn sắp tắt, khi nổi khi chìm kia. Người bạn lại bầu vai anh, lắc mạnh liên hồi. "Tôi còn thức đây". Bằng hoàng như vừa thoát ra khỏi cơn ác mộng, anh thì thầm trả lời bạn, vừa liếc mắt nhìn vào mặt đồng hồ dạ quang. Ba giờ rưỡi. Công thò tay vào túi lấy một điều thuốc bẻ làm đôi bỏ vào miệng, phần còn lại dúi vào tay bạn. Anh nhai ngấu và nuốt trửng. Nhưng cơn nghiện chưa qua. Ước gì có thể rút liên hồi những hơi thuốc, anh nghĩ, hăm khối lại cho nó tự do tung hoành thiêu đốt hai lá phổi thì khoái biết chừng nào. Người bạn lại thì thầm giải thích: "Thấy ngồi yên bất động cả giờ đồng hồ tưởng cậu đã ngủ rồi". Lúc bấy giờ Công mới hoàn toàn trở lại thực tại của anh và nghe tiếng súng nổ tứ bề. "Không phải súng đạn độ, Công nghĩ vừa tìm cách trở mình, duỗi chân ra cho đỡ mỏi. Chỉ là những tràng đạn bắn hoảng, bắn vu vơ vào đêm tối". Những tiếng súng đó khiến anh cảm thấy yên tâm hơn là sự im lặng hầu như tuyệt đối ở khu vực phía Đông này, anh mới vừa

nhận ra. Một im lặng nặng nề đè lên bao nhiêu trái tim làm cho nghẹt thở từng -giây phút, thứ im lặng nguy tạo để che giấu âm mưu. Sự im lặng hiền lành của một khối chất nổ đã gài ngòi. Rồi đây nó sẽ nổ tung ra và người ta chẳng lường được mức thiệt hại của nó gây ra khủng khiếp đến chừng nào. Công ngược mắt lên nhìn bầu trời đầy mưa mù và những trái hỏa châu lặng lẽ đong đưa, tỏa ra thứ ánh sáng vàng bệnh tù mù sau những lớp mây như những ngọn đèn giả hình xoay tròn rồi tắt ngấm, để lại những đuôi khói ngoằn ngoèo. "Dường như có tiếng một con mèo kêu phải không ?", Công thì thảo hỏi bạn. "Lắng nghe thử xem nó kêu ở hướng nào vậy? " Và Công lơ đãng theo dõi bạn. Tiếng kêu lại cất lên... Chợt người bạn thẳng thốt ngừng lên nhìn, bắt gặp ánh mắt anh đồng điệu. Hai tia mắt gặp nhau trong im lặng dò hỏi. Sự thật đã được tìm thấy. Hai ánh mắt vội rời xa nhau cùng trong một cảm giác xấu hổ và mắt Công bỗng tối sầm lại. Một bức màn tối bao trùm lấy Công đưa anh vào một cảm giác kinh tởm lợm giọng và sợ hãi đến tê điếng. " Tiếng mèo kêu ! Con mèo cái... " Công chưa xót nghĩ thâm suýt cười to lên. Anh cố nén tiếng cười và bỗng thấy trên má mình ràn rụa cả nước mắt. Những giọt nước mắt nóng tràn ra đầm đìa anh không ngăn lại được. Công xem đồng hồ, giờ N đã thu ngắn lại hơn anh tưởng. Khi giờ N đến, bốn phận của anh là phải hướng dẫn hai người lính tìm cách thanh toán tổ đại liên trên Thượng thành không gây tiếng động. Việc đó anh và các bạn trong toán đã từng làm. Chỉ là sự nhanh nhẹn để sử dụng không chừng tay một con dao găm, mũi lưỡi lê, một dây thắt lưng. Và rồi những thân người sau một tích tắc ngạc nhiên hiểu ra, chỉ còn kịp ngoan ngoãn gục xuống im lìm như những cây chuối bị đốn bất ngờ. Lát nữa đây anh và hai người bạn sẽ làm việc đó. Nhưng công việc dễ dàng kia giờ đây bị đặt trước một lựa chọn. Công tự hỏi, anh phải tuân theo mệnh lệnh của thượng cấp hay hành động theo tiếng gọi của lương tri ? Sự tranh đấu quyết liệt giữa lương tâm và nhiệm vụ như nghiền nát tâm hồn anh. Trong một khoảnh khắc người anh như bốc hơi bởi cơn dày vò. Làn môi dưới bị cắn giữa hai hàm răng mỗi lúc nghiền chặt lại tưởng sắp đứt lìa. Công tìm tay người bạn bóp chặt và nhìn thẳng vào mắt anh ta. Trước tia

nhìn khuôn khiếp của anh người bạn cúi gầm gương mặt xuống. Trong bóng tối mờ anh nhận thấy làn da mặt bị cơn xúc động làm cho tái mét và đôi mắt lơ lảo kinh hãi. Nhưng sau một phút lưỡng lự, người bạn ngẩng lên nhìn lại anh, mắt ngời ánh quả cảm. Tia mắt của lòng can đảm ngời sáng chói chang, đẹp lộng lẫy ánh lửa không ngọn. Tia mắt dám nhìn thẳng vào sự thật khốn nạn không quay lưng. Bàn tay trước đây chỉ một phút còn mềm nhũn được truyền sinh khí bóp chặt lại tay anh. Hai bàn tay ẩm ướt xiết lấy nhau hình như cố làm cho nhau đau đớn. Bởi lẽ sự đau đớn phải gia tăng gấp ngàn lần mới tỏ lộ mỗi giao cảm vừa đạt được trong giây phút xuất thần. Hai tia mắt gặp nhau trong im lặng, nhưng là thứ im lặng của hai dòng điện làm tóe lửa. Lửa tàn khốc reo vui thê thảm. Ngọn lửa hâm nóng lại máu trong người Công, dòng máu ấm nóng đem lại một cảm giác khoan khoái anh chưa từng cảm thấy. Quyết định tối hậu làm cho lòng Công dịu lại như được gội nhuần một ân phúc. Tâm hồn anh lâng lâng, trong một cảm giác sáng tươi. Anh bạn lại xiết chặt tay Công lần nữa và thì thầm : " Cần thận, chúc may mắn ". Anh mỉm cười lại với bạn trong bóng tối, nhẹ nhàng đu mình lên khỏi hố cả nhân.

Từ vị trí ẩn núp, Công đưa mắt quan sát đoạn đường phải băng qua mà anh biết mạng sống của anh mỏng manh như sợi khói. Anh lùi lại phía sau, men theo một khe lỗ trụt xuống nằm sát vào bờ thành. Muốn vào trong xóm - thật ra chỉ còn một khoảng đất đầy vụn gạch ngói mà thôi - anh phải băng qua con đường Thượng thành rộng bốn thước, trong tầm quan sát của tổ đại liên địch đặt trên cửa Đông Ba, từng chấp lại quét một loạt đạn dọc theo mặt đường làm đá vỡ tung. Công nằm ngửa, ôm súng theo thân người, chờ hỏa châu tắt lẩn nhanh qua mặt đường đầy bùn và sỏi đá. Bị lọt ngay vào một vũng nước, nhưng Công chỉ khẽ lật sấp người lại, nằm im nghe ngóng. Một lúc anh mới từ từ bò ra khỏi và giấu mình sau bức tường sập. Công lại lắng tai nghe ngóng và đưa mắt một lượt khắp chung quanh. Bây giờ anh đang ở trên một vùng đất chịu hai lần đạn. Anh có thể chết vì đạn của địch cũng như của các bạn anh. Ấy là chưa kể anh bị lọt vào một bãi mìn và tan xác. Công nghe rợn lên

khấp người, cảm thấy như trên từng phân vuông da thịt mình đã ghim đầy những viên đạn vô hình. Súng trên khuỷu tay, anh trườn người tới bằng hai cùi chỏ trong một cảm giác triền miên anh sắp bay bổng lên và mất hút. Tiếng khóc khản đặc của đứa bé thỉnh thoảng lại cất lên – trong vùng đất đã biến thành mặt trận từ hơn tuần lễ nay, vùng đất không còn một ngọn lá xanh, không còn một mái nhà nguyên vẹn. Trong một vùng đất như thế lại phát ra âm thanh tiếng khóc của một đứa trẻ chưa rời vú mẹ - Công nghe thật gần nhưng vẫn chưa định được hướng. Anh bò từ nền nhà này sang nền nhà khác, cố dẫn những cơn buồn nôn do mùi xú uế của các tử thi sinh thối xông lên. Từng đoàn chuột ra gặm nhấm bị Công khuấy động chạy tán loạn. Thỉnh thoảng anh dừng lại, hơi ngẩng đầu lên để nghe cho rõ khi tiếng khóc đứa bé phát ra. Công bò tìm như thế có đến quá nửa giờ. Trời lạnh căm mà mồ hôi anh vã ướt đầm. Giờ N đã gần kề, chỉ còn đúng bốn mươi phút nữa, Công vẫn chưa tìm ra tằm hơi đứa bé. Công phải tìm thấy nó và đưa nó ra khỏi vùng đất chết này mà anh biết rằng khi giờ N bắt đầu pháo binh yểm trợ tối đa, mặt đất sẽ bị cày lên trên từng thước vuông một, không có một phép nhiệm mầu nào có thể cứu nó thoát chết. Thời gian trôi lạnh lùng, đã thêm mười phút qua nữa, Công hầu như tuyệt vọng. Hễ mỗi lần nghe tiếng khóc nó cất lên hướng nào Công lại vội vã bò ngay lại nhưng khi đến nơi tiếng khóc lại im bật, rồi anh lại nghe ạo nổi lên ở một hướng khác. Trước mặt, sau lưng, bên trái, bên phải, Công xoay đủ phương đủ hướng vẫn không tìm thấy nó.

Công có ý định quay về vị trí cũ. " Hay là ma, một con ma độc địa muốn đưa anh vào chỗ chết", Công tức tối rửa thầm. Đúng vào lúc ấy, tiếng khóc bỗng cất lên, giọng the thé làm Công giật mình. Nó phát ra ngay dưới chân anh. Trong một hầm núp đào vội vã dưới bộ ván ngựa của một ngôi nhà gạch đã đổ nát, Công tìm ra đứa bé chưa quá tuổi thôi nôi, trong lúc nó đang vục đầu lên ngực, nhai núm vú của một người đàn bà đã chết. Toàn thể mình mẩy nó nhuộm máu đỏ lôm trông khủng khiếp. Máu khô quánh đặc se mó tóc dày của nó thành từng lọn. Dưới ánh đèn soi thấy Công nó

không ngạc nhiên. Miệng nó vẫn ngậm vú để phát ra những tiếng ư ử hờn dỗi như một con heo con nhai phải chiếc vú không có sữa. Nó ngược đôi mắt sáng ngời của một con thú nhỏ nhìn Công, tự nhiên và thân thiện. Nhưng khi Công vừa đưa tay ra, nó vội nhả vú mẹ, hốt hoảng bò quanh hầm, miệng phát ra những tiếng khóc đặc biệt mà Công đã nghe. Nó bò ngang qua tử thi của một người đàn ông và dừng lại bên thi hài của một bà lão. Như tìm được người che chở, nó tự tin quay lại nhìn Công. "Thế là cả một gia đình...", anh nói thầm, Không thể chần chờ hơn nữa, Công cúi hắt lấy gói sữa bột trong bọc áo pha vào bi đông nước bắt đứa bé cho nó bú. Nó hơi phản đối lúc đầu, nhưng mùi sữa làm cho nó nằm im ngay. Nó nuốt từng ngụm sữa lớn ừng ực không kịp thở và bình sữa vừa hết giắc ngủ của nó cũng vừa đến. Nó ngả đầu lên vai Công ngủ say sưa. Anh ôm chặt nó vào lòng lầm bầm khấn vái : "Trước vong linh của cụ bà và anh chị, tôi xin phép được nhận đứa bé này làm con nuôi. Tôi không rõ tên họ cháu nhưng từ nay nó sẽ có tên là NGUYỄN TÂM NHÂN. Xin cụ và anh chị phù hộ độ trì cho tôi đem cháu bình yên ra khỏi vòng lửa đạn ". Khấn xong anh xé tấm mền làm một túi đeo, buộc chặt bé Nhân ra sau lưng. Xong việc Công thấy chỉ còn hai mươi lăm phút nữa thì giờ N bắt đầu. Với thời gian ngắn ngủi đó anh phải vượt một cây số đường về hậu cứ để thoát khỏi tầm yểm trợ pháo binh. Công nằm sấp xuống, cố gắng bỏ hết sức mình để tranh thủ với thời gian. Anh bò trên một vùng đất hầu như trống trải. Mỗi cử động đầu nhỏ nhất của anh có thể bị cả đôi bên phát giác và tính mạng anh sẽ bị định đoạt tức thì. Nhưng Công không còn thì giờ để ý đến. Tất cả tinh thần anh dồn hết vào đôi mắt, tất cả sức lực anh dồn hết vào hai tay. Đôi mắt sáng ngời nhìn thẳng tới trước xuyên thủng màn đêm, đôi tay gân nổi dề lên sỏi đá nhọn sắc không còn biết đau đớn. Tưởng chừng ngay lúc ấy những cử động của anh chợt dừng lại vì một trảng đạn hay một trái phá gài, chắc chắn anh vẫn còn thấy mình tiếp tục đi tới. Và trong tận cùng chốn sâu thẳm của linh hồn, Công thấy đã đưa bé Nhân đến nơi bình an. Mười phút đã trôi qua trong nỗ lực, nhưng Công chỉ vượt được hơn ba trăm thước trên vùng đất chết. Anh nằm lại thở. Ngẩng nhìn xa xa, những thân cây đầy lá vươn cao :

anh phải đến đó, đến vùng đất còn lá cây xanh, ở đó có sự sống. "Xin anh chị linh thiêng che chở cho tôi đem cháu đến nơi bình an", Công lại khấn thầm, chớp mắt để gạt những giọt mồ hôi trên trán chảy xuống. Chỉ còn mười lăm phút với khoảng đường bảy trăm thước. "Trễ mất rồi", Công nghĩ, còn trong vùng đất này khi giờ N đến chắc chắn không thể nào sống sót. Phải liều, Công quyết định may ra có thể thoát được. Nếu không may thì cùng chết với bé Nhân ! Anh quan sát một quãng cách ngắn, tìm chỗ ẩn núp rồi nhón mình chạy tới thật nhanh. Anh chạy từng quãng ngắn, như thế, nằm xuống quan sát rồi lại chạy. Năm phút, tám phút, rồi mười phút trôi qua. Công vượt được thêm khoảng bốn trăm thước nữa. Đám cây trước mắt anh gần lại thêm, nhưng chỉ còn năm phút, giờ N sắp điểm. Hàng cây giăng ra trước mắt anh đen sẫm như một bức tường cao đầy quyền rũ. Năm phút với ba trăm thước đường đầy chướng ngại. Công bối rối đến cực độ. Trái tim anh đập tường chừng muốn văng ra khỏi lồng ngực. Cả người anh nóng ran như bốc lửa. Anh muốn lao mình tới như một mũi tên đến với màu lá xanh an bình. Ý nghĩ đó được thể hiện ngay bằng hành động. Công đứng dậy xồng lưng và cắm đầu chạy, mắt dán sát vào bức tường cây lá, thách thức với tất cả mọi nguy nan, anh lao tới như trí tưởng : anh là một mũi tên tìm về đất an bình. Công chạy, chạy mãi miết đến nỗi anh không còn cảm thấy hai chân anh chạm đất. Cử động của hai chân khua khoảng vào không khí một cách nhịp nhàng như máy. Rồi thân thể Công trở nên nhẹ bồng, anh thấy mình đang bay đi trong một tâm trạng bàng hoàng. Cho đến khi anh nghe mơ hồ có tiếng người hét lên bảo anh dừng lại, anh không còn dừng lại được nữa, anh vẫn cứ lướt tới. Tiếp theo có những tiếng nổ dồn dập. Công thấy mình như một cánh chim đang say sưa nhẹ lướt trong khoảng trời cao rộng bồng nhiên đôi cánh mỗi liệt. Khoảng không gian giao động và cánh chim lao đảo. Mắt anh hoa lên, chan hòa một màu xanh của nghìn trùng lá non, màu xanh mênh mông của một đại dương lặng sóng lấp lánh nắng mai. Anh chìm xuống, chìm vào trong một màu xanh an lành bát ngát, xôn xao những mắt sáng trẻ thơ reo cười.

Biến cố tiếp tục kéo dài. Gia đình Công ở miền Nam không thể ra Huế mang xác anh về. Thi hài anh được mai táng vội vã trong một nghĩa trang quân đội. Vì can tội đào ngũ ngoài mặt trận, anh bị phạt ba mươi ngày trọng cấm ghi vào hồ sơ quân bạ.

Bé Nhân bây giờ đã lên ba tuổi, đang được chăm sóc trong một viện cô nhi. -

KINH DƯƠNG VƯƠNG
(tháng 2-1970)

nguồn: Văn số 153 ngày 1-5-1970

PHAN LẠC TIẾP

Cánh tay của đất

(Văn 100&101 ngày 1-3-1968)

Những chiếc tiểu giáp đã mở dây đi trước. Phía bãi ủi các quân vận đỉnh cũng đã bắt đầu lên cửa, rút ra. Trời hãy còn tối, Trung sĩ I Trung, thuyền trưởng, đứng ở giữa sân trước, dõi mắt về phía cầu tàu, rồi lấy tay làm loa :

- Tính, Tính, lên lên “bố”.

Tính ôm áo lạnh và mấy thứ lật vật đang tắt tả chạy xuống. Tính vừa nhảy xuống tàu, trung sĩ Trung đã hô lớn :

- Cởi dây !

Ánh đèn pin trong tay Trung bấp nháy nháy về phía tả rồi ánh đèn quay vòng vòng. Con tàu hướng mũi ra lòng sông và tăng tốc độ. Tàu đã vào vị trí, Trung mới lững thững nhảy lên lô-cốt chính và gặp Tính đang ngồi tại đây. Trung nghẹo đầu nhìn Tính rồi nói :

- Sao “bố”. Gồm còn hơn sĩ quan nữa. Đợi mày đến phát bọc. Đi đâu cũng mang ba cuốn sách theo. Tao không hiểu có gì trong ấy nữa.

Ngưng một lát rồi Trung lại tiếp :

- Mà sao đây. Đồ nghề xong chưa ?

Tính vẫn nhìn Trung mỉm cười. Nghe hỏi vậy, Tính đáp :

- Thì có bao giờ đàn em để trung sĩ phải la đâu. Yên chí mà.

Trung vẫn hỏi lại :

- Mà có thông nòng cẩn thận chưa ?

- Đã bảo yên chí mà. Tôi đã để sẵn biều xích, đạn khói dưới hầm 81, đã dành cả buổi chiều hôm qua cho “chú 10” rồi. Nếu có kẹt đạn cứ mang tôi ra mà bắn.

- Rồi, tao tin mày.

Tính ngửa mặt nhìn ngoái ra phía Trung, rồi cười, nói :

- Phen này mà ngon, trung sĩ nhớ giữ lời hứa nghe.

- Được rồi. Chỉ chiều nay thôi. Tao mà gặp được bà già

tao, tao nói một tiếng là xong.

Ngưng một lát rồi Trung lại tiếp :

- Nhưng nhờ con Tư nó không chịu mày thì sao đây, à...

Từ phòng lái, tiếng anh Đang vọng ra góp chuyện :

- Hạ sĩ Tính, xạ thủ số một của giang đoàn, lại là quân nhân gương mẫu, cộng ba anh dũng bội tinh, mà ai không chịu.

Mọi người cười rộ.

- Rồi, tao cùng gắng liều với mày, Trung nói lớn rồi cười ha hả.

oOo

Trời đã gần sáng hẳn. Trên đầu những chiếc oanh tạc đang thi nhau chúm đầu xuống bắn phá. Từ trên đỉnh trời, một chiếc L-19 cứ lơ lửng lượn qua lượn lại. Đoàn tàu vẫn tiến đều. Tuy chưa có lệnh gì mới, nhưng cả hai hệ thống truyền tin đã mở. Ông phóng thanh nổ lóc bóc nhẹ. Trung ngồi trong phòng lái, đôi mắt mở sáng trắng dưới lớp mũ sắt. Phía trước, khẩu 40-ly do Tính làm pháo trưởng đã đẩy kín nắp sắt. Nòng súng là là theo mặt nước. Trung nhìn sang bên phải và hồi hộp lạ thường. Đúng rồi, đây là ngã ba sông. Con lạch này sẽ dẫn vào khu rừng Lá. Phía um tùm kia là miệt Cây-đa-nước-lạnh. Bỗng từ trong máy phát ra tiếng nói của thiếu úy Đăng :

- 61, 61. Anh dẫn “mấy đứa em” của anh tiến sâu vào lạch. Ấn ngữ từ đầu “bãi vàng” cho đến cửa sông. Nhận rõ trả lời.

- Nhận rõ. Trung vừa đáp vừa đổi ông nghe ra lệnh cho bốn chiếc tiểu giáp theo mình.

Trời đã bắt đầu sáng rõ. Nhưng sương còn giăng giăng lung chừng rừng dừa. Máy bay đã ngưng bắn phá. Trung biết chắc là quân đang đổ lên từ “bãi đỏ”, “bãi vàng”. Tiếng súng tay lớp dồn vọng lại thưa thớt. Thỉnh thoảng mới có tiếng nổ nhỏ như M-79 hay lựu đạn gì đó. Trung vẫn theo dõi ở máy 10. Anh cũng mừng là không phải đụng lớn. Vì dầu gì đây cũng là quê hương anh. Trong khu rừng dừa xanh trùng điệp kia có má anh, em anh và bà con lối xóm. Nếu chẳng may vì cuộc hành quân này mà những người thân của anh bị lạc đạn thì anh ân hận biết bao nhiêu.

Cho tới gần chiều, cuộc tiến quân hầu như không gặp trở ngại nào. Tất cả đều im lặng, ngoài tiếng máy bay “bà già” lúc nào cũng lơ lửng trên không. Trung đứng trên bậc thang của đài quan sát, lấy ống nhòm nhìn vào phía trong. Cánh quân thứ nhất hình như đã vào sát khu rừng dừa. Anh chắc trên đoạn kinh bên kia khu rừng Lá tui thẳng Đức cũng đang linh binh án ngữ như anh. Ở đó, trong đám lá cây xanh, anh nhìn thấy một vài đồng rom và căn lều nhỏ. Lối đó dẫn qua nhà ông hương Tứ, qua một cây cầu bắc trên con lạch Cùmg, đi một đôi nửa là tới nhà anh. Anh cứ đứng nhìn như thế và miên man suy nghĩ nếu anh không đăng lính, không biết giờ này anh làm gì. Kể cũng thật mau. Thoáng đã gần mười năm. Những lần tàu ra khơi nhìn chân trời thẳng tắp, Trung thấy ngời lên đầy lòng một nỗi vui vừa náo náo vừa kiêu hãnh. Nhưng từ khi nếm trải mùi đời, Phi cũng có, Mỹ cũng có, nhất là từ khi đã có vợ con, đường chân trời thẳng tắp ấy không còn gọi trong lòng Trung niềm háo hức nữa. Mà Trung thấy nhớ quê, thương vợ, nhớ mấy đứa nhỏ ở nhà, muốn đưa vợ cùng bày con về thăm má, thăm làng xóm. Nghĩ tới đó, Trung bỗng nhếch mép cười.

Nhưng từ khi lấy vợ, có được đứa con đầu lòng, anh đã phải dời ra ngoài đảo. Bẵng đi tới hai năm. cày cục mãi bây giờ mới được dời về gần quê, thì quê đã không còn an ninh nữa. Tụi nó về làm lộn xộn hết trơn. Lâu lắm rồi, anh có nhận được thư của má anh, bảo hãy có về chơi thăm má, nhưng anh không về được. Phần vì đi lại phiền phức, phần vì tốn kém quá, về mà không có gì cho má và các em kể cũng buồn. Nhưng lần ấy anh có gửi về cho má anh tấm ảnh cả gia đình anh, không biết má có nhận được không, mà không thấy thư từ gì nữa. Anh cứ buồn mãi là không biết thằng Thứ ở nhà học hành ra sao. Mà dạo này nó lớn hơn rồi à. Con Tư còn mười-bảy, nữa là thằng Thứ. Nhớ lần về quê kỳ trước, nó bắt đầu vỡ tiếng, nói cứ ồ ồ như vịt đẻ, cổ đầy lang vỡ da. Rất khoái đi lính, nó lấy cái kết của anh đội vỡ rồi đi làng quảng trong nhà, hết hỏi má lại hỏi con Tư “cũng bảnh dữ da”. Má thì nói “Thôi, anh mày đi lính rồi, hàng năm chưa về một lần, tao còn mình mày đó, tính đi hết sao chớ...”. Chóng thật. Chắc bây giờ nó cũng cao bằng mình chứ ít gì. Trung lấy tay vuốt mặt, rồi nhảy xuống ngồi

thòng chân xuống hông tàu, bỏ mũ sắt xuống, thừ ra. Dưới sàn thẳng Nự đã dọn cơm xong nhếch mép ngược lên nháy nháy đuôi mắt ra hiệu cho tụi trên này xuống ăn. Trung bảo :

- Mấy thằng bây ăn trước đi. Một nửa ở trong ổ súng. Tao ăn sau.

Nự vốn là đứa hay cười. Mỗi lần dọn cơm nó đều ra hiệu bằng mắt như thế là Trung hiểu nó đã dành cho Trung trái ớt thật cay. Nhưng lần này thấy Trung hình như nổi quạu, nó mắt húng, cúi xuống cùng mấy người kia, làm lủi ăn.

Ở phía trước, Tính đã chui ra khỏi tháp súng, ngồi nhìn mông về phía rừng dừa.

Chiều xuống dần. Một vài con cò bay lảng đặng ở phía xa bên kia bờ kinh. Trung càng nhìn vào khu rừng dừa càng như thấy lòng mình tối lại theo bóng chiều đổ xuống. Anh ngồi xuống, bung tô cơm lên và vội vàng. Bỗng từ trong rừng dừa đạn nổ như pháo ran. Trung cúi lom khom dương ống nhòm theo dõi, thấy những lần đạn bắn ra đỏ lôm. Quân mình từ ngoài đồng trống tiến vào, vừa chạm vừa vấp. Cứ mỗi lần quân ngoài tiến lên, trong lại nổ ra dữ dội. Trung giật lấy ống nghe xem có gì lạ không. Anh không thấy thẩm quyền nói gì hết, ngoài những tiếng nói léo xéo trên hệ thống liên lạc với bộ binh, đại khái như : “đã tiến chiếm mục tiêu 21, 22 . . . yên cầu cho tải thương...”.

Trung biết trong có dụng độ, nhưng chưa có gì là quyết liệt họ chưa cần tới mình. Anh nhìn lại phía đầu rạch, mấy chiếc tiểu giáp chúi mũi vào bờ, ẩn mình trong lá, chỉ hở ra một phần lái mà thôi. Trời gần tối thì phía trong dụng mạnh. Phi cơ bắt đầu xuất hiện. Bộ binh lùi về phía tuyến xuất phát. Những đợt bắn phá đầu tiên của phi cơ phát hiện những đóm lửa bốc sáng khu rừng dừa phía trong. Tiếng nổ rền đất. Trung thấy ngực mình như có ai ép và xô đẩy, tìm anh đập mạnh. Anh liên lạc với thẩm quyền và được biết :

- À..., anh cứ nằm yên, và sẵn sàng.

Trời tối hẳn và phi cơ đã ngưng bắn phá. Phía trong những đám cháy bốc lên đỏ rực. Những mảnh ruộng nước trông trơn phản chiếu ánh lửa bập bùng. Anh không biết bộ binh đã rút đi đâu hết. Giữa lúc ấy, anh lại nhận được lệnh :

- 61, 61..., anh nằm yên và sẵn sàng.

Lệnh vừa dứt thì pháo binh câu vào khu rừng tối tấp. Và trên những mặt ruộng trống đó anh đã bắt đầu thấy xuất hiện những người lúi húi chạy ra. Pháo binh càng nổ dữ thì tụi trong ấy càng chạy ra nhiều, họ chạy giạt về phía rừng lá. Khi thấy mặt ruộng đã khá đông bóng đen, anh được lệnh khai hỏa.

Những khẩu 20-ly kê sát mặt ruộng nhả đạn, đường lửa đạn chéo nhau. Một vài viên đạn chạm nước bay bổng lên trời rồi tắt ngấm ở trên cao. Nhiều thân người té ngã, ngã đập xuống đường nước. Toán người bị động chạy giạt trở lại, chúi đầu vào cuối con kinh. Anh được lệnh dùng 10-ly cày nát khu rừng lá.

Con tàu lù ra một đoạn, rồi chĩa súng về phía rừng Lá. Vừa tiến vừa bắn. Quả tình, Tính bắn rất chì, bình tĩnh và cẩn thận không tắt một viên nào. Nhưng chưa tiến được quá hai trăm thước thì từ trong bờ ngang hữu hạm, một luồng đạn thật gần quạt lên thật thấp. Trung ngã sấp xuống. Sau đó tiếng nổ lớn bùng lên. Trung chỉ còn nhìn thấy khẩu 40-ly quẹo đi trong ánh lửa xanh lè và không còn thấy Tính đâu hết. Trung còn tỉnh, biết là mình bị thương, nhưng chưa biết đạn vào đâu. Trung muốn ngồi dậy, nhưng không được. Một bên chân như không còn cảm giác gì, nó nặng nề vương vịu. Giữa lúc ấy Trung thấy như có nhiều người từ trên bờ trèo lên tàu và la hét ồn ào. Tiếng súng vẫn nổ ác liệt. Trung lịm đi.

oOo

Khi tỉnh dậy, Trung chỉ còn thấy mình nằm trên nóc chiếc tiểu giáp, sấp cập vào bờ. Tiếng nói xôn xao. Đèn pha quét sáng chói mắt. Trung mở mắt nhìn lên trời. Những vì sao trong vắt. Trung nhớ đến Tính và anh từ từ ngồi dậy. Có tiếng ai như từ thiếu úy Khiết ở đằng sau :

- A, Trung tỉnh rồi. Nằm xuống đi.

Gió thổi như nhiều ngón tay đan vào tóc, Trung thấy mát và dễ chịu vô cùng. Trung lắc đầu, co nhẹ chiếc chân băng bó khe khẽ nhấc lên. Trung biết là mình không bị nặng, cất tiếng gọi :

- Tính đâu.

Không ai trả lời. Trung quay lại phía sau :

- Thiếu úy, thằng Tính nó đâu rồi ?
- Cậu tỉnh chưa ?
- Rồi. Tôi muốn biết Tính nó ra sao .
- Thôi nằm xuống đã.

Con tàu bớt máy lênh đênh ở ngoài sông, đợi cho mấy chiếc trong cặp xong sẽ vào cặp sau. Trung nhìn lên bờ. Chiếc tiền phong đình của Trung đang cặp tại đó. Người ta đang khiêng từng chiếc giường bỏ lên bờ. Trung không biết nhân viên của mình còn mất những ai.

Con tàu chờ Trung lượn vào phía trong cặp sát dọc vào cầu tàu. Mọi người vẫn tập nập chuyển những người bị thương lên bến. Trung muốn đứng lên, muốn xem những ai bị chết, bị thương. Trung trở mình, thấy vương vương. À, còn con dao găm đây, Trung liếm môi, thấy môi mình cứng lại và khát nước quá. Trung kêu :

- Ê, cho tao ngụm nước đi.

Mấy người trên chiếc tiểu đình nói “ rồi, rồi, để tôi chuyển ông lên bờ đã” Và họ xúm lại đỡ Trung lên. Trung bảo :

- Cho tao một tí nước thôi, một tí thôi.
- Ủ, một tí thì được.

Đặt môi vào cái ca lạnh trong chỉ có một hộp nước nhỏ. Dòng nước như không chạy vào tới cuống họng đã bốc hết hơi. Nhưng Trung thấy khoan khoái dễ chịu hơn nhiều. Trung nói :

- Làm ơn đưa tao lại cầu tàu đi.
- Làm gì ?
- Thì cứ đưa tao lại đi. Tao muốn nhìn con tàu của tao.

Trung được đặt ngồi trên trụ xi-măng có những sợi chèo buộc tàu quần quanh. Trung nhìn lại con tàu của mình. Tháp súng 40-ly cháy xám. Trên sân tàu tập nập những người đang hô hoán :

- Bên dưới nâng cao lên. Cao nữa lên ..
- Rồi. .
- Hãy để tạm trên cầu tàu đã.

Trung nhìn theo. Hai khuôn giường bỏ vừa được chuyển lên bờ, đặt nằm song song phía đối diện với Trung, trên đó thi thể người chết được quấn tròn trong tấm mền dạ. Trung muốn đứng dậy, đi sang xem đứa nào. Trung đặt chân

xuống đất, một cảm giác đau buốt chạy từ chiếc chân bị thương dọc lên nửa thân bên trái. Trung nghiêng rặng, hai tay chống về phía sau, nước sông mắt ứa ra từ mũi.

Dịu con đau, Trung hỏi :

- Có phải thằng Tính nằm đó không ?

- Tao chắc nó chứ đũa nào nữa.

- Sao.

- Vì nó nát bậy trong hầm 40.

Trung cắn môi và nghĩ đến Tính... *Tính tắt tả chạy từ cầu tàu xuống, ôm theo áo lạnh và mấy cuốn sách... phen này ngon, anh nhớ giữ lời hứa nghe...* Trung bải hoải chân tay. Cái thằng siêng năng và dễ thương vậy mà bây giờ nằm kia. Mớ tóc lết bết đen thẫm thò ra ở đầu mền, cái mớ tóc tồn không biết bao nhiêu dầu thơm mỗi chiều thứ bảy. Vậy mà nó nằm đó rồi. Con Tư, mình như nói chơi chơi vậy mà cũng trở nên người cao số. Trung thấy buồn năn hơn bao giờ. Còn má Trung, thằng Thứ và những bà con lối xóm, chắc sao mà thoát khỏi hòn tên mũi đạn...

Lúc này khoảng cầu trước mặt Trung đã xếp lớp những chiếc giường gỗ. Cả những người bị thương cũng nằm tạm đây. Thằng nào mặc áo *blouson* đang nghiêng đầu về phía Trung. À, thằng Nự. Đầu nó băng trắng như người để tang, Trung gọi :

- Nự, Nự à.

Nự mở đôi mắt trắng bệch nhìn Trung. Lần đầu tiên Trung thấy đôi mắt nó buồn như thế. Trung đếm lại những người nằm đây. Cả thấy là năm mạng, thêm Trung là sáu. Không biết tổng kết toàn thể trận đánh ra sao, nhưng riêng tàu của Trung như thế kể là nặng. Đòi lính của Trung cũng đã nhiều lần đụng độ, Trung không ngờ mình lại đổ máu chính trên con lạch của quê mình. Trung nhớ lại lúc mình ngã sấp xuống sàn tàu, đạn đi mạnh quá, có lẽ bị tụi nó quạt bằng tiểu liên. Đường đạn thật gần. Trung nhớ còn nhìn thấy đường lửa phát ra từ cụm dừa nước. Chà, cái thằng nào nấp đó kẻ cũng lì. Và hình như tụi nó tràn cả lên tàu nữa. Láo thật !

Giữa lúc ấy mọi người hô hoán :

- À, còn cái chú này nữa. Dính theo khẩu 57. Tác giả đây. Thằng này quạt vô khẩu 40 của Tính đây...

Nghे thấy thề, Trung muổn đứng phất dậ xem sao. Nhưng cũng lúc .đó, người ta khiềng lóí phía Trung một chiếc băng-ca.

(Kiểm duyệt một đoạn khoảng 15 hàng bởi Sở Kiểm Duyệt Bộ Thông Tin – chú thích của TQBT)

Trung nhìn rõ nét mặt của tên V.C. bị thương, ánh mắt ấy vừa kinh hãi vừa bàng hoàng và như muổn kêu lên. Toàn thân bồng mềm sũng mồ hôi toát ra, Trung hét lên, tiếng kêu bàng hoàng, như trong cơn mê sáng :

- Mày, mày hả Thứ...

Mọi người xúm lại đỡ Trung và thấy chân anh bật máu ròng ròng, thấm đẫm mấy lần băng. Và tên V.C. sau giây phút kinh hoàng, toàn thân co thắt lại rồi duỗi ra dần dần, đôi mắt thất thần, lạc đi nhưng vẫn mở trừng trừng trắng dã.

oOo

Trung chống nạng bước những bước ngắn dọc theo hành lang. Những dãy giường trống trơn. Một số bệnh nhân chưa khỏi nhưng cũng đã xin về. Phía dưới đường trẻ con đốt pháo lẹt đẹt. Trung tựa mình vào lan can, qua ngọn lá me, nhìn mông về phía đầu vòm. Con nước lớn mênh mông ùng đục. Đò máy qua lại tới tấp. Trung còn nhìn thấy rõ cả những chậu kiểng đồ tươi để ở các đầu ghe. Tết nhất có khác. Lâu lắm Trung mới lại nhìn thấy cảnh tấp nập như vậy tại quê hương. Trung nắn bóp đùi mình. Thịt lớp teo đi, lớp da non đang hiện ra những mảng vẩy khô. Trung tựa nạng vào tường, đứng bằng hai chân, tuy còn yếu nhưng chắc là khá rồi.

Trung trở lại phòng mình. Nhìn tấm lịch có in cảnh chợ hoa tại Sài-gòn, Trung thấy nôn nao buồn. Phải về, nhất định phải về, Trung nghĩ thề. Trung ngồi xuống mép giường, thu xếp lại vài thứ lặt vặt rồi giờ ví ra xem. Tấm hình của gia đình Trung hiện ra sau lớp mi-ca. Tấm hình đã ngả màu vàng. Tấm hình này Trung có gửi về cho má đây. Từ đây về trong không bao xa mà Trung không về được. Không biết má có biết Trung bị thương ở ngay đầu con rạch Cùg hiện điều trị tại đây không. Trung vẫn hy vọng một

buổi nào đó má bất ngờ tìm tới, mẹ con sẽ tủi tủi mừng mừng. Trung sẽ kể cho má nghe nỗi đau sót của Trung. Trung sẽ hỏi thăm về bà con lối xóm xa gần, về chuyện con Tư, thằng Thứ...

Thằng Thứ, ừ thằng Thứ, không biết phải nó không...

Gió bên ngoài thổi ập cánh cửa, căn phòng tối hảm lại.

Trung nằm dài trên giường. Nếu là nó thì sao nó không la lên.

Thật là quái. Thành ấy sắp chết mà còn la nổi gì..

Trung đi xuống phòng y tá trưởng, năn nỉ cho xem sổ khai tử của bệnh viện. Chẳng có ai tên Thứ cả. Ngay cả sổ khai tử của thương binh V.C., cũng không có ai tên Thứ. Duy chỉ có một người nguyên quán cùng xã với Trung tên là Việt-Hùng, khai là đại đội phó sinh năm 1947, chết ngày 19 tháng 12 năm... Phải rồi, mình bị thương tối ngày 18. Nhưng đứa nào đây, đứa nào lại mang cái tên lạ hoắc vậy cả. Hồi nhỏ khi Trung còn ở dưới đồng, mấy xấp nhỏ khoảng tuổi thằng Thứ có đứa nào mang tên Việt Hùng đâu. Nhưng cứ nhìn khuôn mặt, từ cái mũi quằm quặng, cái miệng dày, môi dưới hơi thười ra, vàng trán lồi lồi như hai trái bưởi, thì chắc thằng này phải là thằng Thứ. Nhất định phải là thằng Thứ.

(Kiểm duyệt 2 hàng)

oOo

Trung đi thăm mộ của Tính của Nự rồi trở ra. Bên kia là khu dành cho thương binh V.C. bị chết. Trung đi sang khu đó. Thấp thoáng đã có nhưng nén hương cắm trên những mầm mộ. Cỏ mọc um tùm. Khu này mả mới, lác đác một vài nấm mộ có ghim mảnh gỗ đề tên và sinh quán người chết. Trung đi mãi, những nấm đất nổi đuôi nhau. Một tấm gỗ ngã sập xuống. Trung phải cựa nhọc lắm mới cúi xuống nhặt lên xem được. Nét chữ ghi đã mờ vì bùn đất. Trung lấy móng tay cạo bùn dọc theo nét chữ trên tấm gỗ :

Nguyễn Việt-Hùng

tức Nguyễn Viết Thứ

sinh năm 1947

chết ngày 19 tháng 12 năm 19...

Trung bàng hoàng cầm mảnh gỗ trong tay, nước mắt chan hòa, lão đảo muồn ngã. Trung ngồi xuống lối đi trên đầu mộ. Nhìn lại mảnh gỗ thâm, ẩm mốc trong tay. Một làn gió bốc lên từ mặt sông thổi vào lưng anh lạnh giá. Trung thấy toàn thân mình nổi gai. Nhìn lớp bùn khô nứt trên mặt mộ, cỏ từ hai bên đang bò lên, Trung đập mạnh mảnh gỗ trên nắm đất khô nứt ấy rồi bật kêu lên :

- Thứ, Thứ...

Tiếng kêu như nổ ra từ cội sâu thẳm của lòng anh, tan vào tiếng gió, phả vào hàng dừa vọng lại mơ hồ từng hồi:

Thứ Thứ...Thứ Thứ....

Trung nghẹn ngào tức tưởi, nước mắt trào ra đầy mặt. Qua màn lệ, Trung nhìn thấy đôi mắt bàng hoàng kinh hãi của Thứ lẫn với khuôn mặt trẻ thơ của nó khi bắt đầu vỡ da mới lớn... Trung lắc đầu buồn bã. Trung không ngờ cuộc đời lại éo le như vậy.

Nhớ lại trận đánh diễn ra, Trung còn nhìn thấy ụ súng của Tính chìm ngập trong khói lửa xanh lè, khuôn mặt Tính chải chuốt dịu dàng, vẻ tinh nghịch trên đôi mắt của Nụ, làn đạn quật ác liệt từ gốc cụm dừa nước và Thứ... Tất cả cứ mờ ảo, lẫn lộn hiện ra dưới mắt Trung...

(Văn 100&101 ngày 1-3-1968 chủ đề Viết trong khói lửa)

LÊ VĂN THIÊN

Trong lớp khói mầu

(Trình Bày số 6)

(Cho Trần Viết Gián, và ngày 18-5 âm dặm tại Tàkeo)

Thằng nhỏ khóc ngon, mắt nhắm, mặt đỏ như, nước mắt trèm trụa. Mạo xốc nách con, nâng lên khỏi ngực, dõ: “Ồ, ùi... ùi, nào... nín nào”. Thằng nhỏ nhỏ quá, tai nó cũng nhỏ, nên lúc thường nó còn nghe người lớn nói để tập nói gió và ngó miệng cười theo, còn lúc khóc thì nó chẳng nghe gì cả, chắc tai nó ù. Nó cứ khóc, bụng rướn lên, lại chảy nước mũi, miệng ngoác rộng thấy cả cục thịt đỏ xa bên trong. Mạo hít hà: “Ồ... ở thanh niên, coi này... bác Thới bận đồ đẹp này, khóc bác Thới cười cho”. Thới vỗ mông thằng nhỏ: “Im, im... cha chả Can Dững gì lại khóc, xấu trai thế”.

Chú Kiều nói:

- Có tiệc tùng phải ăn diện khác thường ngày, đưa áo quần các em nó ủi cho, ngon lành với người ta.

Thới cảm ơn. Cũng chỉ quanh quần anh em trong tiểu đoàn, quan khách là mấy vị già khộm trong làng. Chẳng lẽ bỏ công sửa sắc đẹp để lấy le với ông Ấp trưởng miệng chỉ còn lỏng chổng đứng bốn cái răng.

Mạo hỏi:

- Chắc có ca hát?

Thới gật.

- Người đẹp?

- Không. Kiếm đâu ra?

Chú Kiều bảo chải lại cái tóc, kiếm dầu bôi lên một chút.

- Mạo ra chơi nghe? Làm vài bản cho thiên hạ đứng tim.

- Đùa hay nói thật? Chửi tôi mấy thúng tôi không giận bằng nói câu đó. Mạo làm mặt giận.

Sân trường trở nên náo nhiệt. Ai đó lôi ở đâu về bốn dây bông giấy, giăng chéo trên ba cây dừa kéo vào mái hiên. Thức ăn đã dọn lên bàn khá nhiều. Người qua người lại,

nhón nháo, kêu la, cười, ồn như chợ, vui như đám đánh xóc đĩa bầu cua ngày tết. Đất bị chân cày, vẩy lên một màng bụi mỏng, mù, là là. Không nhanh thì lúc vào ăn tô thịt sẽ được phủ một lớp bụi mỏng như tráng mỡ, và thổi nhẹ khúc bánh mì cũng bay khói như một điều thuốc. Tiểu đoàn trưởng dành một phần thưởng danh dự cho đại đội nào nấu nướng ngon, trình bày đẹp. Có đại đội về phổ mướn chén đĩa, ly tách, khăn lau, bình bông. Cắt giấy màu lót dưới mỗi chén. Bánh mì, bánh ngọt, tấm xia răng đều được để vào một vị trí đã được năm bảy chuyên viên trang trí nghiên cứu cả buổi. Nhưng cũng có đại đội làm theo lối... dạn dày, phong sương. Thịt cá dồn trong mấy cái thau cục mịch. Bún, cơm, nước đá đựng trong mũ sắt. Họ mang những thau, những mũ sắt ấy bày lên bàn. Mũ sắt cái xanh, cái đen, cái thì móp. Chắc chắn đám này không thềm quay nhìn cái phần thưởng cao quý trên, hay chỉ nhìn bằng đôi mắt của một vị tu sĩ già nhìn một người đẹp.

Liên hoan mừng chiến thắng. Những người đứng bên bàn tiệc hôm nay xứng đáng được uống ly bia đặc biệt, chỉ một ngụm nhỏ rượu cũng đủ làm bốc lên một lớp máu nóng. Vì rượu lấy từ mồ hôi và nhọc nhằn. Rau trái đó của khu vườn chết chóc, gian nan. Hớp bia lạnh sẽ làm nóng các khuôn mặt, nóng lên hãnh diện. Mọi người đều được hãnh diện. Thối nghĩ, mình cũng hãnh diện? Cố nhiên, mình sẽ hãnh diện, và vui hết lòng. Những kẻ khuất mặt có sung sướng khi nhìn chiến thắng này hông? Khắc nghĩ gì khi nhìn thấy anh em đang vô tư, vui đùa? Nếu đúng như nhiều người vẫn nghĩ, người chết có thể về ăn uống những đồ vật trên bàn thờ, thì lúc này Khắc đang đứng một góc nào đó, quanh đây, nhìn vào sân trường? Hôm đó Khắc đã làm như một anh hùng. Các anh hùng góp tay mới tạo được nguồn vui to lớn này. Người ta cũng bảo mình là anh hùng. Anh hùng được ban khen nhiều lần, được huy chương, choàng hoa nặng vai, và còn được cho cả tiền. Ban đầu mình hơi ngán ngại, phải rồi... ngán ngại. Thối nhìn rõ quang cảnh sân trường, nhưng không nhìn ai, không nhìn thứ gì. Mạo nói gì sau lưng, và hình như chú Kiều cười... Lúc đầu mình còn ngờ, mình anh dũng không đây? Đến thế nào mới là anh hùng? Rồi người

ta nói mãi, bảo mình can trường... Anh can trường lắm, biết không? Lặp lại mãi các ý đó. Cho đến lúc rồi mình cũng như thấm, có thể ta đã dừng cảm, trong những phút nào đó, ta không để ý, nhưng người khác thấy, mọi người đều thấy. Vậy, vô tình cũng có thể là anh hùng... Khắc xông xáo, Khắc dừng cảm đó chớ, nhưng Khắc lại chết.

Thới ra đường, Mạo dặn: “Đừng quên thủ vài cái bánh kha khá về cho Can Dững”. Các đại đội vào bàn. Mọi người trông vui tươi, khác thường bữa nhờ bộ đồ sạch, tay áo xắn cao, và khăn đỏ viền xanh choàng cổ rất nổi. Trên bàn danh dự, thấy có mấy chai rượu đất tiền, bên những chiếc ly trắng đẹp. Vợ ông tiểu đoàn phó, người đàn bà độc nhất ở đây, ngồi đối diện ông Trưởng ấp. Ông già này thường cười nhưng miệng không há lớn, làm người ta dễ tưởng lầm ông không thích khoe bốn cái răng của ông.

Mới bắt đầu trận ăn đã sôi nổi. Những cuộn tiếng nói quần rít vào nhau, đứng xa vài thước chẳng nghe được gì. Một người nói, được một hai người ngồi ngay trước mặt nghe là nhiều. Bàn này chỉ thấy chớ không hiểu bàn bên kia. Ông tiểu đoàn trưởng nâng ly nói gì đó, những người cùng bàn cũng nâng ly, rồi ông nốc sạch ly nước màu vàng, mặt ông tròn, hai má núng nính dễ thương như má bé Can Dững. Ông nhắm mắt, đưa tay lau miệng và cười toe. Thới uống rượu dở nhưng ngồi yên từ chối hoài không được, đành cho vào ba hộp, bốn hộp, rồi thêm nữa. Bia đắng, càng uống vị đắng như càng tăng thêm. Thới sợ uống nhiều vào sẽ không giữ được mình, đi đứng lặt khật, cười nói dai. Khắc uống rượu giỏi. Ngày còn trong quân trường Khắc lôi Thới đi quán, tập Thới uống rượu nhiều lần. Khắc vẫn nói có rượu chè người con trai mới rắn rỏi, nhanh, xông xáo. Khắc có đủ, nhưng chẳng ai thấy cả. Người ta không biết gì đâu. Mày vẫn chê ta yếu, không uống được rượu, như con gái, làm chi nổi. Nhưng mọi người đang khen ta, kẻ lập công đầu. Khắc, lúc này, giỏi lắm bạn chỉ là người chết đầu tiên.

Đám trẻ con bu đen hàng rào ngó vô đám tiệc bỗng tản ra chạy đến người lính xách gói. Anh này chia cho mỗi đứa

một nắm bánh, xôi, kẹo. Anh chàng mang máy ảnh tới trước sân định chụp bàn giữa. Anh đưa máy lên ngắm, thật lâu, rồi bỏ xuống, đổi chỗ. Xong lại ngắm. Dù ngồi đưa lưng về ông kính nhưng ông trưởng ấp và ông sĩ quan ban 5 cũng sửa lại áo, vuốt tóc mấy cái, nhún vai. Bà vợ ông tiểu đoàn phó cuối nhìn nhanh cái gì dưới chân, ngừng lên liếc thoáng máy ảnh, rồi vội rướn người tới trước để nói chuyện với người đối diện bằng bộ mặt nghiêm nghị. Chắc bà không muốn mình cười cợt trong tấm hình. Ông tiểu đoàn trưởng vẫy anh chụp hình lại, ông rút bia đầy ly, đứng dậy nâng ly lên cùng với ông trưởng ấp. Anh lính có bốn phen chụp, một cách trung thực và chần chẫn, hình ảnh đẹp đầy đầy tình quân dân keo sơn này. Ông tiểu đoàn trưởng cười rất tươi, anh thợ phải bấm liền hai cái. Hình này sẽ được rửa lớn, đem về dán giữa văn phòng, cạnh những tấm hình chụp anh em đứng trên lầu khi chiếm phố, hình súng đạn hôm triển lãm ở sân vận động... Dãy ghế bên kia ngã ngớn. Ba bốn người gân cổ lên triết lý, nói về số mạng, cả bọn cùng nói không ai nghe “làm chó gì có số mạng... cái số nào dành cho trăm rưởi thằng cộng sản cùng chết một lúc, để người ta xúc về đồ nằm triển lãm trước rạp Đại Nam bữa kia!... Số mạng nào khiến thanh niên khắp nước chết dài như gà mắc dịch lâu nay?... Rồi chúng ta...”. “Ai dám bảo là các chị đàn bà với lũ con nít ở giữa phố kia chết trước tội mình, lại chết vì bom đạn?... Có đứa, như ta đây xông pha mười năm vẫn yên lành, lại có nhiều đứa mới ra khỏi công trường mười ngày đã nghèo, đền nợ nước một cách hấp tấp, như sợ người ta giành mất... cơ hội..., nghèo ngoẻo một cách tức tưởi. Vậy là sao? Như bữa đó, cả trung đội 6 băng qua đường trót lọt, tới lượt thằng Khắc thì lại bị... Nó ngã cái rập trước mũi tao chớ xa đâu, ông Thới chạy trước nó, tao chạy sau chẳng hề gì... Vậy nó không tới số thì gọi là mẹ gì... hở?”.

Ông tiểu đoàn trưởng vỗ tay yêu cầu anh em im lặng, ông nói:

- “Dân thị xã lần đầu tận mắt thấy chúng ta chiến đấu đã cảm phục vô cùng. Tôi hân hoan thay mặt thượng cấp đề nghị lời khen tặng anh em. Anh em đã làm rạng danh trung đoàn chúng ta... Tiếc là hôm lễ mừng chiến thắng, gấn huy chương dưới sân vận động anh em không có mặt đầy đủ để

thấy và để nghe đồng bào ca ngợi chiến công rực rỡ này. Đầu xuân, anh em đã mang lại cho đồng bào một mùa xuân lớn, đặc biệt... Bọn cộng sản chó đẻ không phải là người – ông ho khặc một tiếng – riêng tôi, tôi liệt tất cả bọn chủ trương giết người vào hàng thú vật – ông dừng một chút, sờ đầu mũi, cái mũi ửng đã say, đỏ hừng – chắc các anh đã nghe các đại đội trưởng nói qua về bữa tiệc này, tôi nhắc lại: Sư đoàn tặng chúng ta hai chục ngàn, tỉnh tặng hai chục. Đồng bào Châu Thành hai con bò. Hai con ghé hôm qua các anh thấy đó. Trung tá góp cho tám kết bia hộp... Bia này đây...”.

Ông ngưng, hớp một ngụm bia: “Bây giờ... à”. Ông à... à một lúc. “Bây giờ chúng ta cùng hát... a, phải rồi, cùng làm một bản, đồng ca... cho vui nhộn..., hào hứng. Đồng ca, nghe... nào, Việt Nam Việt Nam”. Trộn ca bùng lên, âm âm, ồm ồm. Tiểu đoàn trưởng giờ cao lon bia đánh nhịp. Anh thợ ảnh lại chạy ra quay bên này quay bên kia chụp lia. Thới vỗ tay mạnh nhưng không hát, hát không ra tiếng. Hát dứt. “Bây giờ đến đơn ca, anh nào xung phong?”. Vài tiếng ho, tiếng lào xào. Một người được nâng dậy, đẩy lưng ra giữa sân. Đây là kẻ hữu công nhất nhì. Anh ta đã phá hư được khẩu phòng không, bắt được một sĩ quan địch bị thương. Anh đứng tần mẩn chân tay lúc lâu mới ca được, ca khá hay.

Dĩa bánh lớn bị thúc trước mặt Thới. “Coi, uống đi chứ ông, năm mới có một lần... sợ hả, sợ say hả... đi không được thì tội này đỡ cho, trời... uống đi”. Lý Thới lại được trút đầy. Thới bóc chiếc bánh đậu bỏ túi, về cho Can Dững, Mạo dặn đùa nhưng cũng cứ mang về. “Này là thịt voi, thịt ngựa vằn hay thịt lạc đã sa mạc... mà dai quá cỡ!”. “Bò của dân Châu Thành thân tặng đó mày... Thiếu tá mới nói, diệc sao”. “Đồ bỏ, bỏ gì, thịt mua ở tiệm đóng giày thì có! Nếu thịt bò nấu như vậy thì quá tệ... tổ sư nghề bồi ngồi đây sao mấy thằng bếp không hỏi cách nấu... khó chi, bỏ vô một cục nước đá là rục hết, nhanh nháy mắt... da đóng giày cũng rục tuốt”. Chúng nó không giữ im lâu để nghe ca. Ăn thoăn thoắt và nói cười cuồn cuộn. Người thứ hai được các bạn xô ra sân, bắt phải ca. Anh này đã làm cảm hòng một toán súng lớn trên lầu ba. Một mình như trong phim gián điệp, anh quảng

dây móc vào cửa sổ trên cao, đu lên tài tình. Chỉ mấy phút anh làm được công việc mà hai trung đội xoay cả buổi vẫn chưa xong. Khắc cũng đã chạy nhảy, đã chiến đấu, lấy được súng, giết địch... mà giờ không còn ai nhớ. Hi còn mình nhớ Khắc phải không. Thới dụi mắt, nước miếng trong miệng như dẹo lại. Ly bia chưa lưng kịp quá nửa đã được châm đầy lại, bọt sùi leo xuống thành ly. Nếu còn sống chắc lúc này Khắc cũng bị anh em ủi ra hát, có khi còn hát đầu tiên nữa. Khắc đã ngã trên đường, ngã sấp, một tay Khắc vói về trước, chỉ còn cách mấy gang tay là đụng cái thùng rác bên lề đường. Hai cây súng Khắc lột từ tay mấy tên địch nửa giờ trước, giờ một cây văng ra xa, cây kia Khắc đè dưới bụng. Thới chạy qua khỏi, nép vào bức tường dài của một hiên nhà. Nhìn lại thấy Khắc. Thới hoảng hốt, hai tay run lên. Hai người chạy sau Khắc vội nhảy lệ lên, vào nhà, những người sau nữa thì quay lui, chạy trở lại nắp vô chổ cũ. Đạn đâm phụt phụt, bụi bắn từng khóm trên lòng đường, như người ta tung một nắm sỏi xuống hồ nước. Đạn thổi tốc bụi quanh chân Khắc. Chúng có vẻ còn muốn bồi thêm lên người kẻ không may. Tiếng đại liên địch nghe đằng đàng và ở một chỗ quá gần, giòn và chát. Cái mũ sắt lăn ra sau nằm bên chân Khắc, như muốn che cho bàn chân, khi cái đầu không còn đội được nữa. Đạn trúng cổ. Nhưng Khắc không chết, bàn tay vói về trước đã ngoạm mấy cái ngón, nhưng chẳng thấy mất Khắc mở hay nhắm. Một người từ sau chạy vụt tới, lách vào nép sát bên Thới, thở và nói: “Làm sao anh, nó còn sống... không khéo chúng nó bắn thêm thì chết... kéo nó vô”. Nhưng Thới chỉ biết mở to mắt. Làm sao đây. Bọn địch nằm trên lầu cao, canh sẵn, quá gần, mà đường thì quá rộng, trống trải. Khắc nhìn chăm chăm cái bàn tay Khắc còn sống. Chúng mình thân nhau, Khắc, mình thân nhau lắm. Bỗng, cái tay đó co lại, rồi từ từ Khắc chống hai tay, muốn ngồi dậy, cái đầu ngừng lên. Mắt nó mở trừng, nhìn thẳng về trước nhưng như không nhìn ai cả. Địch bắn ngay, đạn tung một đường dọc, quạt vào thùng rác. Một viên ghim lưng Khắc, hai cánh tay sụm xuống, cái đầu lại đập xuống mặt đường. Thấy rõ búng khói nhỏ bay ra từ đầu đạn. Thấy rõ lỗ đạn ịn vào. Thới thả cây súng xuống đất. Người đứng sau lưng kêu “trời”. Anh ta quăng một trái

khói. Khói tả xanh đặc một khoảng, che khuất Khắc, cái thùng rác và phần dưới cái cây bên đường. Anh ta nhảy ra đường. Chúng nó lại bắn vào đám khói. Khắc được lôi vào, chỉ còn là cái xác. Nhưng cái xác bị thêm hai viên đạn nữa. Trên lưng Khắc đóng rõ ba lỗ máu. Người can đảm trừng nhìn xác bạn, rồi tự vuốt mặt mình. Minh không cứu được Khắc. Nhưng phút ấy trí óc mình đen kịt. Không nghĩ được một kế nhỏ như anh bạn đã nghĩ. Minh đi đánh nhau cũng đã lâu, đụng trận khá nhiều, một việc như thế lại chẳng làm nổi. Khắc chết. Suýt nữa anh bạn kia... Nhưng người ta cho Thới hai cây súng Khắc thu được. Người chết không cần công trạng, không cần tuyên dương, như không cần bạc tiền, quần áo, cơm gạo. Cái chết đã là công trạng lớn nhất, nặng nhất. Thới đã không từ chối hai cây súng. Không, có lúc Thới cũng nghĩ nên từ chối, nhưng nghĩ chậm quá, như khi nhìn Khắc ngã, thì chỉ thấy cái kế tạo màn khói cứu thương là hay lúc trái khói đã trùm kín xác Khắc. Nay ai cũng chỉ thấy là Thới lấy được nhiều súng quá. Nhưng, dù thế nào, Thới vẫn nhớ được: “Khắc, chúng mình là bạn thân”.

Bàn bên kia bày một cuộc xô số uống rượu. Họ bỏ cái đầu gà lên đĩa, up tô lại, rồi xóc, như xóc đĩa ăn tiền. Mỏ gà chia vào ai người ấy phải uống một ly rượu. Chỉ trong một lát gần hết mọi người đều được uống, uống thỏa thích. “Lạy ngài, chết nhưng ngài vẫn khôn như sống, con đã uống ba lần, còn nhiều đĩa chưa uống, ngài chiêu cổ chúng”. Anh chàng mặt đỏ rìm chấp tay vái cái đầu gà.

“Đại đội 8 cho người ra, đại đội 8”.

“Thới đâu? Thới đại đội 8 lên đi... sợ gì, cộng sản chẳng còn sợ nữa là. Hoan hô... Cao Thới”. Một người ngồi bàn sau, lớn như một anh Mỹ lớn nhất, ẩm Thới ra trình diện mọi người. Thới đòi xuống đi đằng hoàng nhưng không được. Hơi chóng mặt nhưng Thới vẫn nhìn rõ mọi vật. Kìa, anh em ngồi quanh chỗ Thới đang quay lại cười lớn. Kìa là, thiếu tá vỗ tay, mấy vị khác đưa ly lên hô “dzô... dzô”. Người khổng lồ đặt Thới xuống. Minh đứng vẫn vững, ráng đứng vững nghe. Thới dụi nhẹ mắt. Đừng lộn xộn, cổ lên, hư là cả làng cười đó. Hai chân hơi run. Thới nhận biết như

thế. Mặt mình có lẽ nóng, và đỏ lắm.

“Hát đi... đại diện đại đội 8 mà, mạnh dạn lên”.

“Dzô... dzô, coi vậy chớ lấy nhiều súng lắm đó nghe... xung phong thẳng lên tổ đại liên ở ngã Sáu đó”. Võ tay rầm rập. Thới nhìn xuống, nhìn mũi đôi giày. Có gì dâng lên trong cổ, ợ, hơi khó chịu. Cố gắng làm một mạch cho xong, đứng lâu mỗi chân thì nguy. Thới đứng thẳng, đập chân mạnh, chào một cái. “Hoan hô... Cao Thới, hoan hô.”

Luồng sóng cười trào lên, rần rần.

“Tôi hát không hay, với lại mới uống... hơi nhiều, tôi uống rượu nhiều không được, nên...”. Thới sờ cổ.

“Không cần hay, cứ hát”

“Tôi xin ngâm thơ... Tôi ngâm thơ được, và ngâm bằng ba thứ tiếng”.

“Hoan hô... dzô đi, đại đội 8”. Đám bạn ngồi gần Thới vùng lên cười to, tung mũ, cổ võ hết mình: “Chịu chơi... đại đội 8”. Thới đưa tay ngăn các bạn.

- Trước tiên là thơ tiếng Việt.

Sự khó chịu lại trôi lên, như có một cuộn thịt bằm vừa tanh vừa lạnh trạo trực muốn bò lên cổ. Thới nhớ đến một bài thơ nói về một thời chinh chiến. Trong chinh chiến thì ít thấy niềm vui, chỉ có rất nhiều điều tàn, tang thương. Chàng đi đã lâu, và nằng ở nhà, và những con thơ, mẹ già. Hắt giọng, Thới ngâm. Bốn bên im lặng. Những người ngồi các hàng ghế quay lưng ra sân đều quay lại. Thơ hay. Chiến tranh thì xưa cũng như nay. Được bốn câu, bỗng Thới thấy lại một cảnh đường phố, những người chạy, nhà sập, khói mù. Hại quá, mình chóng mặt đây, không khéo thì... Thới đầm trán, xóc lại quần. Mọi người lại cười rân. Thêm được hai câu nữa. Cảnh đường phố chập chờn, buổi chinh chiến... đạn xối sạt sạt lúc nhanh lúc như nhỏ giọt xuống mặt đường, bụi bay, một người ngã xuống mép đường, cây súng, cái mũ sắt... kìa nữa, khói xanh lan ra, chờn vờn. Không có được nữa. Thới lắc đầu, nguy mất thật, hai chân thì vẫn dấy, nhưng cái đầu thì, coi kìa... sao lạ, mắt cứ thấy dâng lên, lan mãi ra một màn khói xanh.

HOÀNG NGỌC HIỂN

CON SAY

(KHỞI HÀNH số 73, ngày 1.10.1970)

Tôi thức giấc nghe nhức nhối và nặng nề trong đầu. Hình như một loài ma men nào đang đục rửa khỏi óc chết tôi. Rồi tôi cảm thấy cả người vẫn còn ê ẩm, một sức hủy hoại của rượu. Như vậy, tôi vẫn chưa hết hẳn một cơn say túy lúy càn khôn? Lão thượng sĩ già vẫn còn nằm kia, chết giấc, mùi rượu bay nồng trong hơi thở lão. Cái mùi khó chịu buồn nôn ấy, tôi chợt nhớ ra từ mấy bãi mả, vương vãi trên sàn hầm xông lên nữa... Tôi ngó xuống, chúng đang trôi lều bều trong nước đục đỏ ngầu. Thì ra đã có mưa đêm, cơn mưa đã đến và đã tạnh lúc nào, tôi không biết. Dòng nước từ một chỗ đột chảy xuống tám poncho căng trên trần hầm hình như vẫn còn đọng ở những chỗ trũng, chỉ chờ đợi một động tới là đổ ào cả xuống một góc hầm. Căn hầm thì đã ngập nước.

Sống lâu ngày trong hầm dựng bằng cây và bao cát ẩm mục, sinh lực mòn mỏi trông thấy. Thấm thoát đã ở tiền đồn Tân Hưng này gần hai tháng trời, giữa một mùa mưa. Khuôn mặt lão thượng sĩ thường vụ vàng ửng, nhợt nhạt dưới thứ ánh sáng yếu của ngọn đèn dầu nhỏ; tôi ngó vào hai cánh tay trần tôi, tôi cũng thấy như vậy. khuôn mặt tôi có thể không? Có khi còn sưng húp lên vì cơn say chưa tan hết. Xem đồng hồ tay: gần bốn giờ sáng. Tôi mở máy C.10, bóp ống liên hợp: “Đào nguyên, Đào nguyên một gọi, nghe trả lời?”. “Nghe, phát, thẩm quyền.”. “Tao tỉnh chưa mày?”. “Thẩm quyền đâu có say, thẩm quyền?”. “Xạo mày, tao say túy lúy, mặt còn đỏ hơn mặt trời nữa, mày ngạo tao đó hả?”. “Dạ, đâu có, em còn thấy thẩm quyền diu lão thượng sĩ già về đồn kia mà. Em còn thấy chuẩn úy cướp súng colt của lão đưa cho thằng Thành nữa.”. Tôi cười: “Thế thì tao say rồi, tao có nhớ mẹ gì đâu. Có cà phê chưa

mày?”. “Chưa, hẹn một giờ nữa, thăm quyền.”. Tôi đóng máy, định ngủ thêm một giấc cho đầu óc nhẹ hẳn, nhưng chợt nhớ đến một khu phố ngoại ô ở Saigon. Vợ con tôi đã về nơi đó.

“Em hãy về Saigon, về lúc này là hơn. Anh cũng muốn được rảnh tay chiến đấu, được đóng trọn vai trò của mình trong cuộc chiến.”

Nàng im lặng nghe lời. Và tôi biết rằng nàng đã chôn giấu những giọt nước mắt buồn. Sáng nay, nếu đi hành quân, chắc sẽ gặp nhiều vũng nước mưa trong suốt như nước mắt. Nhớ mùa mưa nào đi hưởng hạnh phúc ở một thành phố cửa biển, nàng vẫn vén cao ống quần nhúng trọn cả hai chân xuống vũng nước bên bờ đá, mắt cười: “Anh ngấm đi, chân em xinh không, no tròn, anh thèm không?”. Để thấy tôi cười cầu tài: “Thèm đứt đi ấy chứ”. Nghĩ ngợi làm tôi thiếp đi được một lát, nhưng lại chợt tỉnh dậy trong cơn mơ nào lạ, hình như có vợ tôi, vài người lạ mặt ở trên một chuyến xe ngựa, đi ra ngoại ô thành phố. Từ lúc đó, giấc ngủ mới thật sự không trở lại nữa. Không có hy vọng gì làm một người thái cô hoang mang trước tảng đá lăn, tiếng thác đổ, để thu mình vào trong một hang hóc vui thú với một người đàn bà. Tôi cần có mùi hương thơm nhẹ, mùi phấn thoảng trên da, trên tóc ngọt bùi... Vậy mà sao tôi lại đến đây? Tôi lớn lên từ một khu rừng hẻo lánh, qua một vùng sa mạc vàng rực, chỉ có bóng dáng của lạc đà thoi sao?... Nhớ sớm nào, anh rời Saigon lên chốn địa đầu quê hương này, em phải dậy từ ba giờ sáng, sửa soạn cho anh hành lý. Rồi em đưa anh ra đầu ngõ. Đưa anh ra đầu phố. Em vẫn mặc chiếc áo mỏng, không đủ ấm vì vội vã. Lúc anh sắp bước lên taxi, chúng mình hôn nhau vội vã. Nói một tiếng cũng vội vã: “Aurevoir”. Em trở về với con hãy còn ngủ ngon, thương quá. Lúc ra khỏi nhà, anh đã kéo màn lên hôn vào trán nó. Chúng ngủ say, ngon lành, thương quá. Khi đó, trời còn tối, đèn đường còn sáng lạnh trên mặt nhựa ẩm ướt sương. Chiếc xe lao mình thật nhanh... đưa anh qua cầu, hướng về phía phi trường...

Tôi chợt thấy một niềm vui trào dâng trong lòng lẫn với ít nhiều buồn tủi. Kể từ khi lấy nhau, chúng tôi đã đi tới

một vùng đất mới. Dù ở đâu, chúng tôi vẫn là những kẻ đi xa, thật xa. Và tất cả mọi liên hệ thân thuộc, để khỏi phải phôi bày với họ nỗi túng thiếu của mình. Chúng tôi đã đến vùng, mà vinh nhục của chúng tôi cũng không một người thân nào biết đấy là đâu. Vinh chúng tôi biết, nhục cũng chúng tôi biết, cũng chỉ chúng tôi chôn giấu trong lòng. Xin từ chối mọi sự thăm viếng. Xin cha mẹ, xin anh em đừng nhớ gì, đừng nhắc gì đến đời sống chúng tôi nữa. Xin chầm dứt thật sự cái liên hệ hờ hững đó, cho chúng tôi được êm a tách bển, đi biệt vào vùng đồi núi cô độc của chúng tôi. Sự sống cũng như sự yên nghỉ, chúng tôi muốn thu xếp một cách lặng lẽ. Chúng tôi đã khởi đầu cuộc sống, khởi đầu mọi tham dự, từ một con đường bụi cuốn cao định mệnh như thế nào? Biết làm sao khi những người yêu nhau không có nhà để ở, không có tiền mua rượu mời an hem bè bạn, không có nhiều thứ khác mà xã hội bắt họ phải có đủ thứ hết. Có lẽ xã hội không tốt gì với họ, mang thừng buộc vào chân họ, mang lưới chum vào đầu họ, và mang bộ da đười ươi khoác lên mình họ,... Và rồi chúng ta cũng phải biết khoác bộ da đười ươi, để làm những điều mà nếu còn khoác bộ áo người chúng ta không thể nào làm được!

Cơn mưa chợt trở về khi trời dửng sáng. Tôi vừa bỗng thấy mình rơi vào một trạng thái xa lạ nào. Có một chút bã buồn. Có một chút trống rỗng. Có một chút bức dọc. Có một chút mệt mỏi. Qua khung cửa hầm, tôi thấy trong tầm mắt những bức tường rêu xám xịt, những mái tôn lạch lổng mấy cành cây khô rớt, những hàng rào kẽm gai đã cũ,... Và thế là ngày lại bắt đầu. Tôi chợt thở dài nghĩ ngợi: “Đó, ngày đã đến rồi đó, làm sao bây giờ đây em? Anh sống làm sao đây em? Đâu sự sống đâu? Sinh lộ của anh rẽ đâu rồi? Sao chúng mình lại cách nhau những cánh rừng dài? Sao chúng mình đi qua được những đau khổ một cách tài tình đến vậy?”.

Trong một phút cố gắng, tôi vươn vai ngồi dậy, và đập vào lão thượng sĩ già:

“Thôi, dậy đi cha ơi!”

Lão mở mắt, há hốc miệng ngáp:

“Đ.M., say một bữa thích quá. Đêm qua, lão đái cần

câu qua người quan, quansay, quan đêch biết gì cả!”

Tôi đập lão:

“Bố tiên nhân cái lão già khốn nạn này!”

Lão cười ha hả.

“Ngủ nữa đi quan ơi, mưa bỏ mẹ đi, hôm nay cho lính ngh3 hết, nghỉ trọn ngày. Lão thường vụ này chịu chơi rồi, quan ơi!”

“Đ.M., có lệnh mở đường cho mai bạc vào thăm đồn bây giờ đó, thường vụ ời!”

“Thì quan dẫn lính đi, chứ lão có đi đâu!”

Tôi chửi lão:

“Bố cái lão già bẻm mép. Thôi dậy kiểm ly cà phê cho tỉnh ngủ chứ! Mơ suốt đêm, ướt nhẹp cả quần rồi, còn chưa chán sao?”

“Mẹ kiếp, muốn ra áp thăm em Minh thì nói toạc ra, còn kiểm cà phê cà pháo! Già này biết quá mà!”

“Ôi cái lão già bày đặt quá! Già rồi mà còn lảm chuyện!”

Lão cười hình hích:

“Mùi rượu bay thơm quá!”

Tôi chỉ còn biết lắc đầu. Nước dột đã tràn lên gần hết diện tích sàn hầm, màu nước đỏ ngầu, lều bều rác rưởi, đồ mưa,... ngó phát lợm giọng. Đây là một trường hợp chiến tranh trên quê hương nghèo khổ, lảm tàn tích, lảm chủ nghĩa, lảm người ngoại quốc. Hơn lúc nào hết, bây giờ chúng tôi phải chiến đấu anh dũng trong những điều kiện eo hẹp. Đôi khi làm chúng tôi chán nản, vùi đầu vào những cơn say vô vị. (Đài phát thanh chọt loan tin chiến sự. Chúng tôi lắng nghe. Ngày hôm qua đoàn công voa của lực lượng Hoa Kỳ, di chuyển trên Quốc Lộ Mười Ba đã bị địch phục kích khoảng mười lăm cây số nam An Lộc, tỉnh Bình Long. Sau mười phút giao tranh ác liệt, địch đã bỏ lại 5 chết. Lực lượng Đồng Minh tịch thu 3 AK, 1B40. Riêng bạn có một hy sinh và hai xe bị hư hại 50%). Những tin ngắn như thế, tôi nghĩ, như những kết luận của những vở kịch. Thảm kịch? Thảm kịch của quê hương? Một vở kịch lớn mà tất cả mọi người cùng sắm vai, những vai trò đều mang tính cách của định mệnh đang tiếp diễn? Và vai trò nào chẳng dùng tới thủ đoạn? Cuộc đời là đấu trường của các thủ đoạn cá

nhân? Quê hương chiến tranh là đấu trường của tập thể chính trị? Tất cả đang bị đắm chìm không lối thoát trong một cơn mưa... Chúng tôi đang là các cá nhân trong tập thể đông đảo đó: Những cá nhân mê muội nhất.

Thằng Vụ đem đến trả tôi cây colt và giầy nịt đạn, mà bữa qua khi tôi gục xuống tấm gỗ này, nó đã tháo ra cho tôi nằm khỏi cần bụng. Đồng thời với một tấm bản đồ, trên đó ông Trung úy Đại Đội Trưởng đã vẽ sẵn phóng đồ cuộc hành quân hôm nay. Nó nói:

“Chuẩn úy và thượng sĩ đây uống cà phê là vừa. Mưa cũng ngớt hạt rồi.”

Tôi hỏi:

“Chuẩn bị bữa cơm chín chưa?”

“Thưa rồi, lâu quá mới thấy chuẩn úy say.”

Tôi cười:

“Tại cái lão già này. Hôm nay đi chắc bết lấm đây. Xem nào.”

Tôi ngó vào tấm bản đồ. Chỉ có một mục tiêu duy nhất. Sóc Xoài. Chắc có kho vũ khí hay lương thực gì đây. Một đại đội thứ hai sẽ đi bọc lên làm tuyến án ngữ cho đại đội tôi vào lục soát mục tiêu. Đã nhiều lần hành quân vào đây và lần nào cũng có kết quả, cũng kiếm được một vài cái huy chương cho anh em binh sĩ, hoặc một mớ tiền thưởng của ông Tiểu Khu Trưởng về nhậu chơi. Tôi đẩy tấm bản đồ vào chỗ lão thường vụ:

“Chín giờ đến tuyến xuất phát này cha. Dậy tập hợp đại đội đi thôi! Ông muốn uống cà phê không có đường hay sao mà còn trườn trải ra đây.”

Lão kêu lên:

“Ồi cái thân già này còn khổ đến chừng nào đây? Lão làm đơn xin về Biên Hòa rồi, chắc có kết quả ngày gần đây. Miền cao su lấm nhựa, dính chặt quá.”

Lão cúi kiểm giày, nhưng tôi thấy đôi giày bột dờ xò của lão đã chìm ngập trong nước bùn, nằm lẫn với đồng cơm, thịt, rượu mà lão đã mửa ra trong đêm. Tôi mặc kệ lão và thoát ra khỏi căn hầm. Cơn mưa mới tạnh, trời bắt đầu

sáng rõ, sương mù trên những cánh rừng đang tan loãng. Tôi đánh răng rửa mặt, và đón nhận ly cà phê trong tay thằng Vù. Trong khi đó, lão thường vụ đang huýt còi, la hét bọn lính tập hợp. Tôi nhìn vào chân lão, tôi thấy lão vù đi đôi giày bần thiu đó.

Tôi uống xong ly cà phê rồi dẫn trung đội tôi ra khỏi đồn. Đất đỏ dẻo quanh dính chặt dưới chân giày, làm bước đi trở nên mệt nhọc, chậm chạp, nhưng tôi chợt thấy hứng khởi! Hình như sau một cơn say, tôi đã bôi xóa được những thói quen nhàm chán cũ, đã có một phần nào đổi thay tốt đẹp hơn trong đời sống tôi. Phải chăng say cũng là một cách yêu thương cuộc đời? Và một cách nhìn ngắm thân thể mình?

Khi trung đội ra tới bìa rừng, tôi lớn tiếng:

“Đi thưa ra! Đi sâu và bám vào cây!”

Chúng nó dừng lại, làm theo lệnh tôi. Tôi hài lòng đứng ngắm. Thằng Thành lại bên, tôi cầm lấy ống liên hợp máy C10:

“Đào nguyên, đây Một gọi.”

“Nghe phát thẩm quyền.”

“Hỏi hai mai cho đi cặp suôi hay xuyên rừng, trả ời?”

Một lát.

“Cứ đi xuyên rừng, thẩm quyền.”

“Nhận được, nhưng xác nhận lại đi, khu rừng nào có mìn bẫy, có công? Nguồn tin cảm tình viên cho biết, trả lời!”

“Cứ đi chuyển thẳng đến mạnh mẽ tư tưởng (mục tiêu), không có ghi nhận trở ngại nào hết, thẩm quyền.”

Tôi buông máy, bình tĩnh tiếp tục lộ trình đã được ấn định. Càng đi sâu vào lòng rừng, càng cảm thấy không gian lạnh lẽo. Đầu óc đã hết nặng nề, hơi thở đã hết mùi rượu. Và tôi nghĩ, sau cuộc hành quân, mình vẫn có thể ngồi vào một bàn rượu thịt khác. Tôi nhớ đến lão thường vụ già trông coi đồn bót ở nhà, không biết lão có mong ước, một con bò thui treo trên một cái xà nào đó ở giữa sân trại, với những thùng lade đá bọt, anh em chúng ta uống bằng các ca lớn, dưới ánh nắng mặt trời chiều nay, sau khi tịch thu được một kho vũ khí đạn dược của địch ở Sóc Xoài, mục tiêu chúng ta đương tiến đến đây? Tôi cười với ý nghĩ mình, tưởng như đây là

đoàn quân trung cổ của Thành Cát Tư Hãn, đang trên đường chinh chiến? Thú thật, trong tâm hồn tôi, sao chợt nhiên nghe vang nhạc ngựa, nghe vang tiếng trống dồn giục giã...

Nhưng buổi chiều, chúng tôi trở về đã không có gì cả. Chỉ có mồ hôi thấm ướt lưng áo. Chỉ có những bi đông nước đã cạn... Chúng tôi ngồi trên các nóc hầm, các vỏ thùng đạn, lơ đãng nhìn quanh. Cảnh rừng chiều đã nhuốm màu âm đạm, lá cờ bay theo gió nhẹ, mây trôi thật chậm về một chân trời nào, ánh nắng nhạt thêch sắp tắt ở bên kia cánh rừng. Không có gì vui đến với những khuôn mặt kia, sự trì độn lâu ngày đã làm chúng mất hết vẻ sinh động. Cả tôi cũng vậy nữa, tôi đã tưởng tượng thấy cái vẻ dờ dẩn của tôi, nơi khuôn mặt của thằng Thành, thằng Vụ,... Khi chúng tôi tiến vào Sóc Xoài, trời đã xế trưa, và chúng tôi không gặp một lực lượng chống cự nào cả. Dân ở đó gồm một nhóm người Thượng ngơ ngác nhìn chúng tôi, có lẽ họ cũng ngơ ngác như vậy khi nhìn Việt cộng vào sóc đêm qua? Lực soát kỹ, chúng tôi chỉ thấy những dấu vết chứng tỏ địch đã có mặt ở đó, và chúng mới di chuyển đi không lâu. Tin tình báo hơi chậm và Tiểu Khu phản ứng cũng trễ nữa. Do đó, chúng tôi trở về đồn không có gì cả. Một lần trở về một mối, rã rời, vô vị...

Tôi chợt thấy vô vị thật sự trong một buổi chiều như thế này ở đây. Tôi nghĩ đến gia đình, đến thành phố đầy đèn sáng, rất dửng dưng. Tôi nghĩ đến Mộng, người tình đầu đời, giờ không biết ở đâu, một cách rất bình yên. Và tôi cũng vừa chợt nhớ tới Minh, người góa phụ trẻ ấp Tân Hưng, mới bước vào cuộc sống tôi ít ngày nay, cũng với một cách ... rất vô tình. Tôi thấy ngày tháng với từng buổi chiều đang đi qua những cánh rừng âm thầm và lặng lẽ. Tôi thấy đời người ở miền trời này gắn liền với rừng cây trĩ trệ, với lũng sâu bóng tối. Tôi không thấy gì vui. Trong ý nghĩ đó, tôi nhìn lên và tôi thấy mơ hồ một bóng giáo đường. Sao không có hồi chuông nào gióng lên trong chiều nay? Sao không có một động lực nào thúc giục tôi tìm đến? Tôi bỗng

thèm nghe một hồi chuông. Ước gì có một hồi chuông rộn rã trên các đồi rừng này, trên đời sống buồn bã tôi? Hình bóng một giáo đường cao ngất vừa hiện ra đã trôi đi hun hút vào những tầng mây mờ tối. Vẫn không có một hồi chuông nào vọng tới. Tôi thèm nghe hơn bao giờ hết, tôi thèm nghe như ước vọng cuối cùng của một tên tử tội.

Nhưng tôi đã hoàn toàn thất vọng. Tôi chỉ nghe thấy tiếng còi ré lên của lão thượng sĩ thường vụ tập họp tiểu đội đi kích. Tôi châm một điếu thuốc, và theo dõi lão già kiểm soát toán lính. Tôi trở về đời sống thực tế tôi: dùng com chiều với thằng Thành và thằng Vụ, uống ly cà phê cũ thứ hai trong ngày. Giấc ngủ thường đêm vẫn thao thức khi không có rượu uống mềm môi. Câu chuyện tình đau thương của thằng Thành nó kể còn dở dang, chưa hết. Tôi sẽ được nghe hết trong đêm nay hay trong một đêm mai. Đêm khác đến chuyện thằng Vụ. Đêm khác nữa, đến chuyện tôi. Và cứ thế, chúng tôi hút thuốc, uống cà phê, thao thức, đếm tiếng đại bác 155 ly bắn đi từ căn cứ Đồng Minh trong Quận Lợi. Tiếng nổ của nó ở ngoài rừng vọng tới căn hầm tôi âm u không thoát.

(Trong tập Quốc Lộ Mười Ba, đã đăng trên tạp chí KHỎI HÀNH số 73, ngày 1.10.1970).

THẾ VŨ

bữa tiệc dưới hầm

(Vấn Đề số 24 tháng 7-1969)

Những bộ quần áo màu cứt ngựa bắt đầu hiện ra, bên những pháo đài, bãi sân rộng, cột cờ cao, trên con đường dẫn từ làng về căn cứ, qua cổng, ở đó có một người lính đứng mang súng đội nón sắt tựa thân vào thành bao cát, hàng chữ đen trên tấm gỗ nhòe nhoẹt ghi : trại Nguyễn Hữu Nghĩa, vài cây phi lao lẻ loi nhô cao phát phới lá ngọn trong gió. Nắng buổi chiều đã dịu. Tôi đi trên lối mòn dẫn từ bãi trực thăng vào, qua cổng, qua mấy lượt kẽm gai, qua một vài khuôn mặt đen sạm, tự hỏi rồi tôi sẽ cử động như thế nào, sẽ chiến đấu như thế nào trong những ngày sắp tới ở đây.

Một chỗ cho tôi trong một căn hầm giữa những căn hầm khác. Một vai trò cho tôi. Một người đưa tôi đi xem căn cứ. Đó, chỗ này là bãi mìn, ngoài hàng rào luôn luôn có lựu đạn gài. Xa ba cây số về hướng này là biển, ở bên kia, bãi cát vàng đỏ chạy dài từ chân núi ra đến biển. Con đường này dẫn ra chợ cách chừng năm trăm thước, con đường duy nhất mà anh có thể đi bất cứ lúc nào muốn ở khắp vùng này... Tôi chợt nhận ra giữa những thứ đó, mình bắt đầu bị giam cầm một cách thật nhẹ nhàng, mình bắt đầu những ngày bị bủa vây, bị đẩy đi quá xa, một nơi mình chưa hề chọn lựa. Hình như, tôi cũng cảm thấy rơi vào một cơn lốc hay một giòng nước xoáy nào đó mà tôi chưa nhìn ra được. Trong những ngày sẽ đến sau đây, cơn lốc nào, giòng nước cuốn nào cuốn cuộn trôi về cuốn phăng đi những người chung quanh, cả tôi, cuốn phăng ra biển khơi tất cả. Tôi theo chân Yên, trở lại căn hầm, ngồi trên chiếc võng vừa mượn được, rút điều thuốc thứ nhất từ khi đến đặt lên môi, bật lửa đốt,

Cơn mưa đổ đều đặn bên ngoài. Thuốc lá làm tôi thấy ẩm áp hơn khí trời đêm tháng tám. Bụi nước tạt vào hầm, qua cửa

hẹp ăn thông ra giao thông hào. Bao thuốc lá đỏ đặt trên một thùng đan. Khẩu súng và giấy đạn treo trên móc đóng vào thân cây phi lao khô dùng làm đà chống đỡ căn hầm. Buổi tối kéo đến nhanh theo cơn mưa đầu mùa. Cây đèn cầy tỏa ánh sáng tù mù đỏ không soi đủ cho căn hầm chật chội. Tiếng những con chó cất mồm sủa vang ở đâu đó trong đêm tối mịt mù. Yên nói cho tôi nghe về một vài kinh nghiệm chiến trận của hắn, giữa khoảng cách những trái sáng thỉnh thoảng bùng lên ngoài rào căn cứ. Giọng của Yên làm tôi chợt nhớ đến một người bạn học ngày xưa, không biết bao giờ người bạn cũ đó ra sao, đang nằm trên một tiền đồn một căn cứ nào như tôi, hay đang phiêu bạt về một nơi nào. Yên đã bảo tôi lắng tai nghe, giữa những âm thanh hỗn tạp và đè nén này, tiếng loa gọi vắng vắng ngoài xa. Yên nói bên kia cánh đồng, dưới chân bãi cát vàng buổi chiều anh đã thấy, giọng loa đó của một tên du kích không rõ mặt mũi tay chân đang gào kêu chúng ta ra hàng. - Gì thế ? Tôi đã hỏi lại Yên như thế. Giọng Yên xuống thấp hơn: *Rời ở lại đây lâu anh sẽ biết, chúng xuất hiện hằng đêm, và có thể ngay ngoài vòng rào kẽm gai phòng thủ chứ không phải chỉ xa như thế thôi đâu... Riết rồi chúng tôi quen đi, ban đầu khi tiểu đoàn mới về vùng này, chúng tôi đã nã súng cối để dọa chúng, nhưng rồi chúng tôi nghĩ bắn súng cối để dọa một tên du kích thì quá thừa nên sau đó quên luôn. Anh cứ thức và chờ, chúng sẽ bò về gần hơn nữa và có thể sẽ gọi bằng nhiều giọng khác nhau....* Tôi hỏi mình sẽ nằm vùng này bao lâu nữa Yên ? Yên bình thản thờ dãi, *một tháng hai tháng hay ba tháng chưa biết được, nhưng có điều là anh đến một vùng khác cũng vẫn gặp từng ấy chứ. Có gì lạ đâu, có lần toán kích của mình bắt được một tên đang hò reo mình ra hàng, khi đem về đồn, sau một đêm nhốt ngoài lô cốt, sáng hôm sau chúng tôi nhận ra đó là một khuôn mặt quen thuộc mà nhiều lần mình đã cho Iên đồn ngủ nhờ.*

Tôi quay mặt ra ngoài nhìn một trái sáng khác. Qua cửa ra vào căn hầm, những sợi mưa giăng giăng, ánh sáng nhạt nhòa ngã nhào xuống rồi phụt tắt. Bóng tối lại bủa vây lấy. Yên rút thuốc lá đưa cho tôi một điếu, rồi lấy một điếu khác vồ vào bao diêm mấy cái trước khi bật lửa đốt. - *Anh hút*

thuốc nhiều lắm không ? Yên nhả khói xám ra ngoài không khí, trung bình một ngày hai gói. Tôi gắn điều thuốc lên môi, lấy bao diêm Yên đưa cầm vào lòng bàn tay. Giọng loa gọi bên ngoài đã rõ hơn dù mưa đổ lớn hơn. Tôi lấy điều thuốc cầm lại vào tay. Không biết rồi tôi sẽ ra sao... Yên hỏi anh đã sẵn sàng đi ngày mai chưa. Tôi đặt bao diêm và điều thuốc xuống mặt gỗ, ngày mai sẽ đi đâu hở Yên ? Tiếng Yên nhỏ hơn nữa: - Bên kia bãi cát, đổ ra xóm làng ngoài biển, đó là mục tiêu chính, xong kéo dọc theo biển về lại đây. Tôi nằm xuống võng, những âm thanh lao xao đâu như từ trong đầu mình, những hình ảnh cuốn lấy nhau, những tưởng tượng về một cuộc hành quân đầu tiên của mình, những khuôn mặt nào của ngày xưa nhạt nhòa kéo đến... Trong khi nằm chờ giấc ngủ đến, anh làm gì Yên ? - Biết làm gì ngoài thuốc lá. Có nhớ về một người nào đó không ? - Một đôi khi. nhưng nhiều lúc cũng làm cho mình buồn chán thêm...

Sau cuộc hành quân tôi theo Lộc và Tình ra chợ, vào quán uống bia Tịnh và Lộc bàn nhau về cái chết của Yên buổi sáng. Tôi lắng nghe họ nói, nhìn dấu đạn giầy xéo trên tường mấy căn nhà gạch đang trước mặt, những dấu chân bước qua đường sỏi, những nón sắt, súng đạn khua rộn rã, một vài người tấp vào các quán sát vách nhau, cây cầu xa ở bên kia đã đổ, những khuôn mặt chìm dấu ở đâu đó, nổi bi đát quen thuộc, những khẩu hiệu những câu chửi thề trên các vách tường nhòa nhoẹt chen lẫn những cái đầu có mất tai mũi họng, những cánh tay, những khẩu súng, xe tăng máy bay, những bộ sinh dục với lông lá vẽ bằng than đen... Xác tên du kích nằm ngay trước mắt tôi, nước da hắt tái xanh, đầu tóc lờm chờm, hàm răng trắng rợn người, những miếng ghê trên mu bàn chân chảy nước vàng đóng vảy chung quanh, những miếng thịt vung vãi trên mặt cát... Tôi nhắm mắt lại, đôi mắt tên du kích trợn ngược... Lộc nói kể cũng khá, cuộc hành quân đầu mà cậu không có vẻ lính sửa tít nào. Tôi nói hi vọng rồi cũng quen đi, buộc lòng phải quen đi tất cả vì dù sao tôi cũng đã nhập cuộc. Một con kiến to bò trên bàn. Cái đầu bẹp di, hai con mắt lòi ra ngoài của con mực khô trong đĩa. Bàn tay có những sợi lông măng của đứa con gái bán quán... Lộc nói Uống đi chứ Minh. Cần

nhà bị đốt bốc khói đen cuộn cuộn, lão già đưa khăn quẹt ngang mắt rồi nhón nhát nhìn bọn lính lục soát chung quanh. Đám con nít ổng bụng ngồi la lét trên bãi đất trống, những ổng chân đen bần cẩu ghét... Cho ba chai nữa. Tôi nói với Tịnh *tôi uống ít lắm*. Tịnh cười *phải tập ông a.. ông không lì ra thì ông chịu sao được đời lính tác chiến...* Tôi phải tập lì ra nữa sao ? Tôi phải lì lợm đến mức độ nào ? Đôi mắt trợn ngược trắng dã của tên du kích nhìn tôi chăm chăm... những khuôn mặt thảm nảo của đám đàn bà con nít trên bãi cát, tiếng khóc lóc van xin, tiếng tru tréo, tiếng chửi thề... Con kiến bò ngược trở lại mép bàn. Tôi nhìn lên, bắt gặp đôi mắt của đứa con gái nhìn tôi, nó mở miệng cười, hai cái răng vàng nằm yên hờ hênh thật chướng con mắt. Tôi cúi mặt xuống, tránh cái nhìn của đứa con gái, bắt gặp hai con mắt lơ lơ của con mực trong đĩa... *Đừng nhìn tôi nữa chứ, tôi mệt quá, tôi không muốn ai nhìn tôi cả...* Tôi nhắm mắt lại, Những sợi tóc lờm chờm hiện ra, cái đầu lật ngửa, miệng mở to, những cái răng trắng dã... Tôi mở mắt ra, con kiến đang bò vòng quanh vũng nước đọng trên bàn. Lộc nói *uống đi chứ*. Tôi bung ly bia đặt lên môi, uống một hơi, chất nước chảy róc rách qua cổ, qua thực quản. Tôi đặt ly bia xuống, đôi mắt lại bắt gặp đầu con mực nằm trong đĩa. Tôi đổi thế ngồi, quay mặt ra ngoài, bắt gặp bức tường đầy dấu than và vết đạn. Tôi nói với Lộc và Tịnh *có lẽ tôi phải về*. Tịnh nói về làm gì lúc này, ông muốn nhốt mình trong hầm sao ? Uống say tôi điu ông về đồn. Con kiến bò xong một vòng . quanh vũng nước, bắt đầu một vòng khác. *Có người yêu không Minh ?* Tôi giật mình cười với Tịnh *có chứ*. - *Đang nghĩ về người đó phải Không ? - Không...* con kiến... Tịnh tiếp tục rót bia vào ly tôi. Chất nước vàng nhạt sủi bọt trong ly. Tôi nhắc ly lên, chìa ra - trước mặt Tịnh, trước mặt Lộc trước khi đổ vào mồm, nuốt xuống, đổ vào mồm, nuốt xuống... Tôi đặt ly xuống bàn, lắng nghe ị chất đắng thấm vào lưỡi vào ruột vào tim vào đầu. .

Yên đã chết. Thật giản dị. Đêm qua hẳn đã nói với tôi những gì ? Tôi ngồi im nhớ lại khuôn mặt hẳn, giọng nói hẳn, ngồi im nhớ lại buổi sáng khi quả mìn nổ tung, khí xác

hắn được bốc lên cao rồi rơi xuống... Con kiến vẫn cứ tiếp tục bò quanh vũng nước đọng, bức tường vẫn cứ xám chán ngay đằng trước mặt, dầu than đen và vết đạn vẫn chen lẫn nhau, những sợi lông măng vẫn nằm trên cánh tay của đứa con gái, tên du kích vẫn tròn mắt nhìn tôi, Yên vẫn tiếp tục bị bắn tung lên rồi rơi xuống. Uống nữa đi chứ Minh. Đứa con gái lùi ra sau, đứng giang chân sau chiếc bàn trong góc, Tịnh và Lộc vẫn cứ tiếp tục câu chuyện nào đó. Ly bia lại cứ tiếp tục được đổ đầy. Mày sẽ say, sẽ gục xuống như một con chó... Những tiếng hò reo ở cuối làng vang lên. Lão già đưa khăn lau mắt, đám lính lúi trong nhà ra một túi cứu thương của địch, một vài người lính bước qua đường, con mực vẫn giương mắt nhìn tôi... Uống nữa đi chứ Minh. - Tôi mệt quá, Tịnh... Tôi đứng dậy, nhắc ly bia lên uống cạn rồi lấy nón sắt úp lên đầu, mang giấy đạn vào lưng, lấy súng bước ra ngoài. Tôi về nghe Lộc nghe Tịnh... - Thôi chờ bọn tôi về luôn Minh ơi. Tôi lên đạn, chĩa mũi súng lên trời bóp cò. Tiếng nổ làm tôi giật mình. Bọn lính trong các quán đồ xô ra cửa đứng nhìn rồi cười. Lộc đến bám vào vai tôi nói đưa súng cho tao... Tôi lấy nón sắt cầm vào tay. Tịnh từ đâu đằng xa gọi với theo nó cướp cò hủ Lộc ?

Tôi tỉnh dậy không biết vào lúc mấy giờ. Ánh đèn tù mù trong hầm soi rõ chỗ trống của Yên đã nằm đêm qua, Chiếc võng vẫn còn giăng bên tôi, thùng gỗ Yên dùng chứa đồ vẫn còn đó. Yên đã chết. Tôi đưa mắt nhìn một vòng, những đồ đạc bừa bộn trong hầm hiện ra, cuối cùng tôi bắt gặp gói thuốc Ját. Tôi chồm người với lấy một điều. Cơn rã rời lại đến, đầu óc văng vát và mồm còn hôi mùi rượu nôn thốc thảo buổi chiều qua. Tôi gắn điều thuốc lên môi, tìm hộp diêm. Không có trên thùng gỗ. Tôi choàng dậy, đưa tay trong túi áo quần để tìm hộp diêm, nhưng cũng không có. Căn phòng như thu nhỏ lại, tôi cảm thấy bức bối khó chịu, bỏ chân vào đôi giày nhưng không cột dây, chợt nhận ra vẫn còn mệt, Tôi ngồi yên trên võng cố nhớ lại một điều gì đó, Nhưng tất cả cùng đến một lúc, không rõ ràng, Tôi thờ dài, lấy điều thuốc kẹp vào giữa hai ngón tay, nhìn một trái sáng đang rơi xuống lơ lửng ngoài trời. Đêm nay không

mưa. Tôi thêm được đi đâu đó lúc này. Trái sáng tắt, bóng tối lại chụp xuống. Cây đèn cây tù mù sáng trong hầm làm tôi nức cười, nhưng cơn giận dữ lại đến ngay sau đó. Tôi đứng dậy giơ chân đạp mạnh vào cái thùng gỗ. Cây đèn ngã xuống tắt phụt. Tôi thở dài, mình điên thật. Tôi bước ra ngoài trời, buổi tối lạnh dịu dàng. Người lính gác ngồi trên pháo đài bên cạnh hỏi chưa ngủ sao. Tôi hỏi hẩn ; có lửa cho tôi mỗi điều thuốc. Hẩn nhích người đưa tay vào túi quần lấy bao diêm bật lửa cho tôi. Tôi quay vào lại căn hầm ngồi trên võng, nghe tiếng súng nhỏ nổ ở đâu đó. Khuôn mặt nhợt nhạt của tên du kích lại hiện ra. Tôi tháo bỏ giày rồi nằm xuống võng.

Chú tôi đã nói với tôi trước ngày tôi đi những gì ? Con biết con bắt đầu vào trận rồi đó. Con biết con không dừng lại được nữa. Chiếc xe cộc cạch đời con vừa bắt được đóc, con không ngừng dừng lại nổi nữa, con bắt đầu lao đi trong cuộc phiêu lưu này, con bắt đầu làm quen hết tất cả, tất cả... Tôi thấy đáng ở chỗ hống. Tôi vút mẩu thuốc lá qua cửa hầm. Đóm lửa rơi vào một vũng nước, cháy sèo rồi tắt ngấm. Tiếng chó cắn vang ở đâu đó. Những hình ảnh của trí nhớ hiện đến, tôi nhắm mắt muốn ngủ thiếp nhưng chỉ còn có những rời rã, đôi chân ê ẩm nằm dài thườn thượt trên võng. Một ngọn gió thoảng qua bên ngoài, tóc Ngọc lòa xòa xuống gáy trần, căn phòng bẽ bộn đó chỗ trú ngụ của Ngọc, buổi chiều tôi đưa nàng ra biển nghe gió lành lạnh, bãi cát vàng, tên du kích trợn ngược con mắt nhìn tôi... Tôi muốn quên hết đi, quên hết để được yên ngủ, nhưng không được riết rồi tôi nằm yên, chân duỗi dài, kéo chăn đắp lên tận cổ, để cho chúng tha hồ hoành hành tôi cho đến khi nào chúng chán. Bên ngoài, những trái sáng tiếp tục rơi cách khoảng nhau. Tiếng chó cắn, tiếng loa, tiếng chân bước nhẹ của người lính gác.

Tôi có cảm giác được mang đi ra ngoài trời, mưa đổ những hạt trên mặt lạnh như đồng. Tôi có cảm giác được đặt trên một tấm phản, được đắp trùm từ cổ đến chân một tấm chăn. Tôi thiếp đi sau đó.
thế vũ

LÊ BÁ LĂNG

BUỔI DỪNG QUÂN

(Văn 121, năm 1969)

Thằng Nuôi cầm chai "33" vừa múa vừa gọi tôi: Thiếu úy, thiếu úy. Tôi định bỏ đi thẳng nhưng thằng Bảy đã rời bàn rượu chạy kéo tôi vào :

- Ngồi với em út cho vui đi đại ca.

- "33" nghe đại ca.

- Ủ, chi cũng được.

Buổi trưa trời nắng gắt, con nắng như muốn làm khô đi lượng nước đã ngập đầy những cánh đồng sau mấy tuần mưa lụt. Trên mặt bàn, mấy gói mực khô Đại-hàn xé dở; gương mặt thằng Nuôi chưa tái nhưng cặp mắt hần đã đỏ kè. Thằng Bảy vừa rót rượu vào cốc vừa réo người đàn bà chủ quán :

- Thêm nhiều " 33 " nữa đi chị hai.

Mụ Hồng vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trước trán, liếc tình thằng Nuôi :

- Mấy chai nữa anh ?

- Chừng nào say thôi.

Thằng Nuôi vỗ vỗ túi áo trả lời. Trời vẫn im gió, mồ hôi thấm ướt lằn vải mỏng sau lưng áo mụ Hồng, để lộ khoảng da trắng muốt. Bên kia cánh đồng, dòng sông Lại-giang trải dài bao quanh con đường đá đỏ gồ ghề dẫn lên quốc lộ Một. Con đường đã mang tôi về phố những giờ phép ngăn ngừa hiểm hoi, con đường nhắc tôi những mất mát ngày một nhiều, một cuộc tình, một căn nhà cũ, đổ nát, tan hoang; những bạn bè thẳng một nẻo... tôi không còn gì ngoài nỗi buồn mỗi lần trở lại nhìn những thêm gạch vụn, những chỗ ngói của Lữ của Hùng của Xuân của Ngọc... những kỷ niệm dập dờn nổi sóng. Tôi thấy mình bất lực và đã bao lần muốn trốn chạy, muốn bỏ đi.

Thằng Bảy đưa ly cụng vào ly tôi nói thiếu úy cứ uống. Tụi em chịu chơi lắm mà. Uống đi ông. Tôi nhìn thằng Nuôi rồi

nhìn mặt Hồng. Gần ba mươi mấy tuổi rồi, mặt vẫn chưa tìm được người đàn ông chung thủy.

Thằng Nam bảo trước kia mặt làm điểm ở Sài-gòn có tiếng, sau về đây chôn ông già bị Việt-cộng giết rồi gặp lúc quân đội về bình định quận này, mặt ở nán lại mở quán nhậu luôn. Những lời đồn đại về mặt cũng nhiều nhưng không vì vậy mà quán mặt ít khách. Những buổi dừng quân như thế này, ngoài đám khách hàng quen thuộc thường ngày gồm mấy toán nghĩa quân mấy nhân viên hành chánh quận ; còn có chúng tôi nên quán lúc nào cũng có người, có tiếng cười, tiếng nói. Mặt Hồng cũng khôn ngoan, biết chiều khách nên đã hơn năm trời buôn bán ở đây mà chẳng ai ăn lường hay có ý định phá phách quán này. Tôi bấm thằng Nuôi hỏi nhỏ :

- Có vụ hủ mầy ?

Hắn kể miệng vào tai tôi :

- Dạ, đại khái thôi thiếu úy.

Thằng Bảy được dịp chen vào :

- Thật tiếc quá, bữa nay tôi còn tiếc.

Tôi bảo mầy lại định nhắc chuyện cũ à. Hắn tợp một ngụm bia rồi ra dấu tiếc rẻ nói :

- Thì cái vụ thằng chả bữa hôm ở Lang xá bầu đó, ông đừng đưa vợ lên Đại-bàng thì tui tui giàu to biết mấy. Chỉ cần hai thùng nước lã là nó chỉ, nó khai hết. Ông để tui Quân báo mập quá trời...

Tôi nói thôi dẹp chuyện đó đi, khai thác tù binh là bổn phận của tiểu đội, đâu phải quyền tao. Tui mầy than phiền mãi, chán phèo..

Thằng Nuôi vẫn lè nhè, chặc lưỡi:

- Hai trăm ngàn ? Hai trăm ngàn tui chỉ nạp thiếu úy một nửa, một nửa tui nhậu lai rai với bạn bè, sức mầy Đại-bàng biết được. Tui tác chiến mấy năm rồi, lên lon xuống cấp mãi cũng vì mấy thằng kinh tài Việt-cộng đó. Ông mới ra trường, xin lỗi ông đừng giận, ông đâu kinh nghiệm bằng tui.

Tôi cầm chai "33" dẫn mạnh xuống bàn hét im đi - rồi tu một hơi và đứng dậy bỏ ra khỏi quán. Sau lưng tôi, tiếng thằng Bảy vọng theo : Thiếu úy, thiếu úy, hắn say nói bậy, ông giận tui tui làm gì. Tôi nghe như một chuỗi âm vang từ

cõi lạ nào. Trời vẫn nắng gay. Một vài tên lính lang thang gặp tôi đưa tay chào. Tôi mỉm cười với chúng, đi thẳng về phía quận, tôi muốn tìm một giấc ngủ để nguôi quên, để đuổi xua những mệt mỏi sau mỗi lần hoạt động trở về. Trước mặt tôi, bộ chỉ huy hành quân trung đoàn chờn vờn nhảy nhíp. Tôi gục xuống cửa " tăng-xê " và có cảm giác được dịu lên vồng nằm.

oOo

Cuộc lục soát bắt đầu từ mười giờ sáng đến mười hai giờ trưa nhưng vẫn chẳng thấy dấu vết gì ngoài những căn hầm trú ẩn đã bị phá, những ngôi nhà đổ, vườn tược bỏ hoang. Đại-bàng cho lệnh tạm ngừng để cơm nước. Tôi nghĩ thầm phải chăng vùng này đã hết Việt-cộng ? Những cuộc hành quân lục soát cấp tiểu đoàn trước đây năm sáu tháng đã thành công đến thế sao ?

Tôi chọn một căn nhà tranh gần con lộ nhỏ, chia vị trí canh phòng cho các tiểu đội rồi bảo thằng Nam đem thức ăn nguội kiếm bếp hâm. Căn nhà không có ai ngoài một người đàn bà cùng ba đứa bé. Tôi hỏi lúc người đàn bà bước ra cửa :

- Đi đâu hết chị ?
- Dạ chỉ có mấy mẹ con em đây thôi.
- Chồng chị đâu ?
- Dạ vào làm ăn trong Đà-nẵng.
- Đà-nẵng ? Tôi hỏi lại và nhìn kỹ bốn góc nhà. Thằng Bảy cầm sẵn lưỡi lê đưa vào bụng người đàn bà uy hiếp :
- Làm ăn con mẹ gì ? Đà-nẵng hay lên bụng ?

Người đàn bà vẫn bình tĩnh lập lại :

- Dạ ảnh lái xe trong Đà-nẵng thật mà.

Tôi giật tay thằng Bảy nói thôi được, để tụi này ăn xong hẳn rồi. Thằng Nuôi lấy tôi bảo coi bộ bà này khó tin quá thiếu úy. Thằng Bảy cũng lộ vẻ nghi ngờ. Mấy đứa bé thấy chúng tôi ôm nhau ngồi nép dưới một góc đường, vẻ sợ hãi. Mái tranh nhiều nơi đã dột nát. Người đàn bà giúp chúng tôi dọn thức ăn ra chiếc phản một giữa nhà. Tôi vừa ăn vừa hỏi tiếp sao chị không đem con vào Đà-nẵng theo anh cho tiện ? Ở đây yên lắm sao chị chẳng chịu đi. Người đàn bà ngồi mân

mê chéo áo dài đen đã bạc màu nói dạ dạ có đi rồi mà phải về lại, ảnh không thích ảnh nói về đây chịu cực khó chịu cực khổ chi cũng được, sống qua ngày, trong nó vật giá mắc mớ, làm sao cho đủ ăn. Vả lại còn ngày đơm tháng kỵ còn nhà cửa ruộng vườn, mồ mả.

Thằng Nuôi trợn mắt ý chừng muốn chửi thề hay rửa một câu gì, chợt nghe tiếng thằng Hải tiểu đội một hét phía hông nhà :

- Lên ! lên không tao bắn nát óc ngay.

Cả bọn chạy ủa ra. Tôi mở khóa an toàn cây M.16 và cho lệnh giữ người đàn bà tức khắc. Tiểu đội thằng Hải đã bố trí mặt sau nhà.

Tôi hỏi lớn :

- Gì thế Hải ?

- Vi xi. Vi xi lại đây mau thiếu úy !

Trong lùm tre rậm, đáng một người đàn ông khoảng bốn mươi tuổi đang lồm cồm bò lên từ vũng nước. Thằng Hải cười nói :

- Đ. m, cha nội đội bèo có lẽ từ sáng giờ, ngộp quá nên ngoi đầu lên, gặp lúc tôi đi cầu, thật rủi cho ông bà nó quá.

Tôi chỉ người đàn ông bảo tới đây coi cha nội. Khuôn mặt hần tái bầm vì lạnh, trên lưng trần, mấy con đĩa no tròn còn đeo cứng. Thằng Nuôi móc túi quần lấy dây vừa trời vừa nạt :

- Súng đâu mày ?

- Dạ em không có súng.

- Em em gì, mày muốn chết hả ?

- Dạ không.

- Vậy hầm bí mật đâu ?

- Dạ em không biết, em nghe bộ đội lên, chạy không kịp, em trốn đại dưới này chứ em không làm gì hết.

Thằng Nuôi tát ngay mặt hần một cái :

- Đ. m mày láo hả ?

Rồi quay sang người đàn bà đang ôm mặt khóc, hần hỏi :

- Mẹ mày đây phải không? .

- Dạ... không, vợ em.

Tôi gạt thằng Nuôi qua một bên, châm cho người đàn ông thuốc, nâng cằm hần lên, nhìn và bảo :

- Mày giữ chức vụ gì ở đây ? thuộc đơn vị nào ? súng đâu ?

biết gì hãy nói đi, lập công chuộc tội, tao sẽ đề nghị cho chiêu hồi, bị bắt rồi, đừng dối quanh, vô ích.

Hắn vẫn chối dài, bộ thiếu não :

- Dạ em không biết chi hết, thật mà.

- A, lại ngoan cố.

Thằng Bảy vừa hoa chân định đá một cú "genou" vào bụng tên Việt-cộng, nhưng tôi đã kịp cản lại. Cùng lúc, lệnh di chuyển cũng bắt đầu. Mấy đứa nhỏ đã bỏ nhà chạy ra đứng vây quanh người đàn bà khóc ngất. Tôi bảo thằng Đắc hiệu thính viên gọi máy xin ý kiến Đại-bàng :

- Hãy cho dẫn đến gặp tôi. Cả hai vợ chồng.

*

Buổi chiều, lúc chúng tôi đã lục soát xong mục tiêu kề cận trở về, ngang qua căn nhà buổi sáng người đàn bà đã được trả tự do đang ngồi ôm mấy đứa con ngó mông xuống ngã quận, đôi mắt đỏ ngầu. Thằng Nuôi nói lớn với lũ bạn sau lưng.

- Đ.m., đã theo Việt-cộng còn nói lái xe trong Đà-nẵng.

Cả bọn cười ồ. Tôi xếp tám bản đồ nhét vào bụng và liệch lạc máy với thằng Ba, trung sĩ tiểu đội trưởng quân báo ở toán tiền sát :

- Có gì không Ba ?

- Thằng hồi trưa hả ?

- Cảnh giới kiểm du kích địa phương, cũng xoàng thôi.

- Thế hằm ?

- Có chứ, hắn mới chịu dẫn đi chỉ đó. Bắt thêm một thằng huyện đội và hai tên tiểu đội trưởng bị thương. Lấy một colt Trung-cộng, hai tiểu liên Tlệp-khắc, một súng trường Nga.

- Mông tại hay cổ tại ? . .

- Hai trăm thiên. Đã trình đại-bàng.

- Vậy là mày đỏ ngực nữa.

- Cũng nhờ anh đó.

Tôi nghe tiếng hắn cười cùng lúc với tiếng Đại-bàng bảo di chuyển nhanh kéo trời tối. Tôi nhìn đồng hồ và chợt thấy lòng buồn nản lạ. Xuân giờ này chắc đang bãi lớp.

Hai bên đường, nước mưa đã làm trôi nhiều lớp đất cát để lộ những hố chông đã mục. Cuộc chiến đã quá dài ngày. Hy vọng hòa bình vẫn như đóm lửa hạnh phúc của chúng mình,

loé lên rồi phụt tắt hoài mãi phải không Xuân ?

*

Khi hai chiếc xuồng máy chở chúng tôi vừa cập bến thì toán Việt-cộng bên kia làng cũng vừa vượt khỏi con kinh trước mặt. Cuộc đột kích đã bị lộ. Tôi nhảy lên bờ, khoát tay làm hiệu, hét :

- Xung phong !

Thằng Bảy cầm cây M16 dẫn tiểu đội vừa chạy hàng ngang vừa bắn như điên ở cánh trái, tôi, tiểu đội thằng Hải, thằng Nuôi chạy cánh phải. Tiếng hò hét, tiếng súng át cả tiếng máy C.25 ra lệnh của Đại-bàng, nhưng chỉ mười phút sau, tiếng súng im hẳn, nhiều xác chết đã nằm phôi trên cỏ. Thằng Bảy vừa thở vừa dẫn một lúc bốn thằng bị trối cập cánh đến trước mặt tôi :

- Một mình em hạ hai thằng, bắt sống hai tên, phần thằng Nuôi hai tên đó.

Tôi nhìn lui hai chiếc xuồng, bảo mày dẫn xuống giao cho thằng Nam giữ, chúng ta tiếp tục lục soát. Bỗng thằng Hải ở đằng xa vẫy tay tôi gọi lớn :

- Súng, súng đây thiếu úy ơi.

- Đâu ?

Tôi chạy đến chỗ hắn vừa chỉ, dưới bờ kinh, một cái xác lênh bênh nằm úp mặt xuống nước, hai tay còn ghì chặt một cây M16 bên cạnh năm khẩu tiểu liên 47. Thằng Hải nhắm cái xác bóp cò ; một băng đạn nổ, hắn cười :

-Thế cho chắc ăn, thiếu úy.

Tôi nói thôi, xuống lật xác đi. Hải vươn mình nhảy ùm xuống nước. Bỗng hắn bung mặt thét :

- Trời ! thằng Nuôi sao lại nằm đây thiếu úy ?

Tôi thất thanh hỏi lại :

- Ai ?

- Dạ, thằng Nuôi !

*

Tám giờ đêm, lúc cái xác thằng Nuôi đã được chở về quân y viện tôi bỏ bữa cơm tối, ra đứng trước bờ sông, gần phòng hội nhìn vợ vẫn. Đã mùa đông nhưng trời còn lạnh. Lượng nước mưa trên mấy cánh đồng sau lưng quận và trước quán mụ Hồng lúc chiều ngồi uống rượu tôi thấy đã cạn nhiều.

Con đường đất đỏ dẫn lên quốc lộ Một nhập nhòa trong bóng tối về một nét mờ trên mặt sông đêm. Tôi lại thấy nhớ Xuân, nhớ Lữ, nhớ Hùng... Không còn gì nữa: những cuộc đột kích như đùa giỡn với tử thần tôi đã quen nhưng sao trưa này thằng Nuôi có thể chết âm thầm và dễ dàng như vậy được ? Sao không là thằng Bảy, không là tôi ?

Trong “ tăng-xê ” thằng Nam vẫn đốt đèn ngồi cùng bọn thằng Hải, thằng Đắc. Trên một tấm ván thông vừa mới dựng, thằng Nam đã đặt cái cốc bằng nhựa đựng đầy gạo Mỹ, cắm mấy chân hương. Chỗ ngồi của mày đó Nuôi. Chỗ ngồi không bao giờ mày còn thấy, còn nhìn tao, còn say rượu nói tao mới ra trường chưa kinh nghiệm, chưa biết lấy tiền Việt-cộng đem xài...

Bên tai tôi, giọng thằng Nam từ tốn đọc bức thư tìm thấy trong túi áo thằng Nuôi lúc chiều :

“ Em Soạn. Anh đổi ra xứ Huế này gần trọn một năm nhưng vẫn chưa có phép về Sài-gòn để thăm em và các con, thăm tíá má, bởi đơn vị bận hành quân mãi.

Tháng trước, thằng Tính bạn anh đã về Sài-gòn bảy hôm nhờ nó tìm được một hầm súng của Việt cộng. Anh thấy thế mà thèm.

Anh vẫn khoẻ mạnh, còn hơn dạo ở Pleiku nữa. Dạo đó, anh gặp hầm luôn, có tiền lại có phép nữa, bây giờ nghĩ lại, anh thấy anh tội quá, nhất là để em phai khổ một mình. Tuần trước, nếu ông trung đội trưởng anh chịu chơi một chút, anh đã kiếm được cả phép lẫn tiền rồi. Ông nhân đạo quá. Đ.m, Việt-cộng nó giết mình như ngoé mà bắt được thằng nào ông cũng cấm đánh đập. Anh thương ông quá chứ không thì anh xin qua tiểu đội quân báo rồi.

Nãy giờ anh nói nhiều vậy chắc em cũng khó hiểu. Thôi để lúc nào về phép được anh sẽ kể rõ hơn...”

(Văn 121, năm 1969)

NGÔ ĐÌNH KHOA

Người Lên Mặt Trận

(Khởi Hành Số 18 ngày 28-8-1969)

Chiếc tàu thuốc gõ gõ lên hư không trong đầu tôi những âm thanh khô. Buổi sáng trắng những bụi nước, có thể một ngày đẹp trời và cũng có thể một cơn mưa bão. Những vũng nước trải mỏng trên sân lấp loáng trong gầm những chiếc xe không trùng trùng trong bến còn lại trong trận mưa đêm và những vệt ánh sáng mềm như sương trên bức tường trơn thẳng những mái cao. **6 kém 5.** Chuyển xe đầu đã chặt cứng hành khách đợi giờ chuyển bánh. Tôi bắt đầu nhận ra hắt trong mù mù tối hình người bẻ gập về phía trước, thở rất nhỏ lẫn trong tiếng máy nổ lẫn trong mùi thuốc ảm. Chiếc tàu lại gõ lên hư không trên một đốt xương lỏng tay hay của một bàn tay lật úp. Hai bàn tay tôi run giá ngắt trong đôi găng ảm. Những giòng nước chảy ngoằn trên tấm kính xe trước mặt một quán nước như lật nghiêng, nhoe nhoẹt cổ quái và hỗn độn. Mọi chiều cao như thấp xuống và lớn ngang như treo trên một sợi dây mảnh không gốc ngọn. Tôi có thể nhìn thấy rõ gã đàn ông mặc đồ xanh đu đưa trong không khí chiếc ghế và hai chân gã khuất trong một giọt nước, một ông lão có chiếc mũi ở ngoài khuôn mặt. Nỗi tuyệt vọng tôi ở trong một giọt nước mỏng manh, trong ngực tôi hơi thở lặng lẽ của trái tim, sự sống tôi ở đó những người tàn tật chỉ mình tôi tưởng thấy. (Tôi đang thấy những sinh hoạt phía trước mặt qua tấm kính sũng hơi nước hay qua một ý thức điên rồ trên một chuyến xe sớm tất cả chỉ là những hình thức đáng thương). Bây giờ hắt bật lên một ngọn lửa vàng. Ngọn lửa cháy một thoáng bên vai trái tôi, chảy trong tấm kính trước mặt, chảy lên trong những kim khí sáng rồi tắt ngấm. Tôi nghe những tiếng bập bập và ngó lòng tay hắt đỏ óng mùi thuốc sặc sụa trong lòng xe. Một tiếng la lối đột ngột của người nào phía sau và tiếng máy nổ gừ gừ dữ dội, chiếc xe tách bến. Phố xá nhà cửa người ngòm và xe cộ tất cả như mặc một chiếc áo **bong** sương. Xe

đã lên một dốc cầu. Những cơn gió đánh tạt vào mặt tôi những hạt bụi nước. Hắn đã ngủ? Chiếc tàu thuốc gài trên túi áo ngực ưỡn về phía trước thoải mái trong tư thế ngủ ngồi quen thuộc, một cảm giác tê dại nửa khuôn mặt bên phải tôi, cơn gió phả vào trăm mũi kim rất nhỏ, một cánh tay hắn bỏ thông hai ngón nhịp nhịp hư không. Tất cả đã ổn định, đời sống đã ổn định chốc lát trên ghế ngồi buông xuôi. Những cơn gió ù ù phản phật như chạm vào một vật cứng thổi trên một lá cờ, một cây phướn. Người ta bắt buộc phải đi và về và không chắc chắn gì về sinh mạng mình trên chuyến xe sớm này. Trăm nghìn cái bất hạnh có thể chờ đợi trên con đường bốn bánh cao su bon chạy. Xe đã ra hết khu ngoại ô ghé vào một trạm kiểm soát, những người lính hiện ra như những bóng tối nhạt (lục soát gì trên thân thể chúng ta mang theo? Điều đáng cười là họ sẽ không thể thấy những điều muốn thấy – dù là những thứ phản động), những cây súng lạnh lùng trên tay, những cây súng để lỏng trong bao da đã mở, sẵn sàng. Sắt thép mà. Cánh cửa xe phía tay mặt đã mở ra lần lượt tiếng dội mạnh vào thân xe. Một người cảnh sát có đôi mắt lộ sâu vì thiếu ngủ dướn lên nhìn trừng vào từng băng hơi thở cuộn như khói. Hắn hơi cựa mình về phía trước, lưng rời khỏi thành ghế, tay rút lên, tiếng máy gừ gừ một chút như một đoạn phim đã qua tất cả rút lại phía sau như những tờ giấy. Phía đông trời ửng đỏ như máu tươi chảy từ vết thương còn mới loang trên những vùng xa tối thẫm, loang trên cây cỏ gần vũng nước có màu đỏ loãng. Bây giờ tôi có thể thấy hắn rõ hơn: một người lính. Một người lính của sắc phục, tầm vóc vừa đủ lộ một sinh động thông minh, tay những ngón xương xây xước, những vết sẹo thay da non, những sợi râu đen nổi thô bạo. Bụi nước đã loãng trong không khí cùng hơi lạnh, tầm kính trong, mùa gặt đã qua ở đây, đã qua thật rồi trong tâm trí, những gốc rạ bờ cỏ tươi cây dại hồn nhiên trong cảnh tượng xa lắc. Con lộ đen thẫm mềm nhũn một cảm giác lún tôi xuống sâu, những vỏ đạn đồng vàng óng trong vũng nước chùi sạch, những thửa ruộng cỏ hoang ngôi mộ mới. Xe đã qua bao nhiêu chặng đường, những chặng đường an toàn đã qua và tôi hiểu trong tôi những thứ gì đã hết. Ngoại cảnh vùn vụt trước mặt trong tâm trí tôi vẫn vù. Hấn thức, không,

nói theo một mình tôi hiểu, hấn không ngủ trong tư thế một giấc ngủ ngồi dửng dưng và tham lam, đôi mắt hấn nhắm lại chứa đầy dành dục. Hấn không ngủ. Bàn tay hấn thức lẫn trên mép ghế, đôi giày trần hấn thức cọ quây, chà xát và hơi thở hắt ra bất thường chứng tỏ một xúc động mãnh liệt đang diễn ra bên trong. Một chút thất vọng nào đó chột căng lên trong lồng ngực tôi đầy cộm, tức thờ. Tôi đã thấy trong lòng hai bàn tay (ngón mềm mại) những vết chai rạn, đôi giày mòn nứt rách nhem nhuốc, hấn đã giẫm xéo chà đạp bao nhiêu thứ dưới chân hấn? Hấn đã bắn bao nhiêu đạn? Những bể nát, nứt rạn quanh đây hấn không liên hệ gì thực tại này hết. Về tàn nhẫn mê muội, lạnh lẽo trước nguy hiểm biến động hấn lạ hoắc trong cái xã hội nhỏ bé trên xe này.

Tiếng nổ lớn đột ngột rung chuyển của một viên đạn trái phá lan rộng **âm âm** trong không khí xô lách những tàn lá cây mặt ruộng thẳng tắp những gốc rạ chột dãn ra rồi co lại gợn sóng như một viên sỏi ném xuống ao nước tù đọng, âm thanh lao xao lạnh canh của kim khí vụn dưới sàn xe âm vang suốt thân thể tôi tiếng rớt bể của khối thủy tinh. Tiếng súng đã đánh thức những mê muội thù hận một ngày: cuộc bắn giết bắt đầu và tiếp tục. Đánh thức cái số phận khốn nạn quanh tôi những sự sống cam nín nhẫn nhục dưới sức nặng truyền đời thăng thốt không dứt một ngày nào sẽ tan vào hơi thở của ngoại vật như ném trả một viên đất vào ruộng sâu, đá về núi, giọt nước về biển cả. Không kẻ nào cưỡng lại được. Nỗi tuyệt vọng từ đó đã nổ tung trong tôi những viên trái phá hiện tại, từ đó đời sống **váng vất** như những hình nhân, những tên múa rối không mặt mũi. Không còn ai nhớ được gì dù là trí nhớ mình. Xe như đùn lại một độ cong gấp trước tiếng lết của bánh cao su chà xát bóng trên mặt đường, vẻ hoảng hốt của người tài xế và tiếng rú đồng loạt không kèm lại được trong cổ họng hành khách, chiếc xe khựng lại nhiều lần trước khi ngừng lại hẳn. Mọi người xô lấn tủa ra, vật vạ chói với như cơn lốc thổi tung trên đồng lá khô cùng trong tiếng nổ gần sát bên tiếng thất thanh đau đớn, tiếng sắt thép chạm nhau bụi và đất, phía trước mặt, rất gần chắc đang xảy ra cuộc chạm súng.

Mặt trời đã lên cao, những tia nắng nóng bật lên từ những mặt phẳng sáng bình yên, nỗi tuyệt vọng từ đó mỏng manh nhưng dai dẳng truyền đời trên lưng còn nặng trên đôi vai xây xước trong ngực mỏng trái tim không còn thờ những số phận khốn nạn. Tôi lau mặt bằng chiếc khăn tay và quay lại chỗ ngồi. Tất cả cũng trở lại chỗ ngồi. Hắn vẫn ở đó tay quay một cây súng dừng dung, hắn là cây súng hay cây súng đồng lõa, lạnh lẽo, mê muội, tàn nhẫn - một thời thép không nguy hiểm gì hết. Xe tiếp tục, cảnh tượng trước mắt thu gọn trong ô kính kéo lại gần như một miếng bia cứng mỗi phút mỗi đập vào mặt. Những cuộn khói đen cao đùn như chiếc nấm dưới chân những chấm li ti di động. Đã nghe thấy mùi thuốc súng trong không khí, mùi máu người lẫn cùng hơi đất ẩm rải rác dọc theo hai ven lộ những vỏ đạn còn mới như bốc hơi, những vết đạn cày xước trên mặt lộ máu trộn lẫn với bùn đất và nước quánh sệt, một vài người lính đứng sững còn trong tư thế phòng thủ. Xe như ngừng hẳn lại khi vượt “mô” những cây, gạch ngói và đất bùn, phía trong họ đang tìm kiếm thu nhặt vũ khí của kẻ bại trận bỏ lại xác chết cũng được mang kiểm nhận tại chỗ để nằm vắt ngang ven lộ. Những tên ngu xuẩn cuồng tín đáng thương nằm kia tên hèn hạ trợ trợ với nỗi thù hận những giòng máu còn rỉ rả từ mỗi vết thương trên nước da vàng nghệ (những vết thương sưng lên từ khuôn mặt lời nguyên rửa phi báng). Những thân thể trần trụi, vạm vỡ, những bàn tay, những bắp thịt tạo dựng, đôi chân trần chắc nịch theo sau trâu trên luống cày, mùa gặt đã qua trong tâm trí thật rồi, đã phung phí những hạt thóc giống, đã phung phí máu xương. Tiếng xe cấp cứu ré thảm thiết ngọn cờ trắng chữ thập đỏ run phấp phật gấp rút. Họ tải thương và thân xác các chiến hữu của họ chỉ còn thấy những đôi giày trần bê bết bùn đất lú ra đầu những chiếc băng ca cá nhân thân thể đã bọc kín không còn gì cả dù ước vọng của riêng họ. Hắn vẫn tiếp tục với cây súng quay trên tay những vòng vô nghĩa trong một tư thế không thay đổi đôi mắt như thềm ngủ mà không phải ngủ. Xe đã tới khoảng trống rộng (có thể thấy được chiếc tháp, tháp nhà thờ cao sáng bạc dưới nắng và những cơn gió ẩm) bỏ lại máu và những xác chết cũng có gia đình quê hương và tuổi trẻ quả cảm. Một ngày nào cơn mưa lũ sẽ cuốn đi những vết

máu bầm đọng tẩy rửa con lộ sáng trơn dưới nắng trong buổi sáng chợt rực rỡ khi thân thể họ đã thối rữa trong đất không còn chút dấu vết gì của hôm nay (còn chẳng trong tâm trí chỉ là những hình họa thê thảm) như tuổi trẻ cùng mọi thứ khác chúng ta đã mất tuyệt vời như thả một nắm muối xuống biển mặn và tôi đang tiếp tục một đời buồn phiền, một đời sống trách nhiệm định đặt trong những công thức ước định và trói buộc như đã làm dấu sẵn bằng bút chì màu trên thời khóa biểu luân trong tấm kính bàn làm việc ghi ngày nghỉ và ngày làm việc: 4 ngày ở đó và ba ngày nghỉ ở Sài Gòn. Ở Sài Gòn tôi có những bữa cơm đủ mặt người thân, những đêm no ngủ sưng mí mắt, những buổi chiều đi dạo thênh thang cuộc vui được ngưỡng mộ tán tụng để được thấy tuổi trẻ Kim quý. Khách quan chỉ như thế đó, tôi không dối gạt ai hết. Và mỗi buổi sáng, nhất định khi chui vào lòng xe chờ đợi chuyển xe đưa tôi xa thành phố bỏ Sài Gòn sau lưng bỏ đời sống tôi không thương yêu không thù hận. Tôi là tôi. Kim, hai mươi sáu tuổi, giáo sư, đẹp, gia đình trưởng giả, ngần ấy nhãn hiệu đủ cho tôi chọn được đời sống. Và cũng có thể nói Kim khôn nạn đủ rồi. Tôi không lừa gạt tôi được. Tôi đang ở giữa sự sống và cái chết, giữa nhân phẩm và sự chà đạp tột cùng. Người ta chỉ thấy tôi ở một bề mặt. Như bề mặt hiện tại, như tôi và hần, những người đồng loại trong cái xã hội nhỏ bé trên xe này một định mệnh, chung một cảnh tượng một sự sống có thật nhưng đã cách chia đã chết cứng lạnh lẽo trong tuyệt vọng, cô đơn (điều tưởng như một hạt cát lơ lửng trong sa mạc mà có thật). Hần vẫn tiếp tục những cử động vô ích riêng tư cho một mình hần - Bập bập tẩu thuốc và chà xát nghiêng cây súng dọc theo hông thở và nhả khói xanh um, một mình hần trên chuyển xe, nghĩ xa hơn nữa có thể một mình hần trong tập thể đồng phục, một mình hần trong cái xã hội đang chuyển động những cơn lốc lật sấp. Một người lính với cây súng trên tay thối thép không nguy hiểm gì hết. (Thối thép vô nghĩa có thể giết đi một mạng người, trăm người, nghìn người, có thể tàn phá nhà cửa, ruộng đồi cây cỏ và những sinh vật khác, hết thấy) nhưng thối thép không giải quyết được gì? Nỗi tuyệt vọng từ đó, tôi trôi nổi vật vờ trong một thế giới lạ mặt thù hận, tù đầy trong trạng thái mê tỉnh ló

nhỏ những người chết bên kẻ sống như trên một màn ảnh ký ức mê muội và sáng suốt. Xe vào một khoảng đường hẹp, khô, cong (mặt trời đã cao đứng bóng) những tia nắng gắt lấp lóa nhọn hút những mũi kim cứng xuyên qua đầu xe và tấm kính trước mặt. Tôi che tay lên trán tránh một quãng đường hắt ngược ánh sáng chói lòa cành lá mọc chĩa dọc lộ phía tay mặt. Những nhà cửa mới cất (vách đất mái tôn) ẩn cong xuống như trong một bức tranh trừu tượng nhức mắt, những đứa trẻ trần truồng nô giỡn trong sân đất nắng trơn trượt vô duyên không một cụm cỏ, bóng cây, những bà già gầy gò lưng nhùng trong bộ đồ màu sặc lạ mắt thất thần như những bộ xương bọc trong **giẻ rách**, những con chó cái lang thang, tất cả phơi bày dưới ánh nắng mặt trời, trước mắt tôi thấp thoáng một quê hương đang được thay thế bằng những thứ khác. Đời sống đang cho chúng ta những thứ hạnh phúc cay đắng. Như cô bác đang có nhà cửa, cơm gạo, áo ấm, như tôi đang có nghề dạy học cao quý, người lính có cây súng và quê hương, con ngựa có hai miếng da che mắt để nhìn về phía trước mặt và đi theo ý muốn của người xà ích. Người xà ích cho mỗi chúng ta...

Tôi như bị bật ngựa ra sau trùng trùng tiếng va chạm kim khí rung chuyển của hàng trăm thanh sắt và rớt hẫng vào một khoảng trống không khi xe lên và đổ dốc cầu. Thấp thoáng những người lính ở trần bên những hầm phòng thủ nổi đắp bằng bao cát, những cây súng lớn lú đầu vào những lỗ châu mai trông xuống dọc ven sông và mặt lộ trông dẫn lên dốc cầu, dưới sông tiếng máy nổ ầm ỹ và mùi khói dầu bốc lên từ những giang thuyền lớn cuộn sóng ào ào những lời nói tắt trong gió và tiếng động, những người lính Mỹ phơi nắng trên những chiếc phao nổi tênh hênh trên mặt sông. Tôi nhìn ngang sang hần nắng nóng trên tấm kính trước mặt và một nửa thân thể phía dưới. Bây giờ tôi có thể nghe lời xì xầm từ phía sau những hàng ghế (tôi ngồi ở băng đầu) và giọng ho khan của một người đàn bà có tuổi nào đó, người ta nói về sự mới có mặt của một đơn vị Mỹ tăng cường phòng thủ cho chiếc cầu này (chiếc cầu này đã bị giật sập hai nhịp cách đây mấy tháng một đơn vị công binh Mỹ sửa chữa xong rút đi và một đơn vị khác mới đến thay thế).

Hoặc một vài câu chuyện phiếm lạnh lẽo về cuộc chạm súng vừa qua. Hắn trầm tĩnh bí mật như một con cọp ngủ giấu hết móng vuốt chỉ còn bộ lông. Tiếng nói đầy từ một dĩ vãng mơ hồ những thảm họa lung lay thực tại chút hạnh phúc mỏng manh thổi tắt cái sinh khí chột sáng lên những khuôn mặt lạnh lẽo câm nín. Một chút giao động nôn nao trong tôi. Ông xuống đây, hấn búng hai ngón tay giữa và ngón cái vào nhau một tiếng khô khan. Ông xuống đây, hấn lắc lắc tiếp búng những tiếng nhỏ hơn, cây súng ở bên cánh tay mặt thông xuống một trọng lượng, người tài xế tiếp tục nói một mình. Người tài xế có tuổi già trên tay bánh, hấn có cây súng, những người đàn bà vô danh trên xe có nỗi sợ hãi. Chiến tranh có trái mìn sủa soạn nổ trên đường dưới gầm xe, tôi có học trò, lũ học trò già yếu trước tuổi có sách vở, người lớn có quyền thế và lũ trẻ nhỏ èo uột có sự bất hạnh. Hết thầy chúng ta đều có hai miếng da trên mắt ngựa trên những thứ đang có.

Tôi là Kim giai cấp trí thức ưu đãi ở Sài Gòn, tôi là kẻ khốn nạn vật vờ trên xe, tôi là một thứ gì ở đó? Mỗi buổi sáng thức dậy làm công việc vệ sinh nhằm chán của một thân thể còn thờ, tự tay pha một ly cà phê sữa nhấm nháp và ngồi vào bàn trang điểm trước khi đi dạy. Tôi phải trang điểm cho tôi một kiểu cách, một hình thức của một nữ giáo sư - của một giai cấp phải có (một cái bình yên còn sót lại trong cái quản lý nhỏ bé xơ xác sợ hãi nín thở trong chiến tranh). Tôi phải “kịch” với cục phấn trắng, “kịch” với bảng đen, “kịch” với lũ học trò lơ lảo, “kịch” với đồng nghiệp và ngay chính tôi để cố giữ một thể thống nghề nghiệp, giai cấp.

Tôi hiểu nhưng không thể làm hơn được. Tôi sống cho tôi hay cho họ lúc này thực không thể phân biệt. Buổi trưa về ăn một bữa cơm tập thể (nơi tôi trọ có 4, 5 nữ đồng nghiệp cùng trọ) ngủ chợp một giấc dừng dưng hay chỉ là một thói quen nhắm mắt (làm như ngủ) gửi tâm hồn mình đến một cõi khác đâu đâu, trở dậy làm vệ sinh, đi dạy, trở về ăn, làm vệ sinh, ngồi coi tiểu thuyết kiếm hiệp đăng trang trong nhật báo nơi băng đá sau vườn trông ra con sông nước mặn căng phồng (có thể một ngày nước rút cạn khô như xác chết một con rắn lớn thổi rữa, tanh tưởi) hơi nước mặn thổi lên từ đó,

bên kia sông con đường liên tỉnh nhìn nghiêng những khúc vặn cong lên bóng thẫm, một chuyến xe đồ về muộn màu đỏ loang trên nền trời bầm dập, ở đó chuyển trục thẳng mỗi buổi chiều trở về đồ quân và buổi sáng hôm sau lại đến đón đi, hai chiếc võ trang chúi xuống những vùng cây cối nghi ngờ ở xa, mười chiếc khác từ từ đáp xuống dọc theo lộ, hơi gió phát ra từ những chong chóng sấm sập như trận bão đè bẹp cây cỏ thổi bật lên bụi cát mù mịt, ẩn cong những người lính xuống sát mặt đất, rồi tắt cả nhẹ tênh vùn vụt chỉ còn những cái chấm trên cao, xa.

Trang báo tôi đọc không biết bao nhiêu lần khi màu mực những giòng chữ đã lẫn vào đêm đen, phía bên kia sông những góc hình rõ rệt nhất cũng đã biến mất và thấp lên những chiếc đèn bão nhỏ treo trước cửa mỗi căn nhà (tôi tưởng tượng chứ không thấy) đu đưa lay động hiu hắt những vệt sáng lấp loáng trên sông. Và tôi trở vào mang tôi ném vào một góc tối nào đó mở mắt ráo hoảnh, tôi có thể thấy (cũng trong tưởng tượng) những đồng nghiệp của tôi đang ngồi làm việc chung một chiếc bàn rộng bên những tách trà ấm nóng, ngoài con lộ phía trước nhà, những người lính ngồi lắc lư trên những chiếc nón sắt khum mặt sụp xuống những đóm lửa đỏ rực trên môi, ba bốn tên đứng trước sân bật ngọn đèn pin nhỏ dí sát mặt vào bản đồ ánh sáng chạy quanh khu đóng quân đêm, một tên mang súng ngắn bên hông, một tên tỉ khuỷu tay trên giá súng chống ngược mũi súng dựng trên giày trận và nhất định sẽ có những tên ngủ ngồi đầu gục xuống hai cánh tay khoanh gọn tỉ trên hai đầu gối.

Tiếng máy sè sè và lời chửi tục, tiếng lách cách kim khí **của cơ bầm súng** được kiểm soát lại đã lên nòng chưa. Họ đợi lệnh vượt tuyến xuất phát, cùng trong giờ khắc ấy những loạt đạn trọng pháo từ một căn cứ Mỹ ở xa bắn quấy rối yểm trợ Quận và các đơn vị bạn “làm ăn” đêm nỏ rền **âm âm**, tiếng rung chuyển vang vọng gạch ngói, cửa kính thốn trong đầu óc tôi lòng bùng hai lỗ tai những trái đạn rớt gần. Tôi vẫn có thể thấy (vẫn trong tưởng tượng) vẻ vội vã hấp tấp cùng giọng khản thiết của tên mang máy kêu gọi các

“thâm quyền” của họ về họp tại Bộ Chỉ Huy Đại Đội.

Tin tình báo từ B2/TRD cho biết có mấy trăm “bê bối” đang di chuyển từ “số nhà”... đến... Họ hò hét ra lệnh cho “con cái” phải thận trọng khi di chuyển và canh gác cẩn mật đặt thêm những toán “kích” “tiền đồn” báo động. Tên Đại Đội Trưởng nhỏ bé khôn ngoan, tên to lớn thẳng, tên cao ốm đen đúa lì lợm. Buổi sáng họ trở về xông xáo bên quán chợ mở sớm đợi chuyển trục thẳng tới “bốc đi”.

Tôi đã thuộc từng tên họ, quen từng mặt mũi, nhận ra từng giọng nói, thuộc từng tiếng “lóng” truyền tin thông thường sử dụng trong đơn vị họ từ cửa miệng của những người lính. Khi ném tôi vào một xô tối trong hầm trú ẩn đêm ngon đèn dầu lung lay hắt dọi những cái bóng lớn hơn người gấp bội cùng những tiếng rung chuyển nạt nộ sinh mạng mình. Tôi vẫn có thể tưởng thấy khuôn mặt những kẻ chết trong trận chạm súng S trong vụ tấn công C kẻ mất tích thuyền chuyển. Tôi thấy rõ như chính tôi đang sống đời sống một chiến sĩ.

Tôi ngó ngang hần một lần nữa khuôn mặt cầm cầm lừ lừ cặp mắt lớn phồng lên một cách đáng sợ những sợi gân xanh vẫn trên thái dương mờ hời sắp giọt một sự căng thẳng nào trong tâm trí hần sắp sửa phụt đứt, một sự đột ngột kích động trong đầu óc chợt có khuôn mặt ấy biến dạng dị thường những sợi râu đen run trên cằm trên cánh tay cầm súng bấp thịch nổi phồng một trạng thái chuyển động tưởng tượng làm tôi chóng mặt, muốn nôn, tôi muốn la lên hay làm một cử động mạnh bạo để làm đứt đi sợi dây căng vô hình khó chịu giữa tôi và hần ít nhất cũng là hai hành khách đồng loại trên xe. Hai má tôi nóng đỏ vì giận dữ hay vì cơn nắng cháy giữa trưa; một cơn gió chạy rất xa như một con ngựa vằn hắt tung bụi trắng kéo theo những cây cành mềm lá ngon.

Hần có cây súng, giá như lúc này, nếu được chết, cái chết của hần được gọi là một chiến sĩ, chúng ta chỉ là nạn nhân. Có phải thực sự chúng ta chỉ là nạn nhân không? Chúng ta

chỉ là nạn nhân đáng thương được chết trên quê hương bằng cái chết những giọt máu vô giá trị như súc vật đang làm nạn nhân cho sự tàn bạo con người.

Tiếng súng đột ngột chất chứa ngay trên xe, người tài xế già hoảng hốt đạp thắng người xô về phía trước tôi cũng chúi về phía trước đầu va vào thành xe gượng lại một cảm giác đau điếng một vài tiếng rú lạc giọng phía sau rồi im bật. Cây súng còn bốc khói nơi bàn tay hần còn run rẩy trong một thoáng hần như trút bỏ được lột cũ về mặt dịu lại xúc động trên hai viên mắt ửng đỏ một giọt nước mắt. Viên đạn bay sượt qua chân hần xước một miếng da dòng máu đỏ và lỏng xanh.

Xe lại tiếp tục chạy, tôi nghĩ đến số phận hần, số phận những tên như hần ngồi ở bãi đáp trực thăng, ngồi đợi đến phiên mình. Mỗi ngày vội thức dậy, vội uống một ly cà phê, vội ăn nắm xôi, vội đến tuyến xuất phát, vội đi, vội ăn một miếng cơm, vội ngủ giấc ngắn ở mục tiêu an toàn, vội sống từng ngày để vội chết. Trong tim óc họ phải có một điều gì muốn nói, thân thể họ phải có một chút gì của riêng, những thứ đó nín nhịn hoài trong ngực không thể thốt ra cửa miệng. Ông xuống đây, chiếc xe như khựng lại; ông xuống đây, chiếc xe ngừng lại hần.

Hần với tay tự mở lấy cửa loạng choạng khi hần bước xuống mặt đất, quay đi, đôi vai rung trợn trượt trên bờ đất lún. Một vài lời tục tằn thô lỗ nguyên rủa khi xe tiếp tục chạy nốt quãng đường còn lại. Đồ điên khùng. Tôi thấy một chút xót thương hần hay cho chính mình, nỗi tuyệt vọng trong chúng ta khởi từ những nín nhịn không thể thốt ra cửa miệng, không thể nói cho kẻ khác thấy cho nguôi vơi.

Khi ngó xuống chiếc vỏ đạn đồng ong óng lẫn lóc trên băng xe, tôi nghĩ đến hần; thiếu gì kẻ còn ăn còn thở mà như đã chết, thiếu gì đời sống trong chúng ta như viên đạn được bắn đi vô tình hay cố ý chỉ còn chiếc vỏ như chiếc vỏ vô dụng kia. Và chuyến xe đưa tôi tới đó như một định mệnh du tôi gần về cái chết ở cả hai định nghĩa đều được cả.

TRẦN HOÀI THU

KHUNG CỬA NHỎ

(Khởi Hành 100)

Đối với những người lính đang ngồi chờ lệnh qua cầu để chiếm ngôi làng trước mặt, lúc này họ chỉ mong sao cho những quả đạn pháo mà người sĩ quan đề lô gọi rót xuống mục tiêu càng nhiều càng tốt.

Ở đầu làng, những ngôi nhà tranh bốc lửa. Khói tỏa ngập trời. Gió Nam thổi, khiến khói mỗi lúc mỗi dạt về quân ta. Mắt mỗi người lính trở nên cay xè, khó chịu vô tả. Hơi nóng bay tỏa theo gió, quất xối xả vào da thịt họ những trận mưa lửa, như thể muốn làm chảy cả mỡ người. Lửa, lửa ngút ngàn, lửa reo mừng cùng trời đất. Lửa bén từ nhà này sang nhà khác, lẫn cả âm thanh gậy đồ và cả tiếng nổ từ một vài trái lựu đạn nào đó của địch cất đầu đầu đó trong làng. Đạn trái phá đã dứt. Tiếng súng địch cũng im bật luôn. Tuy nhiên, tiếng súng của quân ta vẫn tiếp tục nổ ròn. Những khẩu súng chia về hướng làng, về các nơi khả nghi, các đợt cây, các lùm bụi, và những trảng nổ dòn tan từ những khẩu M16 cùng với những tiếng nổ của đạn phóng lựu rầm trời. Tất cả tạo thành một tấu khúc cuồng nhiệt, hăm hở...

Những tổ được phân tán lục soát khắp làng như đàn chó sói. Họ được lệnh bắt giữ mọi người dân còn sót lại trong vùng binh lửa. Họ phải quăng lựu đạn khói xuống những hầm. Họ ào ào đuổi theo lũ gia súc, và không quên hái luôn cả những chùm ớt nặng trĩu, đỏ thắm. Họ la hét rầm trời, đập tung những cánh cửa còn sót lại, và bắn bừa lên những trần vách khả nghi. Nơi đây, họ có quyền hạn như một vị chúa tể, và cũng nơi đây, bạn bè đồng đội họ đã đổ máu, ngã gục. Họ ào ào trong biển lửa, chạy băng băng trên những đồng tro tàn. Thỉnh thoảng, những cột gỗ, sườn nhà đổ xuống, khi họ vụt qua tạo nên những tiếng động khô khan. Lửa đã giúp họ say máu, cuồng nhiệt.

Một tổ đã tiến sâu vào làng. Những người lính khinh binh và tiên sát đã phải dò dẫm từng bước một khi tìm cách vượt qua một hàng rào tre rậm. Trung đội Thiếu úy Mẫn báo cáo, vừa tìm thấy những trái lựu đạn gài ở dưới mỗi cành cây trên đường tiến quân. Viên sĩ quan trung đội trưởng luôn luôn dục đám binh sĩ của chàng phải cẩn thận hết sức. Chàng hét luôn miệng. Coi chừng ăn lựu đạn bây giờ. Coi chừng hầm chông đó... Tìm cách chui qua đi. Đầu máy, ông đại đội trưởng luôn luôn gắt, với một giọng hết sức nóng nảy. Ráng lực soát thật kỹ. Bắn hết cả đám cho tôi...

Tại một ngôi nhà đã cháy chỉ còn lại những cột kèo trơ trọi, và ở trước sân là một cây dừa bị đạn đại bác bắn trúng, ngã sổng soãi trên hầm đất, tổ tiên sát đã tìm thấy một đứa bé gái còn sống sót. Quả là một sự mâu nhiệm. Gương mặt nó bám đầy bùn, và khói than nhưng đôi mắt nó tròn vo như hai hòn bi. Mái tóc bông bê toi tả rủ xuống một gương mặt đầy sợ hãi tội cùng. Con bé meo meo tiếng còn tiếng mắt:

- Mẹ con đã chết rồi. Con lạy các ông tha con.

Thiếu úy Tân vừa gọi, em bé lại đây. Đừng sợ, vừa bước tới. Con bé chạy lùi, vấp phải gốc cây bưởi, té quỵ. Hai bàn tay nhỏ nhắn, úp vào mặt, chỉ còn lộ một đôi mắt đầy khiếp đảm và ràn rụa lệ. Nước mắt chảy dài trên gò má con bé. Nó đứng dậy và Tân thấy được bả vai con bé đầm máu. Giọng con bé trở nên nghẹn ngào.

- Mẹ con chết nằm ngoài kia. Các ông tha cho con.

- Không, các anh không làm hại em đâu. Các anh không giết mẹ em đâu. Lại đây anh băng vết thương cho, em bé.

- Con sợ.

- Đây, máu chảy ra nhiều. Anh cầm máu cho.

- Con sợ. Mẹ con chết rồi.

Rồi con bé khóc ngất. Mẹ ơi, mẹ ơi. Mẹ bỏ con.

Những người lính lúc trước hung dữ bao nhiêu, giờ đây như những con chiên buồn bã bấy nhiêu. Tiếng khóc nức nở vang lên như từng nhát dao xói xả vào con tim mỗi người, từng nổi đau đón tuyệt đỉnh. Một cơn gió thổi qua, mang theo hơi nóng và hơi khói đến với mọi người. Hướng, người lính truyền tin bỗng nhiên nhỏ lệ. Hấn cúi đầu xuống và đôi

vai run lên. Hắn quên lửng những lời đối thoại, hỏi han, lệnh lạc trong máy. Hắn quay lại nhìn Thiếu úy Tân:

- Nó bị thương. Chắc bị trúng đạn pháo kích, ông.

Tân bỏ khẩu súng xuống đất, gọi:

- Em bé lại đây. Anh băng vết thương cho. Bọn anh đến cứu em mà. Lại đây, em bé.

Nhưng con bé không lại. Nó bước từng bước khập khễnh, dễ chừng như muốn chạy. Nó đến bên thi thể một người đàn bà, nằm trên miệng hầm, sau ngôi nhà bếp. Nó úp mặt vào thi thể của mẹ nó, rồi gào lên: mẹ, mẹ.

Hạ sĩ nhất Tám nói rầu rầu với Thiếu-úy Tân.

- Để tôi đem con nhỏ này về nuôi. Hoàn cảnh nó đau lòng quá. Thú thật với Thiếu-úy, tôi đi đánh giặc già đời, nhưng đây là lần đầu, tôi thấy một cảnh nào lòng như vậy. Và ông ta bước đến bên cạnh con bé, vỗ về đầu nó.

- Nay em bé, đưa vai đây, tôi băng cho.

Con bé cố thụt lùi lại. Trên đôi mắt vẫn còn in dấu khiếp hãi tội cùng.

Đang sau, Thiếu-úy Tân nói bằng một giọng ghen ngào.

- Chắc cảnh này sẽ ám ảnh tôi suốt đời. Ông Tám, lỗi này do ai gây ra?

- Tôi nghĩ, là do chiến tranh.

- Ừ, cái gì cũng đổ thừa cho chiến tranh, cho trận mạc, cho bom cho đạn. Chứ không phải là do lòng dạ người chứa toàn hận thù tranh giành một cách phi lý? Chứ không phải đầu óc trí não của con người, chỉ tràn ngập máu me ? Người ta nói ao ước hòa bình, nhưng thực sự con người có ưa gì hòa bình đâu.

- Tôi hiểu, Thiếu-úy. Họ phải về đây, nhìn thấy cảnh này, họ mới thấy được thế nào là thảm cảnh của chiến tranh. Nhưng lỗi không phải tại mình, Thiếu-úy.

- Làm sao con bé này biết được lỗi của địch. Làm sao nó hiểu rõ ai giết mẹ nó. Địch thì trăm mưu ngàn kế. Địch thì lươn lẹo đủ bề. Làm sao con bé hiểu địch lợi dụng dân, lợi dụng đồng bào mộc mạc, lợi dụng em bé ngây thơ. Làm sao nó hiểu được hai người lính của chúng ta đã bị địch ả núp trong làng này bắn chết? Nó còn nhỏ quá mà. Nó chỉ thấy

canon của chúng ta, đại bác của chúng ta. Nó chỉ nhìn trực thăng chúng ta nả hỏa tiễn xuống, và chúng ta ào ào vào như một đám thú dữ. Ông Tám à. Ông không thể mang nó về nuôi được đâu. Nó xem chúng ta là kẻ đã giết chết mẹ nó. Bằng cớ là chúng ta đã ở đây và nó đã không cho chúng ta sẵn sóc.

- Tôi hiểu, Thiếu-úy.

- Chúng ta không thể gây thiện cảm vào trí óc ngây thơ của một đứa trẻ, khi nó chưa đủ tuổi để nhận thức. Nhìn con bé này, tôi nhớ đứa em gái của tôi. Ngày xưa, tôi cũng bồng em tôi, chạy loạn, cũng đã từng dỗ dành nó khi nó khóc thét khi người ta đánh nhau. Em tôi cũng có gương mặt hao hao như thế, đôi mắt tròn vo như thế... Ngày mẹ tôi bị mật thám Tây bắt giam, tôi vẫn hay bồng nó về nhà lao. Mẹ tôi đưa vú tũ trong song sắt nhà lao để nó bú. Tôi nghiệp con nhỏ em tôi, nó bú những giòong sữa khốn cùng của mẹ tôi. Tôi không thể quên được, chiếc vú tũ lại, và mẹ tôi phải cắn răng bóp mạnh, để sữa chảy, mà mắt bà thì đầy nước mắt. Bây giờ đến lượt con bé này. . . .

- Tôi định dỗ dành nó, và đem nó về làm con nuôi. Vợ chồng tôi hiếm muộn. Có nó, bà xã tôi sẽ vui biết bao.

- Tôi cũng mong có một đứa em gái. Em tôi bây giờ cỡ chừng 16, 17 tuổi. Nó là em cùng mẹ khác cha. Nó theo cha nó.

Viên Thiếu-úy cúi đầu hỏi nhỏ người lính truyền tin.

- Có lệnh gì không?

- Ông đại đội trưởng bảo mình lục soát xong ở yên vị trí, ăn cơm, thiếu úy.

- À tôi sẽ mang nó về cô nhi viện, nơi ngày thơ ấu, tôi đã sống và đã lớn lên. Nơi đó, con bé sẽ có bè bạn, sẽ đỡ tủi thân hơn. Nơi đó, không có đôi mắt cay nghiệt của con người; mà có đôi mắt dịu dàng, bao dung của Thượng-đế.

Đôi mắt chàng nhắm lại.

- Rồi nó lớn lên, nó sẽ hiểu.

(KH số 100)

CAO XUÂN HUY

Tháng ba gãy súng

(trích)

Lời Tòa soạn: Chưa bao giờ trong quân sử Quân lực VNCH lại có trang sử nào nhục nhã cho bằng những trang sử được viết vào tháng 3 và tháng 4 năm 1975. Chưa bao giờ trong quân sử miền Nam lại xảy ra cảnh một lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến thiện chiến phải chịu thảm bại nhục nhã trước một đại đội du kích địa phương CS như tác giả Cao Xuân Huy đã ghi lại trong Tháng Ba Gãy Súng!

Nhưng chưa bao giờ có những trang sử nào hào hùng cho bằng khi những người lính miền Nam ấy - những người lính thật vô danh, thật thấp hèn - đã chứng tỏ về khí phách lẫm liệt của họ qua những vòng tròn người cùng nhau mở chốt lựu đạn tự sát tập thể.

Chúng tôi xin dành những trang cuối của chủ đề “Trong Lóp Khói Mầu” này để đăng những trang cuối cùng trong Tháng Ba Gãy Súng như là niềm tri ân sâu xa nhất của chúng tôi, và cũng là niềm hãnh diện tự hào nhất của chúng tôi. Và cũng xin được tri ân tác giả Cao Xuân Huy. Nhờ ông, mà chúng tôi được đọc những trang sử hào hùng nhất của một hàng ngũ mà ngày xưa chúng tôi đã có một thời phục vụ (THT)

...Trời đã tối, tiếng súng bắn đi đã êm, chỉ còn những tiếng súng Việt Cộng bắn chúng tôi. Tiếng chân người chạy mỗi lúc một nhiều về hướng nam.

Khải máy và Phước râu chạy đến chỗ tôi. Khải máy la lên:

"Trời ơi ông thầy, người ta chạy hết rồi, ông còn nằm đó mà 'moi lỗ'!"

"Còn phải đợi thẳng Buời nữa chứ."

"Đợi gì nữa mà đợi. Có thể nó đã chết rồi, cũng có thể nó đã chạy rồi."

Tôi quay sang cô gái:

"Thôi, chạy đi cô em."

Cô gái nhìn tôi, lắc đầu.

Tôi đứng dậy, chạy theo Khải máy và Phước râu.

Chúng tôi chạy lom khom qua hết những cái gò nằm rải rác trên bờ, nhập vào dòng người đang chạy sát mé nước.

Chạy thì cứ chạy, không lẽ mọi người đã chạy mà mình lại không chạy, nhưng thực sự tôi không hiểu là chạy để làm gì, và chạy đi đâu, chạy về hướng nam tức là chạy về phía cửa Tư Hiền. Tôi chẳng buồn nghĩ là chạy về đó rồi sẽ làm gì, và mình có chạy nổi về đó hay không.

Phước râu đề nghị:

"Hồi nãy tụi nó tự tử nhiều quá, hay là mình tự tử luôn đi ông thầy."

Khải máy góp ý:

"Có lý đó ông thầy. Mình chạy như vậy để làm cái gì?"

"Không, tụi mày ngu thấy mẹ. Người ta cắt đất để giao cho Việt Cộng. Tụi mình dở nên mình bị kẹt. Nếu bị bắt cũng chừng vài tháng chứ mấy, khi nào được trao trả về, đụ mẹ, đánh lại."

"Làm tù binh của Việt Cộng chịu gì nổi ông thầy."

"Cái gì mà không nổi, tụi mày không thấy tù binh được trao trả hồi ngưng bắn à, người ta ở tù bao nhiêu năm người ta còn chịu được. Bộ tụi mày không thấy thiếu úy Bông, chuẩn úy Nhường à!"

Tiếng súng phía sau lưng đã hết, nhưng dòng người chúng

tôi lại bị ăn đạn từ phía trong bờ mỗi lần chúng tôi chạy ngang một cái chốt của Việt Cộng. Cũng có những tràng súng, cũng có những quả lựu đạn được bắn trả, được ném trả vào những cái chốt đó. Không biết có giết được mạng nào không?

Việt Cộng được dịp bắn thả cửa vào chúng tôi. Số người trúng đạn không phải là ít.

Tôi nói với hai thằng đệ tử:

"Chạy trên cát thì lẹ nhưng mà nguy hiểm quá, trong khi mình đâu cần chạy nhanh hay chạy chậm. Chạy dưới nước chậm hơn nhưng an toàn hơn. Đạn bắn ra chỉ trúng thằng chạy trong thôi."

Phước râu và Khải máy mỗi đứa chạy một bên để đỡ tôi, khi nào mệt tôi choàng cổ hai đứa để được dìu chạy, khi nào tôi chạy được một mình, Phước râu lại tấp vào phía trong bờ, chạy trên cát.

Tôi ngạc nhiên:

"Mỗi lần buông tao ra mày chạy trên cát cho đỡ mệt hả?"

"Tui đâu có mệt ông thầy, chạy phía này lỡ có bị bắn tui còn che được cho ông chứ."

Tôi xúc động ứa nước mắt. Khải máy đã từng về dự đại hội chiến sĩ xuất sắc ở Sài Gòn, nhưng vì là gốc quân phạm nên leo mãi leo hoài vẫn không lên nổi cái lon hạ sĩ trong khi đã đeo binh nhất từ trước khi về đại đội cũng có đến ba năm. Khải mang máy đại đội nên là tay thân tín của đại đội trưởng, thay vì chạy theo đại đội trưởng vừa đỡ mệt vừa có cả gạo sậy thịt hộp, Khải máy lại chạy với tôi, lãnh đủ cả đối lẫn mặt.

Phước râu là hạ sĩ, đã có một thời gian năm 72 làm quyền tiểu đội trưởng khi còn là binh nhất, trong khi với Thủy

Quân Lục Chiến, hạ sĩ mới hy vọng mon men được đến cái chức tiểu đội phó. Hạ sĩ Phước là tay đánh giặc có hạng nhưng cũng là tay cứng đầu, nên vừa rồi đã được đại đội trưởng "trân trọng kính mời" ra khỏi đại đội để qua đại đội mới là đại đội 3. Là một con cáo già trong những trận đánh, đồng thời Phước râu cũng là một tay kinh nghiệm đây mình trong những đợt "di tản chiến thuật". Bây giờ Phước râu tự ý lấy thân che đạn cho tôi trong khi tôi không còn là cấp chỉ huy của anh chàng.

Ba thầy trò tôi chạy dĩ nhiên là chậm so với những người cùng chạy nên cứ tụt dần về phía sau. Nhưng dòng người hình như vô tận nên chúng tôi dù có bị tụt dần vẫn không phải là những thằng sau chót.

Lại rất nhiều người bị bắn ngã từng chặng từng chặng khi chạy qua những cái chốt của Việt Cộng. Chưa bao giờ bọn chó má này được bắn sướng tay đến như vậy. Mỗi tràng đạn ít ra cũng phải trúng vài ba người. Nhưng ai ngã mặc ai, những người chạy vẫn cứ chạy.

Lại có rất nhiều người tự tử. Bây giờ họ không tự tử từng người, từng cá nhân mà họ tự tử tập thể. Không rủ, không hẹn và hầu như họ đều không quen biết nhau trước hoặc có quen biết đi nữa, bạn bè đi nữa họ cũng không thể nhận ra nhau trước khi cùng chết với nhau một lúc. Dòng người chúng tôi đang chạy, một người tách ra ngồi lại trên cát, một người khác cũng tách dòng người ra ngồi chung, người thứ ba, người thứ tư, người thứ năm nhập bọn, họ ngồi tùm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, một quả lựu đạn nổ bung ở giữa.

Dòng người chúng tôi tiếp tục chạy, lại một người tách ra ngồi trên cát, lại người thứ hai, người thứ ba, người thứ tư... nhập bọn, lại tùm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, lại một quả lựu đạn nổ bung ở giữa.

Dòng người chúng tôi vẫn cứ tiếp tục chạy, lại một người tách ra ngồi trên cát, lại người thứ hai, người thứ ba, người

thứ tư...

Tôi không thể nhớ để mà đếm nổi là đã có bao nhiêu quả lựu đạn đã nổ ở giữa những vòng tròn người như vậy. Nhiều, thật nhiều quả lựu đạn đã nổ.

Chúng tôi vẫn cứ chạy, những người tự tử tập thể vẫn cứ tụm thành những vòng tròn, quân đội Nhật năm 45 khi đầu hàng cũng không thể nào hào hùng hơn thế này được. Lịch sử Việt Nam chưa thấy viết một dòng nào về những cái chết hiên ngang của những thằng tốt đen như vậy, nhưng họ có đó, vẫn oai hùng khí phách chấp nhận những cái chết vô danh như vậy.

Chúng tôi vẫn cứ chạy, khi ngang qua những cái chốt của Việt Cộng, những người bị bắn trúng vẫn cứ ngã, những người tự tử vẫn cứ nổ lựu đạn. Ngoài biển vẫn có ánh đèn của những chiếc tàu qua lại.

Những người phía trước chạy chậm dần, chậm dần rồi ngừng lại.

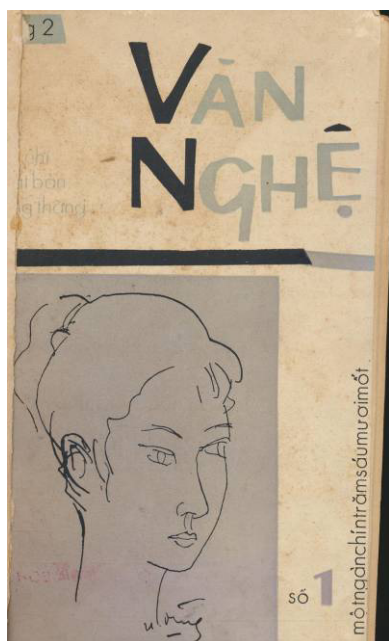
Trong suốt thời gian chạy tôi nghe đủ thứ tiếng, tiếng chân, tiếng thở, tiếng sóng, tiếng súng, tiếng lựu đạn nhưng không nghe tiếng nói. Bây giờ mới bắt đầu ồn ào tiếng người.

"Đụ mẹ, sao không chạy tiếp?"

(trích từ Thằng Ba Gãy Súng, Văn Khoa xuất bản 1985)

(*) Tựa bài do tòa soạn tự đặt.

GIỚI THIỆU TẠP CHÍ VĂN NGHỆ



Tóm tắt:

Tạp chí Văn Nghệ được xuất bản dưới hình thức nguyệt san, chuyên về văn học nghệ thuật.. Chủ nhiệm Lý Hoàng Phong. Từ số 1 đến số 4: thư ký Ngọc Dũng. Từ số 5 trở đi,

thêm vào Phi Ích Nghiễm coi về phân trị sự.

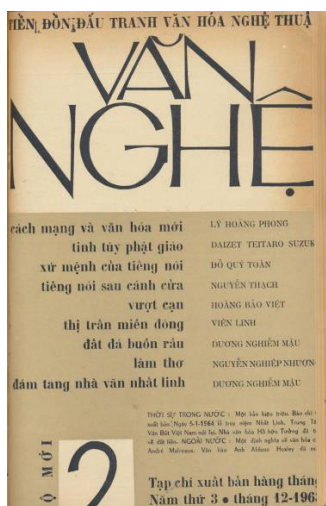
Tạp chí gồm hai thời kỳ.

Từ 1 (tháng 2-61) đến số 24 (tháng 6&7-63) được xem là Bộ cũ.

Sau số 24, tạp chí ngưng 4 tháng, và phát hành trở lại, gọi là bộ mới. Bộ mới chỉ có 2 số. Số 1 Bộ mới tháng 11-63, tức số 25, và Số 2 Bộ mới tháng 12-1963, tức số 26. Sau đó tạp chí đóng cửa vĩnh viễn. Không rõ nguyên do.

Khác với hai tạp chí trước nó là Sáng Tạo và Hiện Đại, ra đời và hiện diện trên văn đàn khi miền Nam vẫn còn yên ổn, còn Văn Nghệ có mặt trong một thời kỳ nhiễu nhương, bất ổn, dẫn đến sự cáo chung của nền Đệ nhất Cộng Hòa với việc tổng thống Ngô Đình Diệm và em là cố vấn Ngô Đình Nhu bị phe quân nhân giết ngày 1-11-63. Trong khi đó mức độ xâm nhập người từ miền Bắc càng lúc càng nhiều. Chiến sự không còn ở mức độ lẻ tẻ nhưng có tính cách qui mô, trận địa chiến điển hình là trận Ấp Bắc (2-1-63).

Riêng về mặt văn học, Văn Nghệ phải chứng kiến một cái tang rất lớn là việc văn hào Nhất Linh tự tử (7-7-63) để phản đối chính quyền đàn áp đối lập.



Văn nghệ số cuối cùng

HÀNH TRÌNH CỦA TẠP CHÍ VĂN NGHỆ

Người viết: Trần Hoài Thư

Văn Nghệ và những đóng góp

Văn Nghệ ra đời mang theo thông điệp và tiếng nói. Tiếng nói ấy là cảnh cáo cái họa Cộng Sản (CS), là kêu gọi các nhà văn có kinh nghiệm với CS đừng nên lơ là, kêu gọi giới trẻ đừng bắt chước “Chín Hồ” hay “Lâm Thợ điện” đốt tuổi trẻ trong phòng trà, nhà nhảy, nổi loạn, cuồng loạn hư vô....

Trong Lời Mở Đầu, Văn Nghệ đưa ra mục đích và chủ trương của tờ báo, với những chữ mang đầy khí thế của những “chiến sĩ văn hóa”:

"...Trong những năm tháng lịch sử này, chúng tôi muốn tạp chí sẽ là nơi phát động một phong trào sáng tác phần khởi và hào hùng, là nơi thúc đẩy một phong trào văn nghệ tham dự vào đời sống, tham dự vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc, của thế giới ngày nay, cho một tương lai sáng sủa hơn, cho một chân lý chân thật của tự do và hòa bình..."

Ở đoạn cuối của Lời Mở Đầu, Văn Nghệ lại thêm một lần lặp lại bốn chữ tranh đấu văn nghệ :

"...Chúng tôi muốn nói rằng cuộc chiến đấu của văn nghệ hôm nay cũng là cuộc tranh đấu của dân tộc để tồn tại và trưởng thành với thế giới. Chúng tôi nghĩ thế và khởi đầu."

Hãy thử vào nội dung từng số, thử họ có thực hiện được hoài bão và con đường họ theo đuổi không ?

Không. Họ chỉ giống lên tiếng nói. Bằng những bài tham luận của Lý Hoàng Phong, Nguyễn Thạch hay những bài viết của Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Trung hay Cung Trầm Tưởng... Chúng lạc loài giữa những tên tuổi mà nội dung chẳng liên quan gì đến chủ trương của tạp chí.

Số 1 là số xuân Tân Sửu :Gồm bài vở của Kiêm Minh, Anh Oanh, Ngọc Dũng, Tô Thùy Yên, Song Hồ, Viên Linh, Trụ Vũ, Trần Dạ Từ, Chế Vũ, Vương Tân, Quách Thoại, Đoàn Ngọc Quỳnh, Nguyễn Sỹ Tế, Dương Nghiễm Mậu, Thao Trường, Võ Phiến, và một truyện dịch của Ernest Hemingway.

Sau đó, chúng ta thấy thêm những tên tuổi người viết khác như: Doãn Quốc Sỹ, Đỗ Quý Toàn, Lê Huy Oanh, Nguyễn Trung, Nguyễn Hữu Đông, Trần Đức Uyển , Trần Thy Nhã Ca, Sao Trên Rừng, Cung Trầm Tưởng, Trường Duy, Trần Lê Nguyễn, Vĩnh Lộc, Thái Tuấn, Sơn Nam, Lê Xuyên, Hoàng Bảo Việt, Nguyễn Thạch, Phan Nguyên, Lam Giang, Đinh Nhật Tiên...

Hầu hết nếu không nói là đại đa số những người cộng tác đều ở SG và quen thuộc trên các tạp chí văn nghệ như Sáng Tạo, Hiện Đại.

Người đọc nhìn vào chỉ hình dung ra những tuyển tập văn chương không hơn không kém. Không thấy một trang diễn đàn văn học..Nếu có chẳng là ý kiến của 8 nhà văn về truyện ngắn trên số 23.

Chính người chủ trương cũng nhận ra điều này nên bắt đầu số 8, Văn Nghệ cải tiến, chú tâm vào nội dung gần gũi với thực tại và thể hiện tính chiến đấu trong mặt trận văn hóa hơn. Ví dụ số 18 trong bài **Vùng nổi loạn hư vô và những phòng trà đêm**, nhà văn Dương Nghiễm Mậu hô hào:

Xã hội bất công ư ? Hãy nổi dậy lật lại công bằng. Cai trị áp chế hà hiếp ư ? Hãy lật đổ. Văn hóa suy đồi ư ? Hãy phá bỏ...
No lệ ư ? Hãy dứt tan xiềng xích ...

Sau khi nghiền ngẫm hết 26 số báo, tôi hiểu là đàn anh chúng tôi, trong những năm đầu của thập niên 60 cũng giống như thế hệ chúng tôi. Họ cũng bị bầm dập bởi lịch sử mà họ không có quyền chọn. Họ còn đau hơn chúng tôi, vì họ thấy, họ biết nhưng họ không làm được gì cả. Còn chúng tôi không biết, không thấy,

Đọc bài “đám tang nhà văn Nhất Linh” của Dương Nghiễm Mậu, chúng ta càng thông cảm về nỗi khó khăn này. Họ chỉ còn cách là bày tỏ thái độ một cách tiêu cực, âm thầm. Họ - ở đây là Lý Hoàng Phong và Dương Nghiễm Mậu - đã có mặt tại tang lễ. Và sau đó, nhà văn Dương Nghiễm Mậu đeo theo xe chật đầy người để đến nghĩa trang.

Khi mà:

“Trong sân nhà xác đã thêm người nhưng số nhà văn quen biết tôi thấy không có bao nhiêu. Số người đến mỗi lúc một đông đặc biệt nhất là có khá nhiều phóng viên báo chí, nhiếp ảnh ngoại quốc. Ai tới cũng với khuôn mặt lặng lẽ như trùm một vẻ lo âu.”

Dù không được phép tỏ thái độ bằng ngòi bút nhưng sự có mặt này có phải là cuộc chiến đấu hay không ?

Văn Nghệ và Saigon

Văn Nghệ ra đời vào tháng 2 năm 1961 sau khi Hiện Đại hết nguồn tài trợ phải bị bức tử. Nó được ra đời tại Saigon nhưng không phải là một Saigon kiểu như của Sáng Tạo:

...Sài gòn thủ đô văn hóa Việt Nam: Không phải là một danh từ, một câu nói xuống nhạt. Không phải là một ảnh hình trừu tượng. Không phải là một ảo tưởng mong manh còn nằm trong ngày tới xa thẳm. Không phải là một ý niệm khát khao đợi chờ. Đã là một thực thể, được

*minh định : Văn Hóa Việt Nam thực hiện hôm nay và sẽ
được kiện toàn trong ngày tới đã có được một trung
tâm xuất phát và sinh thành : Thủ đô Sài Gòn.
(Mai Thảo: Sai Gon Thủ đô văn hóa VN, Sáng Tạo số
1)*

Hay như Saigon của Nguyên Sa trên tạp chí Hiện Đại tập 4
chủ đề Đêm Saigon phát hành vào năm 1960:

*Thủ đô của một thành phố bao giờ cũng hiện ra trong
tâm tưởng những con người ngang dọc trên khắp các
nẻo đường đất nước với hình ảnh của một viên ngọc
quí. Nó chói sáng, nó có một hào quang, một sức điện
hấp dẫn ghê gớm. Người đi trong cuộc đời quay cuồng
trong không gian thành phố với những con đường lớn,
bé dựa vào nhau, những âm thanh, những sinh hoạt,
đổi thay liên tục, cũng như người đứng nhìn thành phố
ấy từ đồng rộng, núi cao đều dành cho thành phố này
những tình cảm thân yêu, sâu mạnh....*

hay một Saigon của Hoàng Anh Tuấn với vũ trường và điệu
nhạc tắt đèn :

*Nhạc đỏ, xanh rồi điệu nhạc tắt đèn
Hoài Phương, khóc bằng những dòng tóc rối
Rượu đã cạn, lòng chưa vơi giả dối
Màu áo vàng chưa cởi hết bơ vơ
Bước chân nghiêng rớt xuống nhạc tình cờ
Một bóng tối ôm lấy cảnh ánh sáng
Ngực đã ấm nhưng tình còn lạnh bạn
Vòng tay ôm dư một quãng gần nhau
Hoài Phương ơi! Sao chẳng mối tình đầu
Cho điên loạn mang thêm màu êm dịu
Sao câu nói khăn khăn và nũng nịu
Vẫn vương vương nhiều quá vũ trường đêm
(Màu mắt trong đèn, Hiện đại tập 4)*

Nhưng với Văn Nghệ, Saigon thì khác. Ta tìm thấy Saigon
như thế này, trong một bài viết của Dương Nghiễm Mậu vào

cuối năm 1961:

:

Nếu có ai đến gặp tôi và hỏi : Sài Gòn bây giờ ra sao, thanh niên họ sống ra sao ? một câu hỏi chúng ta thường gặp nơi những thư từ ở nước ngoài, hoặc tỉnh xa, có thể của một thanh niên đang chiến đấu ở Cà Mau, Hậu giang hay miền Trung xa xôi, tôi sẽ không biết trả lời làm sao cho đúng được tinh thần câu hỏi. Bây giờ Sài Gòn ra sao ? Sài Gòn đang kiến thiết những bulding cao ngất, đang mở những con lộ mới, đang giải tỏa những khu nhà ổ chuột thiếu vệ sinh, đang mở chiến dịch phòng bệnh uốn ván, dịch hạch, đang phát khởi phong trào cứu giúp đồng bào Thượng lánh nạn Cộng sản, đang thành lập khóm chiến lược, đang xây dinh Độc Lập - cũng như ở Sài Gòn bao nhiêu Snach Bar đang mở ra nhan nhản với những lời rao cần nữ chiêu đãi viên trẻ đẹp biết ngoại ngữ, cùng những lời rao nhận con bỏ rơi ở bệnh viện nhi đồng, ở giữa phố - Sài Gòn một thành phố quốc tế, một thủ đô, một nơi đang là một xã hội phức tạp - làm sao để có thể nói bây giờ Sài Gòn ra sao ? Thanh niên họ sống ra sao ? Câu hỏi này đi liền với Sài Gòn lại càng khó nói - nhưng có điều tôi muốn người hỏi hãy trở về Sài Gòn - lúc đó tôi sẽ hướng dẫn người đó thăm Sài Gòn để biết đời sống thanh niên - mà việc đầu tiên ở Sài Gòn ban đêm tôi sẽ dẫn người đó tới thăm phòng trà : Đó thanh niên Sài Gòn, một bằng chứng sống động.

Nhưng tôi chẳng quên thưa rằng : đây chỉ là một khía cạnh, một số trong thành phần đời sống Sài Gòn, trong lúc bấy giờ ở Sài Gòn - còn có những thanh niên trong các khóm chiến lược đang tuần phòng giữ an ninh, còn có những thanh niên đang ngồi trong các lớp học đêm, đang chăm sóc đời sống gia đình, đang làm việc thêm để đi học, để giúp đỡ đàn em, .. cũng như còn có những thanh niên đang lớn vồn đi bắt bò lạch ở bến tàu, xa lộ... đang đi tìm động ở Ngã ba Chú Ía, ngã năm Bình Hòa, Lăng Cha Cả. . . Nhưng tôi chưa muốn gặp họ - hãy tới phòng trà để biết cái thành phần ăn chơi, cái đám

thanh niên có chút học thức, có phương tiện đang làm gì đời sống của họ... Người anh em của tôi, hãy tạm quên bao nhiêu lời hô hào, bao nhiêu răn dạy chúng ta đã biết, hãy trút bỏ khuôn mặt nhà thờ, hãy quên cộng sản đang bắn giết đồng bào chúng ta - quên hết, quên hết, hãy đóng vai một kẻ lãng du vô tổ quốc, hãy mang theo cho mình như ảo ảnh một tên linh lê dương đánh mướn - hay tự cho mình như một kẻ chinh phục tây phương đi tìm thuộc địa vô vọng. . hãy tự cho mình như một dân du mục. .. hãy tự cho mình như một chính khách bảo hoàng của Châu Âu cổ kính đang thất quốc lưu vong với một mối hận trong lòng... khi đó người anh em hãy tới thánh đường của những đệ tử ăn chơi Saigòn . . .

(Dương Nghiễm Mậu: Vùng nổi loạn hư vô và những phòng trà đêm, Văn nghệ 18 tháng 11-1961)

Văn Nghệ với thực tại xã hội

Văn Nghệ đã cất lên tiếng nói. Tiếng nói khi thấy một xã hội bị thoái hóa và kẻ thù là Cộng Sản đang lăm le rình rập chờ cơ hội là vô chụp miền Nam. Nhớ rằng thời gian ấy là năm 1961, 1962 và 1963.

Chúng ta nhận ra tiếng nói ấy trong những bài viết của Lý Hoàng Phong, Nguyễn Thạch, Dương Nghiễm Mậu, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Trung:

Một năm qua, mỗi lần ngồi trước bàn viết, chúng ta lại gặp thấy trên mảnh giấy trắng cái thực tại đồ chầy chúng ta đang sống, cái thực tại ám ảnh, vương mắc tâm não chúng ta như hồn quỉ lẫn khuất, cái thực tại âm ỉ, lở lói như một vết thương không hàn gắp được...
(Lý Hoàng Phong: Đứng trước thực tại - Văn Nghệ 8&9 Mùa xuân 1962)

.....

Tại sao qua gần hai chục năm chúng ta không có một tác phẩm tiêu biểu ? Bảy năm trời nay chúng ta làm gì : chúng ta xa lánh thực tại. Với nhiệt tâm của kẻ chiến đấu, tôi không muốn bị Cộng-Sản nó đẩy xuống biển. Tôi đang tìm lấy đối tượng, tôi phải làm lại sinh khí. Tôi phải góp sức vào cuộc chiến đấu này. Tôi đã nhìn thấy những lỗi lầm dù còn lầm-nhưng tôi còn can đảm để nói mình lầm và tiếp tục cuộc hành trình.

(Dương Nghiễm Mậu. **Nhật Ký**. Văn Nghệ số 8 tháng 9&10 năm 1961)

Đối với những nhà văn đi trước, Văn Nghệ đặt vấn đề với họ:

" Phần lớn những tác phẩm đầu tay của Mai Thảo, Doãn quốc-Sỹ, Võ-Phiến.. đều có một thái độ rõ rệt đối với con người và chế độ cộng sản. Ngoài ra Vũ khắc-Khoan, Mặc Đỗ, Nguyễn-sĩ-Tế, Thanh-tâm-Tuyền, Quách-Thoại v.v... đều đã nói lên tiếng nói chống cộng của họ. Nhưng cách đây mấy năm, tiếng nói ấy có vẻ lạc lõng giữa một xã hội thái bình mà cộng sản là một kẻ vắng mặt không ai nhìn thấy"

(Lý Hoàng Phong - Đứng trước thực tại số 8&9)

Với giới trẻ , Văn Nghệ kêu gọi hãy nhập cuộc, sau cái chết của "Chín Hồ" :

Sự tích "Chín Hồ" đã chấm dứt trong cái lãng quên lạnh lùng của cuộc sống. Nhưng cái ở lại muôn đời trên xa lộ Saigon - Biên hòa là bầu trời miền Nam này khi nắng khi mưa, khi xanh cao khi mù thấp. Ở lại cùng với niềm hy vọng của những người thương yêu thực sự tuổi trẻ. Hy vọng những Chín Hồ tương lai sẽ ngừng tự sát bằng những xuẩn động, mang máu, mồ hôi, nước mắt của mình, thôi nhuộm đỏ những phiến đá đỏ cần cỗi ở vệ xa lộ, mà tưới vào huyết mạch của xứ

sở, cày thêm những ruộng lúa, trồng thêm những đồn điền cao su, những cao nguyên cam, khai thêm những rừng hoang, dựng thêm những đập Đa nhim, khơi thêm những kinh đào... Hy vọng xa lộ Saigon - Biên hòa thôi là tử lộ của tuổi trẻ để trở thành huyết lộ của những đoàn xe tấp nập chở hoa màu lục tỉnh, cao nguyên vào thủ đô.

(Cung Trầm Tưởng: Ernest Hemmingway trong đầu trường và chín hồ trên xa lộ sai gon-biên hòa, Văn Nghệ số 8)

...Hồi những anh em của Chín Hồ, Lâm Thợ Điện, hồi những đệ tử của phòng trà ban đêm, hồi những kẻ lưu vong ngay trên quê hương xứ sở có biết chăng anh em đang nổi loạn trong hư vô nơi phần đất nhược tiểu khốn khó của Á Châu này ? Đó là bà mẹ Việt Nam khốn khổ trong chiến tranh chia cắt thiên tai của thời hiện tại...

(Dương Nghiễm Mậu: Vùng nổi loạn hư vô và những phòng trà đêm, Văn nghệ 18 tháng 11-1961)

Rõ ràng, chủ trương và quan niệm về văn chương của Văn Nghệ khác với Sáng Tạo hay Hiện Đại. Văn Nghệ đã mở cánh cửa để nhìn sự thật, sự giả, và sự cần thiết của một cuộc cách mạng văn học.

Cách mạng ở đây được Lý Hoàng Phong - chủ nhiệm kiêm chủ trương - giải thích rõ trên số 8 tháng 10 năm 1961:

“cách mạng không phải chỉ là sự thay đổi một chế độ, Cách mạng là sự đổi mới tư tưởng, đổi mới xã hội, .. (...) Cách mạng và văn học vì thế thường đi theo nhau. Vì văn học cũng như cách mạng đều muốn đổi mới tư tưởng, đổi mới xã hội...”

“Chúng ta không đoạn tuyệt với cái cũ để theo ông thầy Tây Phương như ngày trước. Chúng ta đòi xét lại những giá trị cũ. Chúng ta tìm lấy trong cái cũ những giá trị mới, chúng ta đổi mới cái cũ. Văn hóa cũ, đạo đức cũ, phong tục cũ có những giá trị bất biến và cần

được đổi mới để tồn tại.”

Riêng về việc du nhập tư tưởng Tây Phương, ông nhận định như sau:

“Tư tưởng triết học, văn hóa, chính trị, xã hội của họ, chúng ta học hỏi với tinh thần phê phán độc lập... Ngày nay chúng ta không còn thói quen xem Tây Phương là ánh sáng tuyệt đối của văn minh và Đông phương là bóng tối mịt mù của thoái hóa...”

Văn Nghệ có mặt trong ba năm, với 26 số. Mặc dù nó không thực hiện được chủ trương mà tạp chí luôn luôn hô hào là tranh đấu cho nghệ thuật mới hay tạo nên một diễn đàn văn học như tờ báo đã vạch trên số 1. Mặc dù tiếng nói của nó không được lắng nghe, nhưng ít ra nó cũng thể hiện được trách nhiệm và lương tâm của người cầm bút. Nó mang văn chương nghệ thuật lại gần với xã hội hơn, thay vì nó quay mặt lại xã hội như Sáng Tạo hay Hiện Đại đã làm.

Văn Nghệ và khuyết điểm

Theo tôi, Văn Nghệ có hai khuyết điểm sau đây, khiến tờ báo bị cô lập bởi lớp trẻ chúng tôi.

Thứ nhất là Văn Nghệ không chịu tìm tòi khám phá tài năng. Không mở cửa rộng đón nhận những ngọn gió lạ. Chỉ khăng khăng chừng ấy tên tuổi. Để người đọc thấy nhàm chán.

Nếu bảo là không có tài năng mới thì tại sao các tạp chí như Văn, Khởi Hành, Bách Khoa, Văn Đề, Trình Bày, Thời Tập, Ý Thức lại tập nập những người viết mới ?

Thứ hai, Văn Nghệ không có tế nhị trong việc cư xử giao tế với người cộng tác hay những người muốn cộng tác. Ví dụ nhà văn Song Linh, dù có bài văn trên Văn Nghệ số 2, và là

một biên tập viên quen thuộc của Hiện Đại vẫn được xếp bên cạnh những tên tuổi vô danh trong hộp thư độc giả nhận được. Trong khi những tên tuổi khác, mà nhà thơ Viên Linh cho là chẳng tài năng gì như Vương Tân, Ngọc Dũng thì được dành chỗ trang trọng nhất. (xin đọc phần sau).

Làm sao họ có thể gởi bài cộng tác nếu họ nhận được câu trả lời phủ phàng như thế này: **Hy vọng bạn còn nhiều cố gắng.**(Sổ Xuân) (trả lời nhà thơ Sương Biên Thùy). hay: **Gởi thêm cho sáng tác mới nếu có.** (trả lời Hoang Vu, bút danh của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng VN số 5)

Trả lời kiểu ấy ai lại không tự ái. Ai lại chịu cộng tác chứ ?.

hộp thư tòa soạn

● Đã nhận được văn, thơ của các bạn :

Linh Lam, Từ Ly, Nguyễn Dân, Ngô Hoàn, Song Nhất Song, Hoang, Tôn Thất Yên Vũ, Mè Hồ Diệp, Huệ Thu, Phúc Linh, Thế Phiên, Lam Kiền, Lê Dũng, Hoài Huyền Xuân, Nguyễn Ngọc Thuận, Trúc Chính, Cao Hữu, Hoài Tử Nhân, Phạm Văn Luận, Phan Duy Nhân, Nguyễn Dạ Vũ, Dạ Thảo, Yên Sơn, Nguyễn Quang Minh, Nguyễn Tấn Phấn, Huỳnh Ngọc Phiên, Phạm Năng Hóa, Mai Huy Hoàng, Đinh Quang Tịnh, Hàm Nhã. Xin đa tạ.

- Ông Phạm Văn Luận — Phong Dinh. Ông Sâm Phương — Tam Kỳ. Mua một vài số, ông có thể gửi mua tại Tòa Soạn. Trả bằng tem cũng được.
- Ông Hoài Mặc Dịch — Đã nhận được « Thơ Huế » và « Thư trả lời cho Phương ». Cảm ơn.
- Ông Hoang Vu — Gởi thêm cho sáng tác mới nếu có.

Có lẽ rút từ bài học của Văn Nghệ, nên sau này, nhà văn Trần Phong Giao khi làm thư ký tạp chí Văn, đã nhắm vào độc giả miền Trung và những cây bút trẻ ngoài vòng đai Saigon. Ngay cả trả lời thư tín, ông cũng rất cẩn thận. Những người viết quen thuộc ít khi thấy đề tên chung với người viết chưa quen mà đề vào một cột riêng biệt. Luôn luôn thực hiện tuyển tập những cây bút trẻ. Nhuận bút được trả đồng đều, song phẳng không phải chỉ có những tác giả ở SG mới được ưu ái.

Một ví dụ thứ hai là tạp chí Khởi Hành do nhà thơ Viên Linh chăm sóc. Ông đã biết cách biến KH là một diễn đàn chung tập trung những khuynh hướng dị biệt. Người đọc

thời ấy không thể nào quên những trang báo đầy ý kiến của độc giả từ khắp nơi gửi về đóng góp, sôi nổi, đông đảo... Lý do là ông biết sức mạnh đến từ đâu, chỗ nào. Không phải là SG. Không phải là những cây bút thời danh nằm ở ngay SG mà ở những người trẻ ngoài SG.

Bởi vậy, tạp chí Văn, Khởi Hành được lưu hành rộng rãi, được giới trẻ yêu mến. Trái lại số lượng phát hành của Văn Nghệ thì giới hạn, thỉnh thoảng lại trưng cầu ý kiến bạn đọc hay kêu gọi sự ủng hộ của bạn đọc.



THƠ VĂN NGHỆ

Giống như Sáng Tạo, loại thơ tự do tràn ngập suốt 26 số báo Văn Nghệ. Ít thấy loại thơ vần. Trừ vài bài lục bát của Viên Linh hay một hai tác giả nào đó lạc lõng. Người đọc phải nỗ lực cả đầu về loại thơ bí hiểm, cao siêu, chẳng mang chút gì lợi ích hay “tính chiến đấu” mà người chủ trương đã hô hào trong Lời Mở đầu số 1:

"...Trong những năm tháng lịch sử này, chúng tôi muốn tạp chí sẽ là nơi phát động một phong trào sáng tác phần khởi và hào hùng, là nơi thúc đẩy một phong trào văn nghệ tham dự vào đời sống, tham dự vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc, của thế giới ngày nay, cho một tương lai sáng sủa hơn, cho một chân lý chân thật của tự do và hòa bình..."

Ví dụ những đoạn thơ sau đây, chẳng mang phần khởi hào hùng khí phách chút nào:

*Màu xanh đỏ của em chỉ làm tôi nổi giận. Tôi phùng mang tai
tôi thở phì phò. Thôi hãy kêu hãy hét. Thôi nghe mình xài đồ
giác quan.*

(Viên Linh : tháng 5 ở Saigon, Văn Nghệ số 15)

....

*khẽ cho dĩ vãng
sâu trong rừng hoang
với tuổi xanh hờn dỗi
với thân này ngã xuống
lá khô bồi đất đen*

(Trần Thy Nhã Ca - bài đơn ca . Văn Nghệ số 7 tháng 8-61)

....

*chết đi em, chết đi em
Ở đây là thiên đường mà con sáo già không hát lên, ngòi
tượng trình bạch và tội lỗi dẫn vào bằng lũ côn trùng vô hình,
em sẽ chết*

Chết đi em, chết đi em

Vì đó, không ai cãi cho em, đi thẳng vào và em sống trọn một

*người khi vinh quang ào đến ngợp tràn. Em sẽ chết hay không,
sân sướng và căm trơ hơn núi, chúng ta và sự lỡ tay đều làm
bằng cẩm thạch cho riêng mình.*

(Nguyễn Nghiệp Nhượng - Cái ghế đá của gió - VN số 7 tháng 8-61)

....

*Cũng kiếp ngựa nhưng là ngựa rằn nên không thể cười, tôi mở
con đường máu cho tâm khám thoát thân.*

Khởi bề mặt của cuộc đời bình lặng

*Tôi trang bị hoài nghi mà thám hiểm tương lai, ngày một lạc
sâu vào hoang địa - nổi chán chường cứ trải rộng ra, và vòm
trời như nắp áo quan bằng cẩm thạch*

(Tô Thùy Yên - Lễ tấn phong tình yêu. Văn Nghệ số 8 tháng 9&10-61)

....

Đêm bắt đầu khi bóng người đàn bà

với hai cục máu nhà con

xung quanh thành phố chết

(nơi chúng ta đi qua - VN số 15 tháng 5-1962)

Mới đây, trên báo Người Việt, khi đề cập tạp chí Văn Nghệ, nhà thơ Viên Linh đã đưa ra trường hợp của hai người có thơ đăng nhiều nhất là Vương Tân và Ngọc Dũng để giải thích tại sao Văn Nghệ ít được nhắc nhở, và lý do tại sao hai nhà thơ trên không được truyền tụng:

(...) Ở Văn Nghệ số Xuân 1961, thơ Ngọc Dũng cũng in ở đầu số báo như số trên (ba bài ở trang 10), thơ Vương Tân kế tiếp ở trang 16, thơ ông này chỉ chấm hết ở trang 29, nghĩa là dài tới 14 trang thơ của ông thôi, trên đầu lại có tranh minh họa riêng của Ngọc Dũng. Có vẻ hai nhà thơ này là thi sĩ nòng cốt của tờ báo, tất phải hay. Ta hãy đọc nguyên một bài của Ngọc Dũng: Bài “Vết Chém:

*Như đợt thủy triều rút xuống / Bỏ lại cồn cát không /
Như nước biển đầy dâng vĩnh viễn / Mà cánh tay vòng ôm suốt thân.” (trang 10). Và thơ của thi sĩ nòng cốt*

thứ hai, dài tới 14 trang trong số Xuân chỉ dày 103 trang như đã nói: “Giáo Đầu: lịch sử những hoang mang / với mối sầu chia cắt / loài chim di trốn rét / vỗ đôi cánh mùa xuân / thành phố ngọn đèn vàng / và mắt người ngái ngủ / hàng rào dây kẽm gai / với con tàu phạm xá”

Bài thơ chỉ có thể, không lên hoa chữ nào và không dấu chấm dấu phẩy. Vài chục năm sau thơ hai vị đó không thấy ai truyền tụng, và người ta biết đến Ngọc Dũng nhờ ông là họa sĩ, chứ không phải vì ông là nhà thơ. Điều nòng cốt để tìm hiểu: họa sĩ Ngọc Dũng chính là thư ký tòa soạn của tờ Văn Nghệ.

(Viên Linh : Văn Nghệ, trong và ngoài tòa soạn, nguồn: nguoivietonline)

..
Quý bạn nào muốn đọc toàn bài viết này cứ google search :
"Văn Nghệ, trong và ngoài tòa soạn" là có thể đọc ngay.

Thật sự, không phải riêng Vương Tân và Ngọc Dũng là có thơ đăng nhiều mà có cả nhà thơ Viên Linh. Suốt 26 số, thơ tự do của VL tràn ngập. Người đọc cứ nghĩ ông là cột trụ của Văn Nghệ.

Khi ông phê bình thơ Ngọc Dũng “không lên hoa chữ nào” nhưng thật sự thơ ông cũng thế. Ví dụ bài thơ “ảo tưởng của thằng nam nghèo khổ” đăng trên Văn Nghệ số 5, dài đến 3 trang. Chữ hoa, dấu chấm, dấu phẩy cũng rất hiếm thấy! Riêng những bài lục bát của ông đăng trên Văn Nghệ (số 4 tháng 5-61) thì hoàn toàn chẳng hoa hòe, chấm phết gì ráo. Nhưng theo tôi, đó là những bài thơ hay nhất tôi được đọc trên suốt 26 số Văn Nghệ. Xin được đăng lại bản gốc để chứng tỏ là hoa hòe, chấm phết không phải là yếu tố quan trọng ở việc phê bình thi ca:

bài kim xuyên bis

mưa trời nhỏ hạt trên vai
mình tôi đứng đợi nghe dài tiếng than
cây yên xế bóng thu vàng
cột chon von nổi đôi hàng giấy thừa

em ơi vui một đêm bù
mai xa thành phố bấy giờ thức trông
máu đi rời rạc thân buồn
vì vu trong tóc một hồn tử sinh

đời đi quẩn quại trong mình
thời em mai chịu hai ngành héo hon
phút giây trời đất hao mòn
đêm sâu ghế trống khói hun rập rời

em ngồi đây nốt đêm vui
mai xa phố bỏ quên đời thanh niên

khi còn ở chùa phú Thạnh

lối đi cổ mộng thân dài
cây cao lá nặng ngủ hoài muôn năm

sương rêu nền đỏ từ trần
ván khô tay ẩm tuột dần tương lai

sớm linh thiêng ít tuổi trời
áo choàng vai rộng xuống đời tây du

khi ra biển mặn đêm thù
tôi đi tôi lại bóng mù thỉnh không

giấc mơ xưa

ngồi lên thấy khế bàng hoàng
xe đi dưới chợ đôi hàng vắng xa

đêm dài chiếu cộn lò xò
môi kẻ mẩy nếp da khô buồn rầu

tiếng còn vọng suốt canh thâu
vui đi chậm rãi hồi lâu rồi về

mạng sầu thừa thốt mấy khe
trong tâm buồn nhặt một bề quạnh hiu

gan tay sẵn nổi dằng chiêu
ngày trở vơ nặng ít nhiều bóng cây

ngồi lên với dằng hao gầy
viên linh con, đã giải bày hã chưa

thời kỳ lãng mạn

tuổi từ thương tiếc máu xương
biền căn phần trợ núi thường xuyên canh

cuộc đời tâm gửi thân anh
da khô củi mục lá xanh ngón rầu

thôi về quy thuận thương đau
trao tay chân lại cúi đầu chạy luôn

VIÊN LINH

Một bài thơ hay khác chúng tôi xin được chọn đăng ra đây.
Đó là bài ĐI THĂM MỘT NGƯỜI BẠN SẮP ĐỂ Ở DI
LINH của Nguyễn Đức Sơn (Văn Nghệ số 23 tháng 4&5

năm 1963). Sau đó bài thơ này đăng lại trên VĂN dưới một tựa khác: ĐÊM THĂM BẠN SẮP ĐỂ Ở DI LINH! Và một vài chữ thay đổi. Ví dụ ở Văn Nghệ : *My tormented heart* thì trên Văn đôi thành *Oh my tormented heart...*

ĐÊM ĐI THĂM MỘT NGƯỜI BẠN
SẮP ĐỂ Ở DI LINH

Sắp để ở Di Linh cây cối chào chị
Sắp để ở hư không rừng và chị ôm nhau khóc
Tối dấu mặt đi ven hồ lạnh giá
Căn nhà gỗ phần mộ thanh xuân
Những ván thông dày đặc gỗ quan tài
Những tóc của chị của rừng của tình nhân
Của dương cầm bỏ phế đứng một năm
Của chị của tình nhân của hạnh phúc
Sắp để ở Di Linh có đơn hùng dũng
Chị thu mình như con mèo mun
Dạ quang thấu suốt tâm linh
Chị thu mình như một vũ nữ Ban Lan
Chị thu mình như một đĩa hát cũ
Buổi chiều chết trên cây thánh giá
My tormented heart
Hãy quên tôi như loài chim đêm
Hãy quên tôi như một mũi tên
Anh đưa chị về đây để tự vận
Chị thổ huyết ba lần tôi chứng kiến
Khi rừng già thấp xuống thấp xuống
Buổi sáng chị tắm sương mù
Buổi chiều chị đốt cỏ để hong đời chị
Hiu hắt như đời tôi chị đứng lên
Hai mươi bảy năm tuột mất thanh xuân
Như nắng vàng giòng thác Gougah
Rừng và chị ôm nhau hát
Sắp để ra một đứa con
Rừng và chị ôm nhau chết

NỘI DUNG VĂN NGHỆ

(Trích)

VĂN NGHỆ

TẬP HAI

CUNG TRẦM TƯỜNG — DOÃN QUỐC SỸ — DƯƠNG
NGHIÊM MẬU — ĐỖ QUÝ TOÀN — HÀ HOÀI — KIÊM
MINH — LÊ HUY OANH — LÝ HOÀNG PHONG — VÕ
PHIẾN — NGỌC DŨNG — NGUYỄN TRUNG — NGUYỄN
SỸ TẾ — NGUYỄN THẠCH — NGUYỄN HỮU ĐỒNG
NGUYỄN NGHIỆP NHƯỢNG — SAO TRÊN RỪNG
PHAN NGUYỄN — QUÁCH THOẠI — SONG LINH — TÔ
THỦY YẾN — TRẦN LỄ NGUYỄN — TRẦN DẠ TỪ — THÁI
TUẤN — THANH TÂM TUYẾN — TRẦN THY NHẢ CÀ
TRẦN ĐỨC UYÊN — THAO TRƯỜNG — TRƯỜNG DUY
VĨNH LỘC — VIÊN LINH — VƯƠNG TÂN — YÊN CHI
AHMED ALI — ERNEST HEMINGWAY — IHSAN ALD
AL KOUDDOUS — WILLIAM SAROYAN — CARLOS
MONTENEGRO — HENRY MILLER — ERSKINE CADWELL
IRWIN SHAW — THOMAS WOLFE — YVOR WINTER.

TẬP HAI TỪ SỐ 5 ĐẾN SỐ 10 — NĂM THỨ NHẤT 1961
TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT XUẤT BẢN HÀNG THÁNG

ĐÁM TANG NHÀ VĂN NHẤT LINH DƯƠNG NGHIỄM MẬU

Lời Tòa soạn:

Nhà văn Nhất Linh tự kết liễu đời mình vào ngày 8 tháng 7 năm 1963 sau khi để lại di chúc: *Đời tôi để lịch sử xử.... Văn Nghệ số 24 tháng 6&7 năm 1963 trong phần THỜI SỰ VĂN NGHỆ dưới tiêu đề Một cái tang lớn cho văn học: Văn hào nhất Linh đã mất* dành nguyên hai trang giấy, nhưng tuyệt nhiên không nhắc gì đến lý do tại sao nhà văn Nhất Linh lại chết, cũng như đề cập đến nội dung di chúc thư của Nhất Linh. Chỉ cho biết Ông chết vì uống thuốc ngủ Véronal..

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

MỘT CÁI TANG LỚN CHO VĂN HỌC VĂN HÀO NHẤT LINH ĐÃ MẤT

Văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã mất hồi 1 giờ sáng ngày 8-7-1963 tại bệnh viện Grall — theo tin được công bố trên các nhật báo ra ngày 14-7-1963 ông đã mất vì uống thuốc ngủ Véronal. Thi hài ông đã được quản tại bệnh viện và lễ an táng đã cử hành hồi 9 giờ sáng ngày thứ bảy 13-7-1963.

Trong các sách *Viết Nam Văn học sử nền của Dương Quảng Hàm.*

Mãi đến 5 tháng sau, trên Văn Nghệ số 26, tức số số 2 Bộ Mới phát hành vào tháng 12-63, sau khi chánh quyền của TT Ngô Đình Diệm bị sụp đổ vào 1-11-63 thì bài viết về đám tang của văn hào Nhất Linh của Dương Nghiễm Mậu mới xuất hiện phơi bày sự thật trên trang giấy.

Điều này chứng tỏ là tình trạng ngạt thở của sinh hoạt văn nghệ lúc bấy giờ. Dù Văn Nghệ lúc nào cũng hô hào “văn

chương gia nhập” “Văn chương không thể tách rời cuộc sống” “văn nghệ phải gắn với xã hội và thực tại”, nhưng cũng phải ngậm ngùi bó tay, im hơi lặng tiếng !

Chúng tôi sưu tập và đánh máy lại bài viết này như là một chứng liệu văn học sử về cái chết của văn hào Nhất Linh.

Trước khi rời tòa soạn, tôi hỏi anh Lý hoàng Phong :
Mai anh có đi đưa đám Nhất Linh không ? Anh Phong nhìn lên và nói : Sao lại không ? Sớm mai cậu lên tôi rồi cùng đi. Tôi bỏ bài vở vào ngăn kéo, thu lại mặt bàn rồi ra phố. Không khí lo âu bao trùm chung quanh, nơi những bót cảnh sát, góc đường, những cuộn giấy thép gai, những trường ngại vật đều đã đề sẵn sàng, những cảnh sát với súng gắn lưỡi lê cầm ngang tay đứng rải rác đây đó, và vô kể những gương mặt do thám quanh quần đứng ngồi vờ vịt nơi bùng binh, ghé đá, bến xe. Ra đường mỗi ngày để tới tòa soạn lúc nào tôi cũng cảm thấy những bất trắc vây lấy số phận một cách khít khao, chừng như lúc nào trên gáy, sau lưng cũng treo sẵn một lưỡi dao bén, Bất cứ ai, bất cứ lúc nào sự chết cũng có thể ập tới, không hỏi han, không trả lời và kết thúc một đời sống. Mỗi người đều như cảm thấy vậy một cách bất lực với hai bàn tay không. Nhất Linh đã chết được một tuần lễ, sáng mai tang lễ sẽ cử hành, nhiều người nói với tôi về sự nguy hiểm có thể xảy ra vào đám tang sáng mai, những lời đó mang theo sự hăm dọa, mang theo lời ngăn trở. Mọi người, mỗi ngày đều tự hỏi : Rồi sẽ ra sao ? Phải làm gì ? Tôi cũng tự hỏi mỗi ngày, mỗi giờ như thế nhưng sau câu hỏi tôi thấy mình bất lực một cách hèn yếu, với cây viết trên tay, tự nhận là một nhà văn nhưng tôi đã làm gì cho hiện tại lịch sử đang đòi hỏi một thái độ. Tôi ngó ngang chung quanh, tìm kiếm những khuôn mặt để sau chút hoang mang ngờ vực đến muốn tuyệt vọng buông trôi. Tôi miên man nghĩ trên những hè phố, có phùng bước chân đang vội vã như chạy trốn. Rồi mai sẽ ra sao ? Tôi phải tỏ thái độ dù một cách tiêu cực. Cả đêm tôi lại trần trọc, khó ngủ, tôi nghĩ về Nhất Linh, nghĩ về sự nghiệp Nhất Linh để

lại cho thế hệ tôi. Ngày nay, ở sau ông hằng 30 năm, tôi có nhiều điều không đồng ý với Nhất Linh trong quan niệm của ông ở thời hậu chiến, dù vậy tôi cũng chịu ơn ông rất nhiều. Tiếng chuông đồng hồ reo lên, tiếng chị tôi gọi tôi, tôi trở dậy, vội vàng mặc quần áo, rồi đi xe lên nhà anh Lý Hoàng Phong. Anh đã sẵn sàng ngồi uống nước trà đợi tôi. Chúng tôi kêu xe lên bệnh viện Đồn Đất. Xe chạy tới cầu Trương mình Giảng tôi thấy có lính đứng đông, súng cầm tay, và mỗi người đều đeo một túi vải trong đó có nhiều lựu đạn. Xe chạy, mỗi góc phố đầu đường đều đã được canh phòng, người đi có vẻ ít, xe rẽ qua Trần Quý Cáp, Thống Nhất rồi Cường Để. Trên xe chúng tôi đều im lặng, mỗi người rời theo những suy nghĩ riêng. Tới đầu đường Gia Long xe phải đứng lại không được chạy vào, ngay đầu đường một hàng lính đứng dàn ra như ngăn cản, tôi lo âu. Tôi tự hỏi : họ không cho vào sao ? Hai chúng tôi ngần ngại một phút rồi quyết định đi vào. Lính gác hỏi tôi đi đâu, tôi nói vào đám tang. Họ ngần ngại một chút rồi cho vào. Tôi hiểu rằng đây là một hình thức ngăn ngừa khôn khéo. Trời còn quá sớm, hàng cây me còn hơi sương, con đường Gia Long xa hút vắng tanh nhưng nơi những gốc cây đều có người đứng. Tôi biết đó là lực lượng an ninh. Vào tới góc bệnh viện là nơi nhà xác, một số lớn người đứng phía ngoài, là an ninh, Anh Phong bước vào cửa nhà xác, trong sân chỉ mới có độ 20 người, mà phần lớn vẫn là người chính quyền. Anh Duy Lam đứng ngoài chào chúng tôi và dẫn vào nơi quần linh cữu. Gương mặt Duy Lam gầy, lấm lỳ với khăn trắng, áo trắng. Nơi cửa nhà xác có treo một tấm màn tang. Ở sau đó những người con trai của Nhất Linh có mặt đông đủ cùng gia đình. Phía trong: Chiếc áo quan nằm cao, phía ngoài bàn thờ có để tấm chân dung Nhất Linh của Nguyễn Gia Trí minh họa bằng bột màu, tiếng mõ tụng kinh vang lên, tiếng khóc nhỏ, khói hương nghi ngút trầm buồn. Chúng tôi đứng im lặng một phút nhìn vào tấm chân dung, tôi xúc động. Một đời người nằm xuống. Một sự nghiệp còn rạn vỡ bất diệt. .. Một hành động làm tôi bàng hoàng... Trên bàn thờ tôi trông thấy một số điện tín và phía trong mấy vòng hoa. Nhất Linh không còn nữa. Trước lịch sử Nhất Linh vừa nói một lời cuối cùng.

Sau khi nghiêng mình trước linh cữu, chúng tôi ra ngoài đi dạo trên những lối đi nhỏ, bên thảm cỏ xanh, dưới hàng cây cao. Chừng như chúng tôi không có điều gì để nói nữa, cũng như trước cái chết Nhất Linh chúng tôi không biết phải nói gì, làm gì, nhất là trong không khí đe dọa, bụng bít đang khóa xuống cuộc sống chúng tôi.

Chúng tôi gặp một người bạn, tôi hỏi thăm về cái chết, những giờ phút cuối cùng của Nhất Linh và về tờ di chúc để lại. Tôi muốn biết Nhất Linh để lại cho tôi, thế hệ tôi rồi nhần nhủ nào.

Người bạn cho biết trước khi có phiên tòa người ta định bắt giam Nhất Linh, nhưng sợ gây ra sự công phần nên không dám và chỉ mời ông đến để hỏi cung. Về trường hợp ghép ông vào tội phản nghịch chỉ là cách muốn bôi nhọ Nhất Linh. Không dám giam Nhất Linh nhưng người ta buộc ông phải ra tòa. Nhất Linh không trả lời và vẫn ở nhà vui vẻ, buổi chiều ông còn ngồi nơi bàn làm việc và truyện trò vui vẻ với vợ và các con, nhưng chính lúc đó ông đã uống thuốc véronal, khi mang ông vào nhà thương thì đã muộn. Nhất Linh để lại trên bàn một di chúc ngắn ngủi, nhưng là một bản cáo trạng trước chế độ :

Đời tôi để lịch sử xử, tôi không chịu để ai xử cả. Sự bắt bớ và xử tội tất cả các phần tử đối lập quốc gia là một tội nặng sẽ làm cho nước mất về tay Cộng sản. Tôi chống đối sự đó và tự hủ mình cũng như HòaThượng Thích Quảng Đức tự thiêu để cảnh cáo những người chà đạp mọi thứ tự do.

Nhất Linh đã nằm xuống im lặng, nhưng tiếng nói Nhất Linh vang lên, truyền đi như một lời hịch. Báo chí không nói gì đến, bức di chúc không được phổ biến công khai, nhưng tất cả mọi người đều đã nghe thấy tiếng nói Nhất Linh chiếu rọi vào tim óc.

Trong sân nhà xác đã thêm người nhưng số nhà vẫn quen biết tôi thấy không có bao nhiêu. Số người đến mỗi lúc một đông đặc biệt nhất là có khá nhiều phóng viên báo chí, nhiếp ảnh ngoại quốc. Ai tới cũng với khuôn mặt lặng lẽ như trùm một vè lo âu. Tôi nhìn lên khuôn mặt những người

đứng quanh đó. Tôi thấy những bạn hữu của Nhất Linh, thuộc thế hệ có những khuôn mặt cân quắc, hồng hào, nền nếp - một thế hệ mà tinh thần cũ còn ngự trị - ở họ còn rõ ràng một phong độ văn hóa. Trên những mái tóc bạc trắng, hoặc hoa dâm, những con mắt mở lớn ngay thẳng cương trực, những con người đó còn được bao nhiêu. Họ yên lặng. Bên đó tôi tìm thấy những khuôn mặt trẻ của thế hệ tôi, thế hệ trên dưới hai mươi. Mà buồn bã nhiều hơn vui tươi - nhưng ở đó là một con sóng ngầm, đó là những người muốn tìm lấy, khôi phục một cái gì cho chính cuộc đời và tương lai họ, bởi vì họ đã bị chắt khúc trong một giòng cuồng lưu của chiến tranh hơn 20 năm trời trên xứ sở.

Trong sân nhà xác đã đông đặc, thêm nhiều sinh viên và học sinh. Đám tang đã bị hạn chế bằng đủ mọi hình thức vẫn không sao ngăn trở những người quý trọng tôn sùng Nhất Linh tới bày tỏ một cử chỉ chịu ơn. Mặt trời đã lên dưới ngang tầm cây xanh. Bỗng tôi nghe thấy, tiếng la khóc, rồi tiếng kêu, một người đàn bà chít khăn tang đứng tuổi là người trên tay hai người đàn ông cổ đầu vào, bà kêu : *Anh Tam ơi là anh Tam, người ta không cho em vào, ới anh Tam là anh Tam ơi ! . . .* Người tôi gai lên và muốn ứa nước mắt, đám người rung động. Người đàn bà đó là chị Nhất Linh. Giờ cất đám tang đã đến, cuộc lễ cuối đang cử hành, đoàn phu đám khăn đóng áo dài đã bước vào cửa, vài vòng hoa đã được chuyển ra. Linh cữu đã được sinh viên học sinh, cùng đồng chí của Nhất Linh, thay phu đám, khênh lên vai. Đi trước là tấm chân dung do người con trai cả mang trước ngực, và một vòng hoa mà

Nguyễn thái Học 30 - 6 – 1930

Nguyễn tường Tam 7 - 7 – 1963

Đám người rẽ ra hai bên, linh cữu được từ từ chuyển ra khỏi sân nhà xác, tôi nhìn thấy nhiều cặp mắt đỏ hoe. Tiếng máy ảnh kêu tách tách, tiếng khóc thảm thì ai oán của một người vợ, các con và thân thích dành cho một người ruột thịt đã mất, nhưng quanh đó, những người Việt khác ngoài lòng cảm thương luyện tiếc còn ngùn ngụt niềm công phần về trường hợp cái chết của Nhất Linh. Chúng tôi mất một Nhất Linh nhà văn hóa trong hiện tại và tương lai trống rỗng

hoang vu . . . Đám người lần lượt theo sau quan tài ra đường. Ở ngoài cũng có một số lớn người tụ tập. Không khí im lặng đến ghê khiếp, tưởng chừng như một tai biến có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Một sợi tóc đang thổi trên lưỡi dao cạo. Quan tài được đưa lên một chiếc xe con cóc màu đen của hãng xe đòn, chiếc xe buồn rầu và dãn dật. Không có cờ quạt, trống kèn ngoài những ngọn nến trắng cháy trên tấm ván thiên. Một sự rắc rối xảy ra về việc treo phía trước xe một tấm trướng đen chữ trắng, ở đó tôi đọc thấy hai câu phúng của các đồng chí cũ khóc lãnh tụ Nguyễn tường Tam :

*Thương thay đổi lập quốc gia, mất cả tự do không mấy lúc.
Đối với thiêu thân Quảng Đức, nêu gương cảnh cáo giữa
ngàn thu.*

Xe bắt đầu chuyển bánh từ từ, phía trước các sinh viên khênh vòng hoa, đó là vòng hoa độc nhất giữa đám tang. Đoàn người lặng lẽ theo sau không muốn cất tiếng. Đám tang ra đường Mạc đình Chi, ra Phan đình Phùng, Bà Huyện Thanh Quan và ngừng lại làm lễ ở Chùa Xá Lợi. Số người không đến được nhà xác đứng tụ ở hai bên đường các ngã tư dần dần hợp thành đông và cũng ở khắp các ngã đường, đám tang của một nhà văn hóa đi giữa những họng súng của một chế độ, và trong hàng rào kẽm gai. Tôi thầm nhủ : tại sao lại im lặng.

Chiếc xe tang đậu ở ngoài đường, chiếc quan tài nằm lại ở đó, cuộc lễ chỉ cử hành trong vòng 15 phút, chúng tôi bước vào chùa dự lễ cầu siêu, ở đó có một thiếu nữ đưa cho chúng tôi một mũn vải đen và chiếc danh ghim. Mọi người chịu tang Nhất Linh. Tiếng chuông tiếng mõ vang lên, lời sớ thảm thiết, trên bàn thờ tấm di ảnh Nhất Linh ở bên di tượng cổ Hòa thượng Thích Quảng Đức khói hương nghi ngút trang nghiêm. Cuộc lễ vội vàng dứt sau khi ngọn lửa cháy lên tờ sớ, mọi người trở ra.

Tới đây đám tang không được đi chậm trên đường phố nữa, vòng hoa đã được bỏ lên xe để chạy nhanh ra khỏi thành phố vì chính quyền lo sợ dân chúng nhân cơ hội biểu tình. Số xe đi theo linh cữu chỉ có ba chiếc không đủ chỗ cho riêng thân nhân, nên thanh niên trèo lên cả nóc xe để đi

được tới nơi nghỉ trang. Tôi cũng phải leo lên một nóc xe bám riết lấy những người ngồi quanh ; hầu hết người đưa đám phải ở lại, sự nóng giận bùng bùng lộ ra trên hàng mấy ngàn người đứng lại nơi cổng chùa. Xe tang chuyển bánh nhanh sau một toán cảnh sát gồm xe díp và mô tô dẫn đầu, nhiều thanh niên cố gắng với xe đạp và mọi phương tiện khác chạy theo. Xe chạy qua Phan Thanh Giản, Hai Bà Trưng, Võ di Nguy lên Gò Vấp. Trên đường xe cộ bị cấm hết, hai bên dân chúng đứng sau cảnh sát và lính nhìn ra lo âu. Cuộc sống bị đe dọa trên tất cả.

Ngồi trên xe tôi chú ý tới nhiều khuôn mặt lì lợm, cùng những chiếc máy ảnh liên tiếp chụp và máy quay phim bấm nút kêu xè xè. Có người nói tôi mới biết phần nhiều đó là công an mật vụ chụp hình làm hồ sơ theo dõi.

Nặng lên bỗng cháy, đường bụi mù mịt, xe chạy tới nghĩa trang Giác Minh ở Hạnh Thông Tây. Tất cả xe cộ bỏ lại ngoài đường. Nghĩa trang nằm sâu phía trong, phải đi vào bằng một con đường nhỏ có nhiều tre xanh. Nơi này cũng là nơi an nghỉ của thi sỹ Chế Vũ mất hồi năm trước. Tôi đi vào nghĩa trang nằm bên tay trái con đường. Nghĩa trang hẹp, mới có, số phần mộ còn rất ít, có nhiều chỗ đất chưa chôn đã được cắm biển dành chỗ, phía ngoài là một ngôi chùa nhỏ. Phía trong đất trống hiện trồng khoai lang và chuối. Huyệt của Nhất Linh đào ở khoảng giữa và mé bên trái đi vào bên cạnh mộ của cụ thân mẫu Nhất Linh. Đất khô ráo màu huyết dụ còn mới nằm thành gò cao ở hai bên. Đám người đứng tụ lại bên sinh phần làm thành một vòng tròn chen lẫn; một ít người tụ vào dưới gốc cây, máy quay phim của nhiều phóng viên đã đặt sẵn. Linh cữu đã được chuyển vào, hai chiếc đòn được đặt lên miệng huyết và cổ quan tài đặt trên đó. Tôi chờ đợi nghe những điều vắn, tôi mong muốn được nghe những lời tôi cũng muốn nói với anh hồn người vừa khuất và bày tỏ thái độ của mình trước lịch sử, cùng lòng luyến tiếc và mối phần uất. Tôi chờ đợi những tiếng nói chính thức.

Nhưng, chờ đợi để nghe thấy một bài văn vắn của một người tôi không biết ai, tôi khó chịu. Cụ Nguyễn đắc Lộc

đứng bên nói với tôi : *Ở Miền Nam không còn nhà văn nào để viết được một bài điều văn hay sao ?* Câu nói mạnh, thẳng thắn ở nơi một nhà văn lão thành làm tôi bàng hoàng. Không còn nhà văn nào nữa sao ? Tiếp theo đại diện của V.N.Q.D.Đ đọc một điều văn nói đến sự nghiệp nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam. Không khí vây quanh ngột ngạt bức sốt. Có người nói với tôi về một điều văn chính thức của văn giới : ông Phạm Việt Tuyền, Tổng thư ký Trung Tâm Văn Bút Việt Nam sẽ đọc, vì Nhất Linh là cố vấn. T. T. V. B. V. N. Giờ phút chờ đợi vẫn kéo dài, chưa thấy ông P. V. T. và Linh Mục Thanh Lãng. Có sự gì trục trặc đã xảy ra ? có người nói ông P. V. T. đã tới nhưng bài điều văn bị rơi mất, Thật thế sao ? Giữa lúc đó nhà văn Nhật Tiến bước ra bên huyết với dáng dấp nhỏ hẻ , nhưng khuôn mặt cương quyết, lời lẽ mạnh dạn, Nhật Tiến đã lấy tư cách một nhà văn độc lập tỏ bày nỗi luyến tiếc và uất ức của mình và tự nhận thấy trách nhiệm nặng nề cho vai trò nhà văn sau cái chết của Nhất Linh. Tiếp theo có một sinh viên miền Nam cũng nói lên những ý nghĩ của mình. Mãi tới đây Linh Mục Thanh Lãng mới ra, ông chỉ nhắc đến thân thể và sự nghiệp Nhất Linh với một giọng nhỏ nhẹ yếu ớt . . . Giữa khi đó người ta vây bắt một người, theo họ kẻ lạ mặt định ném lựu đạn. Ai ? , . .

Những điều văn đã đọc, một cái chết khởi đầu một cuộc sống vinh hiển bất khuất. Quan tài đã được giữ trên hai sọt thùng. Hai chiếc đòn được rút đi, và chiếc quan tài từ từ nằm xuống lòng huyết, những tiếng khóc cất lên u uất... Những viên đất ném xuống. Nhất Linh đã nằm xuống với sứ mệnh một nhà văn hóa, một chiến sỹ cách mạng một công dân Việt Nam yêu nước. Nhất Linh đã vào lịch sử. Những người còn sống phải làm gì ? Ở một nhà văn trẻ, tôi phải làm gì cho khỏi hổ là một người chịu ơn những di sản quý báu Nhất Linh để lại. Những viên đất rơi xuống rồi được lấp đầy, Mặt trời đứng giữa đầu. Tôi bước ra ngoài để trở về, lòng nặng trĩu... -

DƯƠNG NGHIỄM MẬU

((tạp chí Văn Nghệ số 2 Bộ mới (tức số 26) tháng 12-1963))

NHẬT KÝ

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

(Văn Nghệ số 8 tháng 9&10 năm 1961)

Lời tòa soạn: *Tạp chí Văn Nghệ, mặc dù hiện diện trên văn đàn 3 năm với 26 số, nhưng ít người nhắc đến. Nếu có chăng thì chỉ ba người từng là cộng tác viên. Đó là Hồ Nam (tức là nhà thơ Vương Tân), nhà thơ Viên Linh và nhà văn Nhã Ca (tức nhà thơ Trần Thy Nhã Ca).*

Ký giả Hồ Nam khi nhắc đến Văn Nghệ chỉ nhắc vài giòng về việc tờ báo được tài trợ bởi bác sĩ Trần Kim Tuyền:

...Ít lâu sau Bác sĩ Trần Kim Tuyền tài trợ cho Đoàn Tường [Lý Hoàng Phong]. Đoàn Tường đã chọn Dương Nghiêm Mậu làm trợ lý lo sửa bản in, lo phát hành báo và có vẻ rất hài lòng với công việc người phụ trách. (Hồ Nam: DƯƠNG NGHIÊM MẬU: NHÀ VĂN ĐẦY OAN KHÚC CỦA THỜI ĐẠI, nguồn Internet)

Tuy nhiên, theo nhà văn Nhã Ca thì, chính nhờ DNM, tạp chí mới sống còn:

... Người lo việc trị sự tạp chí và xuất bản là Phí Ích Nghiễm, tức nhà văn Dương Nghiễm Mậu. Nhờ anh Nghiễm giỏi thu vén mà tờ tạp chí sống được vài ba năm, ba bốn cuốn sách được xuất bản, trong khi các tạp chí bạn như Sáng Tạo, Hiện Đại, Thế Kỷ 20 đều đã ngưng vì cạn ngân sách.

(Thơ có hồn thiêng và cuốn sách có mắt. Nguồn Internet)

Quả thật Văn Nghệ có nhận tài trợ hay không? Để trả lời câu hỏi này, chúng tôi chọn đăng lại Nhật ký này của Dương Nghiễm Mậu để quý bạn có thể hiểu một phần nào về việc hình thành của tạp chí, về sự nghèo khó của họ.

*Chúng tôi chỉ đưa ra dữ kiện, sự thẩm định là tùy người đọc.
(THT)*

5-4

Một ngày làm việc với những người lạ. Tự tử. Chẳng qua cũng vì một miếng ăn, cái quần cái áo mà mặc vào người. Buổi tối ghé lại người bạn đó, T. bảo với người em. Đừng si nhục anh hơn nữa, với lương lính quèn của anh không thể nào đủ để cho em có thể ăn học không thôi, em cũng phải làm việc nữa cho gia đình có cơm mà ăn ngày hai bữa. Tôi rủ T. đi uống cà-fê hai đồng, Chẳng lẽ chúng ta chịu bắt lực hết hay sao. T. bảo : đừng nói thêm gì, làm được chừng nào thì làm. Bà mẹ ngồi bên bàn máy, đưa em ngồi bên bàn máy. Một hoặc hai giờ sáng. Đèn dầu, nước giếng, nhà thuê và những thằng ăn tục, nói phét, chửi đồng, ăn cắp tiền cha mẹ và chạy rong. T. nói về A. Nó vừa mần quân dịch, bây giờ làm gì ? Cố gắng kiếm cách nào để cho thấy còn có đũa nghĩ đến nó. Không có gì để giúp đỡ nhau hết, nó chỉ có thể cười một mình, nói một mình và ôm lấy nó trong giấc ngủ, Cha mẹ ? anh em ? bạn bè ?

Trời bức như muốn ngạt. Ba bề tường bưng bít, chiếc áo quan của kẻ hấp hối. Một thứ xuân thu chiến quốc. Ở một thứ vạc dầu, chúng ta đã nhúng gần hết thân thể vào đó - nó đã nhừ ra rồi. Chung. Bao nhiêu mối liên lạc, tin tưởng tương quan không còn, nó tan ra từng phần, để hoặc chai cứng, hoặc mục nát để đốt lên cũng không làm sao bốc cháy được. Than cho que diêm đánh lên. Sao nó chẳng ra rơm cho xong ? chín chắn là thế. Tôi đã bảo : nhìn xem còn ai ? - Những trang sách mở ra, đóng lại. Mặt bàn gỗ đó. Và những trang giấy bỏ trắng. Vẫn không bắt đầu. Vẫn hện. Vẫn vuốt ve a ừ ừ. Mà biết không, mà biết không : một thứ sâu bọ nào nằm trong khối óc thối rữa của mày. Còn tự hào cái gì ?

11 - 4

Vẫn cố gắng đến ngồi ở cái mặt bàn lớn đó với những kẻ lạ. Nhưng người ta không muốn nữa. Những đồng bạc thí ra. Bây giờ không thể được. Tôi nằm nhà. Ý đến. Hẩn than phiền về chỗ ở. Nhiều chỗ, ở sâu. Tôi nửa đùa nửa thật :

Anh biết có mấy con không , sáu con và một con vừa đẻ ra sáu con nữa. Ổ với chó cho nó quen đi. Xin lỗi anh. Ý buồn, và tâm sự với tôi. Muốn làm một cái gì nhưng không được. Tại sao không cứ làm xem. Nhớ lời một người lớn, gần năm mươi còn cưới một người học trò, đã thanh minh rằng : vì còn mẹ già và con một. Tôi có nói gì đâu. Đó là tất nhiên. Bậy vô số, các anh trẻ các anh thấy đó, các anh đừng trông vào chúng tôi, chúng tôi già rồi, hồng rồi : như kẻ bị sa chân vào bùn lầy càng cựa càng sụt xuống mỗi lúc một sâu: Nhà Bè... Building, bậy vô số. Thế thì ra : nghe lời chúng tôi nói, đừng trông việc chúng tôi làm. À thì ra tri hành là như thế. Cứ nói đạo đức đi và cứ . . . Tôi trẻ người non dạ, tôi đã noi gương với sức ngu dần, dốt nát, lười biếng của mình. Và tôi nhầm hai ba tầng nhầm . . . Tôi tự trách tôi. Tôi không trách ai hết. Ý nhỏ cho tôi hai sợi tóc bạc. Tuổi thanh xuân của tôi đó, anh đừng buồn tôi.

Chúng ta tưởng chúng ta chín chắn, nhưng thực chúng ta chín như. Trên nhận thức chúng ta đều thấy sai hỏng, chúng ta không làm được, bất lực, thất bại từ những cái nhỏ của riêng từng người, và sa lầy luôn. Vì sao ? Chúng ta phải dang tay ra làm sự thật. Dang tay ra làm một bàn tay - một bàn tay có ý nghĩa, nếu chúng ta không muốn thua, không muốn thua to. Tôi lại tiếp tục lang thang từ Saigon xuống Chợ Lớn, lên Gia Định. Gặp mặt đủ nhưng như không gặp ai. Từng đồng bạc còn của “buôn xương, bán máu, mua súng, bắt cóc . . .”, bỏ ra tiêu nốt. Tôi còn yêu một người nên tôi còn phải sống. Tôi đã đứng ở những bờ sông, ven đường tàu, trên gác cao. Còn cha tôi, còn em tôi, còn chị tôi và người nói rằng yêu tôi đó. Tôi đã nói : những móng tay sắc này, em biết không ? Để anh nhốt anh vào một nhà tù và tự cào cào, hành hạ, đánh đập mình vì không còn gì nữa. Thực thế hay tôi lừa tôi ?

15 - 4

Anh T. đã muốn tôi làm việc. Tôi nhận. Tôi cảm thấy như vừa được tiêm vào người một giòng máu mới. Tôi lại say mê, viết và làm bằng tay chân. Tôi thấy như chính việc của tôi, tôi muốn được góp phần vào một công việc của nhiều người với sức lực mình có. Nhà in, ngoài phố, ga hàng hóa, bưu điện . . . Tự thấy phấn khởi bên cạnh sức lực, nhiệt

thành của bạn hữu. Ít ra chúng tôi cũng đã nhìn thấy mặt nhau . . .

16-4

Nhận điện tín chiều qua. Sáng nay cấp cặp với bộ quần áo, ba trăm đồng tôi lên xe đi Đà Lạt, lúc chưa có nắng. Bốn năm trước cũng một buổi sáng tôi đã đi với T. trên con đường này lần đầu tiên với rất nhiều dự định, với rất nhiều yêu mến. Bây giờ những dự định vẫn là dự định Những yêu mến đổi khác vì mỗi người có một đời sống, mỗi người muốn làm một sự nghiệp. Rừng cao su. Bờ cây xanh, con đường như những chiếc võng lụa bắc liên tiếp, Bao lâu rồi tôi mới nhìn thấy cây xanh ở chỗ cây xanh. Được hít không khí của thiên nhiên, được thấy trời rộng, được thấy thiên nhiên, xe chạy 100 cây một giờ. Nhưng trong bụng tôi không thanh thản vì công việc phải làm. Tôi muốn quên nhưng không được. Ước cho một lúc nào tôi không còn phải bận tâm để tận hưởng cái sung sướng của một người trước cái bao la của trời đất, Tôi thấy cái ghê khiếp của mình ở giữa những gạch ngói, sắt thép, khói than... Ăn một bữa cũng là cơm, là rau, là miếng thịt, nhưng sao ngon, nó có vị, điều mà những bữa ăn cho qua đi trước đây tôi không có thì giờ để ý đến. Thật khôn khổ, khôn nạn. Định Quán 10 giờ.

Chào mừng du khách. Hãy bảo vệ rừng . . . Tôi đã tới nơi sau những con đường đó. Dưới chân sâu hút những thung lũng mà ngọn cây có sương trắng. Kê nào rơi xuống đó. Mưa và lạnh. Những hơi thuốc dễ chịu. Tôi tìm những địa chỉ để nhờ cậy, ở lại đây một ngày lo công việc. Nhưng "hỏi nhà nhà đã rời xa, hỏi..." lo lắng với số tiền trong túi. Từ khách sạn này sang khách sạn khác hết cả buổi chiều mới tìm ra chỗ rẻ tiền nhất. Thành phố đã thay đổi nhiều. Những dãy nhà cổ đều phá hết. Một cái chợ rất văn minh dựng lên. Thật chó chết. Bụng rỗng như cái tang trống thùng còn làm điệu. -

Đồi cây, những con đường như cánh tay tình yêu tìm gặp nhau. Mưa, lạnh và phát ho. Chợt nghĩ đến lá phổi mà lo lắng Gian phòng có cửa ngó ra sườn đồi dựng đứng không ngó thấy giới. Khói hun như hang chuột, hành lang như nhà

thương. Trong phòng khách đợi một người đàn bà khóc : Nó rủ tôi lên đây chơi, nó hứa sẽ cưới tôi ..nhưng bây giờ . . . khóc đi các con, Khóc nữa đi các con. Rồi một lưỡi dao, một cục pháo xiết cho nó hết cái thời buổi oan trái này. Tôi đã thức thêm một đêm không ngủ nữa giữa một gian phòng xa lạ, giữa những vật tạm bợ Bao nhiêu người đã ngồi ở chiếc ghế này, nằm ở chiếc giường này. Tôi đã viết thư cho một người mà lâu nay tôi quên lãng.

" Thực đến khi anh viết thư này cho em anh mới thấy rằng tình yêu em dành cho đời sống anh thật cần thiết. Anh đã trốn tránh tất cả, em dịu anh ngó lại để biết một người mẹ lo lắng cho con ra làm sao, một người chị chăm sóc cho các em thế nào. Để anh thấy rằng đời sống mình chỉ có hạnh phúc sống trong một gia đình với những kẻ máu mủ, yêu thương. Ăn bữa cơm rau dưa do những bàn tay nâng niu làm, ngồi trên chiếc ghế, tấm bàn quen thuộc giữa hơi thở, câu nói, tiếng cười mà chỉ những kẻ thân yêu mới có. Em đã dạy anh điều đó. Tuổi thơ anh không được biết gì, anh đã sống lên với thù ghét, ghẻ lạnh, bội bạc...Em đã cho anh biết cái gì đẹp đẽ và cần thiết đó. Anh muốn trở về đó ngay để nói cho em nghe và nói cho anh nghe rằng thật anh chẳng xứng đáng với tấm tình yêu em dành cho anh. Anh chẳng muốn làm loài chim Kiwi gãy cánh. Anh chỉ muốn làm một con chim khuyên nhỏ trong vườn nhà. Những chiếc áo mẹ anh may cho anh mặc từ hồi chưa biết mặt mẹ, bây giờ anh không còn những chiếc áo đó nữa, hoặc còn - anh cũng không mặc vừa. Đáng ra anh phải biết như thế chứ ?..."

17 - 4

Tôi trở về buổi trưa 4 giờ 30 Định Quán. Chúng bắn chết ba người. Chiếc xe T-V lật xuống vệ đường. Mỗi đe dọa vào đời sống. Thế sao tôi không biết đến. Tôi trông thấy những chiến sỹ nơi đó : một vị cố đạo, một người thanh niên bằng tôi, một người con gái bằng người yêu tôi. Chúng nó ở trong rừng xả súng vào xe. Tôi đã trông thấy những giọt máu hồng. Những lo âu, phần uất. Tội Cộng sản đang đe dọa chúng ta. Chúng nó muốn gì ở đây. Rồi ở một chỗ nào chúng sẽ xả súng tiếp tục Chào mừng du khách. Hãy bảo vệ rừng ... Tôi đã tới nơi sau những vào đồng loại. Tôi cảm

thấy môi đe dọa hơn bao giờ hết. Thế mà ở con đường đó. Dưới chân sâu hút những thung lũng mà ngọn cây có cuối chẳng đường kia, ở bên xe tôi xuống người ta đang ca hát, cười đùa và đang chơi. "Tôi muốn khắc đờm vào cái đời sống này. " Tôi đã nói câu đó với người tôi gặp đầu tiên. Anh nhả răng cười và tôi đã chửi tục. .. Chúng ta đang thần nhiên tự tử thế nào hồi những chú đà điểu khôn nạn đang rúc đầu vào cát kia ?

4 - 5

Không khí chung quanh đã làm tôi không thể im lìm nữa, những chán nản, mệt mỏi bắt đầu trở thành tức bực bất mãn với ngay chính bản thân. Nhiều điều trong tôi bắt đầu thay đổi, những mầm mống nhỏ hình như vẫn lẩn tránh, tôi lại lẩn vào những tranh luận, Nhiều vấn đề đặt ra một lúc - cả những điều lớn lao ở ngoài tầm sức của tôi. Tôi kiên tâm dò dẫm từ những điểm nhỏ để gỡ mối. Đầu óc tôi bỗng nhiên có lúc tối tăm lại. Những cơn nhức đầu, chông vánh và ho. Trở về thăm chị, người em và các cháu. Tôi đã không còn mấy cant đảm để ngồi ăn cơm một mình bên chông cà mèn mỗi bữa khuya động những bát đĩa cho vui tai. Đã chán những khúc bánh mì khô cứng nhạt nhẽo, những cốc nước lạnh tanh mùi phèn và sắt. Chị tôi rớm nước mắt nhìn tôi gầy hơn hồi đi. Đứa cháu nhỏ hỏi tôi : " Sao cậu đi hoài không về với cháu. »» Tôi ghen ngào bụng bát cơm. Tôi đã cố quên, đã cố hành hạ mình, thế nào ?

Cuốn truyện dài bỏ dở từ ba bốn tháng nay vẫn không viết thêm một trang. Tôi không viết được một cái gì hết. Tôi thấy trong lòng thường trực những lo lắng, sáo động, không thể tập trung được trí óc để nghĩ một cái gì rõ ràng. Tôi chán cả đọc. Những vấn đề thực tế bày ra trước mắt đòi lên tiếng. Tôi ngó ý với bạn hữu được làm một tờ báo hàng tuần vào lúc này. Lại thêm một ảo tưởng. Tôi lại say mê bàn định một cơ sở xuất bản được tổ chức đường hoàng với những người viết. Từ in, phát hành . . . phải được tổ chức lại hết . . . nhưng thực là " buôn ảo mộng " như T. đã nói với tôi. Tôi không hiểu sao lại có thể " ăng mạn " đến như thế giữa cái hoàn cảnh khốn khổ này. Nhưng tại sao lại không được nghĩ đến. Muốn tự do trước tiên phải độc lập kinh tế đã chứ. -

Tôi muốn đi Nha Trang nhưng không sao đi được vì những việc lặt vặt, Tôi lần nữa mãi. Bạn bè. Những đồng bạc. Mỗi sáng một bát cháo đậu xanh. Và quãng đường bộ Cao Thắng + Cô Bắc. Có người hỏi : nghe cậu có tiền cho vay lãi và chơi họ ? - Chứ sao! Cậu ra xem chương mục ở Đông Dương Ngân Hàng đó, mới có nửa triệu chứ mấy, và đã tậu nhà ở . . . Tôi buồn nhưng lại cười ở căn nhà nhiều tầng đó. Tôi cười như thế chẳng lo sợ gì, vì nhà đồ bê-tông thì làm sao mà có ngói rơi, có cột mà đổ . Chị tôi vẫn nói : em biết không chị cầm đồng bạc trong tay chảy mồ hôi ra không dám tiêu. Nhà ta nghèo như thế nào em biết không ? . . Tôi vẫn bảo : tôi không biết đi xe đạp - thật thế - nếu tôi biết đi xe đạp tôi sẽ phải kiếm xe sôlếch, xe máy dầu, rồi ếch bà , . . Bữa tiệc đãi lớn đó tôi không đi vì tôi không có một đôi giày, một cái cà vạt, một bộ mặt . . . bởi ở đó thì ai cũng mang " đồ lớn" cả. Tôi biết thân tôi dù thèm ăn một bữa . . Tôi thấy nhục cho họ về một bộ đồ mỗi. Tôi tới tìm S. Hai quả cam sáu đồng bạc. Nhà Bầu Sen, tôi đã biết rằng ở một mình khổ như thế nào. "đời mò côi hiu quạnh anh không hề được ăn một lần".

Phải không ?

20 - 9

Những cơn sốt liên tiếp ba ngày . T , đập cửa lại lúc 11 giờ khuya, Tôi bảo : mình sốt cậu về đi - và T. về. Tôi đã mong một người nào tới thăm, nhưng không. Hai thằng khốn kiếp ở gian bên mang gái về hú hí. Tiếng chửi ở nhà dưới và bây chớ cần theo. Tôi la hét trong những giấc ngủ ngắn. Hai viên thuốc. Bánh mì. Nước máy. Cuộn mình trong chăn. Tôi muốn trở về nhà để được ăn một bát cháo nóng với hành. Tôi nhớ những người thân quá đỗi. Tôi nghĩ lần thân : nếu chết đi có lẽ đến thời rữa ra cũng chưa ai biết, nhưng tôi không muốn chết chút nào hết.

6 - 7

Bạn bè bắt đầu ít gặp mặt nhau. Mỗi người có một công việc phải làm. Tôi đã mang cả hai mươi năm nay cho người ta vay lãi và chơi họ nhưng chúng nó quyết hẳn rồi. Tôi muốn

cầm đạo ở tay là thế.

Tôi tới cái hộp năm tầng đó - ở tầng thứ tư - tôi hỏi vay H. năm trăm để mua thuốc, nhưng H. không có. Bắt đầu nhận kèm hai đũa nhỏ mỗi tháng 600 \$ để có trả tiền nhà. Tôi có ý muốn rời đi. Năm trăm tiền nhà đối với tôi bây giờ to lớn quá và tôi cũng không biết trông Vào đâu.

Câu chuyện chuyển sang văn nghệ : Tôi chê H. đã không can đảm viết là hèn, vứt đi. Sống như vậy chết đi còn hơn. H. cười và buồn : một là nó thành cao ở ảo tưởng hai là cách mạng chưa chấm dứt. Tôi bảo: các anh chỉ tham dự với bề mặt, chưa sống gì hết, đừng nói dối, tôi chán lắm. Tôi chán những điều tôi đã làm rồi. Tôi không tin gì các anh cả. Tôi ở trong cái thế hệ bị chặt khúc ra rồi. Tôi phải làm. Tôi phải lao mình ra với đám đông, với thực tại bi thảm. Tôi chán than van kêu khóc rồi. Tôi đã bảo H. một cách đứng đắn : Tôi phải tìm lại đối tượng. Nó không giản dị như xưa kia nữa,

Tại sao qua gần hai chục năm chúng ta không có một tác phẩm tiêu biểu ? Bảy năm trời nay chúng ta làm gì : chúng ta xa lánh thực tại. Với nhiệt tâm của kẻ chiến đấu, tôi không muốn bị Cộng-Sản nó đẩy xuống biển. Tôi đang tìm lấy đối tượng, tôi phải làm lại sinh khí. Tôi phải góp sức vào cuộc chiến đấu này. Tôi đã nhìn thấy những lỗi lầm dù còn lắm-nhưng tôi còn can đảm để nói mình lầm và tiếp tục cuộc hành trình.

20 - 7

Ngày này nhớ cái tang chia đôi đất nước. Ông nội và chú thím không biết chết sống ra sao.

22 - 8

Trước khi dọn nhà - cũng chỉ có chiếc va ly, mấy cuốn sách. Tôi đã đốt bỏ tập bản thảo truyện dài viết dở. Tôi phải bắt đầu lại hết. Tôi nhủ thầm : kiên nhẫn, mềm dẻo, khéo léo trong lúc này. Anh T. đã giúp tôi thêm nhiều nghị lực trong công việc. Tôi nói với chị tôi : em về ở với chị, em không đi nữa. Tôi gần như không gặp ai.

Những khó khăn vẫn chồng chất, mỗi số báo thêm một nỗ lực. Những con mắt của người đồng tình trông nhau ghen ngạo mà yêu mến. Mọi người đã hy sinh, chịu đựng đến

mức cuối cùng của nhau. Chúng ta chỉ có thể, và vui với sự nghèo túng này. Bởi vì chúng ta còn muốn làm một cái gì.

6 - 6

Sáng nằm nhà, chiều định lên phố tìm mấy người bạn, chạm trán với chị T. và P. thế là lại phải ăn thêm bữa cơm nữa. Mưa, không kịp chuyển xe buýt cuối. Trời mưa và đi bộ dưới những hàng cây. Điều thuốc cuối cùng tắt ở ngang cầu - giòng nước đen chảy cuộn. Đọc một lá thư và viết trả lời : cậu đi sang đó đã yên, thôi cố đi. Còn mình, mình không đi đâu hết. Mình ở lại đây với những dự định đó. Mình còn là mình Và những bạn hữu mà cậu và hàng bao nhiêu người không có. Dù chết đói mình cũng không buông bỏ cây bút...

15 - 9

Mồng 6 tháng 8 giỗ mẹ, mười ba năm trôi qua với ba chị em ở đây, mẹ nằm một mình ở quê hương. Hồi còn có nhau có bao giờ mẹ nghĩ là rồi chúng con sẽ sống như thế này không. Nhớ mẹ nhưng con chẳng còn nước mắt nữa. Bát cơm quả trứng, chúng con còn được ở cạnh nhau Và cúng mẹ.

17 - 9

Hai ly cà phê ở Đakao. Tôi với anh T. đã đi với nhau từ trưa cho tới khuya, Những công việc khẩn thiết được đặt ra. Không mù mờ nữa. Một bề mặt mở rộng cho tất cả, chúng tôi đã mang cái sôi nổi của 20 tuổi cộng vào cái trầm tĩnh, kiên nhẫn của 30 để chỉ bảo nhau. Tất cả đã được phác lược và bây giờ bắt đầu, anh em đồng hành không thiếu. Đã dám làm thì làm phải được dù hoàn cảnh ra sao.

Tôi náo nức, phấn khởi. Sẽ phải làm lại hết. Không thể thế này Công việc của mình cứ làm còn ra sao thì ra. Họ phải chịu lấy nhiệm trước lịch sử. Súng đạn đang nổ. Máu và nước mắt đang chảy, lời tâm huyết đang kêu gọi. Tôi không thể ngồi yên. Chúng tôi không thể ngồi yên.

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

(Văn Nghệ số 8 tháng 9&10 năm 1961)

ernest hemmingway trong đấu trường và chín hồ trên xa lộ sai gon-biên hòa

CUNG TRẦM TƯỜNG

*Hỡi Don Ernesto, chúc bác nghỉ yên giấc ngàn thu và mơ
thấy nhiều sư tử . (Morvan Lèbesque)*



nguồn: Internet

Người trong ảnh là một lão già vạm vỡ, tuổi trạc sáu mươi. Mái tóc và bộ râu quai nón rườm rà, bạc phau như một rừng tuyết, cũng khỏe mạnh như cái trán cao, rộng, trên đó lõm xuống những đường rạch dứt khoát, cho cảm tưởng là những tiềm mạch của một sinh lực phì nhiêu. Đôi mắt cup, bé lại không biết vì tuổi hay vì ranh khôn, và rất sắc ở đuôi, toát ra một tia nhìn thông minh, quý quyết, có thể sáng như chớp khi gặp mồi. Một cái hàm vuông, vất lên tận mang tai, chống đỡ đôi môi mỏng, tham lam một cách lộ liễu, mím lại như ngậm trong miệng những mưu mô khó hiểu.

Tất cả tóc, râu, trán, mắt, môi ấy hòa hợp thành bố cục cường tráng, làm mặt lão già giống mặt một con sư tử. Càng ngắm ảnh lão càng ngạc nhiên khi nghe tin lão chết vì vô ý tự bắn vào óc. Cái ngạc nhiên đến độ nghẹt thở của một người không muốn chấp nhận cái chết thật của một tác giả lớn nó đã tin phải sống đến trăm tuổi, nó đã mền phục cái lối nghĩ, kể truyện, hành văn " in our, times ", nó đã mê và

ngây thơ ước ao được sống cái kiểu sống của những Robert Jordan, Jack Barnes, Harry trong "For whom the bell tolls", "The sun also rises", "The snow of Kilimanjaro", những thứ tender tough-guy của Greenwich Village, Chicago, Montparnasse, nghĩa là những thứ "anh chị tình cảm", khi cứng khi mềm, khi vồ vập khi phớt tỉnh, vừa đánh lộn giỏi vừa uống rượu hay . . .

Càng ngắm ảnh lão càng ngạc nhiên. Cái ngạc nhiên của một người thương tiếc không một lão già mà một gã trẻ tâm hồn, vạm vỡ sức vóc, yêu sống đến tận dụng cả sức vóc vạm vỡ của mình để hưởng thụ cuộc sống, mau, nhiều và chắc nịch, yêu sống chân thành đến độ dám nhìn thẳng vào cái chết như một gã đầu bò nhìn thẳng vào trán con bò rừng, hỗn xược thách đố : Cuộc sống không có giá nào đắt bằng nên đáng được hưởng, được yêu. Yêu một cái gì là thể nào cũng nghĩ đến nó sẽ mất, sẽ vỡ, sẽ biến đi. (Ý nghĩ chia ly, thương tiếc đã nằm trong tình cảm giàng buộc). Yêu vô cùng cuộc sống là nhìn cuộc sống và cái chết trong cùng một góc nhìn, là đặt thường xuyên vấn đề cái chết, là cuối cùng chấp nhận, yêu cái chết, coi cái chết là hành vi sống tối hậu tuyệt đối tự do, có thể thỏa mãn những khát vọng lớn, khác thường mà cuộc sống đã không thỏa mãn được. Bởi vậy, tao áo mũ xênh xang xuống đấu trường, tiền, lùi, né, đánh lừa sự bỏ nhào của con bò rừng bằng một tấm thảm đỏ biểu hiệu trí ranh khôn biết sống, không sợ chết của tao cùng sự ngu dần khủng khiếp của một sức mạnh vô ý thức. Nhận định trên dẫn Hemmingway đến một quan niệm hiện sinh cụ thể, hưởng thụ tích cực, nhục dục tự nhiên và cường tráng, khiến ông vô cùng quyến rũ đối với tuổi trẻ.

Người ta thường bảo người sống lâu gần vật thì sẽ giống vật. Tôi có chứng kiến hiện tượng sau, lúc còn ở Pháp : những bà lão, bị xã hội ruồng bỏ, phải sống, tâm sự với chó, rút cục trở thành giống chó từ cặp mắt đến dáng đi, vẻ buồn. Hemmingway cũng vậy, vì đã quan niệm sống là lãnh hội nhiều cảm giác mạnh như đi săn trong rừng rậm, sa mạc rồi mang da, cốt thủ những chiến vật về trưng bày thường xuyên trong tâm hồn mình, chính ông đã biến thành một con

sư tử có đủ mọi khía cạnh. Từ cảm nghĩ đến hành động, cách sống. Ông tham lam như một con sư tử đói. Tham ăn thực phẩm ngon, uống rượu bùi. Tham yêu đàn bà đẹp, ngủ hời sức mau. Tham chiến đấu ở khắp các mặt trận, từ Pháp qua Ý sang Tây Ban Nha, gia nhập vào nguy hiểm, nói rộng xã giao, hiểu thêm phong tục. Tham săn thú lớn, câu cá to, đâm thủng gáy bò rừng. Tham đi đây đi đó, tình dục với ánh hồng hừng đông. Tham đi trên cỏ mùa xuân, tai nghe chim muông ca hát, hay ngồi sưởi bên lò hồng, nhìn ngoài trời bão tuyết... Hemmingway già tuổi nhưng trẻ tâm hồn và khỏe xác thịt. Tôi có thể nói : Ông là một lão già chết non. Một lão già mà đến giờ chót của đời mình vẫn giốc nguyên hăng hái bờ ngõ của tuổi trẻ vào cuộc sống, nếu có buồn thì cũng chẳng bao giờ yếm thế, vẫn bo bo vẽ ra những dự định to lớn, lâu dài, giữ nguyên cái quan niệm chân thành ban đầu là cuộc sống và tác phẩm phải là một, có đánh bốc, làm báo, đi săn, đi câu, đấu bò, đánh trận, làm ái tình rồi thì mới viết những truyện đó. Một lão già mà đến giờ chót của đời mình vẫn cứng đầu nghĩ rằng cuộc sống đáng được yêu, được hưởng thật, thế nhưng chúng ta chẳng thể mua nó bằng bất cứ giá nào, chẳng hạn bằng phản nghịch, yếu hèn, sợ hãi !

Hemmingway đã tự ký bản án của mình khi viết : " Con người sinh ra không phải để chủ bại. Nó có thể bị hủy diệt chứ không chịu thất bại".

Câu này định nghĩa được một phần nào luân lý nhân sinh của Hemmingway, một thứ luân lý rất "sư tử" như bộ mặt sư tử của ông. Luân lý của những "anh hùng hảo hớn", của những kẻ "cương" khi đã rút vào thành trì của mình thì từ chối tất cả mọi thỏa ước. Luận lý của những định kiến, không thể không thúc đẩy chính kẻ khởi xướng ra vào guồng máy nghiền nát của nó, như triết thuyết của Socrate đã thúc đẩy Socrate thản nhiên uống rượu độc cần, chấp nhận là người chứng cái chết của chính mình,

Hemmingway đã có thể đứng xa ba mươi thước bắn tấ một điều thuốc lá. Hemmingway đã dùng súng đạn để chinh phục cuộc sống, chính súng đạn đã trở ngược bắn vỡ đầu ông. Ngoài những trường hợp Jack Barnes, Frederick

Henry, Robert Jordan, nghĩa là những trường hợp những kẻ biết chết, khôn ngoan đi tìm hiểu cái chết để bảo vệ cuộc sống, Hemmingway, như bị choáng váng bởi cái men vinh quang bao phủ đời ông, đã dùng cái chết làm khí giới phục vụ hoàn toàn cái chết. Ông đã chấp nhận cái chết vì cái chết. Ông đã được thỏa mãn vì chính ông đã chết cái chết theo ý muốn của tác phẩm của ông. Cái chết của một gã đầu bò rừng, áo mũ xanh xang xuống đầu trường. Gã biến thành một tiêu điểm hút hết cường độ của muôn ngàn tia nhìn ngưỡng mộ. Quanh gã, ngang tầm trán gã, cả một rừng người, cả một dân tộc sắc sỡ sát cùi chỏ vào nhau thành một vòng chảo xoáy ốc, ồn ào như trong một lò sát sinh. Tất cả diễn trình theo đúng nhịp điệu, phong tục một phim đại vĩ tuyến tô màu của Hollywood : lễ nghi linh đình, vó ngựa nhộn nhịp, sắc phục tung bùng, ánh trời chói chang. Tiếng kèn đồng lanh lảnh thúc gọi, làm đập mạnh trái tim. Cát của đầu trường bốc lên, sức mùi yếm thế. Gã mất dần phần chủ quan của gã, gờ tay, ngã mũ, đi, đứng, cười, cúi nhặt những bó hoa, những khăn ren, những ví tiền, những áo, gã làm những cử động ấy một cách máy móc, hết ý thức. Gã thôi là gã, là con người. Gã biến thành con bò rừng thứ hai của đầu trường, một thứ hiện vật cho những tâm hồn cổ sơ mua vui, hét la cuồng nhiệt. Những cái né, tiến, lùi, nhắm, đâm thôi là của nghệ thuật, chỉ còn là những tác động bản năng tự vệ của một con thú bị giam trong đường cùng. Bỗng rừng người đứng dậy, rú lên thất thanh : dưới đầu trường, con bò rừng thật lấy sừng hất lên không trung con bò rừng giả rồi quăng nó nằm xóng xoài trên mặt đất. Gã đầu bò chưa kịp thấy bụng gã bị xuyên thủng, máu chảy như suối thì đã ngất lịm đi trong đau đớn không cùng. Gã nằm, má áp xuống cát bụi, tay xuôi theo thân thể. Máu gã sẽ mau chóng tan vào cát bụi như chiều chủ nhật cuối cùng của đời gã tan vào sáng thứ hai hôm sau, như những tiếng ồn ào của rừng người ngưỡng mộ gã tan vào những mái nhà Madrid, những biển ánh sáng nề ông, những đại lộ, những ngã tư, những truyện sống tầm thường. Bảo đó là cái chết của một anh hùng dân tộc, hay bé hơn, của một anh hùng thủ đô, e rằng quá tầm thường hóa tình yêu đất nước. Tình yêu này, khi cần, sẽ đòi hỏi cái chết,

không của một người tự hy sinh cho dân tộc hẳn được giải trí, sống cảm giác mạnh một chiều chủ nhật, mà chẳng hạn, của một chiến sĩ âm thầm ôm bom ba càng lao vào chiến xa địch . Nếu không vậy, thì ít nhất cũng phải nhận gã đầu bò đã chết cái chết của một người can đảm ? Tôi thì cho nhận xét này lại càng sai lầm hơn. Chỉ có can đảm khi biết sợ hãi và thắng được sợ hãi. Đó là một luận lý dần dỉ mà những kẻ bạt mạng, "casse - cou" không hề biết đến khi đi vào cái chết. Vậy tôi kết luận như sau :

Cái chết của gã đầu bò là cái chết trên màn ảnh vĩ tuyến. Nó không có thực dù những Don, những Pedro, những Ignacio vẫn cứ theo gót các đàn anh đến chết gục giữ đầu trường. Hemmingway đã tỏ ra lố lằng, phản nhân sinh khi ông dựng lên cái &luân lý của gã đầu bò» - danh từ của Saint Exupéry - hoàn toàn phục vụ cho cái chết.

Cái chết chỉ ý nghĩa khi là kết cục của một cuộc sống ý nghĩa, biết sợ hãi, thắng được sợ hãi, biết vị kỷ, thắng được vị kỷ, vượt được ra ngoài cái vỏ cá nhân dày cứng. Một cuộc sống phụ thuộc vào đồng loại, xã hội, nhân loại, chống đối lại chính mình nếu cần, gột sạch những hủ lậu, thoái hóa. Một cuộc sống không bắt buộc phải đi săn, uống rượu mạnh, nghe nhạc Paso, bi hùng, phẩm cách truru tượng, thần bí, có bệnh hoạn thì mới cô đơn, lưu đày. Một cuộc sống cụ thể của các anh các chị, của tôi, bắt nguồn từ ý thức về những cái tầm thường hàng ngày, về những thái độ, cử chỉ đạp xe, xuống phố, đến tòa soạn, đi buôn, ăn tô phở, uống ly cà phê, tóm lại biết sống và biết chết khi ý nghĩ cuộc sống bị tước đoạt.

Cứ mỗi lần, nhìn cái sẹo lớn ở cùi chỏ tay mặt của tôi, tôi lại nhớ đến Trần-duy-Kỷ, người bạn bị tử nạn tại Tuy Hòa cách đây hai năm. Kỷ nếu còn sống thì nay được gần ba mươi tuổi. Kỷ, cũng như tôi, đã say mê rồi phủ nhận những thần tượng, đã ham đọc rồi thấy láo toét cái "máu thích đi" của Nguyễn-Tuân tiền chiến. Đã say mê những phim cao bồi Western, thêm " đi thật xa ", bỏ ghế nhà trường rồi sang Pháp học làm phi công, tưởng tượng những chuyến bay đêm, những cuộc nhào lộn trong không trung, những cụm

mây Cumulonimbus đồ sộ, những dãy núi nhâu, những mặt biển nhẵn, những vòng cánh quạt, những biển kếp dạ quang, những phi trường, những nữ chiêu đãi viên đẹp, những cái ô, cái hôn khi trở về . . . tất cả sẽ thỏa mãn được cái khát vọng "sống thật, sống mạnh, sống nhiều" của mình. Kỳ và tôi chóng thân nhau vì nhiều lý do. Vì cùng học chung một nghề nguy hiểm, đã sống những mẫu dĩ vãng tương tự, có những khát vọng giống nhau, cùng đọc và yêu Hemmingway, Saint Exupéry, và nhất là vì cùng thích lái vespa nhanh. Cũng như các bạn trẻ hôm nay, chúng tôi đã quan niệm sống là hưởng thụ mau và nhiều. Nghi vấn "lỡ ngày mai..." dù chưa được nói lên rõ ràng ở đầu lưỡi thì cũng đã xuất hiện trong tiềm thức bằng những mẫu tự mập mờ. Không có phương tiện đi sẵn, đầu bò, du lịch thể giới, sống lớn bằng Hemmingway, chúng tôi đành trở về thân phận chúng tôi, quan niệm dân dị hưởng thụ cuộc sống, mau và nhiều là, chẳng hạn, lái vespa nhanh, ngốn một đoạn đường tối đa trong một thời gian tối thiểu. Sống như vậy lẽ dĩ nhiên là được gió thổi bạt tóc, ù tai, được cảm giác mạnh tuôn vào những cơ mô của ngực, cằm, mũi, má, trán, được mình khẳng định với chính mình bằng những cảm tưởng cường tráng, quả quyết, dũng cảm. Nhưng sống như vậy sớm muộn không thể không va đầu vào những hậu quả của tốc độ. Buổi sáng hôm đó, cách đây khoảng bảy năm, xe của Kỳ, chở tôi ngồi đằng sau, đâm bổ vào một viên kỹ sư ở Nice đang cúi nhặt chiếc khăn tắm của ông rớt ở giữa đường. Tốc độ lúc xảy ra tai nạn : 75 cây số một giờ. Tiền và phải trả cho lương tâm và thân thể ; viên kỹ sư bể óc, tàn tật suốt đời ; Kỳ nằm nhà thương ; tôi bị rách toạc cùi chỏ tay mất.

Bốn năm sau, Kỳ chết vì máy bay. Theo tôi, cái quý báu, bền bỉ nhất Kỳ để lại cho tôi không là những tấm ảnh chụp chung hay một mớ kỷ niệm về những đêm tâm sự, nói tục, mà là cái sẹo vì tai nạn nói trên, tôi sẽ suốt đời mang trên thân thể tôi. Như mang nụ cười lộ si đặc biệt của Kỳ, mang một cái nhìn trở ngược về dĩ vãng, soi mói và làm một cuộc phản tỉnh dữ dội.

Nay, tôi gần ba mươi tuổi. Có vợ, có con, được sống thêm những biến cố lớn, đọc thêm nhiều sách hay, chơi thân với một vài người bạn tốt, đồng tình đồng chí. Có những trách nhiệm, nhu cầu mới, nên nhìn và nghĩ về cuộc sống khác, nhiều khi trái ngược với lúc còn ở giai đoạn Trần duy Kỳ. Bây giờ nhìn lại cái sẹo là nhận ra hình ảnh Kỳ kèm theo cái ý thức bắt nguồn từ nhận định về những sai lầm của cuộc sống xưa. Một cuộc sống không ý nghĩa, thiếu cố gắng nhưng ham hưởng thụ, cá nhân vị kỷ đến tàn nhẫn, vô liêm sỉ, nhiều khi chán nản vô duyên cớ, đổ thừa bãi sức lực phong phú của tuổi trẻ vào những . xuẩn động vô ích như loại xe nhanh, đánh lộn khỏe, nhậu nhẹt dữ. Một cuộc sống, nếu không phản tỉnh sẽ dẫn đến hủy hoại tinh thần và thể xác.

Tôi nghĩ đến những nhà cách mạng nổi loạn có ý thức, nghĩa là từ hành động bôi sạch dĩ vãng đen tối xây dựng lên một con người một xã hội, một chế độ mới, sáng sủa, những tên lưu manh trẻ tuổi hôm nay, vì thiếu ý thức hệ đấu tranh nên đã để bản năng đẩy vào một thứ nổi loạn tuyệt đối hư vô, dễ dãi, như chẳng hạn của một bè lũ túm đánh một đôi thủ, của một Lâm "Thợ điện" hay Chín Hồ quá cố mù quáng lao đầu vào bạo động. Một thứ nổi loạn không cứu cánh, tách rời con người ra khỏi cuộc sống, bi thiết và tuyệt vọng như một cố gắng vầy vùng trong khoảng trống.

Tôi rất thích những cơn mưa dài dữ dội như cơn mưa chiều nay, Mưa lớn có hiệu lực hiển nhiên là làm tôi quên phắt những bận rộn nhỏ nhen mà nghĩ sang cái thực của lòng mình. Nhưng nghĩ sang cái quang đăng mệnh mỏng cưỡi trên đầu một cơn mưa tối tăm.

Từ lâu tôi đã muốn viết về cái chết của Chín Hồ, tay đua xe gắn máy trên xa lộ Saigon-Biên Hòa, Nhưng cứ mỗi lần đặt bút là mỗi lần tự vấn lương tâm : "Bớ giời mà lên thì có ích gì." Mỗi lần tự vấn như vậy là mỗi lần quảng bút đi và... chẳng làm gì hết. Hay đúng hơn, ru mình trong lười biếng dễ dãi như trước khi đi ngủ, lấy Văn Nghệ số 6 ra đọc, thấy tui bạn viết nhiều mà chẳng nói gì ráo (1). Rồi vấn đề Chín Hồ lại được đặt lại chiều nay, mưa lớn. Tôi thấy rõ rệt nếu

không viết về cái chết của Chín Hồ, tôi sẽ lừa dối chính tôi, tôi sẽ không bày tỏ cái thực của lòng tôi, cái thâm ý tàn nhẫn là tôi giận tôi khinh cái chết của Chín Hồ, thấy nó cũng vô ích ngu xuẩn như cái chết của gã đầu bò của Hemmingway.

Chín Hồ không cao lớn, nặng cân, có râu đẹp, được ăn đủ sinh tố, uống rượu tốt, đi du lịch xa bằng Hemmingway, nhưng Chín Hồ đã bắt kịp Hemmingway ở mức cái chết. Đã có hình ảnh một Manolete Chín Hồ trong những trang gay gắt của "Death in the afternoon" nghĩa là hình ảnh một người không ý thức được cái giá cao vô lường của cuộc sống nên đã kết thúc nó bằng một hành vi rẻ ợt.

Xa lộ Saigon-Biên Hòa, dưới sức va chạm mạnh, đã hất Chín Hồ lên như một con nhái. Nó rớt xuống vệ đường đá cũng đỏ như cát đỏ của một đầu trường Tây Ban Nha. Nó nằm xồng xoài trên vũng máu của chính nó, xương ngực vỡ vụn như một cành cây khô, dưới ánh mặt trời cũng oi bức, ngọt ngạt như ở Madrid. Nó tưởng có ngàn chiếc kim nhọn đâm vào thân thể nó. Nó tì má xuống mặt đá gồ ghề, nghe tiếng suối nhỏ gần đó rì rào mung lung như một tiếng gọi xa của ban đêm. Rồi nó ngất lịm, ngất lịm vĩnh viễn không được biết là quanh thân nó có những lưỡi uốn vào để kẻ, những tai vênh lên để nghe. Có một vài giọt nước mắt, của một con diêm khoải bỏ Chín, của một bà lão bán hàng ở xóm Bàn Cờ đã cho cháu Chín uống chịu một lúc ba chai "la-de" lớn. Có một sử tích "Chín Hồ" do các đàn em còn sống dựng lên. Nghe đến, bất cứ một thằng trẻ nào cũng thấy có một Chín Hồ trong mình, một Chín Hồ tài hoa "yêng hùng", tận tụy cho bạn bè, đàn em, nhưng rất là... côi cút. Một Chín Hồ bỏ học, đi tập lái tắc-xi, bị "Trường Tiền" đánh rớt, học sửa xe gắn máy, không sợ tốc lực, tài tình "phát minh" được một thứ xe đua đặc biệt bằng cách nạo xy-lanh, đổi cây thật tháo ống xả hơi... Một Chín Hồ chịu hết nổi những chuyến đi về hàng ngày buồn tẻ giữa căn nhà sàn ngoại ô và hãng sửa xe, nên mới đi đua xe gắn máy, ăn tiền cá, nghiên cứu tỉ mỉ kỹ thuật cầm lái như bò rạp trên xe, tay trái cầm cổ phuộc, tay mặt cầm ghi-đông để tránh sức

gió cản...

Cũng như gã đầu bò của Hemningway đã say mê cái chết vì cái chết, Chín Hồ đã say mê tốc độ vì tốc độ. Chín Hồ tuy không bao giờ được cầm một cây súng săn hai nòng nhưng đã tự tạo cho mình một thứ khí giới vô cùng lợi hại là khát vọng sống vội. Chín Hồ đã sử dụng thứ khí giới này không để bảo vệ mà để kết thúc mau chóng cuộc sống. Như viên đạn đã kết thúc văn nghiệp rạn vỡ Hemningway. Đứng từ nhận định này, ta sẽ thấy khát vọng sống vội của tuổi trẻ hôm nay là một hành động hư vô, điên khùng.

Sự tích “Chín hồ” đã chấm dứt trong cái lãng quên lạnh lùng của cuộc sống. Nhưng cái ở lại muôn đời trên xa lộ Saigon - Biên hòa là bầu trời miền Nam này khi nắng khi mưa, khi xanh cao khi mù thấp.

Ở lại cùng với niềm hy vọng của những người thương yêu thực sự tuổi trẻ. Hy vọng những Chín Hồ tương lai sẽ ngừng tự sát bằng những xuân động, mang máu, mồ hôi, nước mắt của mình, thổi nhuộm đỏ những phiến đá đỏ cần cỗi ở vệ xa lộ, mà tưới vào huyết mạch của xứ sở, cày thêm những ruộng lúa, trồng thêm những đồn điền cao su, những cao nguyên cam, khai thêm những rừng hoang, dựng thêm những đập Đa nhim, khơi thêm những kinh đào... Hy vọng xa lộ Saigon - Biên hòa thôi là tử lộ của tuổi trẻ để trở thành huyết lộ của những đoàn xe tấp nập chở hoa màu lục tỉnh, cao nguyên vào thủ đô.

Cuộc bới giòi mả tưởng cũng đã đủ. Hỡi Chín Hồ, anh chúc em yên ngủ giấc ngàn thu và mơ thấy nhiều xe Sachs

(1) Chắc anh Lý hoàng Phong cũng nghĩ vậy nên đã cải tổ Văn Nghệ từ số 8

(Văn Nghệ số 8)

khí hồi tưởng

NGUYỄN TRUNG

Điều làm xúc-động tôi nhất trong những lần xê dịch cũng như trong những ngày còn nhỏ ở tỉnh nhà, là tiếng rao của những người bán hàng rong. Một thứ kỷ-niệm vô tư ghi sâu vào tâm trí tôi một cách êm đềm và mơ hồ. Mỗi địa phương có một thứ tiếng rao hàng riêng ; điều chắc chắn là thứ tiếng rao hàng nào cũng buồn dù trong đó có vài lời dí dỏm ; cái buồn đó tăng thêm buổi sáng tinh sương, và vào buổi chiều tối. Những tiếng rao hàng hay những ký hiệu nhắc nhở tới không gian và thời gian mà mình đã sống, nhắc nhở những kỷ niệm âm u trong tiềm thức, mặc nhiên tạo thành những hình ảnh, khi những tiết điệu, âm điệu của tiếng rao hàng được lập bằng tưởng tượng cũng như bằng những tiết điệu, âm điệu tương quan, hay sự liên tưởng từ một nhạc điệu nào đó cũng thế. Khi hồi tưởng những tiếng nhạc đó tôi thấy hiện ra trước mắt từng không khí, từng nhân vật, từng loài thảo mộc có hay không liên quan gì với nó. Sự ghi nhận của ý thức không có, chỉ có những xúc cảm trực tiếp để rồi lẫn mất trong hồ sâu kỷ niệm.

Tôi rất ít được đi đây đi đó, nhất là ở ngoại quốc thì chưa bao giờ. Lúc nhỏ, được nuôi dưỡng ở miền đồng bằng, nắng cháy và mưa dầm. Hai mươi năm chẵn, kỷ niệm của đồng bằng, nắng cháy mưa dầm thỉnh thoảng được nhắc lại từ sự liên tưởng những câu rao hàng của một bà mẹ Thổ bán xôi nếp than, Rồi hình ảnh tái diễn lại liên miên, thỉnh thoảng lộ-diện trên vài tác phẩm hội họa của tôi ; sự lộ diện âm thầm, đến chính tôi cũng không hay biết. Chừng nhìn lại, quả là có một vài cái gì của ngày xưa. Một thửa, thường lui đến vùng Cao-nguyên. Cái buồn của cuộc tình không thành không làm át được cái buồn mênh mông của tiết-điệu một câu rao đảo quanh thành phố lạnh buổi tinh sương, chui khe cửa kính vào phòng tôi. Cái thần tiên nào đó, cái sáng khoái nào đó. Tiếng rao hàng của bà mẹ di cư rất nhịp nhàng : " Ai xôi đậu xanh xôi đậu phụng". Tôi không nhìn thấy người đàn bà có điệu rao khoan thai, nhịp nhàng, có giọng rao êm

ả, xa-xôi đó, nhưng đoán là một thiếu phụ có nhiều con, áo nâu và chân đất. Những lúc buồn và lười biếng, cùng với mấy thằng bạn buồn lười biếng khác vào ngồi chung với một bọn người làm điệu (hoặc giả những người ấy cũng buồn và lười biếng nốt), nghe những bản ca nhạc xa-lạ trong các phòng trà, café, thỉnh thoảng bắt gặp vài nét nhạc hay. Những rao hàng âm-nhạc trong phòng trà, café với những lời rao hàng lạ-lùng và khoa học-kéo mình tới một khoái lạc xa-ngẫu, dật-dừ như một chiếc điều giấy. Có thể tôi thích thú một vài bản hay : "Sérénade de Schubert" chẳng hạn, có thể tôi nhảm theo một vài đoạn của J. Strauss, nhưng quả tình nó không xáo động tâm hồn, không ám ảnh được tâm hồn tôi, không khiến cho tôi bùi ngùi nhớ nhung dù cho những hình ảnh của cuộc nhớ nhung đó liên quan mật thiết tới những buổi ngồi nghe nhạc này bằng cái mộc mạc, cái dần-dị ứng khẩu rồi thành thói quen của những tiếng rao hàng từng loại một tỏa quanh thành phố ; có một thứ gì quen thuộc dù chỉ nghe lần đầu, có thứ gì như nhắc nhở, có thứ gì như tự kiếp trước tới với tôi và tâm sự với tôi. Không gì chân thành bằng một lời tâm-sự, cái chân thành của một lời tâm-sự không vụ lợi, không cốt ý trình-bày, không mục-dịch cời-mở, nhưng mặc nhiên trở nên một lời xưng rất thật, Rất nhiều khi, bỗng-nhiên những tiếng rao ngày cũ hiện về, khiến nhớ lại những cánh đồng với mưa và nắng, nhớ lại vùng Cao-nguyên với mây và gió lạnh, nhớ lại những nhân vật đã sinh hoạt xung quanh mình, nhớ lại những loài vật nhảy nhót, nhớ lại loài thảo mộc tấu nhạc trên đồi cao theo gió, tôi giựt mình tự thấy đã bỏ quá xa những hình ảnh đất đai và không khí đối với mình như lửa và nước đối với ngọn gươm thép. Chúng ta đã đi tìm. Ở đâu đâu, với danh nghĩa đào sâu thực tại, với danh nghĩa hướng thượng để giải - phóng con người. Chúng ta đã quên chính mình, chúng ta đã quên mất những yếu tố cấu tạo bản thể của mình, chúng ta quên mất cái mảnh đất, cái không khí, cái phong cảnh, cái hoàn cảnh đã tạo ra mình, những người da vàng đông-đức nghèo-nàn yếu-ớt, nhưng chịu đựng. Chúng ta từng chịu đựng và tồn tại. Lịch sử vùn vụt đi qua, số phận lần lượt thay đổi, vinh thì ít mà nhục thì nhiều, những mặt đất, núi, đồi, mây nước vẫn trơ-trơ. Trong cuộc trưởng thành của

chúng ta, trong cuộc nung đúc chúng ta, vẫn có đồng bằng đồi núi, vẫn nắng mưa. Trong lò vẫn có lửa ửng, ngoài bề hầy còn nước lạnh. Vài ngọn gió xa-xôi thổi tới, có giá trị tô điểm hơn là nền tảng. Nhưng phần đông thì thích cời những ngọn gió ấy hơn là chịu đựng cái nóng lạnh nó tạo nên bản chất của mình. . .

Tôi đã kể cho người yêu nghe về những tiếng rao-hàng ở từng tiếng địa phương mà mình đã đi qua. Tôi lập lại những câu hát đó. Nhưng nằng mản thính, không cùng bồi hồi, cảm động như khi tôi được nghe : mà quả thật những câu hát đó không có gì hay ho hết, thật thà, dân dị và tùy hứng, cái tùy hứng của những con người không hề biết nhạc lý là gì, không hề được điểm phúc ngồi lắng nghe một tấu khúc của văn minh... Chính mình, khi lập lại những lời rao hàng đó, thấy vô duyên và khô cháy. Nhưng tôi đã tìm ra thử lập lại trong tưởng tượng, thì những sinh hoạt ngày cũ lại hiện về, đầy đủ từng hạt không khí... Cái đẹp của những câu hát ngắn ngủi đó không phải tự nó mà chính tự cái hoàn cảnh của nó. Nó đứng bên cạnh và nhắc nhở cùng tôi những gì thâm thiết cũ. Khi tôi xướng lại những lời rao hàng trước, mặc nhiên đã tách rời nó khỏi hoàn cảnh, mặc nhiên làm trở những âm-khúc không bao giờ tan đó...

Một buổi chiều, cùng đạp xe trên đường Hiền-Vương với một người bạn, sau cái chết tang thương của người cha, sau chuyển ly biệt với người yêu, tự thấy cái vô-lý của hành động tích cực của mình, rồi cuộc vẫn đi xe đạp một mình và chui vào rạp chiếu bóng bình dân. Tôi nói những ý đó với bạn tôi và hấn cũng đồng tình. Rồi hấn cười, chêm một câu : "Điều tức cười nhất là chính tại mình là những thằng hô hào tranh đấu dữ hơn ai hết".

Một thời gian, bình tĩnh hơn, hồi tưởng lại những ngày qua với tiếng rao hàng của những bà mẹ đông con, chân đất, với những đồng bằng thẳng tít, với nắng cháy và mưa dầm, tôi thấy ăn năn về những lời đã nói người bạn ở đường Hiền-Vương chiều nọ, và muốn đổi câu nói của hấn thành ra : "Điều đáng mừng nhất là chính tại mình là những thằng đã biết hô hào tranh đấu"..

(Văn Nghệ số 8 tháng 9&10- 1961)

nhận định về thơ hậu chiến

LÊ HUY OANH

Nếu thi ca Việt Nam trước cuộc chiến tranh Việt Pháp (trước năm 1945) ngược lên đến thời Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu, được tạm gọi là thơ Tiền Chiến thì ta có thể gọi thi ca sau hiệp định Genève là thơ hậu chiến (1). Dĩ nhiên cách phân chia thời kỳ trong văn học cũng chẳng cần phải tuyệt đối, trong vài trường hợp có sai biệt dăm ba tháng, một hai năm cũng chẳng sao cả. Chẳng hạn thời đại văn học Victoria của văn học Anh đâu có bị đặt khuôn khổ đúng khớp với khoảng thời gian trị vì của nữ hoàng Victoria. Hôm nay tôi muốn phát biểu một vài ý kiến về thơ hậu chiến tại xứ ta, không kể đến khu vực Cộng Sản, nơi mà đa số các nghệ sĩ bị bắt buộc phải ca tụng Bác và Đảng một cách gượng gạo giả dối. . Có những kẻ bị quan kêu lên rằng thi ca Việt nam thời hậu chiến xuống dốc mất rồi. Vài kẻ lạc quan đặc ý tuyên bố thời hậu chiến là thời đại Hoàng Kim của thi ca Việt nam. Có người cho rằng thi ca hậu chiến cũng tạm tạm vậy thôi không đến nỗi nghèo nàn lắm mà cũng chẳng đáng coi là phong phú. Những nhận định đó có khác nhau như vậy cũng chẳng phải là điều lạ. Bàn về văn học thì mỗi người mỗi ý, mâu thuẫn nhau đơm đóp là chuyện rất thường vậy. Tuy nhiên bàn định về văn thơ vẫn cứ là một điều rất nên làm nếu không bảo là cần thiết. Ý kiến thành thật của mỗi người thế nào thì cứ việc nêu ra. Vì vậy tôi xin trình bày ý kiến của riêng tôi về thi ca hậu chiến.

Các người làm thơ thời hậu chiến nhiều lắm, đếm không xuể. Báo chí sách vở đăng thơ nhan nhản : thơ cũ, thơ mới, thơ tự do, thơ phá thể, thơ nửa cổ nửa kim. Thịt heo sợ thiếu chứ thơ không sợ thiếu. Cứ bỏ ra trăm bạc mua sách báo

bán son ở vỉa hè thì đọc thơ đến cả năm không hết. Ngoài những tạp chí, các báo hàng ngày cũng đăng rất nhiều thơ. Có bài thơ tả mối tình đầu ngây thơ trong sạch được đặt ngay bên ô quảng cáo về thuốc chữa bệnh giang mai hay thuốc Tam tinh Hải cầu bổ thận hoàn của nhà thuốc Võ văn Vân. Có bài thơ lành mạnh hùng tráng được đặt ngay bên cái tin một thanh niên trên gái ngoài đường nhưng rủi bị gái có võ judo quật ngã gãy răng. Người Việt nam vốn sinh thơ, rất nhiều người thích làm thơ, Chính khách làm thơ, nhà buôn làm thơ, chủ xí nghiệp làm thơ, tu sĩ làm thơ, học trò, giáo sư, thợ thuyền, chiến sĩ, giới nào cũng nảy ra hàng chục, hàng trăm người làm thơ. Thi đoàn nọ thi đoàn kia xuất hiện nườm nượp chẳng khác gì tình trạng bát nháo của thi ca nước Pháp sau cuộc thế chiến thứ nhất. Thường ai cũng coi thơ của chính mình hoặc của những bạn trong nhóm là hay, còn thơ của đa số người khác là dở. Đó cũng là tính thường. Các nhà thơ bảo thủ thường đả kích các nhà thơ tự do hoặc có những thái độ cấp tiến. Nhưng ngay trong hàng ngũ bảo thủ hay trong hàng ngũ cấp tiến cũng có sự mĩa mai khinh thị nhau. Hãy nhìn vào trường hợp thứ hai : Nguyên Sa dè bieu thơ Thanh tâm Tuyền. Tô thù Yên phê bình thơ Nguyên Sa là hời hợt nông cạn, Thạch Chương gọi Cung Trầm Tưởng là Bà huyện Thanh Quan (?), Cung Trầm Tưởng rất khổ tâm khi đọc thơ Quách Thoại. Những thái độ đó hoặc thành thật, hoặc muốn đim nhau, hoặc có thiên kiến vì ác cảm. Trường hợp khác là có một số những nhà thơ cấp tiến như Thanh Tâm Tuyền, Trần thanh Hiệp, Tô thù Yên đã có một đạo hăng hái sôi nổi lắm. Họ phá phách rất dữ, phủ nhận tất cả những giá trị của thơ tiền chiến, cho Huy-Cận, Xuân Diệu, Bích Khê, Tản Đà, Chế lan Viên, Hàn Mặc Tử, Vũ hoàng Chương vào ... rọ hết. Họ tuyên bố sẽ gắng công xây cất một đài thơ hôm nay thật cao thật đẹp. Thái độ của họ gần giống như thái độ của những nhà thơ đa đa hay siêu thực Pháp thời kỳ mới xuất hiện.

Các tay ngự sử xuất hiện khá nhiều trên thi đàn, hạ bút phê phán một cách rất tự nhiên những mầm non và những cây cổ thụ. Khen chê thành thật cũng có mà khen chê ầu cũng có. Mạnh ai người ấy nói, ai muốn tin thì cứ tin, chẳng tin thì , . hòa cả làng. Trong việc phê bình, sự thành thật và óc sáng

suốt thường bị cảm tình và thiên kiến phá hoại, Những trường hợp “mẹ hát con khen hay” nhiều lắm. Anh nọ chị nọ viết mười bài thơ. Một người bạn liền ca tụng giới thiệu anh, chị đó với mọi người. Rồi tán rộng, tán nhảm. Rồi trích thơ. Rồi in ảnh. Rồi viết tiểu sử : sanh năm nào, phá ngang việc học để phụng sự nghệ thuật bắt đầu từ năm nào, đã bị đau khổ bao nhiêu lần vì yêu chẳng hạn. Giữa cái chợ thơ hôm nay, tiếng rao hàng tới tấp và vàng thau lẫn lộn. Dĩ nhiên vàng rất ít mà thau thật nhiều. Chứng kiến cảnh này những kẻ thức giả yêu nghệ thuật, hiểu nghệ thuật không biết nên cười hay nên khóc.

. Một vài quái thai văn nghệ ra đời. Chẳng hạn người ta thấy cả một ông Phạm Thanh "soạn" một quyển Thi Nhân Việt Nam hiện đại quy tụ cả những nhà thơ tiền chiến lẫn những nhà thơ hậu chiến. Ông họ Phạm ấy đã trích lại gần hết những bài thơ mà Hoài Thanh, Hoài Chân đã trích trong Thi Nhân Việt Nam trước kia vào sách mình, thêm vào những lời phê phán giới thiệu có những chỗ nông cạn dò dẫm sai lạc về mỗi nhà thơ. Ngoài những nhà thơ xứng đáng, có khá nhiều cây bút tầm thường cũng được ông Thanh nêu ra : nào Lê Văn Tấn, Trần gia Thoại, Cử Tạ, Vũ Đức Trinh, Hồng Trung, Tuấn Giang, Nguyễn thu Minh v..v . Ông Phạm Thanh còn quên mất "thi hào" Bút Trà !

Cứ nhận định theo lối ông Phạm Thanh thì nước mình trong lúc này phải có hàng vài ngàn thi sĩ. Ông Phạm Thanh phải soạn thêm vài chục cuốn thi tuyển để nhà Khai-Trí xuất bản chứ. Có những thi sĩ đứng đắn đã phải dò mặt, khi thấy mình bị ông Phạm Thanh giới thiệu trong sách. Đặt Hàn Mặc Tử, Đinh Hùng, Vũ hoàng Chương v.v. vào với những ông Thần Liên Lê Văn Tấn, Vũ Đức Trinh, Trần gia Thoại chẳng hạn thì thật là . . . loạn. Cũng may cho một số thi sĩ có tài như Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên . . . không bị ông Phạm Thanh chiếu cố đến.

Ấy thế mà nghe đâu hình như cuốn Thi Nhân Việt Nam Hiện Đại lại bán đắt mới . . . đau lòng chứ. Loại thi tuyển đang hiếm mà. Xin chịu ông chủ nhà sách Khai Trí là rành tâm lý người đời. Ông giàu là phải lắm.

Các thi sĩ có năm, bảy hạng thì người đọc cũng có chín,

mười hạng. Nhưng hạng bảo thủ chiếm đa số. Vì thế những tập thơ tái bản của những cây viết thời tiền chiến sót lại như Vũ Hoàng Chương hay Bằng bá Lân bán chạy lắm. Trong khi đó thơ của các thi sĩ trẻ tuổi quá ế ẩm, hoặc không nhà xuất bản nào chịu in. Một thi sĩ xứng đáng là Tô thủy Yên muốn xuất bản một tập thơ của mình mà chưa tìm nổi một Mạnh Thường Quân của ngành xuất bản. Cung Trầm Tưởng, Thanh Tâm Tuyền hay Nguyên.Sa, mỗi người cũng chỉ mới in được một tập thơ mỏng mảnh. Hoàng anh Tuấn có sẵn cả hàng ngàn bài thơ mà chưa có dịp xuất bản. Một đặc điểm của thơ hậu chiến là lãng mạn, ủy mị, than mây khóc gió nói rất nhiều về đàn bà, về tình yêu, sung sướng, thất vọng, đau khổ. Em em anh anh, nàng nàng tôi tôi ngự trị rất nhiều trong các bài thơ. Giọng thơ nào cũng đắm lệt. Đặc điểm thứ hai của thơ hậu chiến là bày tỏ những nỗi cô độc, bơ vơ của thi nhân. Một số nhà thơ tưởng mình là những "Trích tiên" lạc xuống cõi trần. Họ ngồi lì trong "tháp ngà" một mình kêu buồn, kêu mỏi, kêu bơ vơ để coi rẻ cuộc đời và thương mình. Nhan nhản những danh từ hoặc từ ngữ như bơ vơ, cô liêu, em ơi, hoa sim tím, ngán lệt, thần thờ, lá vàng rơi, gửi về Nhung, gửi về Tuyết, oán thương, xứ mộng, xứ đau buồn, lang thang, thần thức, đơn côi, buồn tê tái, buồn le lói, lãng quên, man mác, vu vơ... nằm trong hàng vạn bài thơ "chấp chữ" một cách vụng về của những thanh niên mới lớn, và của cả những thanh niên đã lớn từ lâu.

Đã đành rằng tính chất trữ tình là một trong những tính chất tất yếu của thơ, và ái tình là một cái gì rất đẹp để đáng cho các thi nhân của muôn đời ca ngợi. Nhưng không gì khổ tai khổ mắt người đọc bằng những bài thơ thiếu nghệ thuật bày tỏ những mối tình... con nít vụng vặt dớ dẩn. Nhất là trong lúc này là lúc mà người thanh niên cần tốp bớt những tình cảm ủy mị. Khóc lóc ít thôi. Buồn thương ít thôi. Chúng ta là người dân một tiểu nhược quốc. Mộng mị thần thờ nhiều quá thì rồi dân tộc làm sao ngóc cổ lên được. Thật ra những tình cảm điên cuồng hoặc ủy mị, những nỗi tâm sự u uất, cô độc như kẻ trên đã từng được thể hiện nhiều trong thơ của những thi hào như Lý Bạch, Cao Bá Quát. Nguyễn Gia Thiều, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà, Hàn Mặc Tử, Baudelaire,

Rimbaud... nhưng thơ của họ vẫn bất hủ và đáng cho độc giả của bất cứ thời nào đọc, nhờ có nghệ thuật thật cao. Lấy những thí dụ gần đây: một bài Kỳ nữ của Đinh Hùng, một Bài Blues số một của Hoàng Anh Tuấn hoặc một bài Dạ Khúc của Thanh Tâm Tuyền chẳng hạn, tuy có nói về đàn bà, có bày tỏ sự điên cuồng hốt hoảng vì hoa hương, rượu mạnh, nhảy đầm, đau khổ tuyệt vọng, người đọc có thể coi những bài này là không "lãng mạn" nhưng vẫn cần có chúng để làm dịu nỗi khao khát nghệ thuật vì giá trị nghệ thuật của chúng rất cao đến độ đạt được mọi thái độ, mọi tình cảm, mọi nhân sinh quan vào cái Đẹp. Và cái Đẹp thì bất diệt. Thơ Baudelaire nói lên nhiều cái sa đọa, trụy lạc, hèn yếu của con người nhưng có kẻ thức giả nào dám hô hào vứt bỏ thơ ông vì nó không lãng mạn đâu. Nếu đau khổ, lãng mạn, mê cuồng để làm thơ hay như Baudelaire hoặc Verlaine thì cũng nên giữ lấy cái thái độ sống đó lắm. Baudelaire, Verlaine hay Nguyễn Gia Thiều, Hàn Mặc Tử, Tản Đà không còn là người phạm tục. Họ là những thần minh soi đường cho thế nhân vào thưởng thức cái thế giới say mê tuyệt diệu của nghệ thuật, đồng thời giãi bày cho thế nhân biết rõ về cái bản thể cuộc đời. Đọc thơ họ ta say sưa cảm động vì nghệ thuật nên ta kính phục bất cứ thái độ nào của họ. Ta không còn lợm giọng khi biết họ bị bệnh giang mai, nghiện ma túy, nghiện rượu, đồng tính ái, si tình, đam mê hoặc khóc trên ngực những con đi môi nâu, mắt đỏ, đầu tóc bù xù. Họ là những kẻ đã hy sinh thân thể để mở rộng tư tưởng và sự khôn ngoan của loài người. Trong một nghệ thuật cao, bất cứ đối tượng nào cũng có thể tốt đẹp được cả, Nhưng nếu ở một trình độ nghệ thuật thấp hơn thì thơ lãng mạn chỉ hợp với từng thời đại. Và cái tình thần lãng mạn chỉ hợp với thời tiền chiến chứ không thể hợp với thời hậu chiến. Nếu cố ý làm thơ lãng mạn trong lúc này, trong khi không đạt tới một nghệ thuật cao thì những thơ đó ắt phải bơ vơ lạc lõng giữa xã hội hoặc gây phương hại lớn lao cho xã hội. Chỉ những tâm hồn thấp kém, vô trách nhiệm và nghèo nàn về thẩm mỹ mới còn có thể say sưa rung cảm được với những Giọt Lệ Thu của bà Tương Phố, Hai Sắc Hoa Ty Gôn của T. T. KH. hoặc " Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh - Anh nhớ em, anh nhớ lắm em ơi" trong

Tương tư, Chiều của Xuân Diệu (Dĩ nhiên những bài như Huyền Diệu, Nguyệt Cầm (Thơ Thơ), Buồn đêm mưa, Trăng Giang, Ngâm ngùi (Lửa thiêng, Huy Cận) thì vẫn có thể hợp với bất cứ thời đại nào vì những bài thơ như thế đã là những con thuyền nhỏ cắm neo ngoài dòng thời đại (nói theo kiểu Lưu Trọng Lư khi nhận định về Tây Sương Ký của Vương thực Phủ và Romeo and Juliet của Shakespeare). Xét xong, ta nhận thấy những kẻ yêu thơ và thiết tha với sự sống còn của dân tộc rất lấy làm khổ tâm về hàng ngàn bài thơ đã phát biểu những tâm sự ủy mị lãng mạn cô độc, run rẩy của nhiều người cầm bút lúc này, nhất là những bạn trẻ. Giữa cuộc sống vật lộn trầm trọng như hiện thời thiết tưởng các cây viết nên hãm bớt những nỗi niềm tâm sự ích kỷ ai oán đi thì hơn. Nếu không thì những sản phẩm sáng tạo làm ngăn trở sự tiến hóa của quốc gia mà cũng chẳng làm giàu thêm cho nghệ thuật được chút nào cả. Bây giờ là lúc khu vực Tự do đang bị Cộng sản đe dọa. Nếu muốn bảo vệ sự tự do, chúng ta phải nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu, đốt lên một ngọn lửa tin tưởng trong tâm hồn những người chung quanh. Và chẳng Việt nam vốn là một nước nhược tiểu và cần phải thoát khỏi tình trạng nhược tiểu. Một tinh thần lãng mạn ủy mị sẽ là chướng ngại cản bước tiến của dân tộc. Trái lại có những cây viết đã làm những bài thơ "lành mạnh" với một thứ kỹ thuật ấu trĩ, tầm thường. Do đầy thiện chí của họ đâm ra lộ bịch. Những bài thơ dở làm cho độc giả bức mình, gây ra một sự khinh thị trong tâm hồn độc giả thì làm sao có thể truyền những tư tưởng hùng mạnh cho độc giả được. Người ta không thể nào "lành mạnh hóa" xã hội bằng một thứ nghệ thuật kém cỏi. Thà dùng những phương tiện khác thì có kết quả hơn. Các cây viết đó hồ hết i ông, làm thơ "con cóc" để nêu ra tôn chỉ này, tôn chỉ nọ, lý tưởng này, lý tưởng kia, lên mặt mô phạm kêu gọi, khuyên lơn các người đồng loại hãy sống cuộc đời lành mạnh hoặc hun đúc tinh thần chiến đấu, hoặc noi theo gương sáng của đảng này đảng khác. Lời kêu gọi của họ do đây là những tiếng kêu ngớ ngẩn thất thanh giữa sa mạc. Thú thực là trong lúc này ở lãnh vực thi ca, nước ta chưa có một cây bút chiến đấu nào vững vàng cả. Cái tính chất đấu tranh thấp thoáng trong Tôi không còn cô độc của Thanh Tâm Tuyền thì lại phổ

quát quá nên có những chỗ không thiết thực với thực trạng xã hội hiện thời. Đó mới chỉ là cách mạng thuần túy chứ chưa phải cách mạng thực hành, Chúng ta mong mỗi chờ đợi sự xuất hiện của những thi sĩ xã hội có tài. Tô Thùy Yên hình như muốn phủ nhận những giá trị cũ của thơ ông để hướng công việc sáng tác vào quảng đại quần chúng, cùng quần chúng mở cuộc " thám hiểm " những co đường đưa dân tộc đến những chặng tiến hóa mới ở mọi lãnh vực. Cả Cung Trầm Tưởng cũng thế. Nguyên vọng họ sẽ có được thực hiện một cách tốt đẹp không ? tương lai sẽ trả lời. Trong vườn thơ hậu chiến, chúng ta còn thấy rất nhiều những bông hoa... giấy. Đó là những bài thơ hời hợt nông cạn phát biểu những tình cảm, những kinh nghiệm hoàn toàn giả tạo. Có những câu "mỏ trắng" mặt mũi còn non choẹt, miệng còn hôi mùi sữa mẹ đã làm thơ tỏ ý ái ngại cho kiếp sống của.. gái nháy, hoặc "đây đó" những bậc đàn anh. Có những ông sợ vợ như sợ cọp, chuyên môn luôn cúi đầu cầu danh, ăn bơ sữa, ngủ giường nệm mà cũng dám làm thơ "hùng" nói tới "mài gươm dưới nguyệt" "da ngựa bọc thân" "đường lên ải Bắc" "kình ngạc vẫy vùng". Có những ông làm thơ đặc giọng hiện sinh kiểu Xanh-giếc-manh-đề-prê, nhưng chủ trương lấy vợ còn trinh tiết, biết thờ chồng nuôi con đúng như một hiền phụ Á-đông.

Về thơ hậu chiến, có vài trường hợp đặc biệt tôi thấy cần phải nêu ra. Trước hết là trường hợp Thanh tâm Tuyền. Nhà thơ này vốn được coi như người cầm đầu phong trào thơ Tự do của thời hậu chiến. Ông đã thành công trong thơ Tự do, một lối thơ tưởng dễ dàng mà thật ra khó thành công. Thơ tự do tuy nhiều khi không có vần nhưng nó có một nhịp tiết riêng và linh động, một thứ nhạc điệu rộng rãi không bị chèn ép trong khuôn khổ. Nhịp tiết ấy lệ thuộc hoàn toàn và tài nghệ của mỗi nhà thơ. Đọc những bài thơ như Phục Sinh, Nhịp ba, Mưa ngủ (2), Mặt trời tìm thấy (3) của Thanh tâm Tuyền hoặc những bài Hãy đưa tôi ra bờ sông, Có phải em về đêm nay của Nguyên Sa (4) ta thấy mỗi bài có một tiết tấu, một nhịp điệu riêng, do đấy mỗi bài một sức quyến rũ riêng. Sáng tạo nổi một sức quyến rũ cho thơ chẳng phải là một việc dễ dàng. Cái khó thứ hai là tạo cho thơ một sức

truyền cảm hoặc gợi cảm ; muốn làm được công việc đó, nghệ sĩ cần tìm những đối tượng đặc sắc (đặc sắc cả trong cái tầm thường) và đặt một mục đích sáng tạo thích đáng - Cuối cùng, người sáng tạo phải tổng hợp hai yếu tố đó. Dĩ nhiên sức quyến rũ và truyền cảm, gợi cảm của thơ đều tùy thuộc vào nhau, Cho nên, muốn thành công trong lối thơ Tự do, người nghệ sĩ cần phải có đủ khả năng làm mê hoặc và thuyết phục nỗi lòng người. Cái khả năng đó nếu phong phú, mạnh mẽ thì đó là thiên tài vậy, Một số đông thanh niên đã theo Thanh tâm Tuyền đi vào lãnh vực thơ tự do nhưng rất ít người thành công. Đa số chưa quan niệm đúng thể nào là thơ tự do ; một số ít – trong lúc đó nhà thơ " tài tử " Trần thanh Hiệp hiểu được nguyên tắc thơ tự do nhưng không đủ khả năng thực hiện nguyện vọng sáng tác của họ. Trong số những bài thơ Tự do không phải của Thanh tâm Tuyền dĩ nhiên ta cũng thấy có những bài thiệt hại nhưng rất ít ; phần nhiều đều sai lạc, tồi dở, lập dị làm hại cho thơ Tự do rất nhiều. Họ lầm tưởng rằng làm thơ Tự do nghĩa là muốn nói sao thì nói, muốn viết thể nào thì viết rồi họ cố ý làm cho thơ thành tối tăm, kỳ cục, mà không hề để ý đến những yếu tố căn bản nhằm tạo cho thơ có một sức quyến rũ và truyền cảm hoặc gợi cảm. Do đấy họ đã làm quần chúng ghê tởm thơ Tự do, thứ thơ mà một số đông nghệ sĩ quốc tế thế kỷ thứ 20 đã đạt được bằng kinh nghiệm, bằng sự khôn ngoan và lòng can đảm. Thơ Tự do tiêu biểu cho những nghệ sĩ thèm khát tự do, yêu mến nghệ thuật, muốn tìm những lối đi mới để phong phú hóa nghệ thuật. Thanh tâm Tuyền là người đã thành công trong lối thơ Tự do cao quý ấy, thể mà oái ăm thay, thơ ông lại rất nhiều người mạt sát, đả kích thậm tệ (5) coi ông là kẻ lập dị, bịp bợm hoặc điên khùng. Người ta công kích ông tới tấp, đập lên đập xuống khiến ông hình như cũng có một thời kỳ hoang mang nghi ngờ cả nguyên tắc và đường lối sáng tạo của mình. Đến nay, những người giàu óc thẩm mỹ bắt đầu nhận thấy cái chân giá trị của thơ Thanh tâm Tuyền. Trường hợp Thanh tâm Tuyền rồi đây có lẽ sẽ trở nên tương tự với những trường hợp Mallarmé hay René Char. - Nhưng hiện thời, phần đông quần chúng nước ta vẫn chưa thưởng thức nỗi thơ ông vì tương đối nó có vẻ

trí thức và tân kỳ quá. Tôi nhớ đến Tống Ngọc, một văn nhân đẹp trai thời Chiến quốc, sở trường về lối thể - từ. Vua Sở có lần hỏi Tống Ngọc rằng : " Tại sao tiên sinh bị người ta chê bai thậm tệ như vậy ? " Tống Ngọc trả lời : "Có một người đến ca ở kinh đô, mới đầu y hát khúc Hạ lý ba nhân có chừng vài nghìn người hợp lại cùng họa theo ; đến khi y hát khúc Dương a phi lộ là khúc hát ít thông thường hơn thì số người họa theo còn độ vài trăm ; cuối cùng y hát khúc Dương xuân bạch tuyết cao hơn và tân kỳ hơn thì chỉ còn vài chục người họa mà thôi "... Nếu ra chuyện này, tôi không có ý so sánh Tống Ngọc với Thanh Tâm Tuyền nhưng để kết luận rằng : nghệ thuật càng cao bao nhiêu thì người thưởng thức càng ít, nhất là trong lúc đầu khi nó mới được sáng tác. Tài nghệ Tống Ngọc thật ra cũng không cao diệu gì nhưng lời chàng quả thật là hữu lý. Trong xã hội nước ta ngày nay, giữa lúc tiểu thuyết của Bà Tùng Long, . Dương Hà, Phú Đức, Lê Văn Trương bán đắt như tôm tươi, giữa lúc các báo hoặc tạp chí như Saigon Mới, Phụ nữ ngày mai, Văn nghệ tiền phong bán rất chạy, giữa lúc những vở tuồng cải lương hạ cấp gặt ra không hết khách xem, thì thơ Thanh tâm Tuyền bị nhiều người chê bai là một điều không lạ gì. Huống chi xã hội nước ta vốn là một xã hội có nhiều tính chất bảo thủ không thể nào làm quen nhanh chóng với những cái gì đi ra ngoài lối mòn, dầu rằng con đường mới cũng có nhiều hoa thơm cây quý. Phải một thời gian lâu dài nữa quần chúng mới có thể cảm thông được với những bài thơ như Phục Sinh, Mưa ngủ, Chim hay Nhịp ba trong Tôi không còn cô độc. Tuy nhiên, với nhận định của tôi lúc này, tôi vẫn còn gặp trong thơ Thanh tâm Tuyền một số thực tế tối om om mà tôi không thể nào tìm được cái tính chất gây rung động là tính chất thiết yếu của thơ. Nhưng thật ra rất ít nghệ sĩ được coi như hoàn hảo vì trong lãnh vực nghệ thuật không có một sự nghiệp nào tránh khỏi được ít nhiều cái không vừa lòng người đọc. Đọc thơ của các thi sĩ siêu thực Pháp chẳng hạn, nhiều khi ta khoái trá thích thú với những bài thơ thật tân kỳ, sâu sắc nhưng cũng không hiếm những lúc ta thấy "bực mình" vì những bài thơ " hũ nút " làm vớ đầu người đọc chứ không gây được rung cảm trong lòng người đọc. Một bài Amour Fou của Breton, nhiều đoạn

trong Les Chants de Matdoror của Lautréamont hoặc nhiều bài thơ của René Char tôi đã đọc đi đọc lại, suy nghĩ tìm tòi hoài mà cũng chỉ có ý niệm sơ sơ, không sao cảm được cái hay của chúng. Những trường hợp ấy tôi chỉ muốn liệng thơ Siêu thực đi để trở về với Villon, Baudelaire, Verlaine hay Gautier. Về trường hợp Thanh tâm Tuyền với thơ Tự do, tôi nghĩ rằng : một quốc gia tiến hóa mau chính là nhờ ở những cuộc cách mạng thường trực ; văn nghệ cũng thế. Những hành động cách mạng như của Thanh tâm Tuyền trong lãnh vực nghệ thuật dĩ nhiên chỉ làm lợi chứ không làm hại văn học một khi mà người ta nhận được cái giá trị đích thực của chúng. Có Thanh tâm Tuyền, nền văn học nước ta giàu sang thêm, phong phú thêm rất nhiều. Vườn thơ Việt Nam từ xưa đến bây giờ vốn đã có nhiều đóa hoa quý, nay lại có thêm những đóa hoa lạ. Mỗi lời thơ đều có cái hay riêng nếu có được những nghệ sĩ có tài xử dụng. Bất cứ ở hình thức nào, một áng thơ hay vẫn có thể làm say mê độc giả. Những tâm hồn phong phú có thể thưởng thức được những cái hay riêng biệt của thơ Đường, của thơ Mới hay của thơ Tự do. Cái đẹp của nghệ thuật có trăm hình trăm vẻ mà. Chính vì thế cho nên một người yêu thơ Thanh tâm Tuyền có thể vẫn yêu thơ của Đinh Hùng chẳng hạn tuy rằng hai giọng thơ của hai thi sĩ đó gần như khác biệt hẳn nhau. Riêng tôi khi đi vào tác phẩm *Tôi không còn cô độc* tôi quên mất Đinh Hùng nhưng đi vào tác phẩm *Mê hồn ca* tôi lại quên mất Thanh tâm Tuyền. Ở "thế giới" thơ Thanh tâm Tuyền, tôi say sưa với một bầu không khí mới, với những cảnh sắc mới, những ngôn ngữ nghệ thuật mới . Ở "thế giới" thơ Đinh Hùng tôi lạc vào một khu vực u huyền quái đản nhưng đẹp đến làm tôi ngây ngất. Mỗi nơi có những hương sắc riêng, những âm điệu riêng, những nhân vật riêng, nhưng mỗi nơi đều có cái quyến rũ riêng. Tuy nhiên vì hai thế giới thơ của Đinh Hùng và Thanh Tâm Tuyền khác biệt nhau cho nên có những người vốn dè dặt với các trào lưu văn nghệ tân tiến thường ưa thơ Đinh Hùng nhưng không ưa thơ Thanh Tâm Tuyền, ngược lại, có những thanh niên cấp tiến thường nói chuyện với tôi họ ít rung cảm được với thơ Đinh Hùng . Lãnh vực hoạt động của nghệ thuật rộng lắm. Dĩ nhiên là có nhiều khi tôi đã tạm biệt Thanh Tâm Tuyền hay Đinh Hùng để lại

thêm một Tô Thùy Yên một Trần Thy Nhã Ca hay một Phan Lạc Tuyên. Va tôi vẫn đi về quá khứ để gặp Hàn Mặc Tử, Xuân Diệu, Huy Cận, Bích Khê, Chế Lan Viên, Tản Đà, Trần Tế Xương, hay Cao Bá Quát. Lĩnh vực nghệ thuật càng rộng, óc tưởng tượng của người ta càng thỏa mãn hơn. Trong Sáng Tạo số 2 và số 4 bộ mới, Thanh tâm Tuyên và một số đồng bạn (hãng hái nhất là Trần Thanh Hiệp và Duy Thanh) đã lên tiếng phủ nhận giá trị của thơ tiền chiến. Hành động này gây bức tức trong giới văn nghệ. Riêng tôi nhận định về trường hợp này như sau : chúng ta rất có lý khi bảo rằng họ có thái độ chủ quan, quá khích ; ta có quyền không chấp nhận cái thái độ đó, nhưng cũng đừng nên kết án nó. Thái độ như vậy có những khi rất cần thiết vì nó chính là cái động lực thúc đẩy sự sáng tạo, thúc đẩy nghệ sĩ đi tìm những cái hay cái đẹp mới mẻ. Nếu quả thật họ làm giàu cho nghệ thuật thì rất hay, nhưng nếu họ không làm được gì thì ta có thể coi đó là một thái độ bông bột. Một người nữa cũng có công trong việc truyền bá thơ Tự do tại Việt Nam là Nguyên Sa, tác giả tập *Thơ Nguyên Sa* (1957). Tuy mặc lấy hình thức tự do nhưng thơ Nguyên Sa có vẻ mực thước sáng sủa hơn thơ Thanh tâm Tuyên; Nguyên Sa đã pha trộn thơ tự do với thơ có vần, có nhịp tiết thông thường . Ở tập *Thơ Nguyên Sa* bên những bài thơ có hình thức phóng túng như *Cho thuê, Tôi sẽ bỏ đi rất xa*, có những bài thơ có vần và khuôn thước như *Đẹp, Tuổi mười ba*. Cái tự do trong *Thơ Nguyên Sa* là thứ tự do dè dặt. Trong việc sáng tác, Nguyên Sa thận trọng rào đón thị hiếu của các tầng lớp độc giả nhưng về tài nghệ ông chỉ là một người có hoa tay, khéo nói và khéo chấp hình ảnh. Do đây thơ ông có nhiều những vẻ đặc sắc giả hiệu đọc lướt qua ta tưởng có những gì đáng kể nhưng đọc kỹ ta thấy chúng chỉ là những tiểu xảo. Tôi không thể nào rung cảm được với những bài *Di Chúc, Nga, Gặp gỡ, Gọi em..* Tuy nhiên tôi cũng thấy rung cảm ít nhiều với đôi ba bài như *Tôi sẽ bỏ đi rất ra, Bài hát Cửu Long...* Trường hợp Nguyên Sa có điểm khác biệt với trường hợp Thanh Tâm Tuyên: lần đầu tiên đọc thơ Thanh Tâm Tuyên có rất hiếm người không nổi giận bực mình nhưng càng đọc kỹ, ta mới thấy thơ Thanh Tâm Tuyên lóe ra những tia sáng của thiên tài. Nghệ thuật

thường có những trạng huống rắc rối phức tạp như vậy. Cùng trong lớp những thi sĩ cấp tiến còn có Tô Thùy Yên và Cung Trầm Tưởng. Tô Thùy Yên có nhiều triển vọng lắm. Ông có một ngôn ngữ thi ca riêng biệt khác với Thanh tâm Tuyền và Nguyên Sa. Thơ ông vững vàng nhờ những hình ảnh chính xác mà tân kỳ, nhờ lối hành văn sáng sủa mực thước nhưng không tầm thường. Thái độ của Thanh tâm Tuyền là cái thái độ cách mạng trí thức tựa như của Breton hay Eluard . Còn thái độ của Tô Thùy Yên lại có vẻ băn khoăn, thắc mắc đôi khi đến đau đớn của những kẻ giàu suy tư. Chính vì thế nên cho đến bây giờ Tô Thùy Yên hình như vẫn phân vân về mục tiêu sáng tạo của mình. Dầu sao thì Tô Thùy Yên vẫn tỏ ra mình là người rất giàu tài năng trong lãnh vực nghệ thuật. Rãi rác trong các tạp chí, tôi đã được thưởng thức những bài thơ thiệt hay của Tô Thùy Yên như *Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển tàu, Tôi, Đêm qua Bắc Vàm Cống, Những ý Nghĩ vào buổi chiều trên bãi biển, Bài học về vạn vật, Tự Do v.v...*

Còn về Cung Trầm Tưởng tôi chỉ ưa một số những bài thơ ông làm sau tập *Tình Ca*. Phần nhiều những bài thơ trong *Tình Ca* chỉ là những tâm sự của thanh niên Việt mới lớn sống lạc lõng ở Balê, rồi đi nhảy, rồi mê đầm, rồi buồn, rồi uống rượu, rồi pha chộn kỹ thuật Tây Phương với kỹ thuật Việt nam vào việc sáng tác thơ. Nhưng tài nghệ cũng như tư tưởng của Cung Trầm Tưởng trong *Tình Ca* không có gì đặc sắc nếu không muốn nói là dở. Tuy nhiên ở *Tình Ca* cũng có đôi ba bài đáng gọi là hay như *Những mái nhà những vì sao* hoặc *Khoác kín*. Những bài thơ mới đây của Cung Trầm Tưởng như *Tật Nguyên, Đam mê, Thoát xác v. v. .* ; cũng đáng được coi là những áng thơ đặc sắc, Các bài này chứng tỏ Cung Trầm Tưởng sau tập *Tình Ca* đã bắt đầu đổi hướng cả về tư tưởng lẫn kỹ thuật. Chúng ta hãy chờ xem.

Trường hợp Quách Thoại cũng cần nêu ra. Có một số người, trong đó có vài người của nhóm Sáng Tạo hoặc cây viết phê bình Thế Phong đã có vẻ đề cao thơ Quách Thoại quá. Sự thực - theo tôi - thì đời sống Quách Thoại đáng ta để ý hơn là thơ của ông. Yêu nghệ thuật, làm nghệ thuật, giàu suy tư, giàu tình thương và có óc tưởng tượng phong phú nhưng Quách Thoại đã phải sống cuộc đời túng túng, khổ cực, sống

nhờ bè bạn, rồi nghiện ngập, rồi ho lao, rồi đi tu, rồi chết trần trong một nhà thương thí. Cuộc đời thanh niên yếu mệnh này bi thảm chẳng khác gì cuộc đời Hàn Mặc Tử. Chính vì đau khổ như vậy nên thơ Quách Thoại chứa đựng một tình thương bao la : thương mình, thương những kẻ đồng loại bị áp bức, bị hành hạ giữa xã hội loài người. Ông còn mong ước cho xã hội Việt nam - xã hội của một quốc gia nhược tiểu được thêm tươi sáng trong một chế độ dân chủ, tự do. Sự đau khổ còn đưa tâm hồn Quách Thoại lên tới chỗ siêu thiêng cao đẹp của tư tưởng. Và bất cứ trong lúc nào Quách Thoại cũng tỏ ra thành thật. Với một cuộc sống bị xâu xé giữa lý trí và đam mê, giữa những niềm tuyệt vọng vì tật bệnh xen lẫn với những phút ham sống ; với một tâm hồn đầy tình thương yêu và thành thật, Quách Thoại đáng được coi là một thi sĩ. Tất cả giá trị thơ Quách Thoại là ở những điểm đó. Còn về kỹ thuật, thơ Quách Thoại tầm thường không có gì đặc sắc cả. Ông không phải là một thiên tài như Hàn Mặc Tử. Tôi đã được đọc nhiều thơ của Quách Thoại, nhưng tôi chỉ gặp dăm bảy bài tạm gọi là hay. Một chuyện nữa cần nói tới là trường hợp Trần Thy Nhã Ca. Một lần tôi giật mình khi đọc ba bài thơ *Ngày tháng trôi đi*, *Thanh Xuân*, và *Bài nhĩ ca thứ nhất* của Trần Thy Nhã Ca đăng trên tạp chí Hiện Đại số 1 (tháng 4 - 1960). Ba bài này hay lắm : bố cục vững vàng, ngôn ngữ hình ảnh có nhiều điểm tân kỳ tuy hình thức thơ vẫn thuộc loại có vần bảy chân hoặc bốn chân, Giọng thơ đầy vẻ thiết tha, hoài cảm. Đọc ba bài này tôi thấy hồi hộp và sung sướng tưởng như xứ mình lại nảy ra một thiên tài về thi ca. Những bài thơ sau của Trần Thy Nhã Ca lại phụ lòng kỳ vọng của tôi. Kỹ thuật thơ của cô yếu dần và ý thơ lác lõng không làm tôi rung động nữa. Trần Thy Nhã Ca còn ít tuổi lắm mà sao tâm hồn đã sớm già cỗi ?

Có không hiếm những nhà thơ khác cũng đã có những trường hợp có điểm tương tự trường hợp của Trần Thy Nhã Ca : thỉnh thoảng tôi cũng được đọc một vài bài thơ thật đặc sắc của những cây bút mà theo ý tôi tài nghệ chưa có gì đáng kể. Đó là những món quà bất ngờ của nàng thơ mà nhiều người làm thơ thỉnh thoảng được nàng ban cho. Nhìn chung, tôi thấy thi ca nước ta thời hậu chiến rất giàu

về lượng nhưng nghèo về phẩm. Trong số cả hàng ngàn người làm thơ đăng báo hoặc in sách chỉ có đôi ba người như Đinh Hùng, Thanh tâm Tuyền, Tô Thùy Yên đáng được coi là có chân tài. Riêng về Đinh Hùng, tôi chỉ muốn nói tới ông trong Mê hồn Ca. Từ sau Mê hồn Ca, thơ Đinh Hùng nhiều khi không còn giữ được phong độ cũ. Về trường hợp Nguyên Sa, có thể đặt Nguyên Sa vào số những nhà thơ có tài không ? Thật ra, Nguyên Sa mới chỉ làm nổi dăm bảy bài khả dĩ đạt được phần nào cái giá trị đích thực của nghệ thuật. Còn đa số thơ của ông chỉ là những "kẹo mút" mà người Pháp gọi là confiserie poétique. Nhưng có điều mà ai nấy đều phải nhìn nhận : đó là cái công không nhỏ của Nguyên Sa trong việc truyền bá thơ Tự do tại Việt nam. Và chẳng, "kẹo mút" cũng là cái đáng được người ta thưởng thức trong những lúc trà dư tửu hậu lắm chứ.

Còn Cung trầm Tưởng thì với sự chuyển hướng hiện nay liệu ông có sẽ gặt hái được những kết quả rực rỡ theo như lòng kỳ vọng của những người yêu thơ không ?

Ngoài ra những người yêu nghệ thuật cũng đề ý tới những nhà thơ có triển vọng và khả năng như Hoàng Anh Tuấn, Hoàng bảo Việt, Trần Thy Nhã Ca, Trần dạ Từ, Viên Linh, Diên Nghị, Phan Lạc Tuyên, Duy Thanh, Kiên Giang, Vương Tân . .

Những người kế sau này cũng có những người sáng tạo được dăm bảy hoặc đôi ba bài thơ hay hoặc có sắc thái riêng biệt, nhưng đa số tác phẩm của họ chưa đạt tới mức độ tài hoa khiến cho những người yêu thơ, hiểu thơ phải thất vọng. Tôi chủ trương là một nhà thơ xứng đáng với danh hiệu thi sĩ phải là một người có chân tài. Không có những người như thế tất nhiên không có nghệ thuật đích thực, một thứ nghệ thuật làm say mê lòng người đúng như người ta vẫn mơ ước khát khao. Ở đây tôi muốn nói đến thứ nghệ thuật đó.

Trở lại vấn đề, tôi nhận định : thơ hậu chiến nghèo nàn vì thiếu những nghệ sĩ có chân tài. Đôi ba người chưa đủ để cứu vãn thanh danh của một thế hệ thi ca. Mà chẳng cứ gì thi ca, văn nghệ toàn diện của thời hậu chiến đã và đang tụt lùi thiếu một cách thảm hại. Ở bộ môn tiểu thuyết có tác giả nào vĩ đại không ? Thật ra cũng có đôi ba người viết tiểu thuyết tạo được một lối viết mới mẻ hoặc nói lên được một

phần nào cái thực trạng của xã hội, nhưng chưa ai nổi bật, chưa ai dựng được một sự nghiệp đáng kể. Bộ môn kịch gần như chỉ là một số không! Bộ môn điện ảnh có gì đáng kể? - chẳng có gì cả; tôi đang chờ xem phim: *Mưa lạnh hoàng hôn*, xem ngành điện ảnh của xứ mình có "ngóc .đầu" lên được chút nào không. Còn ở bộ môn tân nhạc thì hình như chỉ có một mình Phạm Duy là đáng mặt danh tài. Phạm Duy thì tôi chịu lắm,,.Dầu sao, tôi hy vọng sẽ có thêm những thiên tài xuất hiện. Bất cứ trong thời đại nào, những áng văn chương giá trị đều vô cùng cần thiết, không có không được. Tôi nhớ tới một lời tuyên bố của thi sĩ Baudelaire: Tất cả những người khỏe mạnh đều có thể nhịn ăn được trong vòng hai ngày nhưng không khi nào có thể nhịn thơ được. Cho nên, tất cả những người yêu thơ thèm khát thơ đều mong mỏi cho tình trạng văn nghệ nước nhà chóng ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

Lê Huy Oanh

1) Cũng có người lấy cuộc thế chiến thứ hai để làm mốc phân chia hai thời tiền chiến và hậu chiến.Theo ý tôi thì cách phân chia đó không được thuận tiện cho công việc phân định thời kỳ văn học của nước ta trong lúc đất nước bị chia hai (trước kia là gián tiếp, từ sau hiệp định Genève là trực tiếp) vì chúng ta chỉ nói tới văn học của khu Tự do thôi.

(2) Tôi không còn cô độc

(3) Sáng tạo bộ mới số 1

(4) Thơ Nguyên Sa

(5) Cách đây chừng 3 năm, chính kẻ viết bài này cũng đã từng có lần đá kích thơ Thanh tâm Tuyền. Bây giờ mỗi lần nghĩ lại thái độ của mình dạo ấy, tôi lại cười thâm. Nhưng cả lúc ấy lẫn lúc này, tôi đều thành thực. - «

(VN số 8 tháng 9&10-61)

đứng trước thực tại

LÝ HOÀNG PHONG

(Văn Nghệ số 8 tháng 9&10-61)

Thực tại hôm nay là cuộc nội chiến bi thảm đang sôi sục, thực tại hôm nay là cách mạng đang tiếp diễn. Thực tại hôm nay là sự tranh đấu khốc liệt phức tạp của một dân tộc để gìn giữ tự do, sự tranh đấu toàn diện để tìm đường sống trước một khúc quanh bế tắc hiểm nghèo của lịch sử. Thực tại hôm nay là giòng máu đang đổ, là những đe dọa nặng nề là những lo âu vật vã, thực tại hôm nay là những thử thách, dẫn vật, là những xáo động, bàng hoàng thường trực... -

Một năm qua, mỗi lần ngồi trước bàn viết, chúng ta lại gặp thấy trên mảnh giấy trắng cái thực tại đỏ cháy chúng ta đang sống, cái thực tại ám ảnh, vương mắc tâm não chúng ta như một hòn quỉ lân khuất, cái thực tại âm ỉ, lơ lửng như một vết thương không hàn gắp được.

Đứng trước thực tại ngột ngạt ấy người viết hôm nay dễ bị choáng đầu, hoa mắt không còn thấy rõ biên giới, hình dáng sự vật. Tuy nhiên, trong cơn khủng hoảng tinh thần mà hấn chịu đựng, hấn biết rằng cái thực tại dầm máu ngày nay chỉ là sự phóng lớn một hình ảnh đã thấy, chỉ là sự chuyển động một tấn kịch đang diễn. Nhìn ra đời sống trước mắt, trở về với mặt giấy trắng trên bàn viết, hấn xác nhận rằng sự cố gắng của hấn từ trước đến nay vẫn là một, vẫn là sự cố gắng đi tìm cái ẩn số của một phương trình là thực tại đó, là sự cố gắng đâm thủng xé rách bức màn ảo ảnh dày đặc bao trùm thực tại đó, là sự cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của thực tại, vượt quá nó và sáng tạo tương lai.

Hãy nhìn vào cái thân thể chia cắt của dân tộc, cái thân thể bị đâm chém, đe dọa, dày vò đang vật vã tìm đường giải thoát, tồn tại. Chúng ta nhìn thấy gì ? Chúng ta nhìn thấy

một ý thức phân xẻ, chia lìa, mâu thuẫn, hỗn tạp. Từ đâu thâm kịch ấy ? Có phải vì chúng ta ngày nay là một hỗn hợp, chúng ta là cả thế giới, chúng ta đang sống trong xương máu, tâm não chúng ta cái bị kịch của dân tộc nó chính là bị kịch của nhân loại.

Thâm kịch của chúng ta hôm nay có phải là nỗi đoạn trường của Thúy Kiều, Thúy Kiều phân xẻ, Thúy Kiều dày vò, Thúy Kiều mòn mỏi, cái ray rứt, cái bế tắc, cái chia lìa của cả một cuộc đời ? Nhưng đoạn trường hiện tại không chỉ là đoạn trường của Thúy Kiều hình ảnh một dân tộc mà còn là Thúy Kiều khuôn mặt của nhân loại, Câu hỏi đến với chúng ta : Kiều sẽ chìm đắm nơi sông Tiền Đường hay nàng sẽ trùng phùng với Kim Trọng ? Chúng ta có thể nghĩ và tin như Nguyễn Du là Kiều sẽ lại kết hợp với người yêu, sẽ tìm lại được sự sống của mình.

Nhưng chúng ta hiện nay, chúng ta có thể vượt qua được sự phân tán, bế tắc để thực hiện một ý thức mới của dân tộc, cái ý thức đưa đến sự thống nhất dân tộc. Từ nơi biên giới nào của tư tưởng, từ nơi cọ sát, va chạm, kết hợp nào của lịch sử sẽ phát hiện cái trật tự mới, con đường mới của xã hội tương lai ? Nhìn lại đoạn đường lịch sử đã đưa chúng ta đương đầu với thực tại bế tắc bây giờ, chúng ta nhận định rằng đoạn đường đó là sản-phẩm của Tây phương. - Có thể nói lịch sử thế giới hiện đại là lịch sử của Tây-phương, của Tây-phương chủ-động, Tây-phương sáng tạo, hình thành, trong lúc đó

Đông-phương chỉ là bị động. Và không thể chối cãi : cái mâu thuẫn lịch sử hiện tại là mâu thuẫn của Tây-phương. Tất nhiên, không phải chủ nghĩa mác-xít hay một chiến tranh nguyên-tử sẽ đưa đẩy được Tây phương qua khỏi nẻo bế tắc ngặt nghèo hiện nay. Cái gì cứu vãn được Tây phương hiện thời chúng ta không thể nào biết được. Nhưng có một sự kiện, một biến động rõ ràng của lịch sử mà chúng ta đang chứng kiến, đó là sự trỗi dậy của Đông phương, cái Đông phương bị động mấy thế-kỷ qua. Giây phút nào đó, đứng trước cái hư-vô của hiện hữu, Tây phương sẽ nhìn về Đông-phương, nhìn về phía cánh đồng mệnh mông, im lìm, bất tận của Á-châu với” cái khắc khoải của Do thái trước

ngày Jésus xuống thế. Có phải đó là cái khắc khoải của chúng ta hôm nay. Cái khắc khoải của một ý thức quờ quạng, mò mẫm, quay cuồng trong sương mù của thực tại. Cái khắc khoải của một ý thức xông xáo, tìm kiếm, dò hỏi tương lai. Cái ánh sáng bình minh nào sẽ giải thoát chúng ta ra khỏi vùng bóng tối hiện thời, chúng ta chờ đợi gì ở Đông phương đang tỉnh dậy, đang gia nhập, đang sáng tạo lịch sử.

Thực tại hôm nay là chiến tranh, cách mạng. Là chiến tranh, cách mạng được huy động dưới ngọn cờ của những ý thức hệ của tư tưởng, của văn hóa.

Đứng trước thực- tại đó, thật là một điều dĩ nhiên nếu người làm văn học hôm nay tìm về những bóng dáng siêu hình, tìm về , những vấn đề căn bản của đời sống, đi vào những triết thuyết, những chủ nghĩa. Thực tại hôm nay đặt họ đứng trước những vấn đề thế giới nhân loại vượt tầm quốc gia, dân tộc.

Trước sự đe dọa ám ảnh của những tư tưởng độc đoán, giáo điều kìm hãm tự do con người, của những chủ nghĩa kinh tế phóng thủ con người, văn học hôm nay táo bạo thám hiểm vào những tầng lớp ẩn dấu bí nhiệm của tâm lý cũng như của bản năng con người với hy vọng bệnh-vực được cái con người mà đời sống máy móc cùng những chủ nghĩa duy-vật, duy lý ngày nay muốn giản lược, tiêu mòn đi. Bị công hãm giữa những khuôn khổ tinh thần suy đồi, văn chương hiện nay thường có thái độ công phá để vượt đến những ý thức mới thích hợp với hoàn cảnh xã hội hiện tại, hợp. với đà chuyển hóa của đời sống.

Trong xã hội chúng ta, một xã hội kết hợp nhiều giòng văn hóa chính trên thế giới; sự công phá đó cùng với những động chạm, thay đổi hòa hợp giữa những hệ thống tư tưởng sẽ phải đưa đến nhiều hiện-tượng tinh thần mới mẻ, những kết tinh có tính cách sáng tạo lịch sử, sửa soạn tương lai. .

Tuy nhiên qua những vấn đề của ý thức, của tư tưởng, đến khi một chế độ đã được thiết lập trên một căn bản nào đó

rồi, người ta sẽ thấy xuất hiện những vấn đề của đời sống xã hội, những quyền lợi của con người. Có một điều chúng ta dễ nhận thấy là những nhà văn hiện nay bị dẫn vật bởi những vấn đề tư tưởng và tâm lý thường không có hoàn cảnh để nhìn đến đời sống của tầng lớp bình dân trong xã hội. Người ta có cảm tưởng rằng từ khi hình ảnh "Người mẹ" của Gorki và "Á.Q." của Lỗ Tấn đã bị xóa nhòa sau cuộc cách mạng mác-xít ở Nga-Sô và ở Trung-Hoa, người lao động nghèo hèn không còn hy vọng xuất hiện trong văn chương hôm nay với một tin tưởng gì mới mẻ nữa. Nếu ngày trước Gorki, Lỗ Tấn đã đặt hy vọng cách mạng ở người lao động thì những nhà văn chúng ta đặt hy vọng ở sự cải tạo ý thức của người tiểu tư sản trí thức nhiều hơn là ở người bình dân lao động vì kinh nghiệm cho họ thấy rằng lãnh đạo cách mạng dù là cách mạng vô sản, vẫn là tầng lớp trí thức tư sản.

Trong xã hội mác-xít ngày nay người lao động không còn có thể tranh đấu cho quyền lợi của họ nữa nhưng trong cuộc cách mạng hiện tại của chúng ta người lao động sẽ đóng vai trò nào, sẽ lãnh lấy trách nhiệm nào. Ngày nay chúng ta không còn bị mê hoặc bởi khẩu hiệu "vô sản lãnh đạo cách mạng" nữa, nhưng trong cuộc cách mạng xã hội của dân tộc ta ngày nay, dù được lãnh đạo theo một ý thức nào đi nữa, nếu lớp người trí thức lãnh đạo không đặt cho người lao động một vai trò, một nhiệm vụ, một quyền lợi công bằng và xứng đáng thì cuộc cách mạng ấy không thể nào thành công được, nghĩa là trong một trật tự xã hội công bằng, người trí thức phải đóng lấy vai trò hướng dẫn xứng đáng mà người lao động có thể tin cậy được. Tầng lớp những người nghèo hèn lao động vì vậy không thể không có mặt trong văn học hiện thời của chúng ta và nhà văn ngày nay không thể không nói lên đời sống của họ, tiếng nói của họ, sự tranh đấu của họ cho một đời sống công bằng.

Nhưng công bằng như thế nào ? Công bằng trong một trật tự một tương quan xã hội nào ? Đó là điều chúng ta phải xây dựng. Đó là cái quan niệm xã hội mới mà chúng ta tìm

kiếm.

Nhiều người nói rằng thực tại xã hội chúng ta hôm nay là một thực tại phản nghệ thuật. Người viết bị đặt trước những đe dọa, lo âu của một hoàn cảnh cấp bách. Hắn cảm thấy bị xô đẩy, theo đuổi, vượt quá bởi hoàn cảnh bên ngoài. Hắn sợ rằng những điều viết ra hôm nay sẽ trở thành phù phiếm, giả tạo, trừu tượng trước cái thực tại cụ thể đang biến chuyển với những bất ngờ không thể đo lường trước được. Người viết sẽ muốn rằng những điều hắn viết ra hôm nay phải ăn nhập, phù hợp với thực tại đó, nhưng không phải một cách miễn cưỡng mà là thật sự. Nhưng có người nghĩ khác. Họ nghĩ rằng nghệ thuật không phải lo âu về thực tại đó. Vì thực tại đó sẽ đi qua, chiến tranh, cách mạng sẽ đi qua, nhưng nghệ thuật thì còn mãi. Nghệ thuật chỉ nên nghĩ đến, chú trọng đến những gì bất biến, trường cửu vậy.

Tôi nghĩ rằng vấn đề không thể đặt ra như thế. Tôi tưởng rằng không có thực tại nào phản nghệ thuật, dù cho thực tại đó là chiến tranh, là cách mạng, là xự xáo động xã hội thường trực. Bởi vì thực tại nào cũng mang trong nó một ý nghĩa lịch sử nghĩa là một ý nghĩa nhân loại. Một khi người viết nắm được ý nghĩa lịch sử tức là ý nghĩa nhân loại của thực tại đó thì nó viết ra tác phẩm. Mà không có thực tại nào nhiều ý nghĩa nhân loại bằng thực tại của những xáo trộn lịch sử, cái ý nghĩa nhân loại của lịch sử là ý nghĩa của một sự tìm kiếm, thực hiện nội tại qua hoàn cảnh bên ngoài. Con người tự tìm kiếm, tự thực hiện qua lịch sử. Vì vậy mỗi biến động lịch sử là mỗi lần con người thoát thai ra một hoàn cảnh để đi tìm một bộ mặt khác của mình, nó đi tìm cái diện mạo phong phú, đầy đủ toàn vẹn của nó. Cho nên mỗi biến động lịch sử là cơ hội cho nghệ thuật phát triển. Cái thực tại xã hội của chiến tranh, cách mạng, của chia cắt đất nước ngày nay phải là một thực tại giàu ý nghĩa. Hãy thử lấy trường hợp Dostoievski chẳng hạn. Dostoievski đã sống cái thời kỳ xáo động của lịch sử, cái thời kỳ bàng hoàng của tiền cách mạng. Tác phẩm Dostoievski bất diệt vì nhà văn đã nhìn sâu vào thực tại xã hội mình đang sống, không phải vì nhà văn quay mặt trước thực tại đó. Những nhân vật

Dostoevski đều sống mãnh liệt với thực tại xã hội của mình nghĩa là đã sống mãnh liệt với thực tại nhân loại của mình.

Thực tại xã hội và thực tại nhân loại đó là gì ? Là tâm trạng khác ‘ khoảng của con người trước sự sa lầy của một xã hội, một ý thức hệ xã hội, ý thức hệ thiên chúa giáo - là cái bần hoạnh của con người trước ý thức hệ mới - ý thức hệ duy vật - đang manh nha. Đó là trường hợp những tác phẩm Dostoevski. Và những tác phẩm lớn của chúng ta cũng vậy, Kiều, Cung oán, Chinh phụ đều là những công trình được ý thức, kết cấu trong một thời kỳ bi thảm của lịch sử dân tộc, trước một thực tại xã hội xáo trộn, hỗn loạn đến cùng cực. Cho nên, vấn đề không phải như Nhất Linh đã nói là " phải vượt không gian và thời gian" mà chính là phải sống thiết tha với thực tại xã hội của mình. Vì thật ra, cái thực tại xã hội và thực tại của con người chỉ là một và sự cãi vã, gây gổ, mâu thuẫn giữa con người với xã hội cũng chỉ là của con người với chính mình. Xã hội chính là hình ảnh phóng lớn của con người. Con người tìm thấy mình và nhìn thấy mình qua Xã hội.

Có người nói rằng thực tại xã hội hôm nay hướng người viết đến những tư tưởng siêu hình xa rời xã hội, vượt ra ngoài thực tại xã hội. Tôi không nghĩ thế. Tôi nghĩ rằng mọi tư tưởng siêu hình, triết lý xa xôi đến đâu cũng đều bắt nguồn từ thực tại xã hội. Thử nói đến trường hợp những tư tưởng của Sartre. Tư tưởng bi quan của Sartre chính là kết tinh của một xã hội - xã hội của chính tác giả - một xã hội mất tín ngưỡng đang giáp mặt với hư vô, Sartre đã nói lên tư tưởng, tâm trạng của chính mình nhưng đó cũng là một tư tưởng, một tâm trạng của xã hội ông. Cái tư tưởng, cái tâm trạng đó của xã hội có thể trở thành trừu tượng công thức ở trong nghệ thuật đến nỗi nhiều khi xã hội không còn tự nhìn thấy mình ở trong đó nữa nhưng thật ra thì một khi một tư tưởng một tâm trạng nào đã đi vào tác phẩm thì thật sự nó đã có mặt ở ngoài xã hội rồi. Dù là tư tưởng hư vô đi nữa, nhưng quyết nhiên tư tưởng hư vô của Sartre không khả bắt nguồn từ hư vô mà chính là từ thực tại xã hội. Nhưng người viết không chỉ diễn tả, thể hiện thực tại xã hội mà thôi, người

viết còn muốn vượt quá, thấy trước thực tại đó, người viết còn có thể sáng tạo tương lai. Tuy thế sự vượt quá thực tại, Sự Sáng tạo tương lai ấy cũng phải bắt nguồn từ một thực tại xã hội nhất định chứ không phải từ một ảo ảnh trừu tượng nào.

Nhiều người nói rằng : Thực tại hôm nay đặt người viết trước hai vấn đề cấp bách : vấn đề cộng sản và vấn đề xây dựng xã hội mới. Người viết hôm nay thấy có nhiệm vụ phải tranh đấu với những đe dọa trực tiếp ảnh hưởng đến vận mạng dân tộc, xã hội.

Về vấn đề cộng sản, những nhà văn quan trọng hiện nay đã cho chúng ta nghe tiếng nói của họ, thái độ của họ. Phần lớn những tác phẩm đầu tay của Mai Thảo, Doãn quốc-Sỹ, Võ-Phiến.. đều có một thái độ rõ rệt đối với con người và chế độ cộng sản. Ngoài ra Vũ khắc-Khoan, Mặc Đỗ, Nguyễn-sĩ-Tế, Thanh-tâm-Tuyền, Quách-Thoại v.v... đều đã nói lên tiếng nói chống cộng của họ. Nhưng cách đây mấy năm, tiếng nói ấy có vẻ lạc lõng giữa một xã hội thái bình mà cộng sản là một kẻ vắng mặt không ai nhìn thấy. Hiện tại cộng sản không còn là kẻ vắng mặt nữa và chúng ta hy vọng rằng những nhà văn bây giờ sẽ có những tác phẩm nhận định về cộng sản một cách đầy đủ hơn. Nhiều người viết trẻ hiện nay đang hăm hở muốn tham dự vào cuộc tranh đấu chung của, dân tộc và chúng ta có thể đặt nhiều hy vọng ở họ. Tuy nhiên ý muốn tranh đấu không chưa đủ. Công việc làm nghệ thuật đòi hỏi nhiều điều kiện tài năng, học tập, kinh nghiệm.

Chúng ta không thể vì lý tưởng mà chấp nhận sản xuất những công trình thiếu nghệ thuật, thiếu sinh khí. Sự giả tạo, công thức lúc nào cũng đưa đến những kết quả nghịch lại mục đích của nghệ thuật, làm khô cạn nghèo nàn nghệ thuật. Vì vậy người viết hiện nay phải đặt vấn đề cộng sản trong cái tầm mức sâu xa của nó. Cộng sản không đặt người viết trước một vấn đề chính trị, nhưng nó đặt người viết đứng trước một vấn đề lịch sử, một vấn đề tư tưởng, xã hội, tâm lý. Cho nên cộng sản là một đề tài nhiều ý nghĩa đối với

người viết.

Phần nhiều những nhà văn hiện tại, những nhà văn lớn đều có đề cập đến vấn đề cộng sản, Koestler, Malraux, Sartre, Goergiu, Pasternak, Irvin Shaw, Duhamel.. mỗi người với một lối nhìn riêng, một quan điểm riêng đã chiếu rọi vào "sự thật cộng sản" cái ánh sáng của họ, Riêng nhóm Nhân văn Giai phẩm ở miền Bắc cũng đã cho chúng ta thấy một phần nào những suy nghĩ của họ đối với cộng sản. Đối với văn học, cộng sản là một vấn đề nhân loại, một vấn đề nhân loại quan trọng nhất của thế kỷ chúng ta, và nhân loại phải thanh toán với nó một lần cuối cùng trước khi bước vào một kỷ nguyên mới. Kỷ nguyên mới đó là cái xã hội mới mà chúng ta xây dựng. Cộng sản trở thành một bài học, một kinh nghiệm, một nguyên cơ để chúng ta xét soát lại mọi vấn đề, từ đây chúng ta rút lấy những kết luận cho tương lai. Vì vậy chúng ta nói rằng vấn đề cộng sản và vấn đề xây dựng xã hội mới cần phải đặt song song. Đi từ một luận lý sơ đẳng của biện chứng hay nói một cách khác của luật nhân quả chúng ta phải nhận định một cách cứng rắn rằng cộng sản là hậu quả của một xã hội phong kiến suy đồi và một xã hội tư bản trụy lạc, suy đồi trụy lạc từ đời sống thể xác đến đời sống tinh thần. Cho nên muốn vượt qua cái hố sâu cộng sản, chúng ta phải vượt qua cái suy đồi, trụy lạc của phong kiến và tư bản. Chúng ta không lý luận một cách máy móc đâu. Chúng ta không chủ trương phá đổ, san bằng xã hội phong kiến và tư bản. Chúng ta cần nói rõ lại một lần nữa, chúng ta phải cố gắng thanh toán những tính chất suy yếu thoái hóa, vô trách nhiệm của hai thứ xã hội đó.

Những nhà văn ngày nay đã nói lên tiếng nói chống Cộng của họ nhưng những tác phẩm tố cáo, vạch trần bộ mặt xấu xa, thối nát của phong kiến và tư bản, chúng ta vẫn thấy đang còn rất ít ỏi. Người ta tự hỏi tại sao trong cuộc cách mạng giải phóng xã hội hiện thời, cuộc cách mạng được đề cao dưới khẩu hiệu bài trừ phong kiến, những nhà văn hiện nay đã chẳng làm được những gì đáng kể trong lãnh vực đó, và cái xã hội chúng ta ngày nay chẳng thấy được phơi bày ra đầy đủ trong văn chương bây giờ? Thật là một điều thiếu

sót lớn lao. Chúng ta thấy nhiều một thứ văn chương hiền lành yên tĩnh, an nhàn, nhưng thấy thiếu một thứ văn chương thật là cách mạng, một thứ văn chương cải tạo xã hội mạnh bạo và sâu sắc, một thứ Văn chương cần thiết hiện nay nếu chúng ta muốn tiến đến một xã hội khỏe mạnh hơn. Nói thế không phải chúng ta chỉ muốn nhìn một cách bi quan vào hiện tại. Không. Chúng ta còn cần một thứ văn chương của hy vọng, một thứ văn chương hướng về tương lai, hướng về một lý tưởng xã hội, một lý tưởng nhân loại mới, nhưng chúng ta không thể nào không mang lấy trách nhiệm đối với thực tại mà chúng ta phải mổ xẻ với lưỡi dao giải phẫu của người chữa bệnh can đảm.

Chúng ta vừa nói đến trách nhiệm, nhưng trách nhiệm chỉ có thể có đầy đủ và thật sự với tự do, Cho nên điều kiện căn bản cho trào lưu văn học cách mạng và xây dựng xã hội vẫn là tự do cho văn học. Những nhà làm chánh trị có bổn phận bảo vệ an toàn cho dân tộc và hạnh phúc cho xã hội chẳng có lý do gì để e ngại sự hình thành một nền văn học thiết thực gia nhập vào đời sống xã hội, liên hệ mật thiết với vận mạng dân tộc.

Đứng trước thực tại hôm nay, tiếng nói của văn nghệ vẫn là tiếng nói đòi hỏi tự do, đòi hỏi cách mạng, đòi hỏi gia nhập, đòi hỏi tham dự vào giòng sống của dân tộc, đòi hỏi thoát ly ra ngoài vòng bế tắc của thời đại, đòi hỏi một ý thức mới, một xã hội mới, một đời sống mới.

LÝ.HOÀNG-PHONG

TÔ THÙY YÊN

Người bạn đồng hành

Tôi đã gặp hấn trên một chuyến xe đò từ tỉnh C. về Sài Gòn. Đó là lần độc nhất chúng tôi gặp nhau. Tôi không rõ sau cái tai họa ngày hôm đó, bây giờ hấn còn sống hay đã chết. Trên xe, hấn và tôi ngồi cạnh nhau ở băng tài xế. Lúc tôi leo lên, đã có hấn ngồi đợi trước. Hơn năm giờ chiều xe mới chuyển bánh - xe đã rồ máy từ khi tôi vừa ra đến bến. Như vậy, tôi đã ngồi chờ trên xe gần mười lăm phút. Vì là chuyến chót về Sài Gòn nên xe phải chạy cách khoảng nhau nhiều nhất là hai mươi phút. Tuy đã năm giờ chiều nhưng vì đang mùa hè nên trời vẫn còn nắng chang chang; chiếc xe như một cái lò hầm than đang hoạt động. Lẽ ra tôi có thể rời bỏ xe, xuống ngồi trong quán cà phê bên kia đường, uống một ly nước dừa ướp lạnh chẳng hạn, mà đợi, nhưng sợ mất chỗ ngồi thuận tiện ưa thích - phía cửa xe, băng tài xế nên tôi đành chịu nóng ở lì trên xe. Bến xe là một khoảng trống đất đỏ không một bóng cây, nằm ở ngã ba con đường liên tỉnh dài mướt tằm mắt, xẻ đôi đồng ruộng thuần nhất, với con đường chạy vào châu thành tỉnh lỵ, dơ dáy và loang lổ những ổ gà với hai lề cỏ viền cao quá mắt chân. Trước mặt bến xe là một dãy phố lụp xụp tồi tàn với những mái tôn, mái lá cao thấp không đều : tiệm hũ tếu, tiệm chạp phô, vựa than củi. Bên kia con đường liên tỉnh là sân banh tạm bợ chỉ có hai cái khung gỗ nghiêng ngửa đứng trơ vơ trên đồng ruộng mênh mông, nứt nẻ, lờm chờm những gốc rạ bắt đầu chuyển sang màu sinh non thúi mục.. Sau lưng bến xe, trên một diện tích rộng lớn, trấn đóng một trại lính bảo an với những hàng rào kẽm gai, tầm vòng vật nhọn cắm tua tủa, bừa bãi, một cái chòi tranh cao nghêu ở giữa sân, hai dãy nhà tôn xếp hình chữ U, mấy chiếc quân xa lăm lem bùn đất. Bên cạnh trại lính, một trạm xăng đứng tiếp giáp với

con đường liên tỉnh, mấy cây xăng mới mẻ, sáng choang nổi bật lên lạc lõng, những chiếc Lambretta ba bánh ngừng lại đông xăng hay chạy quàng quàng rước khách, nổ máy ầm ỉ. Tất cả nằm phơi anh đứng và uể oải dưới cái nắng điên người, làm mềm nhão các giây thần kinh, cái nặng nề cơ hồ đã biến thành chất và như bị dằn ép xuống bởi bầu trời xanh lè không gợn một vết nhăn, lúc lúc, một đợt gió từ biển khơi thổi phàn phật vào đất liền - tỉnh C. ở cách biển không xa - những đợt gió cũng nóng hằm hập, đập vào mặt người rất như những cát tạt khô khan.

Hắn mặc thường phục - áo trắng dài tay, quần xám nhựa đường - trang nhã nên không có chi tiết nào phải chú ý. Hắn còn trẻ lắm, cỡ 23, 24 gì thôi ; trên mặt lắm tằm vài mụn mụn cám, dấu tích còn sót lại của thời kỳ mới lớn. Hắn hút thuốc lá liên miên - điều hạ rọng, điều động quan - nhưng dường như hắn có điều gì bồn chồn trong lòng nên không điều nào hắn hút cho trọn. Hắn đốt lên, hút độ hai phần ba điều là quăng, rồi đến điều khác. Trông hắn khôi ngô, bình thường; khuôn mặt và dáng điệu để lộ một chút e dè của kẻ mới bước vào đời, chưa tìm ra bản ngã. Cho nên tôi nảy ngay ý muốn làm quen với hắn, mặc dầu tánh tôi không hay làm quen trên những chuyến đi. Tôi sợ những sự gặp gỡ, quen biết hời hợt rồi quên bằng nhau sau đó. Tôi sợ sự rời rạc từng mảnh của đời mình, sự rời rạc này dễ khiến cho người ta thấy mình sống trong phi lý. Nhưng hôm đó tôi lại có cảm tình với người bạn đồng hành tuổi đáng con tôi và muốn làm quen với hắn. Ừ, đã lâu rồi, tôi không có bạn vong niên : thằng con trai lớn của tôi không bao giờ nói chuyện tâm tình với tôi hết.

Xe chuyển bánh và chỉ một thoáng sau, chúng tôi đã ra khỏi địa phận tỉnh lỵ, chạy giữa bốn bề đầy ruộng trải dài đến tận trời xanh. Tôi hơi nghèo đói dựa vào thành cửa, theo dõi những cụm cây mua, cây chuối thâm thấp tiếp nối nhau ở vệ đường, những trục cây số đã mờ nét, những con đê loang lổ chưa đắp lại, đất ruộng khô cằn nứt nẻ như lưới nhện, những vũng nước ứ đọng đỏ thẫm, chất phèn mặn nổi màng màng trên mặt như một lớp sơn mài, những ngôi nhà tranh rải rác trôi lên trên khoảng bao la như những hòn đảo tối. Tôi lim dim mắt để mặc tình cho gió dội vào mặt, sáng

khoái thả buông tâm trí mỗi một chìm vào những tiếng chuyện trò lao xao nổi dậy trong xe. Một bà già ngồi ở băng sau, tôi không biết mặt, nói bồm bẻm với cổ trâu trong miệng : "Chà, năm nay ông mưa trể dữ a. Đến tháng này rồi sao ông chưa tưới cho giọt nào cả ?" Một người đàn ông nông dân nào đó góp chuyện với bà : "Với cái đà này, không khéo lại đói. Lốp giặc già, lốp hạn hán, mình chịu sao kham". Bà già lại hỏi : "Độ này, bên miệt thẳng Tư mày, họ còn về thu thuế ủng hộ hông ?" Vẫn tiếng người nông dân đó trả lời : "Dạ, mấy lúc sau này, quốc gia tới đóng đồn, đêm nào cũng đi ruộng hết, đựng độ mấy bận dữ quá, coi mòì họ chịu không thấu nên không thấy bén mãng về nữa. Nhưng cách đây vài bữa, họ thả bập dừa có cấm cò xí, truyền đơn thả trôi vô xóm, hăm he sẽ huy động lực lượng đánh lớn hạ đồn". Hai người ngừng chuyện ; bà già nhóc nhách nhai trâu. Tôi chạy qua câu chuyện giữa hai gã đàn ông bạn với nhau mà tôi đoán biết là công an viên. Hai gã này, tôi đã nhìn thấy lúc họ lên xe. Họ giống nhau ở mái tóc và cách ăn vận : hớt tóc sát đầu kiểu bàn chải ngựa, áo cụt tay bỏ ngoài quần, giày bố nâu không dây không vớ. Một gã hỏi : "Hồi hôm về mấy con thịt ?" Gã kia đáp, giọng bô bô :

"Ba con. Hạ một con, chết tại trận, tùm một con, còn một con chạy thoát. "Một chị đàn bà kể chuyện, không biết kể với ai mà giọng sa sả, có lẽ chị kể cho cả xe cùng nghe : "Đêm qua, ở xóm tôi rần rần như đám cháy. Họ về bắt dân chúng ra khỏi nhà, đi biểu tình, đốt đèn, đuốc sáng trưng, đập thùng thiếc vang rần. Có một anh thanh niên khảng khái không chịu theo, cãi lại họ, lời qua tiếng lại sao đó không biết mà họ mà họ nổi giận la : "Đồ phản động", rồi giờ súng lấy cò bắn anh ta chết tươi tại chỗ. Dân chúng run sợ xanh dờn, riu riu kéo nhau về phía đồn lính. Lính trên đồn bắn chỉ thiên, bắc loa ra lệnh giải tán, nhưng dân chúng ai mà dám tự ý rút lui, tụi Việt cộng ở ngoài sau hô to là ai bỏ về sẽ bị hạ. Thế là trên đồn phải bắn xuống, báo hại chết một bà già với một đứa nhỏ, bị thương hết mấy mạng. Tôi mở mắt, trở mình liếc nhìn về phía người bạn đồng hành trẻ tuổi, thấy hần se se điều thuốc cháy đỏ, mắt hướng thẳng về trước mũi xe, nhưng ý chừng cũng đang theo dõi những câu chuyện ở sau lưng.

Xe đến gần chiếc cầu sắt và thắng lại ở sát lề đường, đợi. Cầu nhỏ hẹp vừa đủ cho một chiếc xe len qua., khách bộ hành đi qua nửa cầu, gặp xe hơi tới, phải đứng nép mình vào rìa cầu, tay vịn thành sắt vòng cung, chờ cho xe qua rồi mới tiếp tục đi lại được. Xe bên kia đã sang hết bên này cầu, chiếc bảng tròn màu đỏ giữa có gạch trắng cắm trên nóc lô cốt cao, lật qua mặt kia sơn thuần màu trắng : xe qua được rồi. Người tài xế, mái tóc hoa râm, gương mặt đỏ gay tươm mỡ, sang số chậm chỉ cho xe từ từ lên dốc. Anh lơ đứng ở đằng sau, hô to : "Xe qua cầu, bà con đừng nghiêng đầu thò tay ra ngoài , đừng hút thuốc xả rác, nghe". Chiếc xe chạy rất chậm, động cơ bất mãn gục gặc làm run rẩy cả thân xe, bò vào lòng cầu, những cây đà gỗ bắc ngang kêu sầm sập và cả chiếc cầu cổ lỗ cũng lắc lư chuyển động như một chiếc răng già. Xe qua khỏi cầu, thả lê xuống dốc. Người tài xế nắm tay số định sang, lấy lại tốc lực đường. Nhưng bỗng một tràng tu huyết rít lên chát chúa làm mọi người giật mình ngơ ngác ngó ngoái lại đằng sau. Người tài xế cho xe lết vào bờ cỏ đậu lại và với một dáng điệu nhanh nhẹn hết sức tự động, mở cửa xe nhảy xuống đường. Một người lính dân vệ, quân phục đen mang súng trường bước tới nói : "Xe qua cầu xả rác, phải ngừng lại nửa giờ". Đằng sau xe, anh lơ lớn tiếng cự một người đàn bà : "Đã dặn rồi mà qua cầu còn để cho con nít ăn mĩa quăng rác xuống cầu, bộ chị điếc hả?". Người tài xế phân trần, van nài anh lính. Hấn phác những cử chỉ tay và nói huyên thuyên nhưng đại để là "Xin thầy thương cho bà con anh em nhỏ". Người lính trả lời : Lính trên như vậy, tôi chỉ là kẻ thừa hành". Hành khách lao xao tuôn xuống đường như trường tan học. Người bàn qua, kẻ tán lại, chung quy đều đổ lỗi cho người đàn bà vô ý không biết coi con. Thậm chí có bà nóng mũi, điểm mặt xía xói người đàn bà đó và oang oang cho bà ta nghe một thôi dài về bổn phận giáo dục con cái của bậc làm cha mẹ với những danh từ gọi hình và dễ hiểu nhất. Người đàn bà kia cũng không vừa, lên gân cổ cãi lại, xử dụng một văn pháp tương đương, tình thế bội phần gay go căng thẳng. Những người đứng ngoài cũng tham dự, bình phẩm thái độ ngoan cố của người đàn bà, gã công an lùn mập nói : "Ôi, chỗ chị em với nhau, hơi nào mà cãi, nên đánh nhau hơn, một cái thoi bằng

mười cái chửi, mại vô..." Người đàn bà bấy giờ cảm thấy mình yếu thế trước sự tấn công nhất trí của đám hành khách "chó hòa", liền thay đổi chiến pháp. Một tay bà xách cánh tay thẳng con, giở bông nó lên, còn một tay nện liên tu bất tận vào đít vào lưng đứa nhỏ. Tội nghiệp nó khóc meo meo không thành tiếng, còn người mẹ vừa đánh con, vừa chửi nó và cũng vừa khóc bù lu bù loa : "Tôi khổ vì con, nhục vì con, nè trời". Người lính dân vệ rời bỏ đám đông chúng tôi, trở về phía cầu. Người bạn đồng hành trẻ tuổi của tôi, rảo bước theo, nói gì đó với người lính và gã này đưa hấn vào đồn. Một lát sau, hấn trở ra với người lính ban nãy, cả hai cùng trở lại xe. Người lính bảo người tài xế : "Được rồi, mấy anh chạy đi, lần này trời tối, ông xếp đồn tha cho đó". Người tài xế cảm ơn rồi rít, anh lơ reo lên. Mọi người hồi hả trở lên xe, và tiếng cãi vã giữa hai người đàn bà háo chiến vẫn còn âm ỉ phía sau xe. Người tài xế đạp ga, chửi trống : "Mẹ, xui ghê". Tôi châm điếu thuốc lá rít một hơi, quay nhìn người bạn trẻ, mỉm cười, nói "Cám ơn". Hấn cũng mỉm cười, đáp : "Tôi cũng nóng lòng muốn về sớm". Tôi đưa bao thuốc lá, nói mời hấn. Hấn khoát tay cảm ơn rồi móc túi lấy gói thuốc của mình, rút một điếu và mời lửa của tôi. Hấn nói : "Tôi không quen dùng thuốc đen, nặng lắm". Tôi bắt chuyện, hỏi hấn : "anh nhập ngũ lâu chưa?" Hấn đáp, giọng cung kính : "Dạ, chưa đầy một năm". "Anh học ở Đà Lạt hay Thủ Đức". "Tôi theo học khóa sĩ quan trừ bị Thủ Đức, giải ngũ trở về tôi tiếp tục lại việc học". Anh chọn ngành nào ?" "Thưa, có lẽ khoa học". Hấn trầm ngâm một lúc, hít một hơi khói dài rồi thổ lộ, mắt không nhìn về phía tôi : "Hồi mới lớn, tôi rất ham thích văn chương, tôi theo học văn khoa được một năm. Nhưng bây giờ thay đổi cuộc sống, tôi bỗng thấy văn chương triết lý gieo sự xáo động, phân tán trong lòng người, còn tinh thần khoa học có thể mang lại cho người ta sự yên tâm và nhất trí". Tôi quan sát khuôn mặt vốn bình yên của hấn và ngạc nhiên một giây về những lượn sóng ngầm chuyển động dưới một mặt biển chì. Thú thật tôi ít chú ý đến phần nội dung của câu nói đó hơn là khả năng biểu lộ tâm lý của nó. Tôi nói như an ủi, như dò hỏi : " Có lẽ anh đã mất đức tin". Hấn gật gù, nhìn nhận : "Tôi bất mãn với chính tôi, hình như tôi tôi đang đi tìm một đức tin. Rất

nhiều lần, tôi ngồi trên chòi gác cao nhìn xuống đêm tối bao la, lóng lánh những đốm sáng li ti, yếu ớt của làng mạc yên ngủ dưới chân tôi, và tôi tự hỏi về mục đích tối thượng của đời người. Chẳng lẽ người ta sống chỉ để duy trì lấy sự sống trên mặt đất, như duy trì một ngọn lửa thôi sao ? Chẳng lẽ con người lại là một tai nạn vô tình không tiền khoáng hậu của thiên nhiên hay sao ? Tôi cũng tự hỏi về phần trách nhiệm của tôi đối với làng mạc đó. Dân trong làng, hầu hết tôi đều quen biết, có vài đứa nhỏ tôi thương mến, có vài người tôi đi lại và cũng có vài kẻ tôi không ưa. Và tôi tự hỏi cái gì ràng buộc tôi sống với họ ?, gánh lấy một phần trách nhiệm bảo vệ đời sống và tài sản của họ ? Tôi đã đọc qua toàn thể tác phẩm của Saint Exupery từ *Courrier* đến *Citadelle*, và tác giả này cũng không làm tôi mãn nguyện, yên tâm nổi. Chỗ yếu của tác giả này là đã nhận ngay làm nguyên lý chắc nịch những vấn đề tôi nghĩ còn thể bàn cãi nữa chưa xong, công trình của ông chỉ là một thứ lâu đài huy hoàng và tiện nghi xây trên một nền cát lún. Trong khi tôi còn đi tìm cho mình một đức tin mới, một ý niệm mới về con người ". Hắn nói như vậy trong một hơi, say sưa và mê man như một kẻ lên đồng. Tôi tháo cặp kiềng trắng xuống, rút khăn lau, im lặng một giây, thì giờ đủ để tôi lăm bằm trong trí : *Maudit... nihiliste*, va ! Rồi tôi ngậm ngùi, khoan dung với hắn : "Có lẽ vì anh còn trẻ đó thôi. Một trong những cái hay, đồng thời cũng là cái dở của tuổi trẻ là hướng về tuyệt đối. Đành rằng đứng trên tương đối, người ta khó lòng nhìn thấy được sự thật đầy đủ và chân xác. Nhưng nếu lý luận đến tuyệt đối, kỳ cùng, người ta dễ dàng xa mất sự thật, sự thật là gì cơ ? Trong đời sống tương đối của chúng ta, tốt hơn hết nên bằng lòng nhận sự thật là những gì kiểm chứng được mà thôi, đừng đòi hỏi thêm nữa, mệt thân. Sau này sẽ có lúc anh nhận ra nguyên lý này của đời sống là người ta sống chỉ để sống, con người bị kết án phải sống. Nguyên lý đó làm nền móng, có thể là tạm bợ nhưng độc nhất, để đời sống, và trên đó, người ta xây dựng, vun quén, trang hoàng để tăng giá con người trong vũ trụ. Nhưng tôi lại đồng ý với anh là chúng ta hiện cần có một đức tin mới, một ý niệm mới về con người, một ánh sáng mới soi chiếu vào đời sống chúng ta. Nền văn minh mà chúng ta sống đây,

đã lỗi thời ; nó không còn tạo được sự hòa hợp giữa con người với vô biên tuyệt đối. Mà nền văn minh nào không cung phụng nỗi cho con người sự yên tâm, nền văn minh đó phải sụp đổ tức thì ; bằng không, nó sẽ trở thành kẻ thù ghê gớm nhất của nhân loại ". Hẳn chăm chú nghe, trầm ngâm, không nói gì nữa.

Trời đã chiều, rực hồng lên ở phía tây, mặt trời như ráng sức một lần chót. Đồng ruộng có vẻ bát ngát thêm và chiếc xe cũng có vẻ chạy ngon thêm. Cây cỏ ở vệ đường bắt đầu ủ ê, thiếp ngủ. Một vài tảng mây xám lớn trôi về trong bầu trời tím rộng. Những ngôi nhà phản đông đều đóng cửa như trái tim của kẻ lạc loài. Dăm ba con trâu hiếm hoi còn đứng trơ vơ ngoài đồng ruộng, nghểnh mỏ ngó ngẩn ngăm trời chiều và xe qua, trông chúng buồn rầu kỳ lạ.

Xe qua một khúc đường quanh khuất sau một đám cây mấm cao ồm mọc chen chúc nhau trên một khoảng bùn nước lấp xấp. Gió thổi mạnh trong những tàng cây nghe lũng lũng. Bỗng người tài xế kêu lên thất thanh : "Gì nữa đây ?" Trước mặt chúng tôi chừng năm mươi thước, đường đã bị chặn. Những nhánh đước, tàu dừa, chà tre nằm thành đồng cao trên mặt nhựa. Trên bờ cỏ vệ đường, hai người đàn ông mặc áo quần đen, đội nón trần thủ, đứng vẫy tay ra hiệu cho xe ngừng lại. Người tài xế rà thắng, bóp tốc lực xe, kêu thảm nảo : "Thôi, đừng mảy vả rồi". Mảy vả đây là bọn Việt cộng. Hành khách nhón nháo trong im lặng. Xe dừng hẳn lại. Một trong hai tên Việt cộng phát tay. Lập tức từ bờ đất gần đó, một toán trên dưới mười người cũng mặc đồng phục đen, đội nón trần thủ, rời bỏ chỗ núp, xông ra bao vây xe. Họ võ trang bằng đủ thứ khí giới. Súng lục, súng trường, tiểu liên, lựu đạn, mã tấu. Một gã cầm súng lục, có lẽ là trưởng toán, dong dạc ra lệnh : "Yêu cầu đồng bào xuống xe trong trật tự". Mọi người lục tục xuống xe, đứng im thin thít. Gã trưởng toán lại ra lệnh cho hành khách xếp thành hàng đôi, đàn ông một bên, đàn bà một bên. Viên sĩ quan và tôi đứng gần nhau. Gã trưởng toán cầm lấy một xấp truyền đơn in tay, mực màu nhòe nhoẹt do một thủ hạ trao, rồi đưa cho hai gã công an xếp hàng trước mặt gã, bảo : "Ồ đây có ai là quân nhân hay công an không ?". Dĩ nhiên là không ai lên tiếng. Bọn Việt cộng liền thu hết thẻ căn cước của

những hành khách đàn ông, đưa cho gã trưởng toán. Gã xem xét kỹ lưỡng từng tờ rồi trao trả. Gã hỏi lại, giọng hằn học : "Ở đây thật không có ai là quân nhân hay công an sao ?" Vẫn không ai nhúc nhích. Bọn Việt cộng bước qua lại đám hành khách, nhìn soi mói vào mặt từng người, tiếng dếp cao su của họ kêu lẹp xẹp trên mặt đường. Tôi sức nhớ đã có lần nghe nói là thông thường, những quân nhân và công an ở tỉnh xa về Saigon, không khi nào mang theo trong mình thẻ căn cước ghi rõ nghề nghiệp thiệt thọ. Người bạn sĩ quan của tôi chắc phải là giáo viên hay thương gia gì đó trong căn cước. Còn hai gã công an có thể là tài xế hay thợ hớt tóc cũng nên. Thành thử bọn Việt cộng xem xong thẻ căn cước, vẫn không thấy ai là công an hay quân nhân. Và có lẽ họ cũng biết như vậy nên giữ chúng tôi lại, bày trò gì nữa đây ?

Mặt trời đã khuất dạng, chỉ còn một vùng ánh sáng đỏ thẫm ánh lên trên một quãng ngắn của con đường trời đất lơ mờ tiếp giáp nhau. Có mấy gã Việt cộng đứng quay lưng về phía ánh sáng đỏ, tôi đã bắt đầu không còn thấy rõ mặt họ. Buổi chiều ngoài khoảng trống hắt lên một niềm yên lặng sùng kính, nổi bật thêm vì tiếng gió xao xác từng cơn trong những vùng lau sậy. Hành khách có vẻ lo âu khắc khoải. Tôi nghe chân tôi mỗi rời, nặng trĩu và đầu thì nóng ran, trống rỗng. Trán gã công an đứng gần tôi lấm tấm mồ hôi. Viên sĩ quan vẫn bình thản, thật khó lòng đoán được hắn đang nghĩ gì lúc đó. Thình thoảng một vài gã Việt cộng lại đến đứng trước mặt chúng tôi, lên đạn lắc rắc. Có tiếng một bà cụ già lâm râm khấn vái Phật Trời cho tai qua nạn khỏi. Thời gian bất tỉnh trong sự chờ đợi hãi hùng. Bỗng gã trưởng toán Việt cộng bắt thần hô to như một tiếng sét rao : "Nghiem". Hành khách không hiểu chuyện gì, phản ứng lại bằng sự ngờ ngáo. Duy có viên sĩ quan giựt mình vì tiếng hô đó, và như một cái máy, đứng giậm đôi chân lại, hai chiếc giày đánh cụp vào nhau. Cử động chớp mắt đó không thoát khỏi cái nhìn chờ đợi của gã trưởng toán. Gã bước sấn lại gần người thanh niên, mím cười tinh quái và vỗ vai khen : "Đúng là một quân nhân kiêu mẫu". Rồi gã đẩy hắn ra khỏi hàng. Hai tên khác xông lại chia súng vào người hắn. Gã trưởng toán hỏi với một giọng đặc chí, bề trên ; "Cấp bậc gì ?". Tôi nghe nghe như một khối nặng đè lên lồng ngực.

Người thanh niên ngẫm nghĩ không lâu rồi đáp, giọng chắc nịch, khinh thường : "Thiếu úy". Lúc đó hắn đứng thẳng người, mặt hơi ngửng lên và ánh sáng đỏ thẫm cuối cùng của buổi chiều vỗ vào mặt hắn những đường nét thần thánh của một pho tượng Hy Lạp. Trong đời tôi, tôi chưa từng gặp người trai trẻ nào đẹp như hắn chiều hôm đó.

(Văn Nghệ số 18 tháng 11/1962)

YÊN CHI

Ảo Tượng

Sáng nào cũng vậy, tôi dậy trước anh Hưng nửa giờ, đủ để rửa mặt chải đầu, trang điểm và lo điểm tâm cho hai anh em và cháu Yên Chi. Anh Hưng sáng nào cũng đi sớm vì anh phải có mặt tại nhà báo trước tám giờ. Cháu Yên-Chi thì mãi đến chín giờ, xe của trường mẫu giáo mới lại đón. Cháu ăn trưa tại trường và bốn giờ rưỡi chiều xe trả cháu lại trước ngõ. Anh Hưng có khi không về ăn cơm trưa bởi vì anh bận công việc sở. Những hôm như thế buồn làm sao. Mỗi khi anh gọi điện thoại về cho biết anh phải ăn cơm trưa tại chỗ làm việc, tôi cũng chẳng buồn nấu nướng gì nữa. Nấu cho ai ăn. Cháu Yên-Chi chẳng ăn cơm trưa tại nhà trừ thứ năm và chủ nhật. Một mình mình đi nấu cơm, dọn ra bàn, tôi ngồi, ăn, nuốt không trôi. Tôi dạy ở nữ trung học Giao Tiên có tám giờ một tuần, nên chẳng có gì gọi là bận bịu. Anh Hưng anh ấy chỉ cho tôi dạy từng ấy giờ, vì anh lo cho sức khỏe tôi. Nhưng anh chẳng biết rằng tôi cũng mạnh khỏe như mọi người. Anh bảo “Em chẳng cần làm lụng nhiều. Ở nhà coi sóc nhà cửa, lo lắng cho cháu Yên-Chi. Chừng nào chúng mình thực hiện được ước vọng có một nhà xuất bản riêng, anh sẽ cho em cộng tác, và em sẽ làm quản lý. Có tiền nhiều ta sẽ làm được nhiều việc”. Có những hôm anh đem từng đồng việc về nhà, và thức suốt đêm trên chồng bản thảo. Những lúc ấy tôi chẳng có thể khuyên anh đi nghỉ được đâu; thượng sách là chen vào và giúp anh đọc, chữa các bản thảo ấy cho mau xong để anh còn có chút ít thì giờ đi ngủ. Mẹ chúng tôi đã mất từ bảy năm nay và mới năm ngoái ba chúng tôi lại qua đời. Chúng tôi không chịu nổi cái cảm giác thiếu thốn trống trải nên chúng tôi phải dời nhà về đây, một ngôi nhà có vườn cây, có điện nước, có vẻ thanh tịnh, ở miền Gia Định. Tuy có hơi xa chỗ làm việc, nhưng anh Hưng đã có xe. Còn tôi thì tôi có thể đi bộ đến trường; trường không xa lắm, nếu có hơi trễ, thì tôi đến trường bằng xích lô đạp, bốn đồng. Cháu Yên-Chi là con gái của Thúy,

bạn học ngày xưa của tôi. Thúy đã qua đời rồi, từ khi Yên-Chi còn bốn tuổi. Tôi nuôi Yên-Chi từ lúc ấy, đến nay Chi đã lên sáu. Ba của Chi ở ngoài Bắc không biết có còn sống hay không. Yên-Chi thông minh lắm; cháu thương tôi và gọi tôi bằng mẹ, mấy hôm nay, cháu được gửi đi Cáp nghỉ mát với gia đình chị Anh.

Sáng nay khi anh tôi đi làm rồi, tôi dọn dẹp nhà cửa cẩn thận hơn mọi hôm. Tôi không có giờ dạy hôm nay. Tôi lau sàn nhà, sửa soạn lại tủ và kệ sách của anh Hưng thay mấy chiếc màn để gửi thợ giặt và làm những việc vặt khác. Xong xuôi, tôi dọn dẹp chén bát để rửa. Vận nước cho chảy vào chiếc chậu tráng men dùng để rửa chén bát, tôi tinh nghịch đùa với những chiếc bọt xà phòng trong chậu. Bỗng tôi nhớ ra tôi đã hứa với anh Hưng trong lúc chúng tôi đang ăn điểm tâm sáng nay là trưa nay tôi sẽ nấu cho anh một bữa bún Huế. Đã chín giờ rồi, tôi phải sửa soạn trước cho kịp. Có lẽ tôi phải sửa soạn những đồ gia vị sẵn sàng trước để làm nước xúp và sau đó sẽ đi qua chợ mua bún sau. Tôi khóa nước lại, bước đến đầu tủ. Cái tủ đựng thức ăn của chúng tôi xưa quá, tầng cao nhất chúng tôi không với tới dễ dàng. Mà hộp cà phê-mát, cũng như những thứ ít dùng, tôi lại để lên tầng ấy. Tôi nhón gót đưa tay sờ soạn và đụng nhầm hộp cà phê, tôi với tới tí nữa và cố chụp lấy hộp cà. Nhưng tôi mất thăng bằng và buông rơi nó. Hộp cà rơi xuống và trúng vào giữa đỉnh đầu tôi. Đau quá, tôi ngã xuống sàn ván. Trời ơi, đầu tôi choáng váng và mắt thấy hoa đóm giữa không trung.

Tôi lồm cồm bò dậy, tay vịn vào góc bàn để đứng lên. Tay trái tôi đưa lên sờ đầu. Không chảy máu. Cũng may, nếu anh Hưng ở nhà thế nào ảnh cũng mắng tôi sao không cẩn thận. Anh em chúng tôi thương nhau lắm thế nhưng tôi vẫn cứ sợ anh như hồi anh đọc cho tôi viết chính tả, hồi chúng tôi còn nhỏ. Soạn xong các thứ gia vị và chắc không còn thiếu gì, tôi mới trở lại chậu sành để rửa chén bát. Bỗng tôi nghe một tiếng gọi ngoài sân “Me! Me! Ra xem me. Con làm được một chiếc bánh xe”. Cháu Yên-Chi đang đứng ngoài sân đưa tay vẫy tôi, chiếc áo màu đỏ của cháu tung bay trước gió.

Tôi nói “Ồ, con giỏi lắm!”

“Con đem qua cho Suzanne coi me nhé!” Suzanne là bạn học của Yên-Chi, ở nhà bên cạnh.

“Được. Nhưng đừng đi đâu ngoài nhà Suzanne con nhé, và nhớ về trước giờ ăn cơm nghe con”. Tôi dặn cháu như thế và nhìn cháu tung tăng chạy qua nhà Suzanne. Rồi, tôi trở lại rửa chén bát. Bỗng tôi có cảm tưởng rằng có một cái gì sai lầm mà tôi không thể nhớ ra được. Tôi lặng đi một lát, rồi hình ảnh chiếc áo đỏ của cháu Chi hiện ra trong óc tôi. Chiếc áo ấy, tôi định xuống một lai nữa cho dài hơn để cháu mặc vào mùa thu tới. Cháu lớn mau quá, nhất là một năm nay. Nhưng mà lạ, chiếc áo ấy tôi để trên ngăn tủ cao làm sao cháu tự lấy ra mà mặc được?

Rồi bỗng nhiên tôi nhớ ra rằng *cháu Yên-Chi đang nghỉ mát ở Vũng-Tàu với gia đình chị Ánh*. Vợ chồng chị Ánh đi Vũng-Tàu đã xin đem cháu Yên-Chi đi theo. Vậy cháu Yên-Chi không thể ở đây, tôi đã trông lầm.

Hoảng kinh, như bị một lưỡi dao cắm sâu vào người, tôi chạy tới máy điện thoại, gọi về khách sạn Long Khánh Vũng Tàu. May quá, chị Ánh đang ở nhà. Khi nghe tiếng nói của chị trả lời trong máy, tôi biết Yên-Chi vẫn bình an không có chuyện gì. “chị Ánh cháu có ngoan không? Em sợ cháu quấy rầy hai anh chị quá” Tôi cố gắng lấy giọng bình tĩnh.

“Không, không! Cháu ngoan lắm. Cháu vừa tắm nước ngọt với tôi xong. Chúng tôi mới vừa ở Bãi Trước về. Cháu đang đứng bên cạnh tôi đây. Chị Hương có chuyện gì không? Giọng chị hơi lạ”.

“Không, không có chuyện gì cả. Em vẫn thường” Tôi nói dối.

Khi tôi buông máy xuống, tôi tự nghĩ rằng có lẽ mọi việc đều do ở cái hộp cà chua giáng lên đầu tôi quá mạnh. Tôi trông lầm, cũng giống như nằm mơ, khi không được tỉnh táo hẳn. Rồi tôi trở lại rửa chén bát. Nhưng một cái đĩa trượt khỏi hai bàn tay tôi – nước xà phòng trơn quá – và rơi xuống sàn, vỡ làm ba mảnh. Đó là một chiếc đĩa cổ của bà ngoại để lại cho Mẹ và Mẹ cho lại tôi; nó mang nhiều kỷ niệm giữa Mẹ và tôi. Chiếc đĩa cổ Trung Hoa ấy nghe nói quý lắm. Tiếc của quá, tôi cúi xuống nhặt ba mảnh vỡ, lau khô và cẩn thận để vào trong tủ chén bát. Có lẽ anh Hưng sẽ

hàn nó lại được, nhưng hôm nay là ngày gì mà tôi gặp nhiều rủi ro thế này? Có lẽ tôi nên đi nghỉ một lát rồi lại trở lại công việc thì hơn. Ngay lúc đó, tôi nghe tiếng gõ cửa và tiếng gọi “Chị Hương, có nhà không?” đó là tiếng chị Thuần.

Mỗi thứ năm, chị Thuần – chị bạn láng giềng cách nhà tôi chừng trăm thước – thường qua tôi chơi, vì thứ năm nào tôi cũng có ở nhà. Anh ấy làm công chức. Chúng tôi chẳng nói chuyện dằng dai suốt buổi như thiên hạ đâu; nhưng mười mười lăm phút ngồi uống với nhau một tách cà phê cũng là thích thú. Sau đó chị lại đi chợ và tôi lại nấu ăn. Chị sắp sửa được làm mẹ, và trông chị có vẻ lo lắng lắm. A, hay là tôi gửi chị mua bún giúp vậy. “có em ở nhà đây, mời chị vào”, tôi trả lời.

Trông thấy chị Thuần không hiểu tại sao tôi *biết* ngay rằng chị sẽ sinh cháu vào đúng ngày mùng sáu tháng bảy sắp tới. Hai mẹ con sẽ được yên lành. Đứa bé sẽ là con trai. Thấy đáng lo sợ của chị, tôi nói: “chị Thuần, chị chẳng cần lo gì cả. Chị và em bé sẽ được bình yên”. Chị Thuần nhìn tôi với một diáng vẻ ngạc nhiên “chị Hương, em trông có vẻ lo lắng lắm hay sao thế chị?” tôi gật đầu, nhưng vẫn để ý đến những cảm giác kỳ lạ của tôi hơn là để ý đến câu hỏi của chị. Những điều tôi thấy về chị hiện rõ ra như phấn trắng viết trên bảng đen. Tôi nói “Không, đó không phải em nói để trấn tĩnh chị. Em biết rõ là chị và cháu bé sẽ là con trai, và sinh đúng vào ngày mùng sáu tháng bảy sắp tới. Sẽ được hòa toàn bình yên”. Tôi nói tiếp: “để em nói hết cho chị nghe. Cháu bé sẽ ...”

Lúc đó, chị Thuần ngó tôi với đôi mắt ngạc nhiên đến cực điểm. “Trời ơi, Chị Hương, chị điên hả? Chị có sao không chị?”

Tức thời tôi kể cho chị nghe đầu đuôi câu chuyện, từ việc hộp cà phê mách rơi đầu tôi, đến việc cái bánh xe của cháu Yên-Chi, chiếc áo đỏ, và cuộc nói chuyện ra Cấp. “Đầu đuôi như vậy đó, chị”, tôi kết luận, “nhưng chưa hết đâu. Em đánh vỡ chiếc đĩa cổ của bà ngoại. Chị biết chiếc đĩa cổ ấy chứ? Nhưng đó không phải là một việc khó hiểu như mấy chuyện kia”.

“Uổng quá nhỉ, chiếc đĩa cổ quý như thế mà lại vỡ. Nhưng dầu sao em vẫn mong rằng chị nói đúng về việc đưa con của em. Em thì không để ý lắm đến việc con trai hay con gái nhưng mà em thì lại thích con trai hơn. Còn về việc mừng sáu tháng bảy thì thật là sớm hơn ngày dự tính đến ba tuần. Nhưng không sao, miễn mẹ tròn con vuông là tốt rồi”. Chị nhếch mép cười, và tiếp “còn gì nữa không chị? Nói luôn đi, như tên của em bé chẳng hạn?”.

Trong một giây, óc tôi lại loăng đi. Rồi lại như viết trên bảng đen, chữ *Hùng* hiện ra rõ rệt trong óc. Tôi sắp sửa mở miệng để nói nhưng tôi kềm lại được. Cũng may, nếu nói ra thì kỳ biết mấy. Chị ấy đã nói với tôi nhiều lần nếu sinh con trai chị ấy sẽ đặt tên là Hậu, cho nó có liên lạc với Thuần, tên của ba nó. Chữ Hùng có lẽ không bao giờ được chị thích đâu. Tôi nói “Thôi, chẳng tiết lộ thiên cơ nữa đâu”.

Chị Thuần ngồi xuống bên tôi: “Sao không uống một chén trà cho tỉnh người? Nhưng chị cứ ngồi đó, nghỉ cho khỏe. Em sẽ đi pha trà cho. Chúng mình đều có vẻ “bất thường” cả, nhưng dù sao em vẫn còn tỉnh táo hơn chị. Chị súc chiếc ấm con, bỏ trà và pha nước sôi. Rồi chị vào lục soạn lấy ra hai chiếc tách, hộp bánh bích-quy. Khi trở ra, mặt chị có vẻ ngẩn ngơ. “hồi nãy chị nói chiếc đĩa cổ của bà ngoại như thế nào?”

“Em nói rằng em làm vỡ mất rồi, sáng nay”

“Có phải chiếc đĩa cổ có hai chữ nho xanh xanh ở hai bên phải không?”.

“Phải gì thế chị?”

Thay vì trả lời tôi, chị trở vào bếp, mở tủ chén bát, rồi trở ra, lẳng lặng cầm chiếc đĩa cổ của bà ngoại trong tay. Chiếc đĩa cổ còn nguyên vẹn, không vỡ.

Trống ngực của tôi đánh thành thịch; vô lý quá, tôi nhìn kỹ để tìm đường nứt chứng tỏ rằng nó mới được gắn lại. Nhưng không hoàn toàn không có đường nứt nào cả. Chiếc đĩa hoàn toàn nguyên vẹn. Sao lại có thể thế được? Mới năm mươi phút trước đây, tôi xếp vào tủ ba mảnh vỡ kia mà.

Bỗng nhiên, kỳ cục quá, tôi ôm mặt khóc, làm chị Thuần hoảng kinh. “Đừng khóc, chị. Không sao đâu, chị” chị đưa vòng tay ôm choàng lấy tôi, như một bà mẹ an ủi con “Chắc vì hộp cà chua rơi trúng đầu nặng quá đó chị. Vào đây, chị

nằm nghỉ một lát rồi sẽ thấy khỏe khoản trở lại. Để em gọi điện cho bác sĩ Lê Ngọc Lương nhé”.

“Không, đừng gọi chị”. Nghe nói đến bác sĩ Lương tôi ngại quá.

Câu chuyện có vẻ trẻ con và kỳ cục, ai lại có thể kể cho bác sĩ Lương nghe được bao giờ. Nhưng tôi vẫn để cho chị điu tôi vào phòng khách và đặt tôi nằm trên đi-văng. “Em hẹn lên thăm chị ba em trưa nay. Nhưng em có thể gọi điện thoại để xin lỗi.” Tôi vội vã trả lời “Ồ không, chị Thuận! Không! Chị cứ đi đi. Nếu có chuyện gì em sẽ gọi bác sĩ Lương, hoặc bất cứ ai. Chị cứ đi đi, đừng lo. Không sao đâu chị”.

Chị đứng suy nghĩ giây lát. “Được. Nhưng chị cũng đừng lo lắng gì cả nhé. Em sẽ ghé vào khi em trở về qua đây. Chị nằm yên đây và cố gắng ngủ đi một chút, nhé”.

Tôi nằm yên nghe lời chị, nhưng tôi nghĩ rằng tôi không thể nào ngủ được. Bao nhiêu câu hỏi kỳ cục cứ chờn vờn trong óc. Nhưng may quá, tôi lại thiếp đi sau đó không lâu.

Khi thức dậy, tôi thấy khỏe hơn. Tôi đi rửa mặt bằng nước mát và thay áo, một chiếc áo màu tím lam anh Hưng đã một lần khen là trang nhã. Rồi tôi chải đầu, đứng trước gương để sửa lại mái tóc. Bỗng nhiên, một tiếng nổ dòn lách tách kéo dài: tấm kiếng lớn trước bàn rửa mặt đã nứt rạn nhiều đường từ trên xuống dưới. Tấm kiếng mà tôi đã chọn mua được ở Chợ lớn với một giá rất phải chăng, và đã rất bằng lòng vì khéo chọn. Tôi la lên một tiếng tỏ sự kinh ngạc và cúi tới phía trước để nhìn cho rõ. Rồi, như một lần chớp xẹt, sự kinh hoàng xâm nhập vào người tôi. Phía sau tôi, trong kiếng, tôi có thể thấy cả phòng ngủ phản chiếu vào trong kiếng như thường lệ; chiếc giường của tôi, tấm ảnh bán thân của chị Thúy, và cả chiếc áo tôi mới thay ra để trên giường vẫn được phản chiếu rõ ràng. Mọi vật đều có thể nhìn thấy trong kiếng. Chỉ trừ có khuôn mặt của tôi. Chỗ mà thay vì tôi phải thấy khuôn mặt của chính tôi, tôi chỉ thấy *hư vô*. Không có gì cả. Không mặt, không người, không tay, không có *lối* trong kiếng. Tôi nghiêng qua nghiêng lại nhiều cách để nhìn vào kiếng, nhưng vô hiệu. Tôi không thấy tôi. Tôi cúi sát mặt vào kiếng cũng chỉ thấy hơi thở của tôi động

lại như sương mờ mờ trong kiếng. Hình tôi không được phản chiếu trong kiếng. Tôi không có mặt tại đây.

Chỉ sau khi cố gắng quay được lưng lại với tấm kiếng rồi, tôi mới thấy hoàn hồn. Phải có cách giải thích hiện tượng lạ kỳ này chứ, tôi suy nghĩ. Có lẽ tấm kiếng hư sao đó thì phải. Nhất định mà! Phải như vậy mới được. Đó là cách giải thích của tôi, dù tôi biết rõ ràng mới đây vài phút, tấm kiếng vẫn còn nguyên vẹn khi tôi thay áo, và từ sáng, chẳng có ai trong phòng này cả. Ô có lẽ vì vậy nên tấm kiếng hơi rẻ hơn giá thường chẳng? Có lẽ nó hư sao đó, nên đến bây giờ nó mới hư hẳn và không dùng được nữa. thật chẳng có gì là lạ lùng kỳ quái cả. Tôi chẳng nên nghĩ vẩn vơ mà thêm lo sợ. Đây là một sự rủi ro khác thêm vào những sự rủi ro xảy ra cho tôi từ sáng đến giờ. Chỉ có vậy thôi. Tôi không thấy hình tôi trong kiếng, vì kiếng vỡ rồi, chứ có sau đâu mà lo sợ.

Tự cười mình đã quan trọng hóa một chuyện tầm thường như thế, tôi cương quyết quay lại để khám phá chỗ hư của tấm kiếng đã khiến cho tôi không nhìn thấy được tôi. Tấm kiếng vẫn nguyên vẹn, trời ơi! không có đường nứt nào cả! Tôi thấy khuôn mặt trắng trẻo của tôi nổi bật trong kiếng. Tôi nhìn lại rất kỹ trong một lát lâu, rồi tự nhiên hoảng kinh trần ngập kéo tới. Rồi, chỉ biết rằng tôi chạy như ma đuổi ra phòng khách, cầm ống điện thoại lên và gọi về tòa báo, chỗ anh tôi làm việc. Anh ấy bận việc gấp; nhưng với giọng rên siết, tôi năn nỉ cô thư ký và cuối cùng tôi nghe được giọng anh qua giây nói: “Anh Hưng ơi, em đây. Anh có thể về với em không? Ngay bây giờ, được không anh?”. Tôi năn nỉ. “Đề xem ... được, anh sẽ về ngay. Hương, em có sao không? Có chuyện gì không em? Có...” “Em bị thương. Không nặng đâu anh – chỉ một vết nhẹ trên đầu thôi. Nhưng - trời ơi, anh ơi – em sợ lắm. Em cần anh lắm, anh Hưng ơi, Mau lên”.

“Anh đang về đây”. Anh ấy vội vã đáp; tôi nghe tiếng ống nói của anh bỏ xuống gấp gấp, rồi tiếng u u phát ra từ ống nói của tôi. Tôi vẫn đứng yên, tay nâng ống nói, như còn muốn được nghe thêm. Rồi tôi buông ống nói xuống

nhẹ nhàng. Hôm nay tôi rủi ro quá. Phải cẩn thận mới được. Biết đâu lại không có chuyện xảy ra nữa. Tốt hơn là ngồi yên đừng làm gì nữa hết. Có thể là nguy hiểm. Thế rồi tôi thấy đói bụng. Dễ cười quá, những lúc như thế này mà lại còn thấy đói bụng, nhưng đúng là thế. Có lẽ tôi sẽ lấy hộp bánh bích quy và âm trà nhưng cầm hộp bánh và bụng âm trà biết đâu lại không nguy hiểm. Cái gì cũng có thể là cạm bẫy, nguy hiểm cho tôi cả. Tôi quyết định ngồi yên không động đậy cho tới khi anh tôi về. Tôi ngồi yên lặng nhìn về phía cửa. rồi khi anh tôi về, tôi sẽ... trời ơi, tôi sẽ kể như thế nào cho anh ấy nghe những câu chuyện kỳ quái vừa rồi? Mà tại sao căn phòng tôi ngồi thay đổi cả như thế này? Chiếc ghế dựa của anh Hưng tôi bọc vải xanh, sao bây giờ lại thấy bọc vải tím sọc trắng? Bàn ghế vẫn như cũ, nhưng tất cả đều được sắp đặt trang trí một cách khác: có tay một người đàn bà nào đó bày biện. Ngoài bàn tay của tôi. Màu sắc trang trí đẹp thật, nhưng không phải là lối tôi ưa thích. Chiếc màn cửa sô màu xanh nhạt nay lại trở thành tím nhạt. Tất cả đều thay đổi. Tôi biết anh tôi thích màu tím nhạt, nhưng vì chiều ý tôi anh đã bảo anh thích màu xanh. Nhưng sáng hôm nay vẫn tôi là người nội trợ của nhà này, vẫn tôi là người trang trí sắp đặt căn phòng khách này, tại sao bây giờ mọi sự lại thay đổi như thế được? Mọi sự thay đổi như không có mặt tôi trong ngôi nhà này, và hiện có mặt một người nào khác. Cái tủ sách, kỳ chưa, cũng được sắp đặt một cách khác hẳn. Tại sao? Mới đây, mới hồi sáng đây...

Tôi đứng ngẩn ngơ cố nhớ ra mọi việc, nhưng không thể nào hiểu được. Bỗng tôi nghe tiếng xe hơi quen thuộc của anh tôi trở về. Rồi tiếng máy tắt, tiếng cửa xe hơi đóng sầm lại. Anh đã về. Trong một lát thôi, tôi biết anh sẽ gọi “có ai ở nhà không?” như mọi lần và sẽ bước vào nhà. Nghĩ đến anh, và biết rằng chỉ trong chốc lát nữa thôi tôi sẽ được yên ổn trong tay anh, tôi thấy đầu tôi tỉnh táo hơn lên. Mọi chuyện rồi sẽ qua. Tôi nhắm mắt lại một lát và nghĩ rằng khi mở ra mọi sự vật trong phòng đều trở về y nguyên như hồi sáng, như tự bao giờ. Chiếc ghế xanh của tôi sẽ lại trở về chỗ cũ, với vải bọc màu xanh. Cái màn cửa sẽ cũng trở về xanh nhạt ... và anh tôi với nét mặt hiền hậu và nụ cười

cương quyết mỗi khi sẽ hiện ra trước cửa, hỏi tôi “Sao đó em” ... Rồi mọi sự sẽ trở lại tốt đẹp như thường.

Tôi nhắm mắt lại. khi tôi mở mắt ra, mọi vật vẫn không thay đổi. Phòng khách vẫn là phòng khách tím nhạt. Tủ sách vẫn là tủ sách sắp đặt theo kiểu. Nhưng – ôi sung sướng – tôi nghe tiếng của anh tôi từ ngoài sân vọng vào “có ai ở nhà không?”

Tôi chưa kịp trả lời thì cửa phòng ngủ mở ra – phòng của tôi – một thiếu phụ đi ra. Thiếu phụ cao hơn tôi một chút nhưng dạng người thanh nhã, và nét mặt rất đẹp. Tôi chưa từng thấy nàng bao giờ trong đời tôi; nhưng sao nàng lại từ trong phòng tôi bước ra, quen thuộc như là cái nhà này của chính nàng. Sau nàng, tôi thấy có một cô bé vào khoảng mười tuổi, xinh đẹp hao hao giống Yên-Chi. Tôi đã gặp nó lần nào chưa nhỉ, sao trông có vẻ giống Chi quá. Không, tôi chưa gặp lần nào.

Đúng lúc đó, anh tôi bước vào. “Em”, anh kêu lên, nhưng anh bước thẳng đến người thiếu phụ, và hôn nàng trên mái tóc, rồi hôn em bé phía sau. Anh không trông thấy tôi.

Có tiếng ai thét lên. Một lát thấy cổ họng khô cháy, tôi biết là chính tôi đã la thét. Tôi ngất đi không biết gì nữa.

Sáng hôm sau tôi thức dậy, tôi thấy tôi đang nằm ở bệnh viện . Hai khuôn mặt đầy lo âu đang chăm chú nhìn tôi, khuôn mặt của anh Hưng tôi và của bác sĩ Lương. Thấy tôi đã tỉnh, bác sĩ Lương kêu lên “Cô ấy đã tỉnh dậy rồi”; và khoan khoái thở dài như vừa giải xong một bài toán khó. “Cô cứ nằm yên”, bác sĩ tiếp “mọi sự đều tốt đẹp, không sao cả. Anh Hưng có lẽ đã lo lắng suốt một ngày một đêm vừa qua nên bây giờ cũng lộ vẻ mừng rỡ. Anh bước đến gần và nắm chặt lấy bàn tay tôi.

“Việc xảy ra như thế nào, anh”! tôi hỏi. Anh tôi đưa mắt nhìn bác sĩ Lương, nhận một cái gật đầu đồng ý, rồi cúi xuống tôi “ Anh cũng không biết rõ nữa, Hương. Em gọi đây nói đến tòa báo, giọng em có vẻ hoảng hốt, vì vậy anh hấp tấp trở về ngay. Khi anh vào, em đang đứng trong

phòng khách và la hét như người mất hồn. Khi anh đến gần thì em ngất đi”

Bác sĩ Lương tiếp “Cô bị chấn động thần kinh. Triệu chứng rất rõ ràng. Cô có một dấu sưng trên đỉnh đầu, và suốt thời gian nằm mê man trong bệnh viện, cô ở trong một trạng thái kinh hoàng, kèm theo những cơn nhức đầu dữ dội và nôn mửa, những triệu chứng thường hay đi đôi với bệnh thần kinh chấn động. Anh cô nói là cô gọi điện thoại về tòa báo. Vậy tôi chắc có tai nạn gì đã xảy ra cho cô sáng hôm qua. Cô có nhớ gì không?” Tôi ngần ngại; bác sĩ nhìn tôi rất lâu và rất chăm chú. “Tai nạn gì tôi chưa biết, nhưng hình như nó còn làm cho cô kinh hoàng. Cô nên nói cho nghe” bác sĩ tiếp.

Tôi bèn kể lại cho bác sĩ và anh tôi nghe đầu đuôi câu chuyện, từ lúc hộp cà chua rơi xuống đỉnh đầu cho đến khi tôi bắt đầu hết lên. Mọi chi tiết vẫn còn rõ ràng trong óc tôi – Cháu Yên-Chi với chiếc bánh xe, chiếc đĩa cổ của bà ngoại đã vỡ rồi lại lành lặn trở lại, Những chữ viết trên bảng đen hiện ra trong đầu nói về đứa con của anh chị Thuần, tấm kiếng soi mặt vỡ rồi lại lành, người thiếu phụ trong phòng khách mà anh tôi đã hôn trên tóc. Khi tôi kể xong câu chuyện, anh tôi cười: “Cô còn quên chuyện cô gọi điện thoại về tòa báo. Hương, em kể chuyện hay lắm; em phải bắt đầu viết những chuyện thần kỳ như của Edgar Poe để đăng báo mới được”. Nghe anh khôi hài tôi cảm thấy đau đớn. Tôi thoáng cảm lại cái dư hưởng của sự hoảng sợ đã khiến tôi hét lên như ngày hôm qua. Tôi nói “Đừng cười, anh. Câu chuyện không vui đâu anh. Câu chuyện không đáng cười một chút nào hết anh”.

Anh tôi nắm bàn tay tôi chặt hơn và cúi xuống hôn trán tôi “Anh biết. Xin lỗi em. Anh vui vì thấy em đã được bình phục. Có phải vậy không, Bác sĩ?”

“Nhất định rồi. Cô ấy đã bình phục như thường. Ồ, không có gì phải lo lắng cả. Những chấn động thần kinh thường hay gây ra những chuyện lạ lùng. Nhưng sau đó, thì tất cả đều trở thành một câu chuyện vui cho gia đình. Có lẽ sau này, mỗi khi cô dùng chiếc đĩa lớn của bà ngoại, anh cô lại trào phúng bảo cô hãy cẩn thận “đừng đánh vỡ nó lần nữa”. Bác sĩ cười và nói tiếp “Và nếu không bà Thuần quả

thật là sinh con trai, thì cô đừng vì thế mà mở cửa hàng tương số nhe. Nên nhớ là chỉ có hai trường hợp: một là trai, hai là gái. Vậy thế nào cô cũng có ít nhất năm chục phần trăm may mắn”.

Câu nói pha trò của bác sĩ Lương làm cho tôi yên tâm và nhẹ nhõm, hơn bất cứ lời hứa nào về sức khỏe tôi mà bác sĩ trang trọng nói. Ngày mai khi anh tôi đến nhà thương để đưa tôi về, thì tôi đã cười nói như thường và quyết định sẽ quên hết mọi chuyện kỳ cục đã xảy ra.

Nhưng sau đó mấy hôm, tôi đánh vỡ chiếc đĩa cổ của bà ngoại. Tôi đang rửa và nó trượt khỏi tay tôi và rơi xuống sàn nhà, vỡ làm ba mảnh.

Tôi cúi xuống nhặt cả ba mảnh, vừa nghĩ rằng anh Hưng khéo tay có thể gắn lại đẹp hơn tôi, thì bỗng nhiên sự kinh hoàng trở về, xâm nhập tôi mau chóng như luồng điện giật.

Run rẩy, tôi bước lui và gieo mình trong một chiếc ghế. Điều trước tiên mà tôi có thể nghĩ đến là “tôi đánh vỡ chiếc đĩa cổ của bà ngoại!” cũng giống hệt như lần trước, khi chiếc đĩa không vỡ. Rồi tôi tự nhủ đừng có điên. Chiếc đĩa lớn quá, và khó xử dụng. Mình cứ hay sợ là sẽ làm vỡ nó nên đã có ảo tưởng là đã làm vỡ nó trong lần trước nhưng lần này thì vỡ thật rồi. Quả quyết, tôi đứng dậy cầm ba mảnh vỡ của chiếc đĩa, đi tới tủ chén và cất chúng vào đây chờ anh tôi. Một lát sau, chị Thuần ghé chơi. Nhìn vào mặt tôi, chị la lên :”Ồ hay, chị Hương, sau chị như mất hồn thế?”

“Em đánh vỡ chiếc đĩa cổ của bà ngoại” tôi la lên như muốn khóc. Chị Thuần và tôi hai người đứng yên lặng nhìn nhau.

“Lại nữa!”, chị nói. Nhưng vẻ mặt cũng hoảng hốt không bình tĩnh như giọng nói cổ trấn tĩnh của chị. Đưa ngón tay chỉ vào mặt tôi, chị cố gắng lấy vẻ tự nhiên: “chị đứng yên đấy nhe, đừng động đậy. Để tôi xem”. Chị ra lệnh, và đi lại tủ chén. Rồi chị thở ra, thở dài khoan khoái. “Đúng nó vỡ rồi thật”. rồi chị cười và ôm lấy tôi, trách móc “thôi nhé, chị đừng có dọa em sợ mất hồn như thế nữa nhé. Chị nên nhớ rằng em cũng ở trong điều kiện mong manh lắm, đừng làm

cho em sợ. Bác sĩ bảo em chỉ nên nghỉ những điều tốt đẹp và sự lành mà thôi”.

Chúng tôi cùng cười vui vẻ. Khi chị Thuần đi rồi, tôi tự nhủ rằng từ đây phải quên hết mọi chuyện điên khùng ấy đi. Nhưng buổi trưa đó, khi tắm xong, đang mặc áo, tôi bất gặp tôi đang thăm lén nhìn vào tấm gương để xem nó có nứt rạn chẳng. Khi anh tôi về, vào giờ cơm trưa, tôi kể lại câu chuyện chiếc đĩa, và có thể cười tự hào về câu chuyện. Anh ấy đem ba mảnh vỡ ra và gắn lại khéo đến nỗi mà trông thấy dường như nứt trên chiếc đĩa cổ.

Tuần sau chúng tôi đi Cấp, anh Hưng, tôi và cháu Yên-Chi. Một tuần lễ ở lại bãi biển khiến chúng tôi mạnh khỏe hơn lên. Khi ở Cấp trở về, tôi hầu như đã quên hết mọi việc đã xảy ra. Mọi việc đều bình thường trở lại như cũ. Thứ sáu đó, tôi đến thăm chị Thuần. Em thấy trong người kỳ lạ lắm chị Hương, hỏi như thế nào, chị trả lời “Em không. Chỉ thấy kỳ lạ trong người, thế thôi”. Nhưng hai giờ trưa hôm ấy, khi chị gọi điện thoại cho tôi, thì tôi biết là chị sắp sinh. Tôi vội chạy đến và dịu chị nằm yên trên giường và cấp tốc gọi bác sĩ Lương ở bệnh viện. Đồng thời tôi cũng gọi anh Thuần ở sở. Nhìn chị Thuần quần quai tôi không có gan ruột nào mà suy nghĩ gì cả. Mãi đến khi anh ấy và bác sĩ Lương trở về, chờ chị cấp tốc vào nhà thương, tôi mới kịp nghĩ ra rằng hôm nay không những là thứ sáu, mà lại còn là ngày *mùng sáu tháng bảy nữa*. Đúng hết là ngày mà tôi tiên đoán. Em bé ra chào đời vào bảy giờ tối hôm ấy. Khi tôi gọi điện thoại cho anh Thuần, anh ấy vui vẻ bảo “Bình yên, cảm ơn cô. Dễ dàng như trở bàn tay. Nhà tôi vẫn khỏe”.

“Còn cháu?”

“Cháu khá”

“Cháu trai hay gái?” tôi lật đặt hỏi; giọng run run.

“Trai, gì thế cô?”

Tôi không trả lời, buông ống nói xuống. Chỉ muốn hỏi cho biết là trai hay gái, thế thôi. Chỉ muốn biết coi có *đúng* không, thế thôi. Tuy nhiên tôi không rối loạn lắm. Tôi tự lý luận với mình như một nhà triết học. Ngẫu nhiên, toàn là ngẫu nhiên cả. Chỉ là ngẫu nhiên, tình cờ như cái đĩa cổ của bà ngoại. Một mớ ngẫu nhiên nữa, nhưng cùng một kiểu

ngẫu nhiên như thế cả. Chẳng có gì lạ.

Tôi bám chặt vào ý tưởng ấy, cố tin vào đó. Sáng chủ nhật khi hai anh em tôi vào nhà thương thăm, chị Thuần cười “Ô! Chị Hương! Đúng là mồng sáu tháng bảy! Đúng là con trai! Sao chị không ra ngồi ở lãng ông Bà Chiêu mà làm thầy tướng số cho rồi đi chị”? Tôi vẫn không nao núng, và vẫn tin vào ý tưởng ngẫu nhiên, tình cờ.

Chiều thứ hai, tôi trở lại nhà trường. Chị Thuần nói “Chúng em đã quyết định về tên cho cháu bé rồi. Hôm qua, khi chị Kim Anh đến thăm và ra về, thì chúng em bàn đặt tên cho cháu ngay”.

Tim tôi bắt đầu đập mau, và tôi tự nhủ đừng có làm đồ điên lẩn nữa. Tôi hỏi “Tên gì! – Anh chị đặt tên gì?”

“Chị không tưởng tượng được đâu nhé, đáng lẽ là tên Hậu, hay tên Kính, hay là tên Lương. Nhưng không biết nghĩ sao, tôi nghĩ đến chị Kim Anh, người đã thi ân cho chúng tôi nhiều trong những năm chúng tôi còn lặn lội, và muốn nhớ tới chị, chúng tôi đặt tên cháu là Hùng. Nhưng trời ơi, sao thế chị Hương? Mặt chị trắng như một tờ giấy”. Tôi lấy bầy tìm một chiếc ghế và ngồi xuống. “Đừng có làm cho chị ấy hoảng kinh”, tôi tự nhủ. Và tôi trả lời “không sao cả chị, em hơi mệt”.

Tôi không biết làm sao mà tôi sống qua được ngày hôm ấy để đợi anh tôi về. Khi anh tôi về, vào lúc bảy giờ chiều, tôi ngã trong tay anh và khóc như một đứa trẻ con. Chừng mười phút sau, anh mới dỗ tôi nín được và bảo tôi kể chuyện cho anh nghe. Cuối cùng anh hỏi “Vậy thì anh chị đã đặt tên cho cháu bé là Hùng?” Tôi gật đầu, rồi bỗng nhiên nhìn anh mà nói với một giọng vẻ giận dữ: “Em cấm anh không được cười, nghe không? Đừng có cười đàn bà con gái điên khùng lẩn chuyện”.

Tôi ngạc nhiên nghe anh trả lời chậm rãi: “Không, anh không cười nữa đâu. Trái lại, anh lấy làm lo lắng. Hương, em hứa với anh đi. Em đến thăm bác sĩ Lương và kể hết mọi chuyện. Nhé?”

Tôi hứa, nhưng tôi vẫn dằn dà không gọi điện thoại để định trước giờ gặp. Tôi ngần ngại. Tôi có thể tượng tượng bác sĩ Lương ngồi sau bàn giấy lắng nghe câu chuyện vô lý

của tôi kể và cố gắng che giấu nụ cười thương hại, thương hại cho cái thứ đàn bà con gái suy nhược thần kinh. Tôi chắc rằng ông ta nhiều lắm là cho một toa thuốc gồm các thứ an thần và bổ dưỡng, rồi nói vài câu an ủi và trấn tĩnh. Một tuần trôi qua; tôi nào anh tôi cũng hỏi “cô đã gọi bác sĩ Lương chưa?” cuối cùng tôi hứa với anh là sẽ gọi bác sĩ sáng thứ hai tới. Nhưng sáng thứ hai, cháu Yên-Chi đau bụng, tôi không cho cháu đi học. Khi xe nhà trường đã đi rồi, chứng đau bụng của cháu biến mất một cách mau chóng và đáng nghi. Cháu xin ra ngoài sân chơi. Tôi đang ở trong bếp rửa những chén bát của buổi ăn sáng, thì bỗng nghe cháu gọi “Me ơi, Me! Ra mà xem”.

Tôi vừa bước tới cửa sổ thì bỗng lo lắng ở đâu tràn ngập tâm hồn. Vì sao? Tôi không biết. Bỗng cháu Yên-Chi chạy tới trước cửa sổ, la lên “Me, con làm được một chiếc bánh xe – một chiếc bánh xe!”

Run rẩy, tôi bám chặt thành cửa cho khỏi ngã. Tôi thấy tà áo đỏ của cháu bay phất phơ trong gió. Nhưng áo của cháu không ngắn quá như lần trước; tôi đã xuống một lai cho dài hơn. Ô, vậy thì không *đúng* với lần trước rồi. Không đúng rồi, vì lần trước áo cháu ngắn hơn.

Tôi có thể trông thấy cháu Yên-Chi đang nóng nảy đợi tôi khen. Tôi biết nói làm sao đây? Hay phải nói những tiếng tiền định? “Ô, con giỏi lắm”, tôi buột miệng không giữ kịp. “Con đem cho Suzanne coi Me nhé? Suzanne cũng nghỉ học, nó trặc chân” Cái việc trặc chân cũng là một việc mới, không đúng với lần trước, tôi nghĩ. Hoặc giả lần này cũng là *giả* như lần trước? Tôi rùng mình, lạnh xương sống.

“Được không me? Được không?” cháu giục.

“Đừng”, nhưng tôi vội chữa lại, không biết vì sao: “Được; nhưng đừng đi đâu quá nhà Suzanne, và nhớ về trước giờ cơm trưa, nghe con”, tôi nói nốt những tiếng tiền định.

Tôi đứng yên như vậy một lát nhìn theo cháu nhảy nhót chạy ra cửa ngõ. Rồi tôi trở vào, đi thong thả. Thong thả như một người già cả. Trời ơi, tôi chẳng bao giờ được *già* đâu. Trước khi già, tôi đã phải chết, tôi sẽ không còn sống nữa. Không còn hiện hữu nữa. Không còn hiện hữu trong cái nhà này nữa. Tôi sẽ xa anh tôi, sẽ xa cháu Chi. Người

thiếu phụ kia là ai nữa, nếu không phải là vợ của anh tôi, sau khi tôi đã chết. Em bé gái xinh đẹp kia là ai nữa, nếu không phải là cháu Yên-Chi lớn lên. Lần đầu tiên tôi hiểu tại sao phòng khách lại trang hoàng màu tím nhạt và máu trắng. Tôi để rơi mình trên một chiếc ghế. “Trời ơi”, tôi khóc như mưa.

Tôi ngồi đó thật lâu, Rồi tâm hồn tôi dịu lại. Tôi không còn sợ hãi nữa. Tôi không cảm thấy gì hết. Hoàn toàn không cảm thấy gì hết. Tôi thấy tôi nghĩ đến *điều đó* như một điều định mệnh, hiển nhiên. Tại sao tôi lại quyết chắc rằng tôi sẽ chết. Tôi tự hỏi. Anh tôi có thể cưới vợ, lập gia đình, nhưng việc gì mà tôi phải chết? Giả sử tôi đi dạy nơi khác? Nhưng nếu tôi đi dạy nơi khác tại sau tôi không đem cháu Yên-Chi đi? Tại sao cháu yên chi lại ở đây với người thiếu phụ? Thôi quyết rồi, quyết là tôi chết rồi.

Vậy thì cái chết của tôi mới là lời giải hợp lý cho mọi việc. Tôi cố nhớ lại những gì tôi thấy trong phòng khách của tôi - hay là phòng khách của *cô ta* ?

- nhớ lại ngày đầu tiên câu chuyện quái đản xảy ra. Cháu Yên-Chi lúc ấy có vẻ lớn hơn bây giờ nhiều, vào khoảng trên mười tuổi. Vậy là bốn năm sau. Có lẽ tôi chưa chết ngay bây giờ đâu. Nhưng có thể trước cái ngày ấy một năm, hai năm, hay ba năm...

Tôi vùng đứng dậy và thấy toàn thân run lên. Trời ơi tôi điên rồi hay sao. Tại sao một cô gái mạnh khỏe như tôi mà lại đi nghĩ đến cái chết của mình một cái bình tĩnh như thế? Tôi đưa tay lên sờ mặt và thấy đôi má tôi ướt đầm. Tôi đã khóc mà tôi không biết. Rồi cẩn thận, tôi nhón gót đi từng bước một đến máy điện thoại và gọi bác sĩ Lê Ngọc Lương.

Chiều hôm ấy, khi giáp mặt bác sĩ ngồi sau bàn giấy, tôi cảm thấy những lo lắng sợ hãi của tôi trở thành kỳ cục. Tuy nhiên bác sĩ vẫn ân cần khuyên nhủ tôi phải khám lại toàn cơ thể, kể cả chiếu quang tuyến X, để biết chắc rằng không có bộ phận bị hư hại vì thần kinh chấn động. Không có bộ phận nào hư hại thật. Về thân thể, tôi cũng mạnh khỏe bình thường như bất cứ một người bàn bà con gái nào. Bác sĩ Lương còn gửi tôi tới một Psychiatre, bạn của ông ta

nữa. Bác sĩ này lắng nghe tôi kể mọi chuyện một cách hết sức chăm chú và trấn tĩnh tôi. Tôi không có bệnh gì cả, tâm lý vẫn bình thường. Ông bảo rằng những ý tưởng về cái chết và sự xa cách những người thương yêu là những ý tưởng rất phổ thông và thường gây ảo tượng. Phần lớn phụ nữ đều có trải qua hiện tượng ấy, dầu ít dầu nhiều. Vì thần kinh chấn động, những hiện tượng kia có thể trở thành rất thực, nhất là trong những lúc lo lắng quá độ. Bác sĩ chỉ cho tôi xem những hiện tượng ảo sợ còn con của tiêm thức đã nổi lên trên mặt phẳng ý thức và tác động như thế nào, dưới ảnh hưởng của vết thương trên đỉnh đầu. Khi tôi cất chiếc áo đỏ của cháu Yên-Chi trên tầng tử, tôi đã chẳng thăm nhủ trong tiêm thức rằng sẽ đem xuống một lần nữa cho cháu mặc vào mùa hè hay sao? Chiếc kiếng soi mặt nứt rạn rồi lành lại chẳng qua chỉ là do mắt quá trông nhầm, vì ảnh hưởng của vết thương quá mạnh trên đầu. Chiếc đĩa cổ của bà ngoại cũng vậy, do mắt quá mà thấy lằm đó thôi. Còn ngày sinh của bé Hùng, thì, ba tuần sớm hơn cũng là một chuyện thường xảy ra; tôi lại há chẳng biết rằng cái tên Hùng là một cái tên rất phổ thông thường đặt cho con trai cho nó có vẻ mạnh mẽ hay sao?

Khi cuộc nói chuyện chấm dứt, tôi gần như đã bị bác sĩ chinh phục hoàn toàn. Gần như. Từ đó trở đi, chẳng có gì hiển hiện thêm nữa, nên những nghi ngờ còn sót lại cũng yếu dần, yếu dần. Thỉnh thoảng, chỉ thỉnh thoảng thôi, cái cảm giác sợ hãi mới len lén trở về. Song tôi không để ý rằng anh tôi vẫn theo dõi tôi từng giọng nói đến từng cử động. Mãi đến tối thứ bảy vừa qua, cách ngày tôi gặp bác sĩ Lương hơn hai tháng, trong khi cháu Yên-Chi đang học bài trên lầu, tôi lụi cùi trong bếp để nấu chè đậu xanh, tôi mới để ý. Anh ấy cầm đèn soi cho tôi bắc soong chè xuống nói chuyện cho tôi vui, cho có bạn. Tôi đang chìm đắm trong sự lo âu vô cớ, bỗng anh dần mạnh chiếc đèn xuống bàn nói lớn : “Đừng, em”.

“Đừng có nghĩ tới ... cái việc ấy nữa”.

Tôi đặt soong chè xuống bàn, và nhìn anh, đau khổ: “Anh Hưng ơi, làm sao em có thể tránh cho được? Ai nói gì thì nói, ai lý luận gì thì lý luận, không biết tại sao em vẫn cứ nghĩ rằng em biết, em biết tất cả những gì còn lại sẽ xảy

ra cho em, anh ơi”.

Anh tôi bước lại gần, quàng tay ôm lấy tôi và nói rất nhẹ: “Em Hương, anh cũng biết một điều rất rõ, điều mà anh sẽ nói cho em nghe. Đó là anh thương em”. Anh ấy nâng cả cằm tôi lên, bắt tôi phải nhìn thẳng vào mắt anh, và nói tiếp “Em là người anh thương yêu nhất trên đời này. Ba, Mẹ đã mất rồi. Anh chỉ còn có một mình em. Còn anh đây, làm sao anh lại để cho mất em, hả Hương? Em không biết rằng mất em anh sẽ cảm thấy thiếu tận xương tận tủy anh sao? Nhưng anh biết rằng điều đó sẽ chẳng bao giờ xảy đến cho chúng ta cả”.

Tôi dường như thấy tình thương của anh tôi tỏa hào quang và bao bọc che chở cho tôi, là cho tôi cảm thấy êm ái và hết cả lo âu. Trong lúc ấy, nhìn vào mắt anh, tôi biết là tôi có thể tin lời anh. Tôi sẽ không bao giờ chết. Và anh tôi dường cũng biết tôi nghĩ như vậy. Anh hôn trên trán tôi và đánh tôi một cái nhẹ trên má. Tôi múc chè ra chén và nói chuyện với anh một cách tự nhiên, sung sướng; trong mấy tháng nay tôi chẳng khi nào tôi được sung sướng như thế.

Khi chè đã múc xong, tôi đi rửa mặt, tay và thay áo mát buổi tối. anh tôi ra phòng khách. Tôi đang đứng trước tấm kiếng để thay áo, bỗng tôi thấy *nó hiện hiện*. Tấm kiếng. Một tiếng lách cách kéo dài, tấm kiếng nứt rạn theo những đường ngoằn ngoèo kỳ dị, từ trên xuống dưới.

Tôi biết là nó đã xảy đến, cái việc mà tôi đã đợi chờ từ lâu, lo lắng từ lâu. Tôi đã biết trước rằng một ngày kia tôi sẽ phải nhìn vào tấm kiếng vỡ để thấy những visions trở thành sự thực. Tôi đã nghĩ rằng *nó chưa xảy đến*. Chưa. Có lẽ không bao giờ. Tôi sẽ tin vào lời anh tôi, tin lời bác sĩ, *tin một cách hoàn toàn*, tin để mà sống, khi mà tấm kiếng chưa vỡ.

Nhưng nay nó đã vỡ. Lặng lẽ và chậm rãi, tôi tiến lại gần nó, để nhìn tận mặt và để khám phá rằng *tôi không hiện hữu* trong kiếng. Nhưng không, hình tôi vẫn phản chiếu trong kiếng như mọi khi. Mà có cả cái gì là lạ cũng phản chiếu trong kiếng nữa. Tôi cúi tới trước để nhìn cho rõ. Sau bối cảnh tôi thấy ... những hàng dài thánh giá, và chữ vạn chạy dài tới vô biên, nổ bật trên những nắm cỏ xanh. Cây cối um tùm như trong nghĩa địa. À mà đúng là

nghĩa địa thật rồi, đang trải đến chân trời. Nơi yên tĩnh ngàn đời...

“Hung, anh Hung! Trời đất ơi! Anh Hung! Mau lên anh” tôi hét lên, khi anh tôi chạy đến, thì hình ảnh đã biến mất rồi. anh chạy vào, hoảng hốt và hình như không thấy tôi cho nên ngơ ngác nhìn quanh. Anh ở ngoài sáng chạy vào nên không kịp trông thấy tôi, hoặc giả anh đã không *trông thấy tôi hiện hữu* trong lúc đó. Có lẽ nghe tiếng hét anh mới tìm tới được chỗ tôi đứng. Và khi mắt chúng tôi gặp nhau trong tấm kiếng vỡ thì tôi biết rằng, cuối cùng anh cũng phải tin. Nhưng anh không công nhận, và nếu anh có trông thấy gì trông kiếng anh cũng dấu, không bao giờ nói cho tôi nghe đâu.

“Anh Hung ơi”, tôi khóc *“hãy bảo cho em biết rằng anh có trông thấy không, hờ anh?”* anh tôi dịu tôi ngồi xuống và nói: “sao anh lại không trông thấy em? Em vẫn còn đây, em vẫn hiện đây, em là em của anh. Chẳng có ảo tượng nào cướp mất em của anh đi được. Em nằm xuống nghỉ cho khỏe. Đây là đoạn cuối của những ảo tượng. Em sẽ bình phục hoàn toàn sau một thời gian nghỉ ngơi.”

Ngồi bên giường tôi, anh an ủi và vỗ về tôi như an ủi vỗ về một đứa trẻ. Cháu Yên-Chi đã vào tự bao giờ, và đang nắm tay tôi mà khóc, “Me ơi me, làm sao thế me?” Tôi nhìn lại cháu và lắc đầu “không, me không sao cả”, rồi ôm cháu vào lòng, an ủi.

Tối hôm ấy, chúng tôi thức suốt sáng. Cháu Yên-Chi nhất định không đi ngủ và cùng thức với tôi.

Câu chuyện của tôi chấm dứt ngang đây. Đã sáu tháng qua tôi chẳng thấy có gì lạ. Tôi vẫn sống với anh tôi, và với cháu. Nhưng không buổi tối nào trước khi đi ngủ mà tôi lại không tự hỏi rằng *ngày mai tôi có còn sống không*, còn được nấu cho anh tôi ăn không, nếu ngày mai có chuyện gì xảy ra, thì người viết tiếp câu chuyện này có nhiên không phải là tôi. Tôi không còn hiện hữu, thì làm sao mà viết tiếp được. Có lẽ là anh tôi, và có lẽ là cháu Yên-Chi, hoặc có lẽ là *nàng*, người thiếu phụ tôi trông thấy lần trước. Anh ơi? Ngày mai em có còn được trông thấy anh nữa không? Con

oi, ngày mai mẹ có còn được mặt áo cho con nữa không? Hay mai tôi sẽ không có ở đây nữa. Tình thương của anh tôi và con tôi có đủ sức bảo bọc tôi, giữ gìn tôi, trông lại cùng hư vô chẳng?

Những vòng hoa trắng, những lời tiếc thương...Không, tôi không muốn được tiếc thương, tôi không muốn được tưởng nhớ. Tôi muốn, trời ơi, tôi muốn hiện hữu, tôi muốn có mặt ở đây, hôm nay, và mãi mãi. Tôi muốn được có mặt, dù mà có mặt dễ mà khổ đau. Tôi sợ hư vô ... Chắp tay tôi lạy, tôi nguyện cầu rằng dù có chịu bao nhiêu khổ đau, tôi vẫn ước ao được hiện hữu. Ngày mai, ôi ngày mai, tôi có còn được có mặt ở đây chẳng? Trả lời cho em, anh ơi! Trả lời cho mẹ, con ơi!

Princeton, 1962,
Yên Chi

(Văn Nghệ số 15 tháng 5 năm 1962)

ĐỒ QUÍ TOÀN

Mưa tạnh

Ở ngã ba, một bên đường là khu quân sự có hàng rào thép gai ngăn cách, một gác canh bên cạnh chiếc cổng lớn, một bên là những ngôi nhà xum xụp không đều, những mái tôn cũ, mái lá thâm xịt vì nước mưa, nhấp nhô những cây trứng cá, cây me thấp tịt, một con đường nhựa đã cũ, chạy thẳng lên Saigon, hai bên đĩa cỏ mọc lẫn trong đám sỏi vụn đỏ tươi, rồi trũng xuống hai cái rãnh lớn; và một con đường nhỏ rẽ về bên tay trái, đá vụn trải lâu ngày khắp khênh. Có một khoảng đất trống nhỏ ngay chỗ quẹo, một cây me mọc lên không biết từ đời nào, lớn tới ba người ôm chưa hết. Dưới gốc cây Tám dựng một cái quán bán kẹo, bánh, thuốc thơm, nước sô-đa v.v...Nàng kê hai chiếc bàn để bày hàng và một chiếc tủ kính nhỏ, mấy cái ghế đẩu, còn bao nhiêu cho thẳng Hương làm chỗ sửa xe. Tất cả thu gọn lại dưới mấy tấm kẽm cũ ghép với nhau dựng trên bốn cây cột, một phía dựa vào thân cây, đủ để làm chỗ đợi mưa.

Mấy bữa nay mưa chỉ mà bất thường quá. Buổi sáng mây đã nám tới mãi tám chín giờ chưa ló nắng, trời cứ xiu lại như lúc nào cũng sắp có những cơn mưa đột ngột ào xuống rồi lại ngớt luôn cho ánh sáng lại rạng dần và nắng trắng lóa xuống. Lúc mười giờ nắng đang êm, đang hây hây gió mát, bỗng có những giọt nước rơi xuống bất chợt rồi mưa rào tới lúc nào không hay, xe cộ trên đường cứ lao đi vùn vụt, hấp tấp chạy trốn những giọt nước bắt từ, rồi chỉ mười lăm phút sau là mưa lại tạnh biến mây bỏ đi hết, mặt trời lại chiếu những tia nắng chói xuống những giọt nước đọng làm lấp loáng cả mặt đường nhựa cong và lồi lõm, những ngọn cỏ ướt tươi và trên vòm cây, nước mưa còn đọng thỉnh thoảng lại đổ xuống ào ào từng đợt.

Quãng mười giờ trưa, mây lại kéo từ đâu về không hay, che khuất mặt trời, phủ kín cả bầu trời luôn, ánh sáng lại ỉu đi báo hiệu sắp sửa một cơn mưa lớn. Khi những giọt nước bắt đầu rào rạt rót xuống, Tám đang ngồi ở nhà vội chạy qua con đường đá cũ sang quán, trên đường nhựa, những người

đi làm tận Saigon tan sở đang về qua, xe chạy lữ lượt không ngớt. Tám nói với thằng Hường đang đứng sau cái tủ kiếng, đồ nghề đã dọn hết cả vô trong cái thùng sữa cũ, hai tay dứt vô túi quần.

-Thôi, mày về ăn đi Hường.

Nó đang nhìn về phía trại lính, mấy dãy nhà tôn dài sau hàng rào thép gai những chiếc xe vụt liên tiếp qua những đường chắn ngang tầm mắt cũng không khiến nó rời mắt nhìn sang chỗ khác. Hai tay vẫn thụt vô túi quần, nó không quay lại :

-Tôi đợi chị rồi ăn luôn.

Tiếng mưa đập gấp bội như những bước chân rầm rập chạy từ xa tới thì nhanh với giồng xe đang xả tốc độ từ Saigon chạy về. Buổi sáng sớm, bao nhiêu xe đổ dồn cả về Saigon. Đến buổi trưa lại toàn là xe Saigon chạy về, chiều cũng cứ thế. Dù các kiểu xe của đủ các hạng người ngày nào cũng qua lại bốn lần trên con đường nhựa xấu đó, cả một quãng đường dài không có một chỗ nào đáng dừng lại nên họ thường chạy mau qua, không cả nhìn tới những căn nhà, trại lính, cây cối thấp tùn hai bên đường.

Mưa mau hơn, những tia nước dứt thẳng tắp và song song cứ dày đặc dần lại, khiến nhiều người phải tìm chỗ trú ẩn. Người đầu tiên chạy vô quán là một anh chàng trông có dáng học sinh, nó quăng chiếc xe đồ xuống trên những rễ cây nổi ngồng ngoèo nơi mặt đất rồi nép luôn vào chiếc bàn con. Nó lúng túng chạy vòng quanh cái bàn để lùi vào giữa tránh những bụi nước bị gió hất. Ngay sau đó là một ông còi vét-pa, lái xe chậm chậm xuống, dựng cẩn thận vào chỗ đất cứng rồi mới chạy vụt vô.

Tám dứt mấy chiếc ghế nhỏ vô gầm bàn, rồi nàng ngồi luôn lên mặt bàn, dựa tay vào chiếc tủ kiếng nhỏ. Lại mấy người nữa hấp tấp chạy vô quán đụt mưa, đứng nép vào nhau trong khoảng đất nhỏ xít.. Tám cúi xuống dơ tay vuốt vuốt cái vạt áo bà ba phủ trên bụng nàng, dầu sao cái bụng cũng chẳng nhỏ lại được. Cái áo hàng ni-lông coi bộ mỏng dính, trông rõ cả đôi vú-chiên trắng. Bàn tay của nàng hơi đen, và thô, gần móng tay da nhẵn lại, nàng bấm mấu sợi chỉ sổ vút đi.

Mưa đã dày đặc hẳn như mọi lần, mọi lần. Mấy người

nửa chạy ào cả vô quán. Chúng hấp tấp phủi áo gạt những giọt nước đọng trên sơ-mi, lấy khăn tay lau từ gáy sang thái dương xuống cằm. Tám lại nhìn ra chung quanh, nước mưa dày mờ mịt như mọi lần, trời và đất đều đứng chịu trong bầu ánh sáng trắng pha tối ảm đạm. Bỗng dưng Tám thấy như trời đã sang chiều, đã đến gần tối từ lúc nào không hay, vì mây gần đen kéo u cả một vùng. Mấy người đứng trú mưa cố đứng gần sát nhau nhưng lại không dám chạm vào nhau vì áo người nào cũng ướt nhớp. Đầu chúng nó đều đứng thẳng, mắt nhìn về phía xa, không có vẻ chú ý chút nào tới mái kềm nhỏ bé che chở cho chúng. Một người lính bỏ mũ ra cầm nơi tay đứng ngoài cùng. Tám nhìn bộ áo dày cộm của hắn, nước mưa bắn vào rồi cũng thấm đầu mặt, như không. Một thằng cha coi bộ làm công chức, bận cái áo cà-rô kẻ ô lớn thật lớn, buông ngoài quần. Nó nhìn quanh nhìn quẩn tìm lấy một chỗ đứng tốt nhất. Nó thấy cái ghé đầu của Tám đứng đó, nó lại nhìn lên nàng rồi lấy bàn chân đẩy đẩy cái ghé xích vô trong gầm ghé đó. Tám ngẫm nghĩ thấy lố. Nàng cựa mình rút hai chân dưới thu lại dưới đùi ngồi gọn lại như tránh rét. Bàn tay trái của nàng nắm một bàn chân bóp lại. Ở ngoài mưa lại lớn hơn nữa, mới trút xuống âm âm không còn nghe thấy chi hết. Con đường nhựa trắng đi như làm bằng sương mù, tất cả mọi thứ cũng mờ mịt đằng sau lớp nước mưa lớn. Mấy dãy nhà dài trong trại lính, cái chòi canh dựng bên cửa ra vô của xe hơi, mờ mờ. Tít đằng xa ở trên cao, mấy ngọn cây xanh chỉ còn là mấy bóng mờ nhấp nhô sau những mái nhà thấp. Tám luồn tay dưới đầu gối chân phải để ôm sát nó vào mình. Thằng Hường đứng đằng sau nàng, hai tay nó vẫn đút túi quần. Nó mặc cái áo kaki nhà binh, cái quần cũng bằng kaki, chân nó đi đất coi bản lem. Tóc nó bù lên, nó cắt tém theo kiểu tài tử Mỹ nào đó rồi nó không chịu chải luôn thành ra tóc phủ cả xuống trán, xuống thái dương làm khuôn mặt thêm ngờ nghệch tội nghiệp.

Mưa vẫn cứ lớn như thế rồi gió thổi lớn thêm nữa. Nước mưa hắt vô làm mấy người đứng trú vội giạt hết cả về một phía. Nhưng nước vẫn cứ hắt ướt hết quần họ, chỉ còn trên đầu là giữ được khô. Người lính tay cầm mũ vẫn đứng ngoài cùng, mắt nó nhìn mấy đứa đứng chung quanh như thương

hại rồi lại nhìn xuống đôi giày đen thô lỗ của nó đã ướt móp và đất đã bắn lên khắp. Một ông già gầy gò mặc áo sơ mi lụa rộng lưng thùng, thu cả hai tay ép sát vô mình như để tránh những giọt nước hắt tới. Ông ta đứng vào chỗ tốt nhất, nép sau mấy người kia để tránh luồng gió, sát vào cái bàn bày mấy trái thơm, và dừa xiêm.

Tám ngồi ngay sau cái thân cây lớn nên nàng chẳng hề chi. Hai cái bàn của nàng thì một cái trên bày mấy lọ kẹo, bánh, và một chiếc tủ kiếng nhỏ chút xíu, bên trong vút trơ trọi mấy bao thuốc bóc dở. Trên tủ treo lơ lửng những cái bánh ú và nải chuối tiêu chỉ còn ba trái thâm sì. Cái bàn kia kê phía ngoài có mấy trái dừa xiêm và vài chai nước giải khát xếp cạnh năm cái ly. Đằng sau nàng là cái bàn nhỏ nữa dựa vào cây, nàng để cái bếp sắt, đó là buổi sáng có bán cà phê nàng mới dùng tới. Cái thùng đồ nghề của thằng Hường vút luôn dưới gốc cây. Nó chỉ biết vận mấy cái ốc, vá mấy cái bánh xe là đủ rồi.

Cả Tám, cả thằng Hường, cả mấy người đứng đó không ai nói một câu nào hết. Mưa đổ vẫn ầm ầm như tiếng khua gỗ liên hồi ù tai. Mưa chi mà rầu quá, không có bán được lấy một cục, Tám ngẫm nghĩ, nàng cúi xuống nhìn bụng. Cái áo ni-lông màu hồng nâu coi cũng ngộ, cái quần hàng đen đã cũ nhưng cũng còn láng. Và cái bụng nàng hơi phồng ra, nàng nhìn mà muốn rớt nước mắt. Nếu nó là con của thằng Hường đi cho rồi thì cũng còn hơn. Nhưng đây lại là con của thằng cha đó kia. Tám không còn muốn nghĩ thêm nữa. Trời mưa chi mà mưa hoài, nàng chỉ mong bán cho đủ tiền bữa nay, không mong gì hơn nữa.

Tại sao mấy người đứng đợi mưa đây chẳng người nào mua chi hết, đứa nào cũng nhìn tận đầu đầu không đứa nào nhìn vào hàng của nàng. Đáng lý ra phải mua cho nàng chiếc kẹo đậu phụng, hay là mấy điều thuốc mà hút chớ. Nhưng mặt đứa nào cũng buồn thiu, mắt nhìn ra ngoài trời mưa, nhìn lên trời, nhìn con đường nhựa ướt láng và trắng xóa. Chỉ có thằng học sinh chạy vô đầu tiên, thỉnh thoảng nó mới cúi ngó mấy trái thơm, ngó mấy lọ kẹo bánh. Nàng chắc nó cũng muốn mua chiếc kẹo đậu phụng ăn nhưng nó thấy mọi người chung quanh cứ đứng yên nên rút rút cũng không luôn. Nàng thấy mấy lần nó dứt tay vô túi hình như

để lấy tiền rồi một lát lại bỏ ra, mắt nó lại nhìn nơi khác, còn mấy đứa kia, cái mắt chúng nó kia, chắc chúng còn đang mông ngẫm về gia đình chúng, đúng lý ra không mưa thì lúc này chúng đã về tới nhà với vợ con mà ăn cơm trưa rồi. Tám lại thấy đau nhói trong ruột. Nàng cúi xuống lấy móng tay nạy nạy mấy cái đất bám ở ngón chân. Đêm qua nàng vừa mới chợp ngủ thì nghe thấy tiếng xe chạy rầm rập ngoài đường. Nàng nhòm dậy nhìn ra coi thấy một đoàn công-voa chở lính đầy nhóc chạy qua. Ánh đèn pin chiếu lòa trong đêm tối, xe chạy nhanh vút đi, mãi hồi lâu chưa dứt. Nàng lại nằm xuống vuốt bụng và muốn khóc. Đáng lẽ ra nàng đừng có ung hấn mới phải, đừng có làm vợ hấn trong mấy tháng đó. Thằng cha lúc nào cũng bận cái bộ áo bà ba lụa rất bảnh, mặt nó vuông thật đẹp. Người ta vẫn cứ tưởng nó giắt súng sáu ở trong bụng, nhưng sau nàng mới biết là không phải. Lần đầu gặp nàng, nó cười nói oang oang, nó uống luôn lúc một chai la de, mắt nó nhìn như chọc vào thịt nàng. Lần thứ hai nó nói xạo với nàng một lát rồi ôm đại ngang lưng nàng luôn. Nàng cố đẩy nó ra mà tay nó khỏe quá. Nó vừa cười vừa làm bộ năn nỉ : “Em Tám ơi, ung anh đi mà em, coi bộ lấy anh không sướng sao em ?” Rồi nó ca luôn một câu cải lương tức cười. Lúc nàng vùng ra khỏi tay nó thì mặt nàng cũng đỏ bừng và miệng nàng cười. Nó vừa đi khỏi vừa chỉ tay vào nàng mà nói : “Đó nghe không ? Cười là ung rồi đó nghe không ? Đừng có bảo không ung nghe không ?” Có người đã khuyên nàng là đừng có lấy cái thứ đồ đó làm chi, vì cái thời buổi còn nghe thấy tiếng súng này đâu có yên mà lấy. Nhưng, mà nàng lại ung nó chớ, nàng còn biết sao nữa.

Tám dụi dụi má vào đầu gối. Nàng cảm thấy cái ấm nóng truyền từ má nàng xuống đầu gối, xuống tận tới đùi. Bàn tay nàng xoa dưới chân cũng nóng. Nàng ngẩng đầu lên bắt gặp thằng cha đi vét-pa khi nãy đang nhìn nàng. Nó vội ngoảnh đầu đi ngay. Một chiếc xích lô máy tới đậu bên quán nàng lúc nào không hay. Thằng cha xích lô máy buông hết các mảnh vải che xuống rồi ngồi trong đó, chắc là đang ngủ. Nước mưa đổ trên mấy tấm vải dây thể dục có thấu. Trên đường, một chiếc xe hơi chạy vụt qua đâm thẳng trên con đường trắng, mờ dần dần trong lớp mưa rơi dày đặc, rồi

càng xa càng mờ trông ủ rũ như buồn ngủ. Mấy thằng cha đó nàng thuộc hết mặt, chẳng đứa nào không. Thường chúng vẫn chạy sang đây uống nước và nói chuyện oang oang, cười nghiêng cả cái bàn. Nàng vẫn thấy chúng nhìn vào bụng vào đùi nàng mà cười nữa, nhưng mà nàng biết chúng đều có vợ con hết, nàng không đáp lại.

Chúng đâu có biết được nỗi đau khổ tận trong lòng nàng, chúng đâu có biết nàng nghĩ ngợi gì. Nàng cố nén tất cả những cái đau đớn của cõi lòng mà thản nhiên ngồi nhìn chúng đùa cợt, nàng chỉ cốt bán sao cho đủ ăn. Cả những người vẫn đi qua đi lại hàng ngày trên con đường này nàng cũng nhớ hầu hết vì sáng nào cũng thấy chúng đổ tuốt về phía Saigon, rồi trưa lại thấy chúng từ Saigon đổ về qua. Buổi chiều cũng vậy. Nhưng rất ít khi những đứa đi qua đó lại dừng lại vô quán nàng chơi. Chỉ đôi khi có đứa hư xe phải nhờ thằng Hường sửa vá cho thôi. Thường chúng vẫn ngồi ở cái ghế của nàng để chờ đôi khi mới uống nước hay là ăn bánh, hút thuốc. Nàng biết cái thằng cha đi vét-pa hồi nãy bữa nào nó cũng đi qua đây hết, cả chúa nhật nữa. Thỉnh thoảng nàng lại thấy nó nhìn vào quán nàng nhưng chưa bao giờ thấy nó dừng lại. Hình như nhà nó còn ở xa nữa, hàng mấy cây số lận. Cái lão già nàng cũng nhớ, nó thường đi bộ qua đây để tới bến xe buýt ở phía trên kia. Nhà nó ở đâu gần đây thôi, có mấy lần nó mua thuốc hút nhưng không nhìn nàng. Có tên lính cầm mũ đứng phía ngoài là nàng không nhớ rõ. Chắc hẳn ở xa mới tới hay chỉ đi qua có một lần, chắc không còn lần nào hẳn quay lại đây nữa. Hẳn cứ nhìn trộm nàng, rồi lại quay ra nhìn mưa đổ. Tám đã biết là nàng coi cũng dễ thương, cái má nàng bầu bĩnh, tóc nàng thật đen, tuy mắt nàng hơi xéch coi dữ dằn một chút. Dầu sao cũng đã bao nhiêu người say đắm nàng, hoặc chỉ mê nàng một lát rồi lại quên, hoặc theo nàng mãi không thôi. Hàng ngày cứ ngồi mãi ở đây, nhìn mãi con đường này, dần dần nhớ cả mặt những người đi qua, như thế cũng chán. Bữa nay nàng mới trông rõ cái mặt của thằng cha đi vét-pa. Coi mặt có một cái vết đỏ như lở loét ở dưới cằm bên trái, thỉnh thoảng nó lại dơ tay lên như để che, và nghiêng nghiêng cái đầu cho khỏi ai thấy. Cái mũi nó trông mới thật là thô, lỗ to tướng đút cả ngón chân cái vô cũng lọt. Tóc nó chải bi-ăng-

tin bóng loáng cả lên, và ngửi thấy cả mùi thơm phức. Nhưng lúc nào cũng có vẻ như muốn tránh cái nhìn của mọi người, không muốn ai ngó cái mặt vô duyên của mình. Tám lấy làm thích được trêu nó bằng cách cứ thỉnh thoảng nàng lại nhìn chõ vào cái lỗ mũi to, và đầy lông, làm nó lúng túng quay đầu đi. Từ ngày biết nó vẫn cứ qua đây, cười cái vết-pa trông oai vệ, mặt cứ nhìn thẳng lạnh lùng, bữa nay nàng mới được trêu nó thích chí. Còn cái lão già nữa. Bữa nay nàng mới biết hần có tật ho vặt, thỉnh thoảng lại ho khụ một tiếng, ho nhanh và gọn như là tiếng ho phát ra từ cổ họng hần một cách dễ dàng quá, tuột một cái là xong. Nàng thấy cứ độ ba phút hần lại ho một lần, mà mặt hần vẫn thản nhiên như không. Nàng nhìn kỹ cái cổ áo lụa dơ bẩn, cấu ghét, cả cái gáy của lão già cũng đen thui như phoi nắng suốt cả đời rồi. Đứng bên cạnh lão là thằng cha công chức áo ca-rô, Tám cũng nhớ là hần vẫn đi xe máy dầu qua đây. Có một lần xe hần đề phải đình nổ lốp phải nhờ thằng Hường vá. Nàng nhớ bữa đó hần có mua bao thuốc thơm và xin nàng lửa. Mặt hần trắng trẻo và nhiều mỡ. Đứng trú mưa, hần khéo chọn một chỗ tốt nhất. Hần cứ hết nhìn xuống chân xem nước chảy qua vô thắm ướt giày, dậm dậm giày một cái, lại lấy tay kéo quần lên rũ rũ, rồi lại nhìn vai áo, lấy tay phui phui tay áo như có bụi bám, rồi lại nhìn đồng hồ xem giờ và nhìn trời mưa. Nàng chắc hần có vợ và chỉ mong về ngay để ăn cơm với vợ.

Tám thấy đau thốn ở giữa bụng. Nàng cũng đói còn cả ruột. Nàng quay lại, thằng Hường đứng đằng sau nàng vẫn đút hết hai tay vô túi quần và mắt buồn bã ngơ nghe nhìn ra mưa. Thấy nàng, nó cũng đưa mắt nhìn rồi mỉm cười nhạt nhẽo. Mấy sợi tóc ướt nó rũ cả xuống trán, với nụ cười lại thảm hại thêm. Gò má cao, mắt hay chớp lia lịa, nó kém nàng tới ba tuổi lận. Một bữa nó tới xin nàng cho nó dọn đồ nghề ở cùng dưới gốc cây. Nó đã giúp nàng sửa sang cái quán cho chắc chắn. Rồi nó xin tới ở luôn nhà nàng. Nó cứ năn nỉ nàng lấy nó đi, nó nhận nuôi con nàng làm con nó luôn, nhưng nàng chưa ưng, tuy vẫn cho nó ở chung một nhà.. Coi bộ thiệt nó cũng tội nghiệp, nàng thấy cũng không thương nó được. Nhưng không thể so sánh với cha thằng nhỏ nằm trong bụng nàng đây được, không thể so sánh

được.

Mưa ngớt đi. Những chiếc xe vút qua trên đường hồi nãy mờ mịt như có phủ một lớp sương mù, càng đi về xa, những chiếc xe càng có vẻ như đứng yên bất động, trong bầu trời ướt sũng. Bây giờ nước dần dần nhỏ hạt và thưa hơn, mây từng mảng rộng mỏng đi dần. Tám đã trông thấy những chiếc xe ở tít xa, thấy chúng chạy mau hơn, tung những tia nước lia trên mặt nhựa. Phía trước mặt nàng, vượt lên cao trên những lớp mái nhà lấp ló, một vòm cây lớn vươn những cành lá cong đã in rõ dần trên một khoảng trời đã sáng lên dần. Gió đã tạnh đi từ lúc nào, những giọt nước đều xiên chéo rơi một điệu từ tốn. Mấy đứa đứng đợi mưa dần dần rã xa nhau, lùi gần ra phía ngoài vì mưa không còn hắt nữa, trừ có tên bạn sơ mi ca rô bỏ ngoài quần vẫn đứng yên chỗ cũ. Thịnh thoáng hắt lại dậm dậm chân. Dần dần, những hạt mưa càng nhỏ đi, trông như đã tạnh, chỉ còn thấy những giọt thưa rơi trên vũng nước bên đường. Tám nhìn đám cỏ xanh, nước ướt vũng trên đất, tươi khắp đám lá tươi. Bên kia đường, từ dãy nhà tôn, một đám lính ủa ra cổng chạy tới tấp, tay che lên đầu phủ mưa. Vừa chạy chúng vừa cất tiếng cười lớn và gọi nhau om sòm như vui sướng lắm. Trong quán mọi người cũng sửa soạn bỏ đi. Trước là người lính, đội mũ lên đầu, nhìn trước sau, rồi quả quyết chạy ra ngoài, chạy thật mau khỏi vòm lá cây với những giọt nước vẫn rớt xuống, rồi hắt bước mạnh trên đường nhựa. Chân hắt bước chẵn chẵn, đôi giày lính gõ những tiếng oai vệ, nó đi thẳng không quay lại nhìn cái quán đựng mưa lấy một lần nữa.

Mấy người còn lại ai cũng sẵn sàng để bước ra, nhưng thấy nước mưa vẫn từ trên những tầng lá me rớt xuống, không dám ra hẳn. Cậu học sinh là người bỏ đi thứ hai, chạy vội ra nhắc cái xe, nhẩy phóc lên yên rồi cúi rạp xuống mà đạp vút đi thật lẹ. Những giọt nước nhỏ vẫn rơi, thưa thớt và đều đặn. Năng đã hứng lên sáng lóa cả mặt lộ. Tên áo ca rô vừa dậm chân vừa dơ tay coi đồng hồ. Hắt chạy lẹ tới chiếc xe máy dầu, lấy tay vuốt nước đọng trên yên và mở máy. Tiếng máy ròn inh tai cả đám người đứng đó. Hắt nhẩy lên xe, rồi chỉ một lát biến mất ở cuối ngã ba, sau bức tường màu vàng dài và cao, trên có cắm những mảnh ve chai của

trại lính. Trên nữa là trời trắng những mây, mấy đỉnh cây phượng xanh mọc trong trại lính lốm đốm mấy cánh hoa đỏ chót, nàng chỉ trông thấy và cứ trông thấy mãi những đỉnh cây mà chưa bao giờ biết được mấy thân cây và gốc cây đó mọc ra sao.

Người xích lô máy nằm trong xe thò tay ra mở nút khuy đồng, vén cái mảnh vải che phía trước, gọi to :

-Bán tôi cái bánh ú đi.

Tám bước hai chân xuống đất.

-Mặn hay ngọt ?

-Mặn đi.

Nàng vói tay nghiêng mình trên chiếc bàn và lấy bánh. Mấy người đứng quanh đã bỏ đi. Lão già và lão đi vét-pa cùng bước khỏi một lượt. Tám trông theo cái vét-pa nhớ lại rồi biến đi nốt. Nàng lại quay nhìn theo lão già. Hai bên vẫn so lên, cái lưng áo rộng và sạch, lão bước từng bước một lên mé đường, đầu lão nhìn chăm chăm xuống mặt đất để tránh những vũng nước. Lão bước đi một cách từ tốn và cẩn thận mãi không thay đổi, còn nàng, nàng nhìn theo một hồi thì chán mắt. Thế là chúng đi hết. Tám quay nhìn thẳng Hường, nó đã khóa cái thùng sữa cũ đen thui lại rồi.

-Thôi về nhà đi Hường, đói quá rồi ăn sao nổi nữa. Nàng thu mấy thứ đồ lại trong tủ. Mấy thứ khác nàng mang trên tay. Hai người bước qua con đường đá cũ khắp khênh, sạch đi sau cơn mưa gội, bước vào trong bức cửa ván gỗ. Tám thấy mệt nhọc rồi, nàng bỏ mâm cơm ngoài cái giường gỗ đó, nàng bước vô buồng nằm luôn xuống. Nàng vẫn như trông thấy cơn mưa vây quanh nàng, với mấy lũ qua đường trú lại trong quán, quanh nàng. Cái thằng cha có cái lỗ mũi lông lá coi rất sợ. Cái lão già ho khùng khực đều đều. Cái đồng hồ mạ vàng của thằng cha áo ca rô. Cơn mưa vây bọc rồi cơn mưa lại ngớt đi, bao nhiêu nước đổ xuống lại biến đi đâu hết, không còn chi để đổ thêm xuống nữa.

Tám gói đầu vào cánh tay, nằm nghiêng. Cái bụng nàng nghiêng nặng về một phía, nàng dơ tay xoa xoa lên. Nàng nhớ lại khuôn mặt của chàng, khuôn mặt vuông vắn, thường đỏ lên như uống rượu. Tám dụi dụi đầu vào vai, vào cánh tay. Sao số nàng cực quá vậy không biết. Nhớ lại khuôn mặt đó, nàng lại thôn thức muốn khóc, bụng nàng lại quặn đau

như có một khúc ruột gấp đôi lại. Nàng vừa ở với hắn được gần nửa năm, thì một bữa hắn đi không về nữa. Người ta ai cũng nói là chắc hắn chết rồi còn chi. Mà chết dễ lắm chứ phải không đâu. Nàng vẫn nghe nói những chuyện bắn giết, đột kích luôn luôn, lúc nào nàng cũng phấp phỏng lo sợ cho hắn. Rồi một bữa, người ta thấy ngay giữa chợ một cái bao bố, mãi có người tò mò mở ra mới thấy một xác người trông sợ. Cái xác không còn đầu nữa, nhưng mà Tám cũng nhận ra vì nàng thấy rõ hai bàn tay. Hai bàn tay vẫn ve vuốt áp ủ nàng mà. Tám lại thấy nước mắt thấm nóng cả hai mi. Hai bàn tay đó nàng quên làm sao. Nàng nhớ lại khi hắn hôn lên mắt nàng, hôn trên môi nàng, tay hắn vuốt ve má nàng, xoa trên bụng nàng. Tám nằm ngửa dậy, duỗi thẳng hai chân và nhắm mắt lại. Bây giờ là đứa con của hắn đang thành hình trong bụng nàng, nàng có muốn vứt bỏ đi cũng không được nữa. Hàng ngày nàng vẫn phải ngồi đó mà bán hàng, mà nhìn mà nhớ rõ tất cả những người đi qua trước mặt nàng, nhưng chúng thì không hề biết đến lòng nàng ra sao.

Tám mở mắt ra thẳng Hương cầm tờ báo đứng cạnh bên giường. Nó nhìn bụng nàng. Nó ngồi xuống nói nho nhỏ :

-Đi ăn cơm, chị Tám.

Tám gật đầu. Nó lại nhìn bụng nàng nữa :

-Còn mấy tháng, chị Tám ?

Rồi nó đưa tay ra trên bụng nàng, cách mấy đốt, nó hỏi :

-Chắc tháng nữa là nó to chừng này ha ?

Bàn tay của nó hạ thấp xuống dần dần, Tám vội lấy tay gạt ra, nàng bảo :

-Thôi mày ra ăn đi, tao không ăn được đâu.

Thằng Hương đứng dậy bước ra. Tám nhắm mắt lại, tưởng khi nào đã sinh rồi, nàng sẽ lấy nó chẳng ? Nàng cứ lấy nó rồi nuôi con chẳng ?

Tám nghe thấy tiếng thằng Hương nhai tóp tép, rồi tiếng nó hỏi vọng vào :

-Báo nó đăng có bão ở biển Phi Luật Tân. Biết Phi Luật Tân đâu không chị Tám ?

Tám ưỡn bụng lên nói thật to, quá cả sức nàng :

-Tao không có biết !

(Văn Nghệ số 6 tháng 7 - 1961)

LAN CHI

THÔI THUA

(truyện dài, tiếp)



phác thảo của Thân Trọng Minh

Chương 2

VỢ BỎ HAY BỎ VỢ ?

Căn phòng vuông góc hình chữ nhật, bề ngang chừng hai thước rưỡi bề dài chừng năm thước rưỡi, vách bên ngoài bằng loại nhôm mỏng màu xám xỉn lát từng miếng sọc

ngang, bên trong lát gỗ ép loại rẻ tiền, bộ dạng giống như một toa tàu chở hàng, tiếng Đức gọi là công-ten-nơ, nằm chung với chừng 30 cái na ná cỡ với nhau thành một dãy bên mặt và một dãy bên trái trên một khu đất trống ở ngoại ô thành phố. Đó là khu chung cư của những người tị nạn tạm thời định cư.

Trang trí đơn sơ nếu không nói là nghèo nàn: sàn xám nilông cứng khá xệch xạc, cạnh cửa sổ lớn như cửa sổ toa xe lửa thấy có hai cái giường cá nhân hai tầng kê đối diện nhau, trên giường mền gối ngỗ ngang không thu xếp. Một cái tủ lớn bên tay phải từ ngoài nhìn vào, đứng ngất ngưỡng suốt đưng trần. Một cái bàn gỗ vuông chân đã xộc xệch với bốn chiếc ghế gỗ gia dụng. Từ ngày dọn đến đây vợ chồng anh chưa sắm cái gì thêm ngoài cái tivi màu cũ của xã hội cho và một máy cassette của gia đình người Đức đối diện với trại đặt trước cửa cho xe hồng thập tự chở đi, nhưng anh chồng đã sáng ý ra dấu xin họ vào một buổi sáng ra đường tình cờ bắt gặp.

Hôm dẫn hai vợ chồng đi xem cái gọi là “nhà” mới, bà xã hội từ thiện thành phố tỏ ra ái ngại và xin lỗi hai vợ chồng vì căn phòng đối với bà quá “primitiv!” (thô sơ), bà thốt lên như thế. Nhưng liền sau đó bà bờ ngỡ cười khi thấy hai vợ chồng mỗi người nắm lấy một cánh tay bà day day tỏ dấu cảm ơn rồi rút. Bà không biết sau mấy năm gian khổ trong túp lều tranh xiêu vẹo ở xóm Bà Rịa, và hơn nửa năm chui rúc, lang thang ở các đảo tị nạn Nam Dương thì đây là một căn phòng quá lịch sự và sang trọng cho gia đình vợ chồng anh.

Tốt đang ngồi ở bàn với một chai bia “sư tử” trong tay. Trên bàn ngỗ ngang những chai bia, hai chai trống và nhiều chai chưa khui. Mặt anh đỏ, đôi mắt loang loáng những gân máu nhưng không dữ tợn mà đại đại như mắt của kẻ đồng bóng, một tay anh chống bàn một tay đưa chai lên tu ừng ực, khoảng giữa hai ngụm bia người ta nghe anh lâu bầu, kiểu chữi thề của dân ăn nhậu. Sau mỗi ngụm Tốt khà một tiếng tiếp hơi. Anh chưa say, mặc dù bia Đức nổi tiếng mạnh, thường uống chay không đá, đàn ông Việt Nam giỏi đến ba

chai là say tí. Nhưng Tốt chưa say thật, anh đang cẩu. Anh vừa ở tòa án về. Anh thua kiện vì vụ đánh vợ. Anh tức ông luật sư và giận luôn cả cô thông dịch. Để xả hơi phải nhịn nói năng ở tòa, anh đã bắt đầu ngậm bia thứ nhất ực một cái và đưa chai bia lên trời, long trọng bằng ba tiếng “đ.m. nó” ngay giữa phòng. Chẳng có ai phản đối hay hưởng ứng, anh chửi luôn một hơi rồi ngồi xuống uống tiếp. Hết chai bia thứ ba, giọng anh bắt đầu lè nhè, đầu lắc lư và gục xuống bàn mắt rú lại.

Bỗng anh giật mình vì có người đập mạnh vào vai. Khuôn mặt loắt choắt của Nam, bạn láng giềng hiện ra nơi khung cửa sổ phía hành lang, cánh tay Nam vói qua khung cửa đập vào vai Tốt mấy cái.

- Ê mày, chuyện tòa án đến đâu rồi ?

Hắn vừa hỏi vừa đi vòng đến cửa vào phòng, sau khi nhanh tay vói lấy chai bia từ khung cửa.

Tốt cũng chụp chai bia thứ tư, nói như một cái bong bóng bị nổ bất ngờ :

- Đ.M. thua!

- Hử? Tại sao thua? Mày có luật sư mà!

Mặt Nam ra vẻ thành thạo như kẻ biết luật lệ ở Đức, hắn đứng tì vào bàn, trạc gần ba mươi, người thấp, nhỏ nhắn, mặt nhọn như hột trái xoài héo, miệng hô, tóc hói ngắn với hai đôi mắt linh hoạt thông minh, áo sơ mi bỏ ra ngoài.

- Đ.M. cái thằng luật sư L..o..h..n... của mày, thua bỏ mẹ!

- Đ.M. mày, cái thằng thô tục nhé! Thua là phải, cái mặt mày!

- Mặt tao sao?

- Mặt...!

Tốt nóng nảy:

- Mặt gì?

Nam nổi quạu, chính hắn cũng chưa biết “MẶT” gì:

- Mặt..., mẹ ông chưa kịp nói thì mày hót ngang!

Tốt đứng lên, như lú lẫn không nghĩ ra tiếng gì hơn:

- Mẹ, mày nói ông nghe, mặt gì hử?

Nam nhún vai lì lợm rồi phứa đại:

- Thì cái mặt thua, thua tòa, thua vợ, thua con, thua... thua...

Tốt nghe máu xông lên đầu:

- Mày nói một lần nữa tao nghe coi, tao thua ai?

Nam bỗng bật cười, thấy thằng cha ngỗ nghĩnh và thấy mình gãi đúng chỗ:

- Thua tòa, thua vợ, thua con...

Tốt quát lên:

- Tao thua vợ thua con lúc nào?

Nam thườn cái môi trên của hấn như cái ống loa, hoa hoa chai bia chỉ vào phía giường ngủ:

- Mày thua vì vợ con mày bỏ mày, chứ thua ai nữa!

Tốt bỗng găm lên như con thú bị thương:

- A! Cái thằng này đ.m. mày dám láo với ông. Ai bỏ ai?

Nam bình tĩnh nhưng có vẻ giễu cợt;

- Thì vợ mày bỏ mày chứ ai vô đây bỏ mày mà hỏi dấm dó!

Đột nhiên Tốt chụp cổ áo của Nam siết lại: tay cầm chai bia chỉ ngay vào ngực mình:

- Này ông nói cho mày nghe, vợ ông không bỏ ông, - hấn đập chai bia vào ngực mình, trúng xương đòn gấn bả vai kêu cái cốp – chính Ông đây bỏ vợ, nghe chưa?

Nam đỏ mặt vì bị cú siết bất ngờ, cười ré lên chế giễu:

- Đâu? dù mé mày chỉ cho tau mày bỏ vợ lúc nào!

- A, Đ. M. cái thằng láo!

Tốt xấn tới Nam định đưa tay đâm vào mặt, Nam né được.

Hai người ôm lấy nhau, loạng choạng ngã lẫn ra nền nhà. Cả hai quần nhau trên sàn lẫn cù như hai con quay, người nào cũng muốn tìm cách đè lên người kia, vừa quần thảo vừa chửi thề ồm ồm. May cả hai đều ngà ngà nên tay chân quờ quạng không đủ sức để cho nhau những đòn trí mạng, thành thử cuộc vật lộn giống như trò đùa bỡn.

Giữa lúc ấy có tiếng gõ cửa. Hai người vội buông nhau ra.

Tốt ngồi dậy trước. Anh “a” lên một tiếng. Nơi khung cửa thấy dáng cao của một phụ nữ người “Tây” trẻ tuổi, áo pull váy dài, tóc vàng thấp thoáng, cô vừa gõ cửa vừa kêu nhỏ nhỏ :

- Herr (ông)... Tod (chết)! Chữ “Tod” cô nói ngập ngừng nhưng thân thiện, chữ “t” đằng sau tên “Tốt” nghe nặng nặng như chữ “đê” thành ra Tốt mà nghe như “Tod”

(chết).

Tốt phúi áo, vừa đứng lên vừa vuốt tóc đi nhanh đến cửa:

- Ja (dạ) ờ, ô, cô Maria.

Anh đưa cả hai tay ra bắt tay người phụ nữ và ra dấu mời vào. Cô người tây nhoén miệng cười tươi tắn. Về phụ nữ Đức giải phóng, cởi mở, hơi đầy, có da có thịt, mặt trắng hơi tái, khoảng tuổi của Tốt, nhưng trông chừng chặc rãnh đời.

Nam cũng vừa đứng lên, hắn nói tiếng Đức được nên riu rít:

- Oh, guten Nachmittag! Frau Maria! (Ồ, chào bà Maria buổi xế trưa).

Rồi lầu lầu như trả bài tập tiếng Đức:

- Wie geht es Ihnen? (Bà mạnh giỏi không?)

Maria vẫn nụ cười với đôi mắt màu ve chai của con búp bê “barbie” mà bé Dung, con gái của Tốt, được cô tặng, thường để đầu giường. Maria khi nào cũng niềm nở, nhất là với người Việt Nam, hình như cô có rất nhiều thiện cảm:

- Tag! (chào) ông Tod, Tag! ông Nam, may quá có ông ở đây giúp tôi vài tiếng nhé!

Cô Maria là nhân viên thiện nguyện của sở xã hội Đức, mỗi tuần cô đến một lần để thăm hỏi người tị nạn và xem mọi người có những nhu cầu nào mới phát sinh, làm bản tường trình để xin trợ cấp cho các gia đình. Cô được mọi người rất quý vì rất tận tình với người tị nạn, hình như còn độc thân. Tốt kéo ghế mời cô ngồi còn anh thì đứng vòng tay. Nhưng cô ra dấu anh ngồi xuống rồi tươi cười quay sang Nam :

- Ông Nam cắt nghĩa hộ nhé! Ông “Tod”, tôi được nha xã hội cho biết hiện nay ông ở một mình vì vợ con ông bỏ đi. Vậy tôi phải làm tờ tường trình lên cấp trên về tình trạng gia đình của ông hiện nay.

Nam nhanh nhẩu bỏ chai bia xuống bàn, loa mồm hô ra dịch. Tốt nhìn lăm lăm vào đôi môi thâm quầng nước dãi trắng của thằng cha nổi tiếng miệng mồm nhanh nhẩu xỏ lá trong trại. Vừa dịch sang tiếng Việt đến đoạn “VỢ CON BỎ ĐI”, Nam đắc thắng cất cao giọng nói thật to: “VỢ BỎ THIẾT TÌNH NHÉ!” Hắn vừa dứt lời, Tốt đã đứng lên, đến trước mặt cô Maria, hai tay chống vào hai bên sườn, chai bia cặp kề một bên hông, anh đứng dạng chân, bật ra tiếng Đức xôi đậu theo kiểu của anh, vừa nói anh vừa lắc đầu, ngón tay trỏ của anh bắt chước mấy người Đức hươ qua

huơ về một khi họ làm một phủ định cương quyết đối với người tị nạn:

- Nai! Nai! (nein, nein = không, không) cô Maria, nai! nai! nai! (không! không! không!)

Rồi chỉ tay vào ngực mình anh đồng dục:

- “Ích kờ” đây là “Ích kờ” bỏ vợ “fet lát xân fờ rau” (verlassen Frau) chứ không phải vợ bỏ “ích kờ”, cô biết chưa?

Rồi như chưa đủ rõ anh tiến sát trước mặt bà, chân dạn ra oai vệ, anh chỉ vào mình:

- “Ích kờ” nghe chưa Maria? (Tiếng Đức ICH = Tôi, vẫn “ch” đọc như âm “hờ”, cho nên Tốt phát âm là “Ích kờ”).

Anh bỏ luôn tiếng “cô” để nói cho mau, thành ra có nghĩa thân mật mà không hay.

Rồi day qua Nam anh sừng sộ:

- Mày dịch câu đó cho rõ tao nghe coi : “ích kờ” bỏ vợ ! cái thứ đàn bà ấy là BỎ, hiểu chưa? Mày mà dịch khác thì liệu hồn!

Anh huơ cái chai lên khỏi đầu.

Nam chưa kịp phản ứng thì cô Maria phá lên cười rũ rượi. Bỗng nhiên cô thấy cái gã đàn ông đang đứng hiên ngang tuyên ngôn “bỏ vợ” trước mắt mình ngổ ngáo và có duyên như một tài tử trong phim Tàu kiểu “L’*amant d’asie*”, với cặp mắt long lanh, tóc đen húi cao “à la Bruce Lee”, dáng người rắn rỏi dẻo dai với nước da màu hạt dẻ nhỏ mức, khác hẳn với số lớn đàn ông Đức dềnh dàng, nước da trắng bủng bệu bạo. Maria chưa bao giờ thấy Tốt ba trợn như thế, thường khi gặp cô anh chỉ mỉm cười, cúi đầu lễ phép, hoặc vòng tay đứng yên trong các buổi họp hoặc chỉ nghe anh nói bít tở dăng kờ lúng búng khi gặp cô cùng với chồng con mà thôi. Hôm nay trông Tốt khác hẳn, như một tay anh chị Á đông dám sừng sộ hồn láo với cô, hẳn nói một loạt tiếng Đức lổp đóp nghe ngộ nghĩnh quái dị, chẳng chữ nào ra chữ nào, nhưng lại rất quyến rũ thách thức. Maria vẫn cười như không dừng được, một tay chận ngực, một tay cô lục trong ví lấy ra mảnh khăn giấy. Vừa chặm nước mắt vừa nhìn cười Maria lấp bắp:

- “Ích kờ” là cái gì thế? Tôi chưa hiểu!

Nam gãi tai:

- “Ích kờ” là “Tôi” là “Ich” đó.

Hắn cặn kẽ hơn, chỉ vào Tốt:

- “Ích kờ” là nó, ông Tốt!

Cô Maria gật gật cái đầu, ráng làm mặt nghiêm:

- BO WO! WO BO! Oh Tod! Là nghĩa gì?

Đến phiên thằng Nam bật lên cười hô hô. Còn Tốt vẫn đứng trước mặt Maria, không hiểu tại sao câu nói tối ư quan trọng của anh lại làm người đàn bà này cười đến thế, anh lúng túng đưa chai bia đã cạn lên nức khan.

Nam vừa cười vừa làm tài lanh giải thích:

- Bỏ vợ là nó - hắn chỉ vào Tốt - bỏ vợ, còn vợ bỏ là - hắn đưa tay chỉ ra ngoài cửa - vợ nó - hắn chỉ vào Tốt - bỏ đi!

Tốt xán chai bia xuống nền nhà, sùng sộ với Nam :

- Chẳng con mẹ nào bỏ tao cả!

Anh nhìn xuống mặt cô Maria:

- Tôi bỏ nó, cô biết chứ?

Maria không hiểu:

- Nhưng mà này anh Tốt, nếu anh bỏ vợ là anh có lỗi, có thể anh phải bồi thường, còn nếu chị ấy bỏ anh là chị ấy có lỗi và không có quyền đòi hỏi anh. Anh có biết thế không? Luật pháp ở đây người ta dành quyền lợi nhiều cho đàn bà, nếu anh khai không đúng là thiệt hại cho anh. Trong trường hợp gia đình anh, nếu chị bỏ anh thật thì lợi cho anh đấy chứ.

Nam cố gắng giải thích đại khái. Nhưng Tốt chẳng muốn nghe, anh lắc đầu quây quây và trong cơn bốc đồng, bỗng anh đưa hai tay ôm đầu cô Maria đang gằn kè bụng anh, kéo cô đứng lên, anh cao nên hai người đứng đầu đối đầu nhau, anh nhìn sâu vào mắt cô, nói với giọng khiêu khích:

- “Ích kờ”! TÔI BỎ VỢ ! Chẳng hơn thiệt gì cả, cô biết không?

Trong lúc Nam há hốc mồm trước cử chỉ xốc nổi bất ngờ của Tốt, Maria đỏ bừng cả mặt, cô nghe hơi thở nóng hổi của gã đàn ông hào hên trên mặt mình, cô bối rối nhích người ra khỏi tay Tốt:

- Ô anh Tốt!... thôi được !

Sửa mái tóc lại cho ngay ngắn, cô nói với Tốt và Nam:

- Thôi để dịp khác tôi quay lại, giờ trễ rồi tôi phải đi đây! Khi nào anh bình tĩnh thì tôi sẽ đến làm việc. Không sao đâu!

Nam quay sang Tốt:

- Cái mặt thẳng trời đánh!

Maria đã ra đến cửa.

Ngoài hiên quả thật trời đã tối. Đèn trong trại đã bật sáng trưng trong dãy hành lang, Nam theo chân cô Maria rời khỏi phòng. Tốt đứng bơ vơ ở giữa phòng, anh không buồn đến bật đèn và đứng khá lâu trong căn phòng trống rỗng. Một lát sau anh đi ra cửa, thấy đèn hành lang chói chang mà chẳng có ai qua lại. Anh đi đến cái công tắc bấm nút tắt đèn. Anh thường có thói quen như thế. Thói quen tiết kiệm mang từ bên Việt Nam sang. Không như những người khác đến trại là phung phí điện nước, anh thường đi tắt đèn trong trại khi mọi người không cần đến, vừa làm anh hay nói một mình „ở nhà chẳng có mà xài!“.

Tốt đến ngồi ở bậc thang ngoài hành lang. Anh buồn! Đã hơn tháng nay vợ anh dẫn con đi mất, nhưng anh nghĩ chúng nó sẽ trở về. Anh giận lắm nhưng không thấy đau như vừa rồi khi nghe Nam nói chuyện vợ anh bỏ anh. Nếp sống ở xứ người cũng lạ. Hàng ngày đi ra đường, chẳng ai hỏi mình một tiếng về đời riêng của mình. Ai cũng lạ với ai, nên chẳng ai thấy ai “mất mặt” với ai. Giá như ở Việt Nam, hàng xóm láng giềng qua lại xúm xít thì cái vụ vợ bỏ đi sẽ là một chuyện “mất mặt” cho Tốt đến bao nhiêu và có lẽ sẽ có bao nhiêu chuyện ân oán xảy ra. Suốt tháng nay mặc dù cô đơn nhưng Tốt không thấy mình bị tổn thương. Hình như làm một người xa lạ ở xứ người cũng giống như bơi trong nước, trọng lượng của con người mất đi và mình cứ bồng bênh nhẹ nhõm trôi. Cảm giác quá khứ mất hẳn những thói quen ràng buộc của xã hội cũ, tất cả hiện tại được sống trong trạng thái của những tấn tuồng hay như phim đàn đã được giảm gam rung cảm của một đệ tam nhân. Hình như cách nói tục và chửi thề mà Tốt và Nam dùng cũng thế, họ nói như một thứ bông đùa, như một “kiểu xả xú bấp” giữa những con gồng méo miệng nói tiếng xứ người, một thứ “trở về” verbal (bằng miệng) bù trừ kỳ lạ đối với những người đi xa chất phác như anh. Vậy mà hôm nay cái thẳng

trời đánh Nam hấn lại đem ra giễu cợt cái “Mặt” của anh, đánh thức trong anh những tầng rung cảm khác nhau về hoàn cảnh của chính anh, anh có cảm tưởng đang bơi bồng dung có ai kéo chân mình lôi xuống đáy sông, đưa cho anh một cái gương nhìn rõ mình. Ôi chao! Tốt lắc đầu xua đuổi những ý nghĩ tức giận rắc rối vừa đẩy lên. Anh vốn đơn giản trong cách nghĩ cách làm, anh không suy nghĩ lâu được. Bầu trời mờ nhạt của buổi chiều đi mau trên xứ đêm dài hơn ngày này làm cho anh khó thở. Khu định cư mới thành lập nơi vùng ven thành phố chưa tạo môi trường sinh thái, khô cằn và thiếu cây xanh. Lần đầu tiên Tốt bỗng nhớ đến xóm biển của làng anh, ban đêm nằm trong vườn nghe sóng vỗ bờ xa... Nhưng anh bỗng hoảng hốt, hình như tiếng sóng này lại gắn liền với thứ chi không định hình mà rất dễ vỡ, dễ chạm làm nhói cả tim liên quan đến một thứ “thể diện” nào đó mà anh đã chôn vùi từ ngày ra đi, đang chồm dậy. Anh vội đứng lên đi vào phòng để xua mọi ý nghĩ... Không vận đèn anh đi đến giường định ngả lưng tìm giấc ngủ. Bỗng anh bật lên một tiếng kinh ngạc „Ồi!“. Vừa lúc ấy đã có bàn tay kéo anh xuống. Tốt thấy mình ngã người trên một thân thể, anh chưa kịp hỏi thì mặt anh đã úp lên một khoảng mềm mại kích thích rợn người thơm mùi da thịt đàn bà. Trong lúc gần như ngạt thở, anh nghe có tiếng thì thào “bo wo, wo bo”... và tối tăm mặt mũi vì khối nặng trên người dính chặt hơn. Tiếng thở gấp hơn trong bóng tối... Khi tắt đèn thì bỏ vợ hay vợ bỏ cũng chỉ là một câu hỏi của ai... tuồng như của Hamlet.

Lan Chi

một ngày sắp xuân 29. 02. 04